NĂM THỨ MƯỜI BA • # 149 • SEPTEMBER 2001

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@pkicon.com

GỐM CỔ HỘI AN **KIỀU QUANG CHẨN**

DÀU DÀU NGỌN CỎ **VÕ DOÃN NHẪN**

TÂM TÌNH NGƯỜI THIẾU PHỤ

NGUYỄN TẤN HƯNG

Quê hương lam lũ, dấu yêu!

Người Việt chúng ta nổi tiếng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó để xây dựng một tương lai sáng lạn không chỉ cho mình mà còn cho những thế hệ mai sau. Công ty New York Life hiểu được truyền thống cao quý đó của dân tộc Việt và từng gia đình người Việt. Chính vì vậy, để cùng cộng đồng Việt mưu cầu cho đời sống tương lai tốt đẹp, công ty New York Life – một công ty đã được bao thế hệ người Mỹ đặt niềm tin vào hơn 150 năm qua – mong muốn được chia xẻ cùng quý vị trong việc thực hiện niềm mơ ước cao quý và chính đáng đó.

Chúng tôi có những sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chánh như:

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance)
- Niên kim* (Annuities)
- Bảo hiểm săn sóc tàn phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ về hưu (Retirement Funding)
- Quỹ đại học (College Funding)
- Kế hoạch truyền thừa tài sản (Estate Planning)

Tương lai đang nằm trong tay của quý vị. Hãy gọi cho các văn phòng và những đại diện của chúng tôi theo các số điện thoại dưới đây.

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

IRVINE:	2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
LONG BEACH:	6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste. 180,	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
POMONA:	3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
BREA:	3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
LA PALMA:	6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

www.newyorklife.com

* Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware) Phát Hành.

©2001 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved.

TRUNG TÂM THÚY NGA

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

Những băng đọc truyện hay đã phát hành

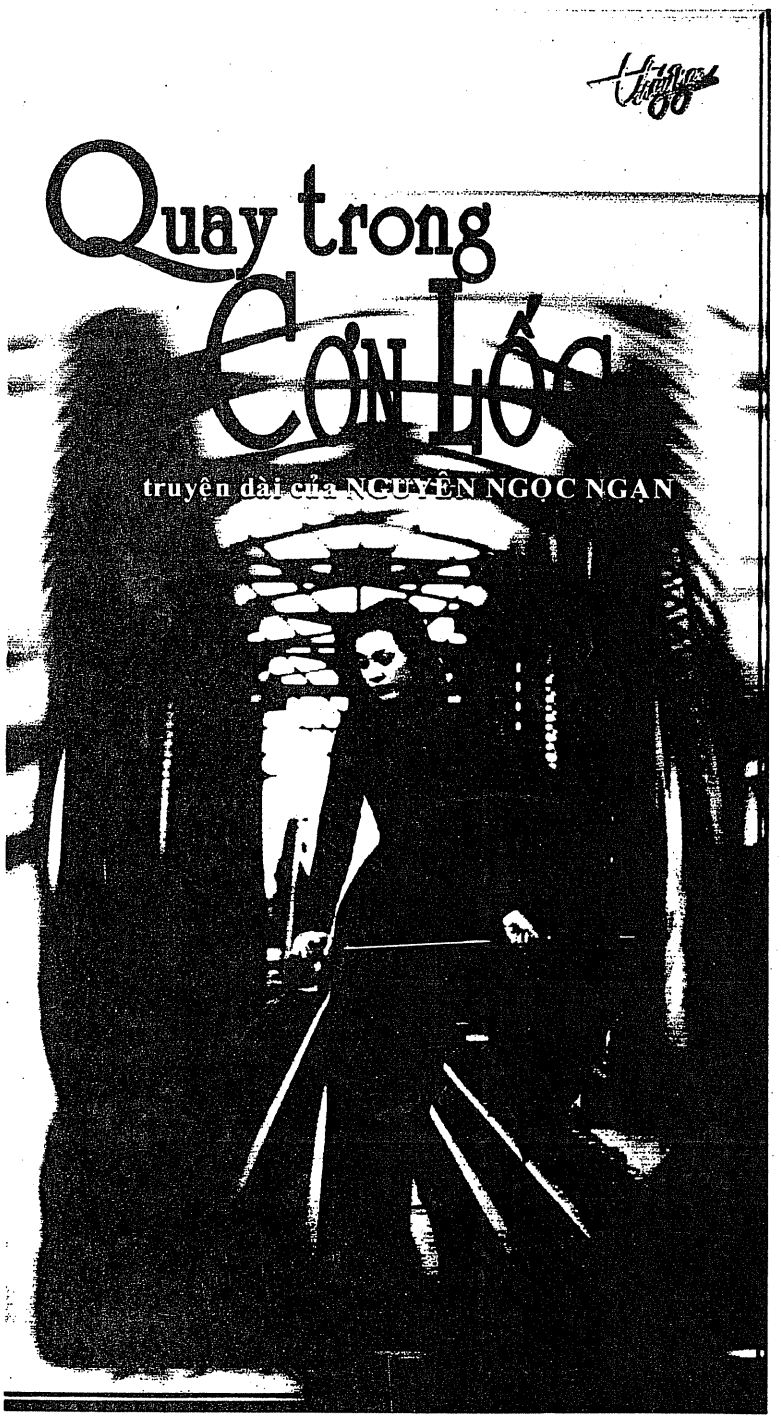

1. Ai Cũng Cần Có Một Bà Mẹ
2. Lạ Giường
3. Người Đàn Bà Đi Bên Tôi
4. Một Lần Rồi Thôi
5. Dấu Chân Xưa
6. Tấm Vé Số - Thầy Thanh
7. Ven Rừng
8. Chung Quanh Tôi
9. Bước Chân Người Tình
10. Qua Đường
11. Vách Tường Cũ
12. Phòng Mạch
13. Tâm Bệnh
14. Tình Muộn
15. Ánh Mắt Vô Tình
16. Biển Vẫn Đợi Chờ
17. Dấu Vết Ân Tình
18. Dốc Cao Vời Vợi
19. Phòng Tắm
20. Rồi Đến Một Ngày
21. Cây Trứng Cá
22. Nhịp Cầu
23. Đi Thêm Một Bước
24. Kể Một Chuyện Tình
25. Một Lần Hạnh Phúc
26. Ngoại Tình
27. Cõi Đêm (Truyện 6 cassettes)
28. Người Đàn Bà Đi Trước
29. Dòng Đời Lặng Lẽ
30. Chút Kỷ Niệm Xưa
31. Đếm Những Mảnh Tình (Truyện 6 cassettes)
32. Mưa Trong Bóng Đêm
33. Dốc Đứng
34. Sau Lần Cửa Khép (Truyện 6 casettes)
35. Gặp Gỡ Lần Đầu
36. Giã Từ Sân Khấu
37. Tàu Về Miền Xuôi
38. Mây Đen
39. Trong Quan Tài Buồn (Truyện 6 cassettes)
40. Món Quà Cuối Năm
41. Ngày Trở Lại
42. Thời Vận
43. Bên Hành Lang Tòa Án
44. Màu Cỏ Úa (Truyện 6 cassettes)
45. Dòng Sông Hờ Hững
46. Trong Sân Trường Ngày Ấy
47. Khu Phố Chợ Trời
48. Nỗi Mong Đợi Khốn Cùng
49. Ngày Buồn Cùng Qua Mau (Truyện 6 cassettes)
50. Tiếng Quạ Réo Vong Hồn (Truyện Ma)
51. Đêm Trong Căn Nhà Ma (Truyện Ma)
52. Bãi Đất Hoang Sau Nhà (Truyện Ma)
53. Ngôi Mộ Mới Đắp (Truyện Ma)
54. Xóm Đạo (Phần 1 - Truyện 6 cassettes)
55. Xóm Đạo (Phần 2 - Truyện 6 cassettes)
56. Bóng Người Dưới Trăng (Truyện Ma)
57. Mái Ấm (Truyện Tình Cảm)
58. Nhìn Quanh Một Mình (Truyện 6 cassettes)
59. Nước Đục (Truyện 6 cassettes)
60. Cõi Âm (Truyện 2 cassettes)
61. Đa Thê (Truyện 2 cassettes)
62. Quay Trong Cơn Lốc (Truyện 6 cassettes)

Độc Quyền Sản Xuất và Phát Hành THUY NGA
9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683. - Tel: (714) 893-2860 Fax: (714) 891-9673
Web Site: http://www.thuyngaonline.com - e-mail: thuynga@thuyngaonline.com

Thế Kỷ 21 **GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT 30%** **Từ 16/9/2001-16/12/2001** *(Theo dấu Bưu Điện)*

PHIẾU MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Để tặng bạn bè, thân hữu

*** Để Đặt Mua Báo dài Hạn *(Độc Giả Mới)***
.Để Gia Hạn Mua báo Theo Giá Đặc Biệt *(Độc Giả Cũ)*
*** Không áp dụng giá biểu đặc biệt này cho số tiền đã trả trước đây.*

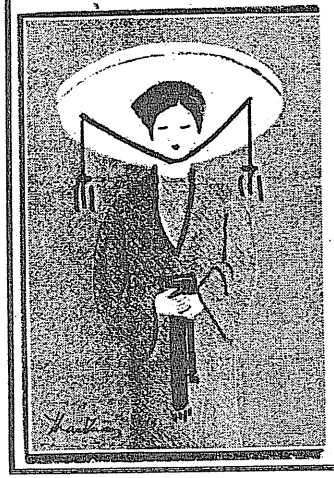

Ngày..... Tháng..... Năm.....

Họ Tên Độc giả:(người nhận tạp chí).:.....

Địa Chỉ:.....

Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....

Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )*..... *Sở Làm:( )*.....

Đặt mua THẾ KỶ 21 THEO GIÁ cổ động: ***(Xin vui lòng dùng mẫu này để được giảm giá)***

☐ 6 tháng ☐1 năm ☐ 2 năm bắt đầu số ---------

	6 Tháng		12 Tháng		24 Tháng		
	Bulk Rate Ground	1st-2nd Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st-2nd Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st-2nd Class Air mail	**Tên Quốc Gia**
-30%	**US$ 18.00**	**US$23.00**	**US$ 35.00**	**US$48.00**	**US$ 63.00**	**US$84.00**	**Hoa Kỳ-Canada**
Giá Thường	*US$ 25.00*	*US$32.00*	*US$ 50.00*	*US$68.00*	*US$ 90.00*	*US$120.00*	
-30%		**US$34.00**	**US$**	**US$63.00**		**US$119.00**	*Pháp, Đức, Bỉ, Hoà Lan Anh, Ý. Và Tây Âu.*
Giá Thường		*US$48.00*	*US$*	*US$90.00*		*US$170.00*	
-30%		**US$25.00**	**US$**	**US$46.00**		**US$79.00**	**Nga, Tiệp Khắc, Ba Lan, Hungari, Bulgari...**
Giá Thường		*US$35.00*	*US$*	*US$65.00*		*US$112.00*	
-30%		**US$39.00**	**US$**	**US$74.00**		**US$137.00**	*Úc,Nhật,Singapore,Việt Nam, Thailan, Hồng Kông Đài Loan, Nam Hàn*
Giá Thường		*US$55.00*	*US$*	*US$106.00*		*US$196.00*	

Qúi Vị có thể trả bằng chi phiếu, ngân phiếu, thẻ tín dụng để mua báo Thế Kỷ 21 theo ba cách:

. BƯU ĐIỆN: Chi phiếu, ngân phiếu (money order) **xin ghi trả cho Thế Kỷ 21** và gửi về địa chỉ sau:

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE, CA.92840. USA.

Liên lạc Ban trị sự: Phone: (714) 534-9432 (12am-7pm PCT) Fax=714-534-9433 (24/24)

. ĐIỆN THƯ:Xin điền đầy đủ vào các chi tiết trong phiếu này và FAX về số (714) 534-9433.

. ĐIỆN THOẠI: Gọi Điện Thoại số (714) 839 - 8746 để cung cấp đầy đủ chi tiết ghi trong phiếu.

Họ Tên Người Mua /trả tiền (nếu để tặng hay mua giùm) .. ..

Địa Chỉ:.....Thành Phố:..... Tỉnh..... Zip:.....

Quốc Gia:.....Điện Thoại: *Nhà:( )*..... *Sở Làm:( )*.....

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Viễn Đông)

TÙY BÚT, TẠP BÚT & THẦN THOẠI HY LẠP

của BÙI GIÁNG

Một tác phẩm mà độc giả người Việt hải ngoại chưa từng đọc

Tình yêu ngang trái, tình yêu bị chế nhạo, thiên cổ lụy của tài tình cô độc, của hào hoa, đó là bao nhiêu ý nghĩa đoạn trường - hoặc thơ mộng của những tùy bút, tạp bút và thần thoại trong tập sách với giọng văn đong đầy chất thơ của một thi sĩ từng làm hao tốn rất nhiều giấy mực của người đời nay.

Sách đang in và có thể đặt mua từ 01/09/2001 tại:

Mưa Nguồn (Chi phiếu trả cho Vinh Bùi)
8171 E. Marblehead Way
Anaheim, CA 92808
Điện thoại: (714) 281-2943
200 trang. Giá 10 Mỹ kim

Kính thưa quý độc giả thân mến của Bùi Giáng,

Xin đề nghị quý độc giả nên đặt mua nhiều hơn là một cuốn để tặng thân nhân hoặc bạn bè. Chúng tôi xin mạo muội thưa rằng: quý độc giả sẽ không hối tiếc về việc làm có ý nghĩa này. Sách thích hợp với mọi người, trong mọi tôn giáo, mọi lứa tuổi. Với một số câu chuyện thần thoại, sách cũng thích hợp với cả trẻ con nữa.

Xin trân trọng đa tạ.

Nhà Xuất Bản

Tìm đọc Truyện Dài

DẶM TRƯỜNG

Tác phẩm thứ năm của
TRẦN DOÃN NHO
xuất bản ở hải ngoại

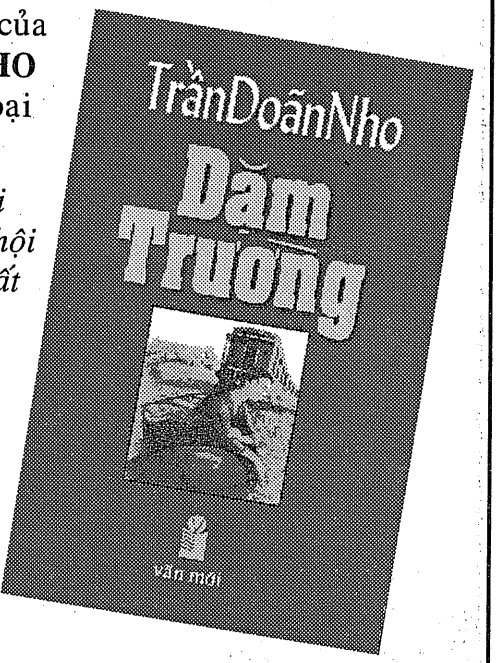

Điềm tĩnh trong văn phong, đậm đà trong hiện thực, DẶM TRƯỜNG sẽ đưa ta trở lại giai đoạn chao đảo, nghiêng ngửa của xã hội Việt Nam sau cuộc đổi đời khốc liệt trên đất nước năm 1975 qua hình ảnh một phụ nữ buôn chuyến đường dài.

Bìa do họa sĩ Nguyễn Trọng Khôi,
580 trang,
Văn Mới xuất bản tháng 8/2001.
Liên lạc: **Văn Mới**
1127 W. Gardena Blvd.
Gardena CA 90247 - USA
Điện thoại: (310) 366-6867

Mời bạn đọc một tập sách đầy công phu và tâm huyết của nhiều chuyên viên kinh tế trong và ngoài nước, đề cập các vấn đề chính yếu của công cuộc phát triển kinh tế Việt Nam trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI và đưa ra kết luận là với nỗ lực và với niềm tin mãnh liệt vào tương lai- Con Rồng Việt Nam có thể thức dậy và vươn cao trên vòm trời Đông Nam Á.

Ngoài các phân tích sâu sắc, ý tưởng mới mẻ, những dự báo và đề nghị mạnh mẽ, độc giả sẽ còn tìm thấy ở đây những tấm lòng có cùng chung hoài bão về một tương lai tươi đẹp cho Việt Nam và cho các thế hệ mai sau.

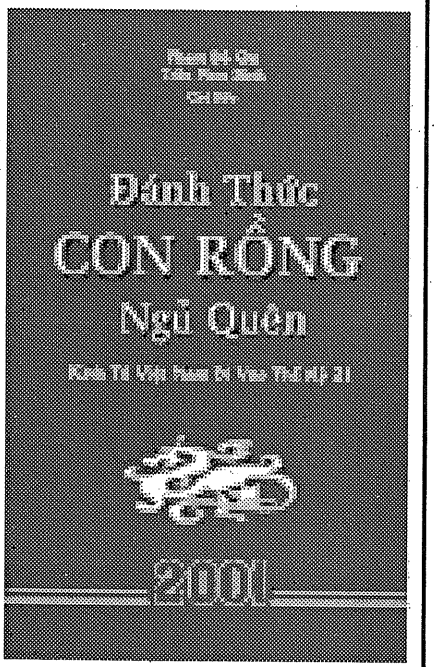

ĐÁNH THỨC CON RỒNG NGỦ QUÊN

Kinh Tế Việt Nam đi Vào Thế Kỷ 21
Tuyển Tập Của 24 Chuyên Viên Kinh Tế: 16 Ngoài Nước Và 8 Trong Nước
Chủ Biên: *TS. Phạm Đỗ Chí (Giáo sư Kinh tế, American University, Washington, D.C.) và TS. Trần Nam Bình (Giáo sư Kinh tế, University of New South Wales, Sydney)*
Xin liên lạc và gửi ngân phiếu mua tại:
K. Pham Phát hành tháng 8, 2001
1629 Cody Avenue, Simi Valley, CA 93063 - USA

Sách dày 600 trang
Giá bán: US $25; Can $36
(kể cả cước phí)

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

NGÃ TƯ HOÀNG HÔN
Phóng sự tiểu thuyết của
VĂN QUANG
Cuốn sách đầu tiên của
Văn Quang sau 15 năm
treo bút kể từ 1975.
Giá 18 Mỹ kim

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH
Tiểu thuyết của **LEON TOLSTOI,**
NGUYỄN HIẾN LÊ dịch
Cuốn trường thiên tiểu thuyết
vào hàng lớn nhất của nhân loại.
Trọn bộ bốn cuốn
giá 56.00 Mỹ kim

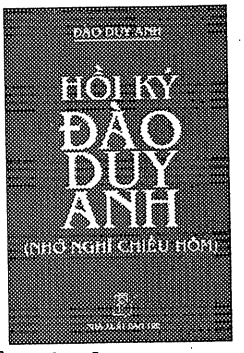

HỒI KÝ ĐÀO DUY ANH
Tức cuốn "Nhớ Nghĩ Chiều Hôm"
được học giả **Đào Duy Anh,**
một nhà học giả hàng đầu của
Việt Nam, viết sau mấy mươi năm
sống dưới chế độ Cộng sản.
Giá 8 Mỹ kim

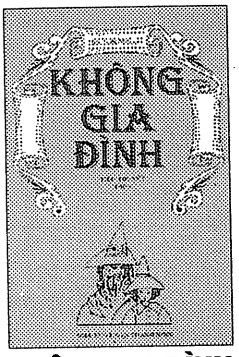

KHÔNG GIA ĐÌNH
Tiểu thuyết Pháp "Sans Famille"
của **HECTOR MALOT,**
HÀ MAI ANH dịch
Trọn bộ hai cuốn giá 15 Mỹ kim

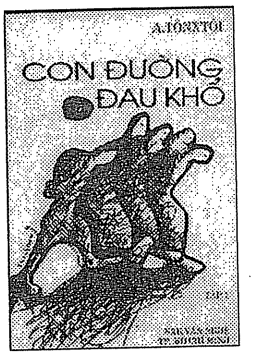

CON ĐƯỜNG ĐAU KHỔ
Tiểu thuyết của **ALEXEY TOLSTOI,**
CAO XUÂN HẠO dịch
từ nguyên bản tiếng Nga.
Trọn bộ ba cuốn giá 35 Mỹ kim

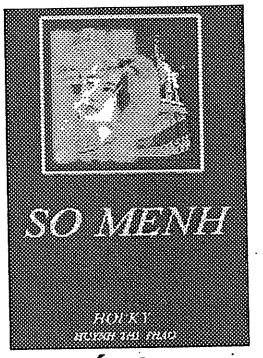

SỐ MỆNH
Hồi ký của **HUỲNH THU THẢO**
Chuyện đời của một người,
nhưng mỗi người đàn bà Việt Nam
đều có thể nhìn thấy mình trong đó.
Bản tiếng Việt 12 Mỹ Kim
Bản tiếng Anh "The Fate" 12 Mỹ kim

GIÚP ĐỌC NÔM VÀ HÁN VIỆT
Tự điển và Từ điển
chữ Nôm và chữ Hán-Việt của
Linh mục Anthony **TRẦN VĂN KIỆM**
Giá 35 Mỹ kim

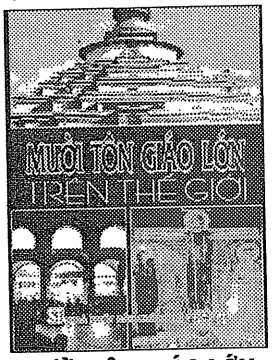

MƯỜI TÔN GIÁO LỚN
TRÊN THẾ GIỚI
HOÀNG TÂM XUYÊN chủ biên
bằng tiếng Hoa, **DƯƠNG THU ÁI**
và **PHÙNG THỊ HUỆ** dịch
Giá 25 Mỹ kim

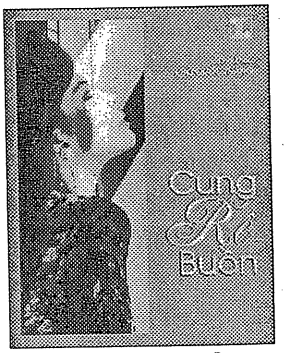

CUNG RÊ BUỒN
Gồm 27 Tình khúc của
PHÓ QUỐC THĂNG
Giá 12 Mỹ kim

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com * WWW.TULUC.NET

Hình bìa: tranh của họa sĩ **Nguyễn Trọng Khôi**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Kiều Quang Chẩn, Kicon, Thế Kỷ 21**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 149 . Tháng Chín 2001

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

13 Giữa phẩm giá con người - **Ngô Nhân Dụng**
17 Kinh tế Việt Nam: thoát khỏi trì trệ và những vấn đề cần đặt ra - **Phạm Đỗ Chí**
22 Hãy cứu lấy Trần Độ - **Nguyễn Thanh Giang**
25 Quan hệ tay ba Việt Minh-Trung Cộng-Liên Sô - **Lê Mạnh Hùng**
33 Tìm hiểu sự hình thành các vùng biên giới VN - **Nguyễn Văn Huy**

LỊCH SỬ - KHẢO CỔ

41 Trường hợp Tiểu Thanh - **Nguyễn Ngọc Bích**
59 Hội An Hoard hay Gốm cổ Hội An - **Kiều Quang Chẩn**
70 Tại sao vụ án 1960? - **Trần Gia Phụng**

XÃ HỘI - NGHỆ THUẬT

77 Sát nhi và sát nữ nhi - **Nguyễn Phúc Bửu Tập**
90 Vài suy nghĩ về vấn đề cải cách giáo dục VN - **Nguyễn Văn Tuấn**
112 Đi xem Mùa Hè Chiều Thẳng Đứng - **Bùi Bích Hà**

VĂN

64 Dàu dàu ngọn cỏ - **Võ Doãn Nhẫn**
82 Tâm tình người thiếu phụ - **Nguyễn Tấn Hưng**
96 Quán ven sông - **Hoàng Khởi Phong**
103 Muôn kiếp bên nhau - **Jeffrey Archet, Hà Kỳ Lam** dịch
109 Bên Lề lịch sử - **Xuân Đỗ**

THƠ

67. Tỏ bầy - **Tạ Tỵ. 73.** Giấc mềm - **Nguyễn Ngọc Bội. 80.** Những phiên khúc về hấn - **Đynh Trầm Ca. 85.** Tôi yêu lòng tôi - **Nguyễn Văn Thực. 89.** Người tù - **Đạm Thạch. 93.** Tượng mềm - **Nguyễn Văn Cường. 100.** Nhạc xanh - **Trần Công Nghị**

MỤC THƯỜNG LỆ

9 Bạn đọc viết
12 Tòa soạn & Bạn đọc
12 Thư trị sự
47 Sổ tay
52 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Hà Kỳ Lam, Trần Quán Niệm**
115 Vòng Chân trời VHNT - **Anh Thành**
118 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Tống Hoàng, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Lá thư chủ nhiệm,

Bạn đọc Tạp Chí Thế Kỷ 21 quí mến,

Trong lúc chờ đợi thực hiện những công việc khác để gia tăng số độc giả dài hạn đồng thời có được hệ thống phát hành tốt hơn, chúng tôi bắt đầu một chiến dịch ba tháng hạ giá báo 30% để thu hút thêm người đọc. Chúng tôi kêu gọi sự tiếp tay của Quí Bạn đọc và Văn hữu trong việc gửi tạp chí Thế Kỷ 21 tặng cho bạn bè hay tái ghi danh mua dài hạn trong dịp này với giá rẻ.

Song song với việc này là xét lại giá bán báo cho các bạn đọc tại Âu châu, đặc biệt là tại Đông Âu là nơi hối xuất Mỹ kim còn quá cao so với tiền bản xứ. Nếu giá báo hạ bớt, hy vọng số độc giả sẽ tăng lên.

Mặt khác, trong lĩnh vực phát hành đã từng có sự than phiền về việc tạp chí gửi bằng *bulk rate* đến quá trễ và nhiều khi báo bị rách nát. Chúng tôi đang tìm các lối gửi khác để thay thế lối gửi hiện có hầu báo có thể đi nhanh và an toàn hơn.

Để biết ơn sự tiếp tay của tất cả Quí Vị chúng tôi xin đề nghị những cách đền bù như sau:

a) Vị nào giới thiệu cho TK21 được năm (5) độc giả mới mua báo dài hạn (dĩ nhiên với giá đặc biệt rẻ 30 % kỳ này) chúng tôi xin tặng một năm báo.

b) Vị nào giới thiệu 10 độc giả mới chúng tôi xin tặng hai năm báo (24 số).

Một vấn đề mới, là để tỏ lòng biết ơn Quí Vị Văn hữu có bài đăng trên tạp chí, từ nay chúng tôi xin được gửi biếu năm số báo có đăng bài của quý vị để quý vị tặng bạn bè: bài của tác giả được nhiều người đọc hơn, tờ báo cũng được nhiều người biết đến hơn.

Sau đây là một điều khó nói nhưng cũng xin mạnh dạn nêu lên đây, đó là việc phát hành Tạp chí Thế Kỷ 21 ở trong nước Việt Nam. Trong bảng giá kỳ này (bảng mới ở trang 2) chúng tôi có để tên nhiều nước Á châu gồm cả Việt nam. Có vị nào đặt mua để gửi biếu bà con hay bạn hữu trong nước là quyền của người đặt mua. Ban điều hành tạp chí TK21 sẽ làm hết sức mình để báo được gửi đi đúng cách thức của bưu điện. Ở đây tôi xin công khai yêu cầu Quí Vị làm kiểm duyệt văn hóa phẩm trong nước hãy đọc kỹ từng chữ, từng câu trong các số tạp chí gửi công khai về trong nước. Nếu đọc các bài viết phê bình chế độ thì xin Quí Vị hiểu cho rằng lời nói thẳng bao giờ cũng dễ chạm tự ái và những người quen chủ trương kiểm soát người dân nên hay dùng uy quyền để đàn áp những độc giả Thế Kỷ 21 vô tội thì chẳng khác nào Quí Vị để lộ tình trạng yếu kém của mình. Dùng những từ ngữ như "đồi trụy", "phản động" để gán ghép cho những bài viết có nội dung đứng đắn, và xây dựng, dù có khác lập trường, là một sự vu khống, lừa dối không thể chấp nhận được.

Nhiều người đọc tiếng Việt ở nước ngoài vẫn mua đọc sách báo trong nước gửi ra mà chẳng ai cấm. Vậy xin cứ để các văn hóa phẩm như Tạp chí Thế Kỷ 21 được lưu hành tự do trong nước. Xin quý vị độc giả ở Việt Nam thông cảm với chúng tôi.

HOÀNG NGỌC TUỆ

Đôi hàng tâm tình, sau khi đọc lá thư Chủ nhiệm

Nhìn số tiền 5.6 đô la tem dán ngoài bìa cho một số báo gửi qua Âu châu rồi đọc lá thư của anh Hoàng Ngọc Tuệ trong lá thư chủ nhiệm, *Thế Kỷ 21* số 148, tôi thấy có cái gì khó khăn quá! Tôi làm một bài tính nhẩm, lấy 12 tháng nhân cho 5.6 đô tiền gửi, cộng với 5 đô tiền báo thì đã thấy một số tiền khá lớn cho một tờ báo. Nếu cùng lúc, một người đặt mua nhiều tờ báo khác nhau, chẳng hạn báo tôn giáo, báo địa phương... thì vấn đề ngân sách sẽ phải coi lại.

Đã là tờ báo thì cần phải có độc giả ở khắp mọi nơi thì báo mới có thể sống còn được. Nhưng để có độc giả ở ngoài lục địa Mỹ châu mà cái giá phải trả cho ông bưu điện như tôi thấy tem dán ngoài phong bì gửi báo mà thôi thì đã là một bài toán thật nan giải. Vào cái thời buổi mà theo nhà báo Hoàng Tiến Huy "ai viết lấy đọc" thì sách viết ra bán được, báo in ra có đủ độc giả, để mà có thể sinh tồn thì thật cả là một vấn đề cực kỳ khó khăn. Hình như người mình ít có ai có thói quen đặt mua sách báo và chẳng thế mà với hằng triệu người Việt sinh sống ở hải ngoại, đã có tờ báo nào có số độc giả định kỳ lên tới 1.000? Cuốn sách *Tổ Quốc Ăn Năn*, gây nhiều tranh luận như thế mà trong một *mail*, anh Nguyễn Gia Kiểng viết cho tôi nói rằng may ra thì TQAN có thể bán được hai, ba trăm cuốn. Thật là ngậm ngùi!

Trong thời gian qua, nhiều bạn bè tới thăm tôi, họ đều mượn báo *Thế Kỷ 21* hoặc một số sách báo về coi nhưng khi đề nghị đặt mua thì ít thấy ai tha thiết. Điều đó chứng tỏ rằng không phải là "ai viết lấy đọc" mà còn có nhiều người đọc, nhưng ít người chịu bỏ tiền ra mua mà thôi.

Cũng có nhiều người bạn than phiền rằng các trung tâm nhạc phát hành nhạc ngày một yếu kém đi. Cả về phẩm cũng như lượng, cả về ca sĩ cũng như về các bài nhạc nhưng họ đâu biết rằng việc xem mượn, đọc mượn đã vô tình giết chết những nhà phát hành nhạc cũng như sách báo. Thay vì phê bình, những người bạn tôi chịu hy sinh một vài ly cà phê, một vài ly rượu để đặt mua sách, báo hay băng nhạc thì có phải hay hơn không? Có như thế thì sách báo và những băng nhạc phát hành mới ngày một phong phú đa dạng hơn như lời bạn từng mong ước.

Qua lá thư chủ nhiệm của anh Hoàng Văn Tuệ, tôi thông cảm những nỗi khó khăn của anh cũng như của *Thế Kỷ 21* và để chia sẻ với cái nỗi khó khăn đó, tôi xin ghi danh độc giả dài hạn thay vì chỉ đặt mua những số báo với những bài vở và chủ đề mình thích như từ trước tới nay.

Xin chân thành kính chúc *Thế Kỷ 21* ngày một thăng tiến.

Hoàng Ngọc Lễ
(Vevey, Switzerland)

Dòng họ Việt Nam

Tôi theo dõi bài viết "Tìm hiểu nguồn gốc và sự phát triển của một số giòng họ tiêu biểu của người Việt Nam" (*Thế Kỷ 21*, số 148, tháng 8, 2001) của tác giả Vũ Hiệp một cách thú vị. Trong bài viết, tác giả nhận xét rằng ở Việt Nam, chưa có thống kê chính xác con số các dòng họ. Nếu đúng thế thì đây quả là một thiếu sót lớn mà đáng lẽ không nên có. Trong thời đại điện tử ngày nay, và với số liệu điều tra dân số (mà Việt Nam tiến hành theo định kỳ), việc tìm hiểu xem nước ta có bao nhiêu họ là một điều cực kỳ dễ dàng. Với máy computer và có số liệu dân số, chỉ cần trên dưới 5-10 phút là có đáp số ngay. Nếu tác giả có số liệu, người viết thư này sẵn sàng tiếp một tay trong công việc này. (Xin liên lạc qua Tòa soạn *Thế Kỷ 21*).

Cũng trong bài khảo cứu mang tính mô tả trên, tác giả cho thấy số người Việt có họ Nguyễn là lớn nhất, chiếm từ 30% đến 35% dân số. Những họ có số dân đông kế tiếp là (theo thứ tự): Lê (khoảng 15%); Trần (13%); Phạm (không thấy thống kê); Võ, hay Vũ (9%); và Ngô (không thấy thống kê). Trong bài viết, tác giả không cho biết những con số thống kê trên được trích từ đâu. Tuy nhiên, tôi có lý do để ngờ rằng số người Việt mang họ Lê không đông vào hàng thứ hai như thống kê trên đưa ra. Trong một bài viết về giải thưởng Nobel cho ngành y học trước đây đăng trên *Thế Kỷ 21*, tôi có làm một thống kê sơ bộ về số lượng bài báo của các nhà

nghiên cứu [trong ngành y-sinh học] gốc Việt, và thấy rằng những họ "lớn" trong người Việt, sắp theo thứ tự số lượng bài báo, là như sau: Nguyễn, Trần, Phạm, Huỳnh/ Hoàng, Vũ/Võ, Đặng, Bùi, Trương, Phan... Vì thế tôi ngờ rằng họ lớn thứ hai của Việt Nam là họ Trần, chứ không phải họ Lê.

Để thử nghiệm giả thuyết trên, tôi đã tò mò làm một thống kê qui mô hơn trong cộng đồng người Việt ở Sydney (Úc châu). Để làm việc này, tôi chọn nguồn tài liệu là quyển Niên giám Điện thoại của Thành phố Sydney trong năm 2001/2002 ("White Pages 2001/2002"). Sydney là nơi tập trung đông đảo nhất cư dân người Việt ở Úc. Kết quả cho thấy, như chúng ta có thể đoán được, là trong các họ Việt Nam, họ Nguyễn xuất hiện nhiều lần nhất trong niên giám, với 3861 lần. Ngoài họ Nguyễn ra, những họ "lớn" khác (theo thứ tự số lần xuất hiện) là: Trần (2101), Huỳnh / Hoàng (1086), Lê (898), Phạm (632), Vũ/Võ (566). Ngoài ra, còn có những họ khác mà số lần xuất hiện cũng đáng kể là: Trương (393), Ngô (367), Dương (356), Phan (335), Đặng (326), Châu/Chu (312), Đỗ (292), Bùi (239), Cao (234), Trịnh (213), Đinh (179), Mai (173), Đoàn (127), và Đào (117).

Tất nhiên, đây không phải là những con số chính xác tuyệt đối, bởi vì có nhiều người có quyền và không muốn liệt kê tên và số điện thoại của họ trong quyển Niên giám (silent numbers). Ngoài ra, những họ như Chu và Cao cũng có thể trùng với họ của người Trung Quốc. Song, nếu ta chấp nhận giả định rằng: (i) mẫu chọn trong quyển Niên giám là một mẫu ngẫu nhiên; (ii) những sai số thống kê là ngẫu nhiên, và mức độ sai số tương đương giữa các họ; và (iii) xác suất người Việt vượt biên và đoàn tụ gia đình (hay nói chung là xuất ngoại) phân bố đều giữa các họ, thì tính đại diện [cho dân số người Việt] của mẫu này rất cao. Nếu những giả định này đúng, thì một điều ta có thể xác định là, dựa vào dân số, họ Trần, chứ không phải họ Lê, là họ lớn vào hàng thứ hai (sau họ Nguyễn) ở Việt Nam. Ngoài ra, họ Huỳnh và Hoàng cũng là một họ lớn, với dân số cao hơn cả họ Phạm và có thể cao hơn cả họ Lê.

Nguyễn Văn Tuấn
(Sydney, Australia)

Ghi thêm: Trong số báo trên còn có bài viết về Thomas Stearns Eliot (thường ký tên là T.S. Eliot), của Tác giả Trần Ngọc Ninh. Trong bài, tác giả cho rằng T.S. Eliot được tặng giải Nobel văn chương năm 1924. Thực ra, T.S. Eliot được tặng giải Nobel văn chương năm 1948, vì những cống hiến cho nền thơ hiện đại của ông. Người được giải này vào năm 1924 là một tác gia người Ba Lan, Wladyslaw S. Reymont (còn có bút hiệu là Reyment) cho tác phẩm nổi tiếng, The Peasants, của ông.

Đôi lời minh xác

Trên *Thế Kỷ 21* số 148 - tháng 8. 2001 trong bài *Công Cuộc Nghiên Cứu Việt Sử Tại Bắc Mỹ*, tác giả Trần Anh Tuấn có những nhận xét chính xác, hữu ích về một số tác phẩm đã xuất bản của tôi. Xin cám ơn tác giả Trần Anh Tuấn.

Tuy nhiên có một hai chi tiết nho nhỏ, tôi xin minh xác thêm:

1/ - Khi nói về cuốn Chữ Nghĩa Bề Bề, Trần Anh Tuấn viết: ... *"tôi sững sờ khi ông chê một thanh niên Đại Hàn nói tiếng Anh, nguyên văn, 'tiếng Anh giọng Á'... có ngờ đâu đọc từ một tác giả gốc Việt! Hoặc vô tình hoặc cố ý, tác giả Đặng Trần Huân đã sử dụng ngôn từ có giọng khinh thị hệt như một người Mỹ bản xứ có óc kỳ thị!"* (*Thế Kỷ 21* số 148 trang 84).

Tôi xin trình bày điểm này như sau: Tôi là một người Á lớn tuổi đọc tiếng Anh thì hiểu nhưng khi nói dù cố tập cũng vẫn nói giọng Á, nên khá lúng túng khi nghe người Mỹ chính gốc nói vì họ nói nhanh và dùng những từ ngữ thường đàm mà mình không quen. Nhưng nếu nói chuyện tiếng Anh với một người gốc Á cũng nói tiếng Anh giọng Á thì hiểu dễ dàng hơn. Vì vậy khi gặp một thanh niên Đại Hàn tôi rất mừng như gặp tri kỷ và nghĩ chúng tôi sẽ cùng sử dụng tiếng Anh giọng Á với nhau sẽ dễ hiểu hơn. Tôi không hề có ý kỳ thị khi dùng nhóm từ *tiếng Anh giọng Á*. Tôi nhận sự sơ suất và vô tình của tôi, đồng thời cũng nhận khả năng còn kém của tôi không diễn tả được minh bạch ý của mình muốn nói.

2/ - Khi đề cập tới cuốn *Hành Trình Một Hát Ô*, Trần Anh Tuấn viết là tôi đã không nói tới chi tiết quan trọng của chương trình HO là

các cựu tù nhân phải ký giấy cam kết với chính phủ Việt Nam cộng sản.

Về giấy cam đoan phải ký với công an tôi đã viết:

Trước khi gặp công an để xác minh hồ sơ mỗi người phải ký một giấy cam đoan khi ra nước ngoài sẽ không chống phá chính quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Những ngày đầu giấy cam đoan này do chủ hộ viết tay theo mẫu nhưng hôm (Thái) tới Nguyễn Du thì đã được thay bằng mẫu in sẵn chỉ việc ký tên mỗi người ba bản (Hành Trình Một Hát Ô, Nxb Thời Luận, Los Angeles, CA, 1995, trang 208).

Về giấy tờ phải ký với Mỹ trước khi đi tôi cũng đã viết:

Mỗi người được gọi tên, ký vào những tờ giấy tiếng Anh gồm nhiều bản. Cô thư ký chỉ chừa chỗ cho họ ký và mọi người cũng vui vẻ ký chẳng cần đọc và cũng chẳng có thì giờ mà đọc những giấy tờ màu vàng dày đặc những chữ đó (HTMHÔ, tr. 230).

Đứa con gái út ký nợ 820 đô la, thằng con trai cũng một tờ vàng tương tự nhưng 2490 đô la. Nhịp độ ký nợ nhanh như máy. Thái vẫn chưa thấy tên mình và nửa mình yêu quý ... Ông hỏi thì nhân viên phụ trách nói không cần ... Thì ra cuối tờ giấy nợ của con trai ông có ghi thêm tên cha mẹ. Có lẽ người Hoa Kỳ cưỡng bách thằng con trai đầu đàn phải ký nợ thay cho cha mẹ ... vì sợ hai ông bà lục tuần sẽ viên tịch trước thời hạn 42 tháng là thời hạn phải thanh toán xong nợ ở xứ cờ hoa mênh mông ... (HTMHÔ, tr. 271, 272)

Đặng Trần Huân
(Industry, California)

Tổ tiên cách đây bảy thế kỷ

Bài Am Nam Tức Sự trên số 147 vừa rồi là một tài liệu lạ, cho thấy một số các "hình ảnh của tổ tiên" người Việt Nam. Đó là các bức tranh linh động, có khi cho ta một cảm giác rất gần gũi như đã có gặp đâu đó trong đời mình rồi, khi thì lại rất xa lạ như... người đời xưa. Chẳng hạn đọc câu *Ở nhà họ không chít, chỉ khi có khách họ mới chít khăn ra tiếp*, hoặc cách dùng cán khiêng người, tục ăn trầu... thì tôi thấy sinh hoạt của người Việt Nam ở thế kỷ 13 với khoảng tiền bán thế kỷ 20 thật không khác gì nhau. Nhưng đến việc "mọi người ai cũng xâm mình bằng những đường cong ngoằn nghèo và cuốn quít với nhau" hoặc mô tả cảnh nhà ở "nhà nào cũng tối tăm... ngang mặt đất mở cửa sổ trông như lỗ chó" thì lại thấy xa lạ.

Nói chung, chưa bao giờ tôi thấy được hình ảnh của ông cha cách đây bảy thế kỷ một cách thật và linh động như vậy.

Lê Doãn Triều *(Florida)*

La Sinh Môn

Những bài dịch văn học Nhật Bản trên *Thế Kỷ 21* của dịch giả Nguyễn Văn Thực đã giúp tôi rất nhiều để hiểu thêm văn học nước này. Tôi cũng đã được đọc bản dịch các cuốn sách Nhật Bản *Sao Chúa Mãi Im* và *Bên Giòng Sông Hằng* của dịch giả này, và thấy đây là một cây bút dịch Nhật văn rất có uy tín.

Vì đã xem phim La Sinh Môn của Nhật mấy chục năm trước ở Sài Gòn, và cũng được biết phim này làm theo một truyện văn học cùng tên nên tôi rất háo hức khi thấy truyện này xuất hiện trên báo *Thế Kỷ 21* số 147. Nhưng đọc xong tôi rất thất vọng và nghĩ rằng chắc có điều gì sai lầm. Đó không phải là truyện giống cuốn phim tôi đã coi. Thực ra có giống một phần nhỏ, cái cổng La Sinh Môn. Ngoài ra chủ đề của cuốn phim hoàn toàn vắng mặt, cái chủ đề mà khi coi cuốn phim hồi còn trẻ tôi đã bị ám ảnh rất lâu. Đó là: ở đời, cùng một sự việc nhưng mỗi người nhìn một cách, không biết đâu là "sự thật" đích thực.

Quý báo có thể giải thích cho tôi việc này không? Hay là đây cũng là "một sự thật không thể nào biết được"?

La Trung
(Los Angeles CA)

Chúng tôi nghĩ người có thể giải thích việc này là dịch giả Nguyễn Văn Thực. Hy vọng sự thật sẽ đến với chúng ta trong một số báo tới.

Góp ý về người Việt Nam

Tôi đồng ý với Tòa soạn Thế Kỷ 21 là ngưng việc đào sâu mãi về cuốn Tổ Quốc Ăn Năn để bắt đầu một công việc cần hơn, là cùng nhau góp ý về những đặc tính của người Việt Nam để chúng ta cùng nhìn rõ chính chúng ta hơn. Điều hay nhất mà tác giả TQAN gợi cho người đọc chính là một tinh thần mới mẻ phê phán chính mình, và dân tộc mình, hầu thấy rõ ưu khuyết điểm để đất nước từ đó có thể khá hơn. Từ trước đến nay chưa thấy có tác giả nào làm một cuộc rà xét quy mô, rộng lớn đến thế. Lác đác các ông Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Vĩnh, Đào Duy Anh từ tiền bán thế kỷ 20 có

đưa ra một số phê phán đặc tính con người Việt Nam, tuy rất đúng, nhưng đó chỉ mới là các nhận xét lẻ tẻ, rời rạc. Phải trải qua những biến đổi kinh thiên động địa của nửa sau thế kỷ 20 thì mới có dịp nhìn vấn đề một cách rộng khắp như Nguyễn Gia Kiểng.

Lê Văn Kính
(San Francisco CA)

Sát nhi: chớ vội cười người

Đọc bài "Sát nhi và sát nữ nhi" trong số 148, thấy tục giết trẻ sơ sinh thật là rùng rợn. May sao Việt Nam tuy là nước nghèo nhưng không có tục ấy. Tạo hóa sinh ra "lòng thương xuống" nơi động vật ("thương xuống" là thương các thế hệ sau, như con, cháu mình) là để duy trì nòi giống cho mỗi loài, thế mà đang tâm đem giết con vừa mới sinh thì chắc là phải có lý do mạnh mẽ lắm. Nhìn chung lý do chính chỉ là kinh tế, để sinh tồn thôi. Đất và tài nguyên thiên nhiên thì chỉ có vậy mà người cứ đông mãi lên thì một cái bản năng khác lại xuất hiện, bản năng bảo vệ sự sống còn của tập thể, mạnh lấn át cái "lòng thương xuống" khiến người ta đủ sức giết con do mình đẻ ra. Giết một đứa bé là trước mắt bớt một miệng ăn, góp phần giữ "cân bằng sinh thái" về lương thực thực phẩm và các tốn phí khác về đời sống. Suy cho cùng vì không ngừa thai được thì phải giết thôi - về bản chất hai việc không khác gì nhau. Lỗi chính là ở nơi tạo hóa đã cho nhu cầu tình dục nơi con người lớn quá, xài đủ bốn mùa, nên mới sinh ra cớ sự.

Riêng dân Việt Nam nếu không có một khả năng đặc biệt khác thì chắc cũng không tránh khỏi việc giết bớt con cái, đó là cái khả năng bành trướng lãnh thổ. Thay vì ở mãi trong mảnh đất chật hẹp cũ và phải nghiêm khắc kìm giữ dân số thì dân Việt Nam lại đi lấn đất của người ta để giành không gian sống cho mình.

Xét kỹ những hành vi để bảo vệ sự sống còn thì thấy đều chẳng đẹp đẽ gì, mỗi cái đều có một vẻ man rợ riêng. Ngừa thai, giết con, hay giết dân tộc khác để giành đất sống, đằng nào thì cũng không tránh khỏi cái động từ "giết."

Diet Duc *(Internet)*

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Vĩnh Hòa Hiệp, Miên Du Dalat, Phạm Cây Trâm, Lương Phạm, Trần Xuân Phương, Sương Mai, Thiện Hỷ, Hà Kỳ Lam, Chu Vương Miện, Nguyễn Văn Cường, Hướng Dương, Tú Anh, Võ Thu Tịnh, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Thượng Hiệp, Cung Vĩnh Viễn, Thùy Hương Lâm.

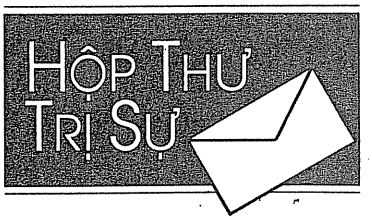

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Nguyen Tu Quy (Fountain Valley CA), Nguyen Van Cuong (NORWAY), Doan Huu Phuong (Pittsburgh PA), Tran Huynh Minh (Tustin CA), Le Minh Giang (Houston TX), Dam Trung Phap (Dallas TX), Rev. Tran Cao Tuong (Marrero LA), Nguyen Van Hai (Louisville KY), Nguyen P. (ENGLAMD), Ho Manh Son (Clearwater FL), Nguyen Loc (Huntington Beach CA), Le Doan Kim (Rockeille MD), Thien Tu Pham (Arlington TX), Giao Nguyen (Oklahoma City OK), Hoang Ngoc Le (SWITZERLAND), Luong Van Lich (Stanton CA), Phan Van Quang (Fairfax VA), Nghiem Xuan Hy (Garden Grove CA), An Nguyen (San Jose CA), Trinh Hieu Chanh (Houston TX), Dan Tran (GERMANY), Nguyen Quy Bong (CANADA), Cuong Minh Truong (Foutain Valley CA), Dao Duc Hoang (CANADA), Nguyen Van Toan (Rancho Cordona CA), Nguyen Nguyen Phuong (Denver CO), Tran Oanh (Germany), Nguyen Van Hien (Golete CA), Ewing Diep (Shalimar FL).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Vu Uyen Giang (Charlotte NC), Bui Thi Ngoc Nga (San Jose CA).

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG THẾ KỶ 21

GIỮ PHẨM GIÁ CON NGƯỜI

NGÔ NHÂN DỤNG

Ở trong tù Nguyễn Chí Thiện "làm thơ" thì đọc cho các bạn tù nghe. Gần đây ông được nghe một người bạn tù cũ (chỉ sống 17 năm trong tù, ít hơn Nguyễn Chí Thiện 10 năm) đọc lại một bài thơ của mình. Nghe xong Nguyễn Chí Thiện lắc đầu: chính ông không nhớ bài thơ đó. Tôi nghe rồi nhớ lõm bõm được một câu cuối: "Hãy đứng lên giữ phẩm giá con người." Nguyên văn câu đó có thể là "Đứng dậy đi," hoặc là "Ngửng đầu lên, giữ phẩm giá con người." Lời nhắn nhủ chính là: "Giữ phẩm giá con người."

Nhiều người nghĩ rằng "giữ phẩm giá" là một hành động của từng cá nhân, trách nhiệm cá nhân, do đó chỉ có giải pháp cho từng cá nhân. Nhưng chúng ta phải tự hỏi, tại sao có những xứ mà số người ăn cắp, lường đảo lại nhiều hơn các xứ bình thường khác? Nhiều quan lại tham nhũng hơn, tòa án xử nhiều vụ án tử hình về buôn lậu ma túy, về tội cướp của giết người, hơn hẳn các xứ khác? Tại sao có những xứ người dân đánh mất quan niệm về đạo lý nhiều hơn các xứ khác, chỉ cần một ông quan ăn ở hiền lành lương thiện là đã được tôn vinh rồi, mà nếu ở xứ khác thì ai cũng cho là chuyện bình thường?

Chúng ta không thể giả thiết rằng có nhiều giống dân ưu tú sinh ra là đã biết giữ phẩm giá, còn giống dân khác thì bản chất hèn hạ, bất lương. Chắc hẳn phải có yếu tố xã hội, vượt lên trên những yếu tố cá nhân. Khi nói đến việc xây dựng phẩm giá con người, có hai cách nhìn vấn đề khác nhau. Trong phạm vi cá nhân, mỗi người phải lo nâng cao giá trị đạo lý của mình lên, đó là một cách nhìn. Còn một cách khác, là nhìn chung cả xã hội. Các tôn giáo chú trọng đến việc tu tập của từng người, giả thiết rằng nếu mỗi cá nhân đều tốt thì xã hội sẽ tốt. Nhưng như vậy vẫn chỉ nghĩ tới giải pháp cho cá nhân thôi. Vượt trên phạm vi cá nhân, còn phải lo tổ chức cuộc sống chung thế nào để mọi người trong đó dễ tu tập, dễ nâng cao phẩm giá của họ. Chủ nghĩa Bôn Sơ Vích có tham vọng thay thế giải pháp tu tập cá nhân của các tôn giáo bằng cách tổ chức xã hội mới, một lối "giải thoát tập thể, cứu rỗi tập thể." Nhưng chế độ độc tài chuyên chế đã làm hư các cá nhân nhiều hơn là cải thiện họ. Đây là một vấn đề cơ cấu xã hội, luật pháp và chính trị, vượt trên phạm vi đạo lý cá nhân. Bây giờ chúng ta tự hỏi, làm cách nào để giúp mọi người ở trong một xã hội giữ phẩm giá?

Đúng ra, phải đặt câu hỏi như thế này: Tổ chức một cơ cấu xã hội như thế nào thì mọi người được khích lệ tự giữ lấy phẩm giá của mình hơn? Nếu cơ cấu xã hội tạo nhiều cơ hội cho những người gian dối được hưởng lợi còn người sống lương thiện thì bị thiệt vào thân, trong xã hội đó tất nhiên số người ăn gian nói dối sẽ tăng lên. Ngược lại, nếu cơ cấu xã hội khiến cho người nào có ý định gian dối cảm thấy có nhiều rủi ro, lợi bất cập hại, thì họ tự nhiên thấy ăn ở thật thà, sống đạo đức thì có lợi hơn.

Chế độ dân chủ tự do sống dựa trên luật pháp với các quy tắc chọn người cai trị minh bạch, công khai. Chế độ độc tài thường coi thường luật pháp và chọn người cầm quyền theo quan hệ bè phái, không phải cứ ai có tư cách và có khả năng là tiến thân được. Ở các xứ dân chủ thì người cầm quyền khó nói dối hơn là ở các xứ độc tài. Con người dễ có lòng tham, nhưng ở những nước có nền kinh tế và chính trị tự do thì làm ăn lương thiện mới giàu có một cách lâu bền được. Còn ở các xứ độc tài thì làm ăn lương thiện không đủ, phải biết luồn cúi, mánh mung mới có thể làm giàu.

Tướng Trần Độ mới vào nằm bệnh viện ở Hà Nội. Gần đây Đại tướng Võ Nguyên Giáp vào thăm đã an ủi ông Trần Độ rằng những người sống thực thà bao giờ cũng chịu khổ. Tại sao người thực thà lại khổ? Vì cơ cấu xã hội chung quanh không khích lệ lối sống thực thà. Ở Việt Nam đang bàn chuyện sửa đổi hiến pháp. Khó lòng ghi vào bản hiến pháp một điều như, chẳng hạn, "Các công dân Việt Nam đều phải giữ phẩm giá con người." Ghi như vậy cũng như nước đổ đầu vịt. Muốn

trong xã hội có nhiều người lo giữ phẩm giá hơn thì phải tổ chức quốc gia sao cho những người lương hảo được tưởng thưởng, còn những tay gian nịnh thì không thể lấy đó làm cơ hội tiến thân.

Một quan niệm lỗi thời

Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam vừa đưa ra Thông báo về Hội nghị lần thứ ba mới họp xong. Thông báo dài lắm nhưng đọc thấy một đoạn đáng bàn. Đoạn này liên quan đến đề tài "giữ phẩm giá con người."

Thông báo của Trung ương Đảng vừa rồi nói đến "Quy chế làm việc của Ban chấp hành Trung ương." Theo quy chế mới, (nguyên văn) mỗi Ủy viên... phải ra sức làm nhiều thứ lắm, trong đó kể đến "... (phải) giữ gìn đoàn kết, nếp sống trong sạch, lành mạnh, xây dựng gia đình văn hóa..." Đại khái Đảng cũng dạy các Ủy viên phải "giữ phẩm giá" cả. Như vậy là một điều tốt. Rõ ràng là tốt. Nhưng không đúng lúc, không đúng chỗ. Đây không phải đề tài đáng ghi trong Quy chế làm việc của Ban chấp hành Trung ương một đảng, một đảng độc quyền "lãnh đạo" cả nước.

Tại sao không đúng chỗ? Vì Quy chế làm việc của một đảng không phải là chỗ để bàn những chuyện đạo đức cá nhân, cũng như không ai bàn đến những chuyện vệ sinh cá nhân trong đó làm gì. Một đảng chính trị lập ra để tính chuyện kinh bang tế thế. Luân lý của mỗi cá nhân là chuyện bố mẹ họ, thầy giáo họ phải lo. Mỗi đảng chính trị phải giả thiết rằng đảng mình chỉ chọn lựa các đảng viên đã đáp ứng các tiêu chuẩn về đạo đức cũng như vệ sinh răng miệng rồi. Không thể thu nhận đảng viên rồi mới bắt đầu dạy dỗ. Vào Trung ương Đảng càng phải chuyên chú vào việc trị quốc chứ không phải chờ nghe những lời răn dạy như học trò mẫu giáo. Trừ khi một đảng theo tiêu chuẩn khác khi chọn lựa đảng viên.

Cho nên ngay cái Quy chế làm việc của Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam đã cho thấy họ có một quan niệm rất lỗi thời. Đó là quan niệm chính trị của thời những vua Tống Tương Công hay là Tề Tuyên Vương. Từ thế kỷ 18 loài người đã thay đổi quan niệm đó, chứ không cần đợi tới thế kỷ 21. Thời Xuân Thu, Chiến quốc, xã hội sống bằng nông nghiệp, còn thô sơ, dân số thưa và không phân chia thành nhiều nghề nghiệp, nhiều giai tầng, nhiều cách sống như ngày nay, mỗi nước chư hầu giống như một xã một huyện bây giờ. Trong hoàn cảnh xã hội đó, các ông vua nắm độc quyền cai trị về mọi mặt, họ có thể coi việc nước như việc trong nhà, coi dân chúng như con cháu, quan lại giống như đàn con lớn giúp mình chăm nom các em nhỏ và các cháu. Trong thời đại đó, các quan là cha mẹ của dân, vua là ông cố nội bảo gì ai cũng phải nghe. Và ông có khuynh hướng xía vào tất cả mọi chuyện của con, của cháu. Cho nên một ông vua đóng vai ông cố nội có thể ra các điều huấn dụ bảo các quan phải "có nếp sống trong sạch, lành mạnh, xây dựng gia đình, " vân vân. Theo quan niệm tổ chức cai trị quốc gia như thế, nhà nước làm như là ông cố nội người ta. Bây giờ gọi là "tinh thần gia trưởng."

Từ thế kỷ 18 khi tinh thần dân chủ phát sinh, loài người không coi nhà nước là ông cố nội nữa. Quốc gia là sự kết hợp tự nguyện của các công dân khi cùng nhau lập ra nhà nước để lo việc quản lý các việc chung mà tư nhân làm không có hiệu quả. Trong xã hội có sự phân công, phân nhiệm, phân biệt các lãnh vực của đời sống chung. Nhà nước lo một số việc. Còn nhiều việc dân tự lo lấy. Họ không chờ nhà nước kinh doanh, chính họ lập ra các công ty làm kinh tế. Họ lập ra các giáo hội, các trường học để giáo dục lẫn nhau, nhà nước đứng càng xa càng tốt. Những người trẻ thích vẽ tranh lập Hội Họa sĩ Trẻ, ai thích hoa hồng lập ra Hội Hoa Hồng, người thích ca hát lập ra ca đoàn Ngàn Khơi. Không ai chờ ông nhà nước quản lý và chỉ đạo những chuyện chính mình lo được. Đó là sự phát triển của xã hội công dân bên ngoài nhà nước, một cơ bản của chế độ dân chủ.

Nhưng, chúng ta tự hỏi, Trung ương Đảng Cộng Sản khuyên các Ủy viên Trung ương sống đạo đức có phải là điều tốt hay không? Tất nhiên là tốt. Nhưng những lời khuyên đó cho thấy một quan niệm quá lỗi thời. Nó làm mình phải lo, cả nước mình phải lo. Mối lo lớn nhất là điều này: Các người có trách nhiệm cầm đầu cả nước 78 triệu dân quen suy nghĩ theo lối Tống Tương Công rồi, họ sẽ nghĩ về các vấn đề xã hội, như ma túy, đĩ điếm, tham nhũng, lạm quyền chỉ là các vấn đề đạo lý cá nhân. Nghĩ vậy là sai. Phải coi đó là những vấn đề luật pháp, hệ thống pháp luật và thi hành luật. Phải thay đổi cơ chế pháp luật thì mới hy vọng giải quyết. Nguy hiểm không kém, họ sẽ nghĩ các vấn đề kinh tế cũng có thể giải quyết

bằng cách bắt các cán bộ học tập chính trị hay giáo dục đạo đức cách mạng là đủ, chứ không nghĩ đến việc thay đổi cơ cấu và quyền sở hữu các xí nghiệp hay ngân hàng. Nghĩ theo lối đó bấy nhiêu năm đã làm bao nhiêu người đói, bao người chết đói.

Những người đứng trên luật pháp

Quy chế làm việc của Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam còn nói rằng "mỗi ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng phải ra sức ... không để người thân lợi dụng làm những điều trái quy định của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng; phải chịu trách nhiệm về tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu xảy ra ở cấp dưới trực tiếp và ở đơn vị và địa bàn được phân công phụ trách."

Đoạn đầu khuyên phải sống trong sạch, lành mạnh v.v... là giai đoạn "Tu thân." Đoạn mới trích trên đây là "Tề gia" (người thân gồm cả vợ, con và đại gia đình). Rồi tới "Trị quốc," ít nhất trị đám đàn em dưới quyền trong phạm vi mình trách nhiệm. Các vị soạn ra Quy chế làm việc và viết bản thông báo vô tình cho thấy họ còn chịu ảnh hưởng rất nặng của các cụ nhà Nho ngày xưa. Họ nghĩ theo đúng thứ tự: Tu, Tề, Trị, Bình. Các cụ thời nhà Trần, nhà Lê, cho đến nhà Nguyễn suy nghĩ thế nào, ngày nay các cụ trong Câu Lạc bộ Ba Đình vẫn còn theo sát.

Mà đó có lẽ là mối nguy lớn nhất. Sống ở thế kỷ 21 mà vẫn suy nghĩ như người thời phong kiến, vào thế kỷ 13, 19.

Chúng ta phải tự hỏi: Khi có người làm trái pháp luật thì ai chịu trách nhiệm? Tất nhiên, ai vi phạm luật người đó chịu trách nhiệm, người sang cũng như kẻ hèn, vợ con ông Ủy viên hay thằng dân đen đều chịu như nhau, như vậy mới là "dân chủ" và "pháp trị." Còn những người làm trái với chính sách của nhà nước thì sao? Tất nhiên, nếu chính sách của nhà nước đúng luật thì nhà nước cứ biên phạt. Nếu chính sách của nhà nước sai luật, sai hiến pháp thì dân chúng cứ đi kiện nhà nước ra tòa. Tòa án độc lập, công minh sẽ xét dân đúng hay nhà nước đúng. Đó là lối sống dân chủ, có luật pháp, lối sống trong thế kỷ 21 của những xã hội "công bằng, dân chủ, văn minh." Làm ngược lại là kém văn minh, là lạc hậu. Là lùi về sống thời Trung cổ.

Tại sao Quy chế làm việc của Trung ương Đảng lại buộc các Ủy viên "không để cho người thân làm trái pháp luật và chính sách của nhà nước" và "chịu trách nhiệm về tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu của cấp dưới"? Như vậy thì hệ thống pháp luật, công an, cảnh sát, viện kiểm sát, các thứ tòa án, v.v. ngồi đó làm gì mà không lo truy tố, biên phạt các "người thân" vi phạm pháp luật này? Tại sao các Ủy viên Trung ương Đảng phải làm công việc mà đáng lẽ ra, ở các nước bình thường, đã có hệ thống tư pháp lo liệu? Tại sao bắt mỗi Ủy viên theo dõi, kiểm soát các thân nhân của mình, và cấp dưới của mình?

Ngầm chứa trong điều khoản của "quy chế làm việc" này là một điều được mặc nhiên chấp nhận từ trước đến nay ở nước Việt Nam mình, hệ quả của Điều 4 trong Hiến pháp. Đó là "các Ủy viên Trung ương Đảng (và thân nhân của họ,) đứng trên, đứng ngoài pháp luật, thứ pháp luật ngoài đời, dành cho thứ dân." Cho nên bây giờ Trung ương Đảng phải dặn dò các Ủy viên nhớ theo pháp luật, bảo vợ con anh em, người thân phải theo luật. Và nhắc nhở họ chịu trách nhiệm về cấp dưới. Vì uy tín của Đảng, chứ không phải vì lợi ích của nhân dân hay vì mọi người đều cần tôn trọng luật pháp, không được tham nhũng, lạm quyền. Không dặn dò, sợ họ quên! Viết Quy chế làm việc như vậy để có một "đạo luật dành riêng" cho các Ủy viên. Vì Trung ương Đảng lãnh đạo tối cao cho nên đạo luật riêng này đứng ngoài và đứng trên luật pháp quốc gia, đứng trên cả hiến pháp. Mà khi đã là "luật riêng" của Trung ương Đảng, thì nếu có ai vi phạm chỉ có nội bộ Trung ương Đảng xét xử lẫn nhau mà thôi. Đó là lối "xử lý nội bộ" quen thuộc ở Việt Nam, dành riêng cho giai cấp ưu tú đứng trên luật pháp. Cứ hỏi các ông Cao Sĩ Kiêm, Ngô Xuân Lộc, v.v. đã được xử lý ra sao thì biết.

Ai cũng thấy đó là một quan niệm lỗi thời. Phản dân chủ, phản tiến bộ. Nó duy trì một chế độ độc tài toàn trị. Nó sẽ cản trở công việc phát triển kinh tế quốc gia. Cho nên 78 triệu người Việt Nam phải biết, phải phản đối. Thử nghĩ coi, quý vị bàn bạc, góp ý về sửa đổi hiến pháp làm gì khi mà những người cầm đầu cả nước vẫn suy nghĩ, hành sử như thể họ vẫn còn sống dưới thời ông Stalin?

Nguyên ủy của chế độ độc tài toàn trị

Chế độ của Stalin là hệ quả do quan niệm

của ông Lênin về tổ chức Đảng, nhà nước, và cả xã hội. Chủ nghĩa Bôn Sơ Vích chủ trương một xã hội nhất nguyên: văn hóa, chính trị, kinh tế đều quy về một thẩm quyền duy nhất. Quyền lực chính trị chi phối tất cả mọi sinh hoạt, vì Đảng cầm quyền chịu trách nhiệm bảo vệ một Chân lý chứ không phải chỉ là một đảng chính trị thường, tức là một nhóm người chịu ganh đua với các đảng chính trị khác tìm cách được quốc dân ủy nhiệm lo việc cai trị. Các đảng Cộng Sản tin rằng họ nắm chân lý trong tay, nhà nước họ dựng ra nhằm thể hiện chân lý đó, theo "quy luật khách quan" của lịch sử. Đó là đầu mối của các tai hại mà chế độ gây ra. Chế độ đó sụp đổ khi chính những người nắm quyền cũng mất niềm tin, cảm thấy mệt mỏi vì phải nói dối và tự dối mình lâu quá.

Ở các nước tự do, nhà nước là một định chế bất đắc dĩ phải thành lập để lo những việc mà tư nhân làm thì kém hiệu năng. Cho nên nhà nước càng bớt việc thì càng tốt, càng bớt quyền thì dân càng dễ thở. Thay vì đặt câu hỏi "Những việc này có nên cho dân chúng tự làm lấy hay không?" thì người ta hỏi "Những việc này có cần nhà nước xía vào hay không?" Nhà nước chỉ là một khí cụ để xã hội sử dụng, chứ không phải xã hội thuộc quyền nhà nước sử dụng. Đảng chính trị là những nhóm người họp nhau lại để ganh đua với các nhóm khác, dành quyền sử dụng khí cụ "nhà nước." Không đảng nào có thể coi là nắm được chân lý tuyệt đối, hễ ai bất đồng ý kiến với mình thì không những coi là đối nghịch mà còn coi là phản quốc, chống lại sự thật, chống lại chân lý. Quan niệm Bôn Sơ Vích đặt chính trị trùm lên mọi sinh hoạt xã hội, Đảng cầm quyền "lãnh đạo nhân dân và nhà nước" (điều 4) vừa lo chuyện sản xuất kinh tế, giữ an ninh trật tự, lại lo cả đạo đức của các cá nhân nữa. Lẫn lộn chuyện nọ xọ chuyện kia, cho nên Đảng lo khuyên bảo các Ủy viên giữ gìn đạo đức cho mình, cho thân nhân, chịu trách nhiệm về các thuộc cấp. Ủy viên cảm thấy họ phải thay thế cả hệ thống tư pháp, họ đứng trùm lên trên luật pháp, thi hành những quyền hạn bên ngoài hệ thống nhà nước. Thật là nặng nề, và tai hại cho chính họ nữa.

Quan niệm này đã lỗi thời lắm rồi. Xã hội loài người tiến bộ đã từ bỏ quan niệm đó từ khi khoa học tiến bộ, công nghiệp và thương mại bành trướng. Người ta thấy phải tách rời giáo quyền ra khỏi chính quyền thì con người mới được tự do. Và phải tách rời quyền lực chính trị ra khỏi lực lượng sản xuất, có như vậy thì kinh tế mới phát triển.

Trong xã hội dân chủ, văn minh người ta chấp nhận nhiều người thì có nhiều quan niệm sống khác nhau, theo đuổi các giá trị khác nhau. Mà các giá trị chung của cả xã hội cũng nhiều khi xung khắc, muốn kinh tế phong túc hơn thì có khi mất bớt sự công bằng, muốn công bằng hơn thì phải dành thêm quyền cho nhà nước phân bố lợi nhuận, có thể làm nản lòng người sản xuất. Sống chung thì phải có những lựa chọn chung, mà mỗi người một ý thì đành phải đặt ra các quy tắc dân chủ tự do, thí dụ khi bầu cử các lá phiếu có giá trị bằng nhau, mọi người được quyền lên tiếng, được quyền tụ họp với những người đồng ý với mình.

Một xã hội tổ chức theo các quy tắc đó không thể chỉ dựa trên nhà nước, không thể để cho một nhóm người lãnh đạo tất cả. Cần phải có xã hội công dân phát triển, các cá nhân được hội họp với nhau theo nhu cầu, sở thích, tín ngưỡng của họ một cách tự do. Những định chế tư nhân đó phải có cơ bản kinh tế để chính họ tự tồn, đó là bảo đảm cho xã hội công dân độc lập và đối trọng với nhà nước. Cho nên tư nhân phải được phép kinh doanh, kể cả các đảng viên những đảng cầm quyền. Nếu không, họ chỉ có một cách làm giầu là mua bán quyền chức. Tệ nạn đó là đầu mối gây ra tình trạng đạo lý suy đồi. Không những đạo lý suy đồi mà cảnh suy đồi đó bắt buộc phải bưng bít, che đậy, "để bảo vệ uy tín của Đảng."

Chế độ dân chủ tự do chỉ là một cái khung tổ chức xã hội, nó không chứa đựng, không nhân danh một chân lý tuyệt đối nào cả. Quyền lực chính trị chỉ là một thứ vạn bất đắc dĩ phải đặt ra, chứ không phải là cứu cánh. Không ai, không một nhóm người nào tự coi là độc quyền chân lý và các giá trị đạo lý. Bên trong cái khung đó, con người dễ bảo nhau tuân thủ pháp luật, dư luận được tự do dễ kiềm chế những kẻ làm sai đạo đức. Muốn "ngẩng đầu lên giữ phẩm giá con người," chúng ta cần giải phóng con người khỏi quan niệm nhất nguyên - Caesaro-Papist. Khi sống tự do, người ta giữ phẩm giá dễ hơn vì cảm thấy phẩm giá của chính mình được tôn trọng.

KINH TẾ VIỆT NAM:
THOÁT KHỎI TRÌ TRỆ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN ĐẶT RA

PHẠM ĐỖ CHÍ *

Giáo sư kinh tế và tài chính, American University

Thực trạng kinh tế

Kể từ năm 1998, VN đã phải đối mặt với trì trệ kinh tế so với các năm trước: tỷ lệ tăng trưởng giảm nhanh, và những khó khăn bắt nguồn từ trong lẫn ngoài nước. Trong nước, việc do dự trong cải cách cơ cấu đã làm cho khu vực doanh nghiệp quốc doanh tiếp tục yếu kém, và kèm theo là khả năng thanh toán của khu vực ngân hàng bị giảm sút nghiêm trọng. Sự "hấp dẫn" của nền kinh tế Việt Nam đã giảm nhanh so với các nước Đông Nam á láng giềng đang phục hồi sau đợt suy thoái do khủng hoảng năm 1997-98 gây ra. Nguyên nhân cơ bản, mang tính cơ cấu dài hạn, của trì trệ kinh tế là do sự lựa chọn một chiến lược đầu tư sai trong thập niên 1989-99 áp dụng "Đổi Mới" vừa rồi.

Trong giai đoạn 1991-1997, tỷ lệ huy động vốn đầu tư trên tổng sản phẩm nội địa (GDP) của Việt Nam đã liên tục tăng nhanh, lên đến 31% vào năm 1997. Vốn nước ngoài vào nhiều và quá nhanh mà VN lại thiếu sự chuẩn bị về mặt chính sách. Điều này đã dẫn tới hai hậu quả tiêu cực: sự lãng phí về vốn tăng nhanh và tỷ giá hối đoái thực bị đẩy lên cao. Việt Nam nhanh chóng mất đi lợi thế cạnh tranh dựa trên lao động dồi dào và chi phí sản xuất thấp so với các nước láng giềng. Và cũng do sai lầm trong lựa chọn chiến lược đầu tư và do tác động của quá trình đánh giá cao tỷ giá thực, Việt Nam đã chuyển dần cơ cấu đầu tư từ ưu tiên cho nông nghiệp và các ngành công nghiệp nhẹ hướng về xuất khẩu, sang ưu tiên các ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu sử dụng nhiều vốn ít lao động.

Việt Nam đã tập trung đầu tư ồ ạt vào nhiều ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu, dẫn tới cung vượt quá xa so với cầu. điển hình trong vài tháng qua, sự ứ đọng và thấp giá của các mặt hàng nông sản đang là một trong các vấn đề chính sách nhức nhối nhất. Liệu các chính sách theo kiểu nhùng nhằng "dừng-rồi lại đi" ("stop-go policies") có đủ giúp Việt Nam thoát ra khỏi thời kỳ kinh tế khó khăn và lấy lại tốc độ tăng trưởng cao của những năm 1994-97 hay không?

Bảng 1: Việt Nam: Tóm Lược Kết Quả Kinh Tế Vĩ Mô, 1987-1999 (%)

	87-90	94-95	1996	1997	1998	1999
- Tỷ lệ tăng trưởng GDP thực	4.2[1]	9.2	9.3	8.2	3.5	4.2
- Tỷ lệ lạm phát (cuối kỳ)	157[2]	14	4.4	3.6	9.2	-0.2
- Cân bằng ngân sách tổng thể	-8.7[3]	-2.2	-1.3	-2.5	-2.1	-3.8
(không tính viện trợ không hoàn lại) / GDP						
- Cán cân tài khoản vãng lai (không tính chuyển giao chính thức) / GDP	-7.7[3]	-7.8	-11.0	-6.9	-4.6	2.6
- Tỷ lệ dịch vụ nợ nước ngoài	42.0[3]	15.0	11.0	10.8	13.3	10.3
- Dự trữ chính thức (số tuần nhập khẩu năm sau)	-	4.8	6.9	8.1	8.0	10.6
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài / GDP	1.5[2]	8.2	8.1	8.3	3.5	2.5

Nguồn: Số liệu chủ yếu được lấy từ các báo cáo "Phát triển Kinh tế Gần đây của Việt Nam" của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF).

1/ Trung bình 1987-88.

2/ Trung bình 1988-90.

3/ Năm 1989.

Lộ Trình Kinh Tế Thị Trường tại Việt Nam

Quan điểm của bài này là để ra khỏi nạn kinh tế trì trệ như hai năm gần đây 1998-99 và tiếp tục mạnh mẽ lộ trình cải cách của những năm đầu thập kỷ 90, Việt Nam cần duyệt lại ngay toàn bộ thực trạng kinh tế và đẩy nhanh thực hiện nhiều biện pháp có tính phối hợp trên một số lĩnh vực.

Trong ngắn hạn, Việt Nam đã dùng một số biện pháp kích cầu để phục hồi độ tăng trưởng trong năm 2000 cũng như năm 2001. Điều cần thiết là phải duyệt xét kỹ các biện pháp này theo tiêu chuẩn thích hợp cho cả ngắn và trung hạn để có được tăng trưởng bền vững với ổn định kinh tế vĩ mô. Cần phân tích những yếu tố đã giới hạn việc cải tổ cơ cấu và thiết lập ngay khung khổ chính sách thực tiễn đối với 3 vấn đề cải cách đã bị trì hoãn quá lâu: (i) xác định vai trò của khu vực tư nhân và tạo dựng một sân chơi bình đẳng giữa khu vực tư và khu vực quốc doanh; (ii) thực hiện cải cách và tư nhân hoá nhanh chóng hơn các doanh nghiệp nhà nước; và (iii) đẩy nhanh tốc độ cải cách khu vực ngân hàng. Giải quyết được những vấn đề này sẽ góp phần to lớn vào tái lập lại lòng tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trong dài hạn, cần xây dựng một kế hoạch tăng trưởng bền vững và công bằng hơn với chiến lược giảm nghèo đói, nhất là ở nông thôn.

Khuôn khổ giới hạn của bài này sẽ chỉ xét đến một số biện pháp điều chỉnh kinh tế ngắn và trung hạn đã và có thể còn được dùng để đẩy nhanh xu hướng phục hồi kinh tế.

Vượt trì trệ: Các vấn đề và biện pháp cần đặt ra

Từ cuối năm 1999, Việt Nam đã cấp thời áp dụng một số biện pháp để tăng mức cầu tổng thể. Nhìn chung, kinh tế năm 2000 và sáu tháng đầu năm 2001 đã được cải thiện so với hai năm 1998-99 nhờ sản xuất nông nghiệp tiếp tục bội thu và xuất khẩu tăng nhanh.

Từ Bối Cảnh Rất Khó Khăn Năm 1999...

Năm 1999 là thời điểm đặc biệt khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế tụt xuống mức thấp nhất kể từ năm 1989 là 4,2%.

Nếu như so với các năm trước đây, khan hiếm các nguồn lực và hàng hóa tiêu dùng là hiện tượng phổ biến khắp nơi, làm cho các cơ chế bao cấp và "xin- cho" trở thành nguyên tắc chi phối toàn bộ cơ chế vận động của nền kinh tế VN thì trong suốt năm 1999, tình hình đã hoàn toàn đảo ngược: tình trạng dư thừa hàng hoá, dư thừa vốn và tiền tệ tràn lan, kéo theo giá hàng tiêu dùng giảm liên tục qua các tháng trong năm.

...Đến Những Kết Quả Tốt Hơn Cho Hai Năm 2000-2001

Tình hình kinh tế năm 2000 và sáu tháng đầu năm 2001 đã sáng sủa hơn nhiều so với mọi dự kiến, và có thể nói Việt Nam đã bước đầu đảo ngược được đà suy thoái kéo dài từ giữa năm 1997 đến năm 1999. Nhìn chung, thực hiện toàn bộ các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cho các năm 2000-01 tốt hơn so với năm 1999. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế hàng năm (GDP) có thể đạt 6,5-7,0% (tùy theo các nguồn thống kê khác nhau) và tỷ lệ tăng trưởng của tất cả các ngành kinh tế đều cao hơn năm 1999. Xuất khẩu đã tăng nhanh hơn năm 1999, nhờ tăng khối lượng xuất khẩu tất cả các mặt hàng chủ lực dù giá xuất tiếp tục giảm (chỉ có giá dầu thô là tiếp tục tăng ở mức cao). Giá trị nhập khẩu năm 2000 và trong sáu tháng đầu năm 2001 cũng tăng nhiều so với năm 1999, bằng chứng cho thấy đã xuất hiện phục hồi kinh tế tại Việt nam. Nguyên nhân cơ bản cho bước đầu thoát khỏi trì trệ là những chính sách thích hợp mới đây nhằm tháo gỡ những khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

(i) Các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất

* Cần nói nhất trong các thay đổi về chính sách đầu tư mới đây là Việt Nam vừa mạnh

dạn dẹp bỏ đáng kể hệ thống "xin cho" thường gây ra nạn tham nhũng quan liêu.

* Đối với sản xuất nông nghiệp, Việt Nam đã ban hành vào tháng 2/2000 Nghị quyết về phát triển kinh tế trang trại, và tháng 6/2000 Nghị quyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Ngoài ra, các ngân hàng quốc doanh được giảm tối đa các thủ tục hành chính để tăng cường vốn tín dụng cho khu vực nông thôn và đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp.

* Đối với sản xuất công nghiệp, bên cạnh việc ban hành nhiều chính sách hỗ trợ các ngành sản xuất sản phẩm có khả năng cạnh tranh như miễn giảm thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, hỗ trợ lãi suất tín dụng..., Việt Nam đã đẩy nhanh việc áp dụng Luật doanh nghiệp từ đầu năm 2000.

(ii) Các giải pháp tài chính, tiền tệ và tín dụng

* Chính sách nới lỏng tài chính được thực hiện từ đầu năm 2000 đã thực sự đóng góp vào quá trình phục hồi kinh tế vì vừa làm cho thu nhập của dân cư tăng lên, vừa kích thích khu vực tư nhân đầu tư phát triển.

* Tương tự, chính sách tiền tệ đã được nới lỏng thêm một bước từ đầu năm 2000, cho phép các tổ chức tín dụng cho vay không có bảo đảm bằng tài sản đối với các doanh nghiệp Nhà nước.

Tuy Nhiên Vẫn Còn Nhiều Vấn đề kinh tế nan giải trước mặt

* *Sản xuất công nghiệp* phục hồi chủ yếu dựa vào tăng trưởng xuất khẩu, nhưng sắp tới xuất khẩu khó có thể tăng trưởng nhanh như thời gian vừa qua vì thị trường thế giới đã gần đến mức giới hạn đối với những mặt hàng xuất khẩu không đa dạng của Việt nam, nhất là đối với các mặt hàng nông sản. Khối lượng và giá dầu thô cũng sẽ không tăng nhanh như trước trong khi quota xuất khẩu hàng dệt may sang châu Âu sẽ bị giới hạn.

* Ngoài ra, tỷ giá thực của đồng Việt Nam đang lên quá cao làm mất khả năng cạnh tranh và một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực.

* Đầu tư đã tăng trưởng trở lại nhưng *tỷ lệ đầu tư trên GDP thấp, hiệu quả đầu tư kém và cơ cấu đầu tư bất hợp lý* đang là mối lo lớn nhất hiện nay. Việc tập trung đầu tư quá mức trước đây cho một số ngành, chủ yếu là các ngành thay thế nhập khẩu, kém hiệu quả và không có sức cạnh tranh, đang tiếp tục gây thêm những mất cân đối vĩ mô.

* *Nguy cơ khủng hoảng cũng tiềm ẩn trong chính sách nới lỏng tài chính tiền tệ quá mức và kéo dài.* Mặc dù tỷ lệ thâm hụt ngân sách và tốc độ tăng trưởng tiền tệ năm 2000 và sáu tháng đầu năm 2001 được coi là hợp lý trong chính sách kích cầu, nhưng đã đến lúc phải ưu tiên cho hiệu quả các khoản chi tiêu hơn là mở rộng quy mô chi tiêu, tức là phải mạnh dạn điều chỉnh cơ cấu đầu tư.

* Nhiều dự án đầu tư chưa đảm bảo chắc chắn tính hiệu quả, kể cả những dự án đầu tư rất lớn, vẫn được triển khai. Trong tương lai nếu các dự án này thất bại thì gánh nặng tài chính đối với hệ thống ngân hàng sẽ rất nghiêm trọng.Vì vậy, cần liên tục theo dõi tình hình sản xuất và biến động của giá cả để có thể dừng chính sách tiền tệ mở rộng đúng lúc nhằm loại trừ khả năng tái sinh lạm phát cao.

* *Cải cách cơ cấu* được tiến hành dựa theo nhu cầu trước mắt của nền kinh tế chứ không theo một chương trình tổng thể kéo dài nhiều năm. Luật Doanh nghiệp ra đời đã mang lại một luồng gió mới cho khu vực tư nhân, nhưng việc áp dụng cụ thể trong đời sống còn rất nhiều khó khăn.

* Quá trình cổ phần hoá và cơ cấu lại các Doanh Nghiệp Nhà Nước vẫn diễn ra rất chậm. Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh và ngoài quốc doanh, cải tiến các biện pháp quản lý và theo dõi hoạt động khu vực ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước cũng đang trong tình trạng chậm trễ tương tự. Tháng 6/2000, Việt Nam đã sửa đổi Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam, nhưng điểm yếu nhất trong thu hút đầu tư nước ngoài vẫn chưa được giải quyết: trong khi các quy định của Luật rất thông thoáng cởi mở, thì các văn bản áp dụng dưới luật lại bó hẹp các ưu đãi lại và cơ chế thực thi luật rất khó khăn.

Thay Đổi Tỷ Giá Để Ra Khỏi Trì Trệ — Vấn Đề Cốt Lõi

Cơ cấu kinh tế VN trong thập niên Đổi Mới 1989-99 có thể được giải thích bằng hai giai đoạn: 1989-92 áp dụng tự do hóa kinh tế kèm với phá giá nội tệ, và từ 1993 theo đuổi chính sách nhập khẩu nhiều vốn và giữ tỷ giá cao. Chính sách tỷ giá này tuy có tương đối giúp ổn định giá cả nhưng mức tỷ giá thực cao

sau nhiều năm giữ nguyên tỷ giá danh nghĩa (1992-2000) đã gây ra trì trệ kinh tế từ 1998 sau kỳ khủng hoảng tài chính Đông Á, mà vấn đề nghiêm trọng nhất là cơ cấu kinh tế VN đã đi sâu vào phát triển theo hướng phục vụ thị trường nội địa, giá thành sản phẩm tăng nhanh, gây ứ đọng và thấp giá cho nông sản, và quan trọng nhất là đang làm kiệt quệ sức cạnh tranh quốc tế của hàng công nghiệp, đồng thời cũng gây ra lãng phí và làm trầm trọng thêm tệ trạng tham nhũng.

Vài con số định lượng từ 1989

Xét theo tỷ giá thực, tức là tỷ giá danh nghĩa điều chỉnh theo biến động giá tiêu dùng trong nước và quốc tế, và lấy năm 1992 làm mốc (US$1=10,500 D), từ năm 1995 đến nay tiền Đồng liên tục bị đánh giá cao khoảng 10-17 % so với đồng tiền của 18 bạn hàng lớn nhất; riêng đến cuối năm 2000, tiền Đồng đã lên giá khoảng 17%. Nghiêm trọng nhất là so với 1989 lúc bắt đầu Đổi Mới, tiền VN đã lên giá khoảng 40-45%.

Tại sao cần điều chỉnh tỷ giá?

* Phục hồi kinh tế 2000-01 chủ yếu dựa vào giá dầu thô cao, còn hoạt động công nghiệp và nông nghiệp rất yếu kém.

* Khu vực xuất khẩu ngoài dầu thô rất yếu kém. Năm 2000, xuất khẩu chỉ tăng 25% và nhập khẩu tăng tới 34%. Trong sáu tháng đầu 2001, xuất khẩu còn tăng chậm hơn rất nhiều.

* Quá trình sản xuất hướng nội từ vài năm qua đã làm tăng tỷ trọng các ngành dùng nhiều vốn thay thế nhập khẩu và giảm tỷ trọng các ngành dùng nhiều lao động và hướng về xuất khẩu.

* Về mặt xã hội, quá trình phát triển trên đã gây nạn thất nghiệp trầm trọng trong các đô thị, nhất là vì nông dân bỏ ra thành phố vì nông nghiệp trì trệ, cũng như các bất ổn xã hội ở nông thôn.

* Khu vực sản xuất hàng hoá thương mại quốc tế không còn sức cạnh tranh:

Giá thành của hàng VN quá cao trong cả hai khu vực công nghiệp và nông nghiệp. Lấy hai thí dụ chính: khu vực sản xuất và xuất khẩu giầy dép và gạo. Trong 6 tháng đầu năm 2001, sản xuất giầy dép chỉ đạt 40% kế hoạch năm và chỉ đạt 70-75% so với cùng kỳ năm 2000, do thiếu đơn đặt hàng xuất khẩu. Nguyên nhân do lương tăng nhanh hơn năng suất lao động tính bằng đô la (do tỷ giá cao gây ra). Trong khu vực lúa gạo, mặc dù năng suất của nông dân cao nhưng giá thành lại bất lợi do các loại phí và phúc lợi địa phương phải đóng quá cao: giá thành sản xuất ở đồng bằng sông Cửu Long chỉ là 1100D/kg thóc, cộng các chi phí kể trên giá thành là 1375D/ kg thóc. Do nghị quyết khóa VIII thêm 40% giá bán thóc cho nông dân, giá tổng cộng cuối cùng là 1815 D/kg thóc. Giá thóc mua tại cửa kho chỉ là 1300-1400 D/kg, tức là chỉ ở mức giá chi phí sản xuất nêu trên trước mức nâng giá cho nông dân. Giá xuất khẩu gạo 25% tấm hiện nay là 135 US$/ tấn, tương đương 1958 D/kg cũng chỉ trên mức giá nâng đỡ 1815 D/kg nêu trên, và như vậy xuất khẩu gạo không có lãi nhiều.

Những thách thức lớn cho Việt Nam tiến tới một nền kinh tế thị trường trong vài năm tới :

Bối cảnh kinh tế Việt Nam vẫn đang ở trong tình trạng phân vân lựa chọn hướng đi. Điển hình là vẫn dành ưu tiên cho doanh nghiệp nhà nước, xem nhe ưu thế về hiệu quả của khu vực ngoài quốc doanh và "sức sống" của các xí nghiệp tư cũng như khả năng của các doanh gia tư nhân đã được chứng minh hùng hồn trong thập kỷ qua.

Tựu trung vẫn do các khó khăn lý thuyết để theo đuổi mạnh mẽ kinh tế thị trường. Từ đó không thể cho khu vực tư được phát triển toàn bộ, không áp dụng mạnh mẽ thay đổi cơ cấu đã có sẵn, khó đơn giản hóa các thủ tục hành chính gây nạn tham nhũng trầm trọng và làm nản lòng giới đầu tư nước ngoài. Muốn đầu tư nước ngoài trở lại, phải áp dụng ngay các biện pháp gây sốc, thí dụ như việc giảm tối đa các thủ tục "xin cho" rườm rà xuống còn thủ tục đăng ký như mới đây cho doanh nghiệp trong nước và bỏ bớt các biện pháp kiểm soát gây khó dễ.

Một cách tổng quát hơn, chiến lược phát triển tương lai cần dựa trên một căn bản lý luận đầy đủ hơn và bao gồm chương trình cải cách qui mô trong vài năm sắp tới. Chương trình này sẽ gồm 10 điểm chính sau: (i) hoàn thiện cơ chế thị trường để tránh đi vào một nền kinh tế "tư bản rừng"; (ii) đặt căn bản pháp trị và phục hồi đạo đức kinh doanh; (iii) ổn định kinh tế vĩ mô; (iv) cải cách toàn diện khu vực doanh nghiệp nhà nước và tạo sân chơi bình đẳng cho khu vực tư nhân; (v) cải cách và hoàn chỉnh hệ thống ngân hàng; (vi)

cải cách guồng máy hành chính; (vii) thiết lập hệ thống an sinh xã hội và tăng cường chính sách giảm nghèo; (viii) đặt trọng tâm vào nông thôn với chính sách khuyến nông và chiến lược tăng cường xuất khẩu mới; (ix) thu hút trở lại đầu tư nước ngoài bằng việc đơn giản hóa thủ tục như đã làm với luật doanh nghiệp trong nước và thật sự áp dụng luật đầu tư thuận lợi có sẵn; và (x) tích cực đẩy mạnh các chính sách khu vực để phát triển nông nghiệp, giáo dục, y tế, và công nghệ (nhất là công nghệ thông tin).

Một chiến lược phát triển kinh tế mới như nêu trên sẽ có những đặc trưng của Việt Nam. Nhiều tác giả đã nhận định về khoảng cách tụt hậu của Việt Nam khoảng 20-25 năm so với nước láng giềng Thái Lan. Điều này rất quan trọng cho Việt Nam trong vấn đề hoạch định tương lai và đòi hỏi cố gắng phi thường, vì dù đuổi kịp được kết quả tăng trưởng hàng năm khá nhanh của Thái Lan (7-10% mỗi năm) chỉ đủ giúp chúng ta giữ nguyên khoảng cách tụt hậu đó! Nhìn thêm sang Trung Quốc, VN cũng khó theo họ với độ tăng trưởng hàng năm!

Trước thực trạng đó, VN nên làm gì? Có lẽ phải thay đổi chiến lược phát triển nhanh chỉ chú ý vào phần lượng, thay vào đó cố đạt được một mức tăng trưởng chậm hơn nhưng bền vững với phẩm chất qua sự phân phối thu nhập công bằng hơn, một môi sinh lành mạnh hơn, và một màng lưới an sinh xã hội và môi sinh tốt đẹp hơn Thái Lan và Trung Quốc, qua những biện pháp chính sách cần được thảo luận đầy đủ hơn theo hướng đi mới này. Nói chung đó sẽ là một chiến lược phát triển kinh tế với những đặc trưng của dân tộc Việt Nam.

Khi nào VN có thể thực hiện các mục tiêu đó? Câu trả lời tùy thuộc vào khi nào có sự đồng thuận xã hội để nhắm vào việc thực hiện chiến lược tăng trưởng mới này. Nếu có ý chí thì sẽ thành công. Lịch sử Việt Nam đã chứng minh rõ ràng điều này.●

* Bài viết này, được rút ra phần lớn từ chương 4 trong cuốn sách *Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên: Kinh Tế Việt Nam Đi Vào Thế Kỷ 21* Phạm Đỗ Chí và Trần Nam Bình chủ biên, *Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn* xuất bản, tháng 7/2001.

Sau khi nhà báo Lê Đình Điểu qua đời năm 1999, những gì ông để lại đã được tái hiện trong cuốn sách:

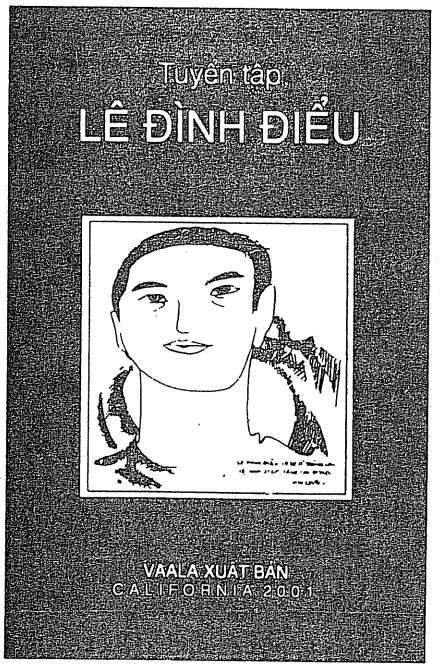

Gồm:

* Những bài viết có giá trị lâu dài của người quá cố được tuyển chọn kỹ lưỡng
* Gần toàn bộ thi phẩm của Y Dịch (bút hiệu của Lê Đình Điểu khi làm thơ)
* Các bài viết bộc lộ tình cảm của bạn bè: Lê Tất Điều, Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Bùi Bích Hà, Trần Mộng Tú, Thụy Khuê, Vũ Ánh, Phạm Đức Khoan, Thụy Lữ, Phạm Phú Minh, Đinh Quang Anh Thái, Hoàng Trọng Thụy...

* *Trình bày bìa:* Trịnh Cung. *Tranh:* Mai Chửng
Sách dày khoảng 400 trang, do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) xuất bản, sẽ phát hành vào cuối năm 2001.
Tiền bán sách sẽ sung vào quỹ VAALA để hỗ trợ các hoạt động văn học nghệ thuật.
Liên lạc: cô **Phan Mỹ Sương,** điện thoại **(714) 537-7686**

HÃY CỨU LẤY TRẦN ĐỘ!

NGUYỄN THANH GIANG

Tôi phớt lờ như không nhìn thấy, đạp qua cái biển gỗ chắn ngang cửa ghi dòng chữ thật to: "BỆNH NHÂN NẶNG, MIỄN VÀO THĂM" để vào thăm ông mấy lần. Người con dâu thứ hai cuả ông yêu cầu tôi: "Chú nói chuyện với bố cháu lâu lâu để bố cháu thức. Không ai nói chuyện, cụ ngủ li bì, đêm lại trằn trọc." Một đêm trằn trọc bây giờ của Trần Độ khổ gấp trăm nghìn lần người khác. Khổ hơn không chỉ vì nỗi trằn trọc của ông lớn hơn mà còn vì ông không thể thực hiện những trằn trọc cơ học để giải tỏa bớt nỗi trằn trọc trong tinh thần. Ông phải nằm gần như bất động. Cựa rất nhẹ cũng đau. Năm canh chày vắng lặng bây giờ đối với Trần Độ sẽ hun hút chán chê biết chừng nào. Nó thực sự là những liều độc dược khủng khiếp đẩy ông vào cõi chết nhanh hơn.

Vậy thì, muốn cứu chữa ông bây giờ không chỉ cần có thầy, thuốc mà còn cần các liệu pháp y tế khác, trong đó, sự hỏi han chăm nom thường xuyên cũng là quan trọng. Nhưng mà, tại sao bệnh viện lại dựng tấm biển như thế trước lối vào phòng ông? ? ? Quả nhiên, tấm biển chống lại nghiệp vụ, phản lại y đức kia đã không ngăn được bất cứ ai thực lòng yêu quý và quan tâm đến Trần Độ. Hầu như bên ông lúc nào cũng có bạn hữu. Già có, trẻ có... cả những người ở tận các miền quê xa xôi.

Lần nào đến, tôi cũng gặp một người cỡ ngoại ba mươi dáng vẻ mới từ nông thôn lên. Tôi tò mò hỏi mới biết anh quê Nam Định. Bố vợ anh trước đây là cần vụ của tướng Trần Độ. Nghe tin chủ tướng cũ ốm đau, hoạn nạn, ông bầy tỏ nguyện vọng trở lại công tác như xưa nhưng không hưởng lương. Riêng dịp này vì bản thân ông cũng đang ốm, ông phải cử con rể lên thay. Người con rể đành để vợ và hai con nhỏ ở quê, lên Hà Nội trả nghĩa thay cho bố vợ. Anh túc trực 24/24 ở đây, ngoại trừ những lúc đi ăn cơm bụi. Lần này, tôi không mua quà bánh gì cho Trần Độ mà biếu anh một phong bì nhỏ. Bạn tôi phải động viên mãi anh mới nhận. Tôi nói sang: "Để thỉnh thoảng anh làm một cốc bia hơi thôi mà!" Nhưng rồi, không biết anh có dám uống bia hơi một cách thỉnh thoảng không?

Có những người dân bình thường nhưng sống rất nghĩa tình như vậy. Trong khi đó! ... Tôi thật không còn giữ nổi bình tĩnh để viết một cách bình thường nữa, mà muốn văng ra hàng loạt câu chửi thô bỉ, thậm tệ. Đâu rồi? Đâu rồi! Mấy kẻ quyền cao chức trọng, mấy kẻ danh nọ tước kia, mấy kẻ thường cao giọng rao giảng "uống nước nhớ nguồn," "tình đồng đội, tình giai cấp," "đạo lý xã hội chủ nghĩa" ... vân vân và vân vân. Sao không mấy ai vào thăm Trần Độ? Đâu rồi những người ở các cơ quan cũ? Đâu rồi mấy người đồng cấp nhưng là hậu thế Trần Độ? Hiện có bao nhiêu phó chủ tịch quốc hội, tất cả đều bận hàng tháng trời liền sao? Trưởng ban Tư tưởng Văn hóa hôm qua đâu? Trưởng ban Tư tưởng Văn hoá hôm nay đâu? Các tướng tá Binh đoàn 312 đâu? Ban chỉ huy Mặt trận Giải phóng Miền Nam xưa kia đâu? ... ! Tấm lòng của họ chết cả rồi sao? Tinh thần của họ chết cả rồi sao? Bộ nhớ của họ liệt cả rồi sao? ... Hay là họ sợ? Sợ gì? Sợ bị theo dõi à? Sợ bị ghi sổ đen à? Người đương quyền đương chức thì sợ tuyệt đường thăng tiến, người đã nghỉ hưu thì sợ ảnh hưởng đến con cái, có phải không? Chẳng nhẽ cái chế độ này vẫn còn man dại thế ư, bất nhân, thất đức thế ư? Hay là chỉ vì các người đã mất hết nhân cách, không còn nhân phẩm; các người vì quá nhu nhược nên sợ bóng sợ gió? Tôi chân tình khuyên các người hãy thành khẩn tự vấn, hãy đứng thẳng lên mà chiêm nghiệm cho được một nỗi sợ thiêng liêng hơn: nỗi sợ lương tâm. Nếu các người không còn lương tâm thì các người hãy biết sợ lương tâm của con cháu các người, nếu bản

thân con cháu các người cũng không có lương tâm thì các người hãy biết sợ lương tâm của lịch sử.

Vì sao Trần Độ bỗng nhiên rơi vào thảm cảnh này? Hãy nghe ông trần tình trong bức thư đề ngày 10 tháng 7 năm 2001 gửi các ông Nông Đức Mạnh, Nguyễn Văn An, Phan Văn Khải: "... một điều không thể tưởng tượng nổi đã xảy ra đối với tôi. Ngày 12 tháng 6 năm 2001, trên đường đi photocopy về, tôi bị xe công an bám theo, ép xe tôi vào lề đường, hai người lạ mặt từ hai phía mở cửa bước lên, ép tôi vào giữa, tự xưng là nhân viên an ninh, rồi giống như một vụ bắt cóc, buộc lái xe đưa tôi về trụ sở công an phường 12, quận Tân Bình. Tại đây, họ đã lập biên bản tịch thu toàn bộ tài liệu của tôi..."

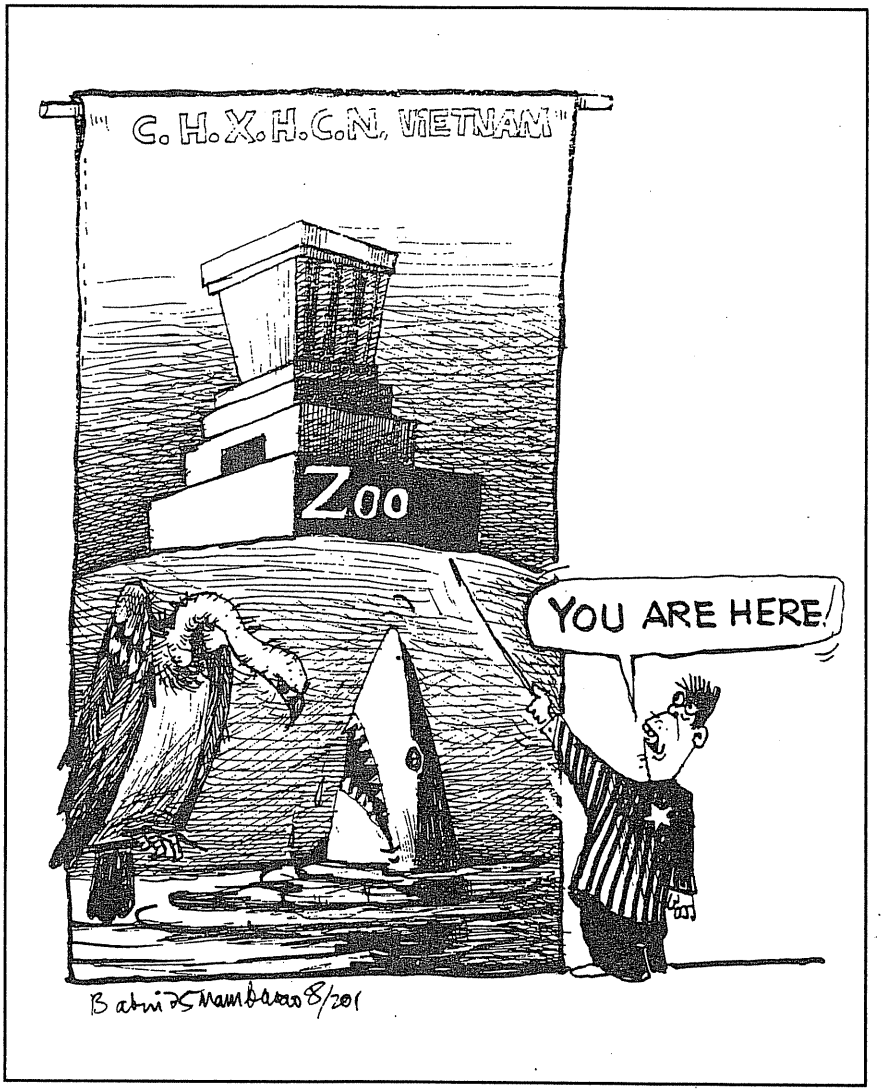

Tại sao công an thành phố Hồ Chí Minh dám ngang ngược, hỗn láo, bạo hành như vậy? Họ không chỉ hung hăng xé bỏ luật pháp mà còn man rợ chà đạp lên đạo lý! Trần Độ có đáng tuổi cha, tuổi chú, tuổi ông bọn chúng không? Thì ra, chẳng qua chỉ vì chúng đã không được dạy dỗ đúng đắn. Nhẽ ra, theo lẽ đời chính cha chú chúng cũng phải tôn quý Trần Độ thực lòng, bởi vì, nói chung cha chú chúng hầu như cũng chỉ thuộc loại bố vợ người thanh niên tôi gặp trên kia thôi mà. Làm sao có thể xác định được tài liệu của Trần Độ là những tang vật phạm pháp khi người ta chưa đọc nó? Mà dẫu đọc rồi thì không những mấy anh công an nọ mà ngay cả thủ trưởng cao nhất của họ cũng làm sao đủ trình độ phán xét ngay rằng đấy là những "tài liệu có nội dung xấu?" Xác định thế nào là ma túy, thế nào phế liệu hay rác thải công nghiệp đã không hoàn toàn đơn giản, huống chi đối với một tác phẩm văn học hoặc một tập chính luận như của Trần Độ. Nhận định một ý tưởng kinh tế- chính trị như của Kim Ngọc mà đến một nhà lý luận cự phách của Đảng là Trường Chinh cũng còn mắc sai lầm, huống chi đây chỉ là mấy kẻ võ biền cấp thấp! Tập tài liệu mà công an thành phố Hồ Chí Minh càn rỡ tịch thu của Trần Độ là gì? Đó là 83 trang vi tính tập nhật ký mà Trần Độ cặm cụi ghi chép ròng rã suốt 6 tháng trời trong thời gian trước, trong và sau Đại hội IX, từ tháng 11 năm 2000 đến tháng 5 năm 2001. Ở đấy là

những cảm xúc chân thành, những suy tư sâu sắc của ông qua quá trình nghiên cứu văn kiện, lắng nghe các thông tin truyền đạt từ các cơ quan tuyên huấn của Đảng, Chính phủ, cũng như dư luận của các nhà trí thức yêu nước, các lão thành cách mạng và các tầng lớp nhân dân trước một kỳ Đại hội Đảng mà ông cho là có tầm quan trọng đặc biệt.

Hành động bạo ngược của công an thành phố Hồ Chí Minh đã gây một cú sốc quá mạnh đối với Trần Độ. Thật vậy, ngay đối với một người bình thường, trẻ tuổi thì hành động đó cũng đã là một sự sỉ nhục ghê gớm. Huống chi đây là một ông già tiết tháo đã từng thể hiện khí phách ngoan cường thuộc loại hàng đầu của dân tộc... Cho nên, chỉ mấy ngày sau đó, ông đái ra máu và phải cấp cứu, đưa ra điều trị ở bệnh viện Hữu Nghị tại Hà Nội. Ông viết thư trần tình gửi các ông Nông Đức Mạnh, Nguyễn Văn An, Phan Văn Khải nhưng chẳng hiểu vì sao không có hồi âm! Nỗi dằn vặt, bức bối, tủi hận trong con người đang đau yếu như ông càng nhức nhối bội phần. Nó tiếp tục tăng cường tàn phá sinh lực ông, làm rối loạn các chức năng trong cơ thể ông. Và rồi, thế là ông lại bị ngã. Nhìn ông nằm bất động, mặt hốc hác, mắt thâm quầng, tôi phải nghiến răng lại để không bật lên tiếng thét đau lòng giữa phòng bệnh của ông : - Chúng mày là những kẻ giết người! Giết một trí thức đã từng hô hào nông dân Thái Bình đứng lên đánh Pháp, đuổi Nhật, giết một tướng tài chỉ huy binh đoàn 312 anh dũng, giết một phó chính uỷ các đạo quân giải phóng Miền Nam, giết một Trưởng ban Văn hoá- Văn nghệ Trung ương của Đảng, giết một Phó Chủ tịch Quốc hội, giết một công thần trên ngực còn lấp lánh huân chương Hồ Chí Minh...

Vào bệnh viện thăm Trần Độ, nhà văn - đại tá Nguyễn Trần Thiết quá xúc động đã viết một bức thư dài gửi chủ tịch thành phố Hồ Chí Minh Lê Thanh Hải: "... Hơn một năm qua, chú không gặp anh Trần Độ. Đến tháng 7- 2001, chú được tin anh Trần Độ bị ốm rất nặng, bệnh viện Chợ Rẫy không chữa nổi đã chuyển ra Việt Xô. Đồng đội, đồng chí đến thăm anh nườm nượp về kể cho chú nghe: 'Cụ mệt lắm, nằm thiêm thiếp, mắt lim dim. Ngoài bệnh hoại thư, đái tháo đường, hiện cụ bị đái ra toàn máu, khó chữa lắm.' Chú thương anh Độ vô cùng. Sắp chết rồi, anh sẽ mang tâm trạng như thế nào để về với Bác Hồ? Phải làm cách nào đó để anh Trần Độ hiểu là những người trung thực, bạn đồng ngũ, đồng chí, đồng nghiệp (các nhà văn) đánh giá về anh rất đúng mức. Chú đã làm xong bài thơ ngày 7-7-2001, trong đó có ý thú vị: người đại diện cho Đảng lại bị khai trừ, người động viên cả triệu cán bộ, chiến sỹ vì nước quên mình lại là phản bội... Chú muốn Thanh Hải dẹp vụ này đi, chỉ cần cháu ngồi tại chỗ, quay điện thoại, chỉ thị cho người làm sai trả tài liệu cho anh Độ là xong. Chú kiến nghị là cháu làm cách nào đó để từ nay đến khi anh Độ rời xa thế giới này sẽ không gặp gì trục trặc đến với Anh nữa... "

Nguyên chính uỷ binh chủng đặc công Trần Nhật Độ cũng kiến nghị: "Đối với bản hồi ký của anh Trần Độ, tôi đề nghị nên trả lại ngay cho anh ấy. Một ông già, mình đầy chiến trận, đã gần đất xa trời, hì hục lắm mới viết được bản hồi ký mà lại vô cớ bị tước đoạt thì thật là tàn nhẫn. Nếu không trả lại, chắc chắn anh ấy lại viết lần hai, lần ba, lần bốn... Tước đoạt văn kiện, ta chỉ cắt được cái ngọn, mà ngọn thì cứ đâm chồi lên mãi. Tôi không biết anh Độ viết gì, nhưng tước đoạt văn bản cũng không xáo được tư duy trong đầu óc anh ấy. Nếu có biết nội dung thì ta chỉ đề nghị anh ấy khoanh lại, không truyền bá rộng những ý kiến trái ngược... Việc đó phải do cơ quan lãnh đạo làm chứ không phải do công an đem dùi cui đến ngăn chặn."

(...)

Tôi không muốn nghĩ đến những gì bi quan về sức khỏe Trần Độ, tôi mua vui ông bằng sự tếu tác: "Thôi cụ ơi! xin cụ tạm đừng trăn trở về đất nước, về Đảng thân yêu xa ngái của cụ đi, cụ hãy cố nghĩ lấy ít chuyện tiếu lâm, hài hước để có ai đến thì tuôn ra để tất cả cùng cười, xua tan âm khí. Hãy quyết sống thêm ít nhất hai nhiệm kỳ Đại hội nữa thì đám tang mới to được. Cụ mà vội tịch bây giờ thì nhiều người ngại đến viếng lắm vì họ sợ bị quay phim chụp ảnh đấy cụ ạ." Trần Độ bỗng mở choàng mắt nhìn tôi, miệng chóm choém như nhai trầu. Tôi biết ông vẫn quyết sống. Như cuộc đời này, đất nước này đang rất cần ông. Như tôi và tất cả những người tử tế tha thiết cầu mong.●

Hà Nội 5 tháng 8 năm 2001

Nguyễn Thanh Giang
Nhà A13P9 - TTPK Hoà Mục
Phường Trung Hoà- Quận Cầu Giấy

QUAN HỆ TAY BA VIỆT MINH - TRUNG CỘNG - LIÊN SÔ

Trong những năm cuối của cuộc chiến chống Pháp (1950-1954)

LÊ MẠNH HÙNG

(Xem từ số 145)

Nếu trong những năm từ 1945 đến 1948, cuộc nội chiến Trung Quốc hoàn toàn diễn ra tại vùng Hoa Bắc và Trung Cộng hầu như không có bao nhiêu lực lượng để dòm ngó xuống phương Nam thì tình hình đã thay đổi hẳn vào năm 1949. Tháng tư năm 1949, quân đội Trung cộng vượt sông Trường Giang. Một tháng sau đó. Thượng Hải thất thủ. Thế là chỉ sau ba năm kể từ khi bộ trưởng thuộc địa Pháp Marius Moutet ra lệnh cho tư lệnh quân đội Pháp tại Bắc Kỳ, tướng Raoul Salan phải làm tất cả những gì có thể làm được để ngăn chặn không cho quân đội Việt Minh tiếp xúc được với các đơn vị của Mao, quân đội TC đã đến trước ngưỡng cửa Việt Nam và cuộc chiến tại Đông Dương bắt đầu thay đổi cả về chính trị lẫn quân sự.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Vài ngày sau đó, Việt Minh cử Lý Bích Sơn và Nguyễn Đức Thúy sang Bắc Kinh để xin Mao viện trợ và công nhận ngoại giao. Nhưng khi hai người này đến Bắc Kinh thì Mao không có mặt mà đang ở Moscow thương thuyết ký một liên minh với Liên Sô. Sau khi nhận được lời yêu cầu của Hồ chí Minh, Lưu Thiếu Kỳ, lúc đó xử lý thường vụ thay cho Mao, triệu tập một phiên họp Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Trung Quốc để thảo luận về vấn đề bang giao với Việt Minh. Bốn ngày sau đó, Trung Cộng quyết định công nhận chính quyền Việt Minh. Ngày 18 tháng Giêng năm 1950, Trung Quốc là nước đầu tiên công nhận chính quyền Việt Minh. Phải đến cuối tháng giêng, Liên Sô mới công nhận và sau đó là lần lượt các chính quyền Cộng Sản khác tại Đông Âu và Bắc Hàn. Lý do chính mà Stalin chậm chưa muốn công nhận Việt Minh lúc đó vì Liên Sô còn sợ mất lòng Pháp mà họ đang muốn ảnh hưởng để Pháp chống lại việc Mỹ tính tái vũ trang Tây Đức. Trong khi đó, ngay vào đầu tháng 2, Hoa Kỳ và Anh quốc công nhận ngoại giao chính phủ Quốc Gia Việt Nam do quốc trưởng Bảo Đại cầm đầu. Cuộc chiến Đông Dương bắt đầu ra khỏi lãnh vực một cuộc chiến tranh thuộc địa mà trở thành một phần của cuộc chiến tranh lạnh toàn cầu, một cuộc chiến vừa bắt đầu.

Ngay từ đầu tháng giêng năm 1950, nhằm giúp đỡ Cộng sản Việt Nam, Lưu Thiếu Kỳ đã cử La Quý Ba, trưởng ban tổ chức của Quân Ủy Trung Ương Giải Phóng quân Trung Quốc sang Việt Nam làm đại diện của đảng Cộng Sản Trung Quốc với Việt Minh. Trước khi rời Bắc Kinh sang Việt Nam, La được Dương Thượng Côn dẫn đến giới thiệu gặp Lý Bích Sơn và Nguyễn Đức Thúy lúc đó hiện đang có mặt tại Bắc Kinh. Nguyễn Đức Thúy vốn phụ trách văn phòng Cao Bằng của Cục Ngoại Thương Việt Minh trong những năm trước 1950. Vốn nói thông thạo tiếng Trung Quốc, Thúy có nhiều quan hệ với các quan chức Quốc Dân Đảng Trung Hoa tại các tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây và đã nhiều lần lên đến tận Nam Kinh để tìm mua vũ khí tiếp tế cho Việt Minh trong thời gian Trung Cộng còn bị chặn ở miền Bắc Trung Quốc (1). La cũng thu thập một toán tùy tùng bao gồm cả điện tín viên, cảnh vệ, thư ký để theo mình

sang Việt Bắc. Phái đoàn của La dự trù sẽ rời Bắc Kinh ngày 16 tháng Giêng năm 1950.

Tuy nhiên La Quý Ba chưa kịp rời Trung Quốc sang Việt Nam thì Hồ chí Minh, sau khi được nói là cuốc bộ 17 ngày đã bí mật tới được Quảng Tây cùng với Trần Đăng Khoa vào cuối tháng giêng 1950.

Lên đến Bắc Kinh vào ngày 30 tháng Giêng 1950, Hồ được Lưu Thiếu Kỳ và Chu Đức đón tiếp và sau đó đã ký một thỏa hiệp trong đó Trung Quốc nhận viện trợ cho các lực lượng Việt Minh một khối lượng thiết bị quân sự quan trọng. Sau đó, Hồ bí mật rời Bắc Kinh đi Moscow ngày 3 tháng 2 gặp Stalin để xin viện trợ trực tiếp của Liên Sô, nhưng Stalin từ chối nói rằng nhiệm vụ chính trong việc trợ giúp cho Việt Nam là của Trung Quốc. Theo Ngũ Tu Quyền trong một bữa đại tiệc chiêu đãi Mao ngày 16 tháng 2, Hồ đã nửa đùa nửa thật xin Stalin ký với Việt Nam một hiệp ước liên minh như Liên Sô đã ký với Mao, nhưng Stalin đã không trả lời. Hồ rời Moscow ngày 17 tháng 2 cùng với Mao và Chu Ân Lai.

Tháng 4 năm 1950, Việt Minh chuyển đến Bắc Kinh một số những yêu cầu viện trợ bao gồm việc thiết lập một cơ sở huấn luyện quân sự cho quân đội Việt Minh, việc gởi cố vấn quân sự Trung Quốc sang Việt nam cùng với việc cung cấp cho quân đội Việt Minh vũ khí và đạn dược. Lưu Thiếu Kỳ phụ trách việc điều phối viện trợ quân sự cho Việt Minh và một trung tâm huấn luyện được xây dựng tại Vân Nam.

Quyết định viện trợ của Trung Cộng cho Việt Nam không phải có ý nghĩa vị tha gì. Mao và các lãnh tụ Trung Cộng khác cho rằng việc trợ giúp cho các đồng chí Việt Nam cũng đóng góp vào việc bảo vệ quyền lợi quốc gia của Trung Quốc. Mao, mặc dầu là một người Cách mạng Mác Lê, nhưng cũng theo đúng những chính sách truyền thống của một vị thiên tử Trung Hoa: Sự an toàn của Trung Quốc không thể bảo đảm được nếu những vùng biên địa bị rơi vào trong tay những thế lực man di thù nghịch. Chính vì vậy họ coi việc ủng hộ cho Cộng Sản Việt Nam là một biện pháp hữu hiệu củng cố vị thế của họ chống lại nguy cơ từ phía Hoa Kỳ.

Ngày 17 tháng 4 năm 1950, Trung Cộng thành lập một phái đoàn cố vấn quân sự bao gồm 281 người, một số lớn đủ để cung cấp cố vấn cho bộ tổng tư lệnh quân đội Việt Minh, ba sư đoàn và một trung tâm đào tạo sỹ quan. Các chuyên gia quân sự này được lấy từ các lộ quân thứ hai, ba và bốn của Giải Phóng quân Trung Quốc. Vi Quốc Thanh, chính ủy Quân Đoàn số 10 của Đệ Tam Lộ Quân được cử làm tư lệnh đoàn cố vấn quân sự này. Đám cố vấn quân sự này tập họp tại Bắc Kinh vào tháng 5 để tập huấn trước khi sang Việt Nam. Trong khi đó La Quý Ba được lệnh giảng thuyết cho các lãnh đạo Việt Minh biết về 10 nguyên lý quân sự của Mao mà đã được tổng hợp vào tháng chạp năm 1947. Mười nguyên lý này là (1) đánh các lực lượng lẻ tẻ và cô lập của địch trước, đánh các lực lượng mạnh và tập trung của địch sau (2) đánh chiếm các thành thị nhỏ và vùng quê trước, các thành phố lớn sau (3) mục tiêu chính là tiêu diệt thực lực của địch chứ không phải đánh chiếm đất đai (4) trong mọi trận đánh, phải tập trung một lực lượng mạnh hơn địch rất nhiều để tiêu diệt địch quân (5) không đánh nếu không sửa soạn trước (6) giữ tinh thần quân sĩ cao (7) tìm cách diệt địch khi địch di chuyển (8) trước khi đánh chiếm một thành phố phải kiên quyết đánh chiếm mọi cứ điểm hỏa lực bảo vệ thành phố đó trước (9) tìm cách lấy vũ khí và nhân lực của địch làm của mình và (10) tận dụng thời gian nghỉ trước mỗi chiến dịch để dưỡng sức, huấn luyện và củng cố lực lượng (2).

Nhưng trước khi phái đoàn cố vấn Trung Quốc sang đến Việt nam thì chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Ngày 25 tháng 6, năm 1950 Bắc Hàn tấn công Nam Hàn. Mỹ may lẹ phản ứng đồng thời tổng thống Truman ra lệnh cho hạm đội 7 của Mỹ tiến vào eo biển Đài Loan. Mao và giới lãnh đạo Trung Cộng bị choáng váng vì phản ứng mau lẹ và cứng rắn của Mỹ. Họ coi đây là một chiến lược phối hợp của Mỹ nhằm bao vây và tấn công Trung Quốc và quyết định đẩy nhanh việc viện trợ cho Việt Minh.

Ngày 27 tháng 6 phái đoàn cố vấn rời Bắc Kinh và đến tháng 8 thì toàn bộ phái đoàn tới Việt Nam và bắt đầu hoạt động chung với các lực lượng Việt Minh. Đồng thời, Trung Cộng cũng gởi Trần Canh, một trong những tướng lãnh tài giỏi nhất của Giải Phóng quân, một thành viên của Trung Ương đảng Cộng Sản Trung Quốc và tư lệnh quân đoàn thứ 20 sang giúp Việt Minh tổ chức một chiến dịch quân sự lớn dọc theo biên giới Việt Trung.

Khác với các tướng lãnh khác của Giải Phóng Quân Trung Quốc, Trần Canh không xuất thân từ giai cấp nông dân. Canh sinh ra trong một gia đình giầu có tại tỉnh Hồ Nam.

Ông nội đã từng là tướng lãnh trong quân đội Thanh triều. Canh trước đó đã gia nhập vào đạo quân của viên sứ quân coi tỉnh Hồ Nam nhưng sau đó mấy năm đã đổi đi theo Cộng Sản. Trong những năm đầu thập niên 20, Canh theo học trường quân chính Hoàng Phố và ở đó đã biết Hồ khi Hồ đến Quảng Châu theo phái đoàn của Borodin. Chính vì vậy, khi đề nghị Trung Cộng giúp thực hiện chiến dịch biên giới, Hồ đã yêu cầu gởi Trần Canh mà Hồ đã được biết từ những năm 1920.

Để yểm trợ cho chiến dịch quân sự này, Trung Cộng cũng cung cấp cho Việt Minh một khối lượng lớn vũ khí và thiết bị quân sự. Từ tháng Tư cho đến tháng 9 năm 1950, Trung Cộng gởi sang cung cấp cho Việt Minh 14 ngàn súng trường, 1,700 khẩu đại liên, 150 trọng pháo các loại, 2,800 tấn gạo và một khối lượng lớn đạn dược, thuốc men, quần áo và dụng cụ truyền tin. Cũng trong thời gian này có ít nhất là 20 ngàn binh sĩ Việt Minh được gởi sang Trung quốc huấn luyện.

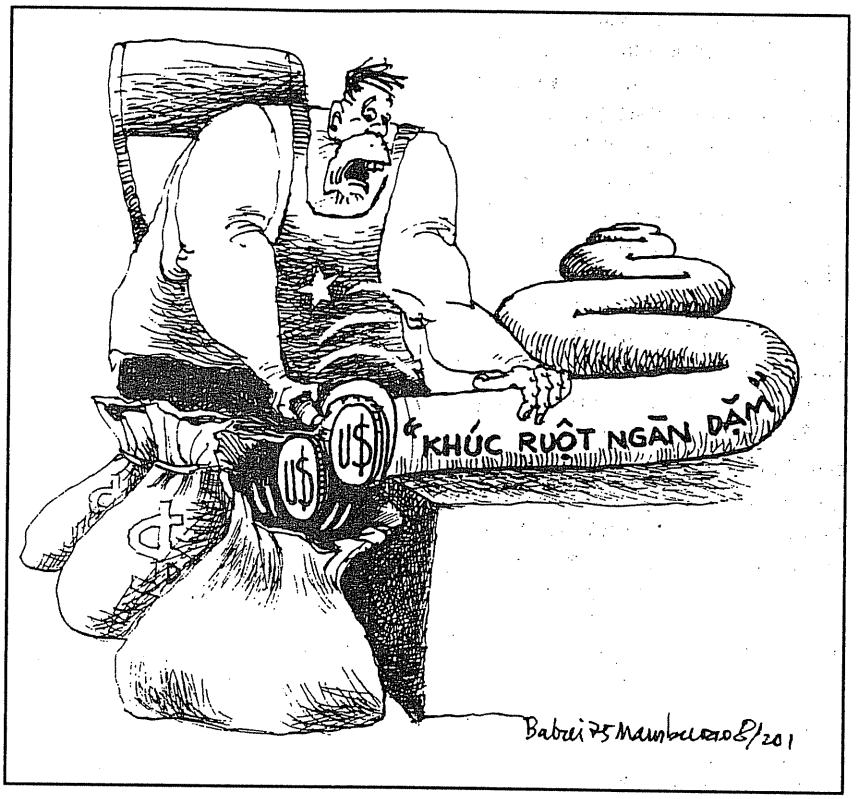

Trần Canh và Chiến Dịch Biên Giới

Trần Canh đến Thái Nguyên vào ngày 28 tháng 7 năm 1950 và gặp Hồ Chí Minh và La Quý Ba. Chiến dịch biên giới Lê Hồng Phong 2 bắt đầu vào ngày 16 tháng 9 với cuộc tấn công vào cứ điểm Đông Khê của Pháp và kết thúc vào ngày 10 tháng 10 khi hai đoàn quân Charton và Lepage hoàn toàn bị tiêu diệt. Cả vùng biên giới với Trung Quốc rơi vào tay Việt Minh.

Các tài liệu của Trung Quốc thường chỉ nhấn mạnh đến vai trò của viện trợ Trung Cộng cho Việt Minh coi như hầu hết những chiến công sau này của Việt Minh đều tùy thuộc vào sự viện trợ và cố vấn này, trong khi những bài viết của Việt Minh hầu như không hề nhắc nhở đến các đóng góp của Trung Cộng.

Theo Cường Trại (3), dựa trên những tài liệu của phía Trung Quốc, Trần Canh rời Côn Minh sang Việt Nam vào ngày 7 tháng 4 năm 1950. Trên đường, Canh dừng lại thăm trại huấn luyện Nghi Sơn nơi đại đoàn 308 của Việt Minh đương được huấn luyện và nhận vũ khí trang bị. Sau đó Canh giả trang thành một sỹ quan Việt Minh và vượt qua biên giới để dò xét tình hình việc triển khai lực lượng quân đội Pháp tại miền Bắc và tình hình của các lực lượng Việt Minh.

Theo Canh, Việt Minh đã không để ý đến việc động viên phụ nữ trong cuộc kháng chiến chống Pháp và như vậy có nghĩa là đã bỏ phí đến hơn một nửa tài nguyên nhân lực. Canh cũng báo cáo với giới lãnh đạo Trung Cộng rằng:

- Một số đơn vị thiện chiến của Việt Nam có tinh thần rất cao sau khi đã được huấn luyện và nhận trang bị mới tại Quảng Tây và Vân Nam, nhưng các cấp chỉ huy Việt Nam ở cấp tiểu đoàn trưởng trở lên thì thiếu kinh nghiệm trận mạc (4).

Canh đến trụ sở của chính phủ Việt Minh tại Thái Nguyên vào ngày 28 tháng Bảy và

được Hồ chí Minh đón tiếp nồng nhiệt. Canh cũng gặp cả La Quý Ba, cũng như những lãnh đạo khác của Việt Minh. Trong báo cáo gởi về cho giới lãnh đạo Trung Cộng, Canh nhận xét là giới lãnh đạo Việt Minh tỏ ra "sốt ruột" và hầu như "chỉ đặt nặng đến vấn đề vũ khí" trong cuộc chiến của họ chống lại Pháp (5).

Theo các tài liệu Trung Quốc, sau khi đến Việt Nam và bàn luận với các lãnh đạo Việt Minh, Canh bác bỏ kế hoạch tổ chức chiến dịch biên giới mà Việt Minh đưa ra. Thay vào đó, Canh đề ra nguyên lý là *"mục tiêu của chiến dịch biên giới tuy là để tiêu diệt lực lượng cơ động của địch. Tuy nhiên, muốn làm vậy trước hết phải đánh chiếm một số những cứ điểm nhỏ và cô lập của địch để đạt được một số chiến thắng đầu tiên làm tăng tinh thần binh sĩ cũng như để các binh sĩ và cấp chỉ huy rút kinh nghiệm. Chỉ sau khi đạt được ưu thế chủ quan thì lúc đó mới có thể dần dà tổ chức những trận đánh tiêu diệt lớn."* Đặc biệt Canh phản đối việc tấn công trực tiếp vào Cao Bằng mà thay vào đó, Canh đề nghị hãy tấn công vào một số những cứ điểm chung quanh trên đường Cao Bằng-Lạng Sơn để như các lực lượng cứu viện của Pháp tới nhằm phục kích. *"Nếu chúng ta có thể tiêu diệt được năm ba tiểu đoàn cơ động của địch thì việc chiếm đóng Cao Bằng và các cứ điểm chung quanh Lạng Sơn có thể thực hiện được dễ dàng hơn."*

Trần Canh gởi đề nghị kế hoạch chiến dịch biên giới của mình về Bắc Kinh và ngày 26 tháng Bảy năm 1950 được Quân Ủy Trung Ương của Trung Cộng đồng ý (6). Với sự đồng ý của quân ủy trung ương Trung Cộng, Canh thông báo cho Hồ và bộ chỉ huy Việt Minh về kế hoạch của mình. Đặc biệt Canh khuyến cáo Việt Minh nên tấn công vào cứ điểm Đông Khê nằm giữa đường từ Lạng Sơn đi Cao Bằng để như quân Pháp từ hai phía đến cứu viện, nhân đó có thể tổ chức những cuộc phục kích tiêu diệt. Trong khi đó phái đoàn cố vấn quân sự Trung Cộng, có Hoàng Văn Hoan đi cùng bắt đầu rời Nam Ninh vào ngày 9 tháng 8 và tới Quảng Nguyên, Cao Bằng vào ngày 12. Ngay khi tới nơi, các cố vấn liền được cử đi về các đơn vị họ được phái tức là các đại đoàn 308, 304, 312. Vào cuối năm, một số cố vấn khác cũng được cử tới các đại đoàn 316 và 351.

Hai ngày sau khi phái đoàn cố vấn Trung Cộng đến Quảng Nguyên, Trần Canh cũng đến nơi và gặp Vệ Quốc Thanh, trưởng phái đoàn cố vấn quân sự của Trung Cộng. Tại Quảng Nguyên, Canh được Hoàng Văn Thái, tham mưu trưởng quân đội Việt Minh trình bày về tổ chức phòng ngự và triển khai của quân đội Pháp tại dọc theo đường RC4. Canh cũng gặp Võ Nguyên Giáp, tổng tư lệnh quân đội Việt Minh và trình bày với Giáp về kế hoạch của mình cho chiến dịch biên giới. Chấp nhận kế hoạch của Canh, Giáp mời Canh thuyết trình tại một hội nghị các cấp chỉ huy quân đội Việt Minh. Trong hội nghị này, Canh thuyết trình đến bốn tiếng đồng hồ, tập trung vào các "khuyết điểm" của quân đội Việt Minh. Và đến trước ngày chiến dịch biên giới bắt đầu, chính Hồ đến thăm các quân sỹ và chính thức trao quyền chỉ huy chiến dịch cho Trần Canh (7).

Các tài liệu của Hà Nội thì lại cho ta thấy một cảnh tượng hoàn toàn khác. Hồi ký của Võ Nguyên Giáp về chiến dịch biên giới hoàn toàn không nhắc nhở gì đến vai trò của các cố vấn Trung Quốc. Đặc biệt vai trò của Trần Canh hoàn toàn bị bỏ rơi. Nhắc lại việc chuẩn bị chiến do chiến dịch này Giáp viết:

"... Tôi nghĩ các mở đầu chiến dịch tốt nhất là đánh Đông Khê. Đông Khê là cứ điểm quan trọng nối liền Thất Khê với Cao Bằng. Đông Khê mặc dù đã được củng cố nhưng vẫn nằm trong khả năng tiêu diệt của bộ đội ta. Mất Đông Khê, địch sẽ phải chiếm lại hoặc sẽ phải rút khỏi Cao Bằng. ...Tôi quyết định nêu vấn đề này trong cuộc hội ý đảng ủy mặt trận ngày hôm sau." (8)

Quyết định đổi mục tiêu chiến dịch này, theo Giáp, được chính Giáp đưa ra vào ngày 6 tháng 8 năm 1950 và được Hồ Chí Minh đồng ý vào ngày 15 tháng 8. Theo Giáp, vai trò của các cố vấn Trung Quốc, đặc biệt là Trần Canh hoàn toàn không có. Giáp cho biết, Trần Canh mãi đến tháng 9 mới sang đến Việt Nam và Giáp chỉ gặp Canh vào ngày 10 tháng 9 cùng với Hồ chí Minh sau khi mọi chuyện sửa soạn cho chiến dịch đã hoàn tất (9). Trong cuộc gặp gỡ này, Canh không đưa ra ý kiến gì khác hơn là đồng ý với kế hoạch của Giáp. Tuy nhiên trong hồi ký này của Giáp có một điểm không rõ rệt là Giáp không nói việc Trần Canh sang Việt Nam là có mục tiêu gì mà chỉ nói một cách lấp lửng rằng Trần Canh được mời sang Việt Nam như là một khách mời của Hồ chí Minh. (10)

Chiến dịch biên giới chính thức bắt đầu vào ngày 16 tháng 9 năm 1950. Quân đội Việt Minh tấn công vào cứ điểm Đông Khê do một

tiểu đoàn quân Pháp trấn thủ và đánh chiếm được cứ điểm này sau hai ngày. Lần đầu tiên trong cuộc chiến, Việt Minh đã xử dụng một số lượng pháo binh lớn và hoàn toàn đạt được ưu thế về pháo binh đối với Pháp. Hốt hoảng trước việc thất thủ Đông Khê, bộ tư lệnh Pháp ra lệnh cho quân đội Pháp rút ra khỏi Cao Bằng, đồng thời gởi một lực lượng tăng viện từ Thất Khê do trung tá Lepage chỉ huy lên mở đường để đón đoàn quân tại Cao Bằng cùng rút về Lạng Sơn. Ngày 3 tháng 10 năm 1950 đội quân trú đóng Cao Bằng do đại tá Charton chỉ huy bắt đầu rút khỏi Cao Bằng. Cả hai đội quân này đều rơi vào những ổ phục kích lớn của Việt Minh. Đến ngày 6 tháng 10 khi hai đội quân này gặp nhau thì họ đã không còn đủ lực lượng chống lại các cuộc tiến công của Việt Minh và cả hai đội quân đã hoàn toàn bị tiêu diệt vào ngày 10 tháng 10. Cả hai viên chỉ huy Lepage và Charton đều bị bắt.

Thất bại này đã làm quân Pháp chấn động. Viên tư lệnh quân đội Pháp tại Lạng Sơn, đại tá Constans đã vội vã bỏ Lạng Sơn chạy về Hà Nội để lại một số vũ khí và quân trang quân dụng đủ để trang bị cho một sư đoàn. Pháp cũng rút quân ra khỏi Lào Cay và Hòa Bình. Thế là cả một giải biên giới Hoa Việt rơi vào trong tay quân đội Việt Minh.

Tuy rằng thắng lớn, nhưng trong chiến dịch này, các lực lượng Việt Minh đã để lộ ra rất nhiều những nhược điểm do thiếu kinh nghiệm cũng như thiếu chuẩn bị nhất là trên phương diện chỉ huy. Theo các tài liệu của Trung Cộng, ngay sau khi chiến dịch kết thúc, Trần Canh đã đến ngay trận địa chỉ dẫn cho các cấp chỉ huy quân đội Việt Minh làm sao để cải thiện cách thức chỉ huy trong khi chiến đấu. Ngày 11 tháng 10, Canh gặp Hồ và Giáp và đưa ra một loạt những khuyến cáo cụ thể về làm sao cải thiện khả năng chiến đấu của quân đội Việt Minh. Những khuyến cáo này đi từ việc cải tổ lại cơ cấu quân đội Việt Minh, việc thăng thưởng các binh sĩ hữu công cho đến việc đối xử đối với các tù binh và cách thức sửa chữa các vũ khí chiếm được của địch. Ngoài ra Canh còn khuyên Hồ và Giáp nên tổ chức những cuộc mít tinh để quảng bá cho chiến thắng của chiến dịch biên giới. Canh cũng khuyên Hồ và Giáp nên chọn lấy một số những điển hình cán bộ, chiến sĩ, dân công và quảng cáo rầm rộ cho những người này trong quần chúng để thúc đẩy tinh thần "anh hùng cách mạng." Ghi lại trong nhật ký, Canh viết *"Hồ và Giáp hân hoan chấp nhận những lời khuyên này."* (11)

Trong hồi ký của mình, Võ Nguyên Giáp đã không hề nhắc đến cuộc gặp gỡ với Trần Canh vào ngày 11 tháng 10. Giáp chỉ nói đến những lời phát biểu của Trần Canh trong hội nghị tổng kết kinh nghiệm chiến trường do Việt Minh tổ chức tại Cao Bằng trong những ngày từ 27 đến 30 tháng 10. Nhưng tại đây, những lời kể lại của hai bên cũng khác nhau. Giáp viết:

"Trong hội nghị, đồng chí Trần Canh đã phát biểu, nêu lên những nguyên nhân thành công của chiến dịch. Đồng chí đánh giá rất cao chiến thắng biên giới, rút ra những bài học quan trọng và nói nhiều về bản chất của quân đội cách mạng." (12)

Trong khi đó, theo Trần Canh, do Hồ yêu cầu, Canh đã liên tục lên tiếng trong bốn ngày hội nghị, cảnh cáo Việt Minh không nên tự mãn với chiến thắng biên giới này mà phải cẩn thận đề phòng sự can thiệp của Mỹ. Canh cũng phân tích kỹ những nhược điểm của quân đội Việt Minh trong đó quan trọng nhất là tình trạng chậm trễ trong việc thi hành các mệnh lệnh, thiếu kỷ luật, và một khuynh hướng chỉ báo cáo lên những chuyện tốt. (13)

Không những có sự khác biệt trong những tài liệu của Việt Minh và Trung Cộng trong việc phác thảo và chỉ huy chiến dịch, nhưng ngay đến cả việc thực hiện các cuộc tiến công, các tài liệu của hai bên cũng đã có những sự sai biệt rõ rệt. Tất cả những tài liệu của Việt Minh về chiến dịch biên giới đều không nhắc nhở gì đến sự hiện diện và vai trò của các cố vấn Trung Cộng trong các đơn vị chiến đấu. Nhưng theo Trương Đức Quân một cố vấn chính trị cho quân đội Việt Minh trong chiến dịch này, thì trong các cuộc tấn công, nhiều sĩ quan Việt Minh đã tỏ ra sợ sệt không dám dẫn đầu các cuộc xung phong vào công sự địch khiến cho các cố vấn Trung Cộng phải đóng vai trò đó. Kết quả là có đến trên 20 cố vấn Trung Cộng bị thương trong trận đánh gây nhiều bất mãn về phía Trung Cộng. (14)

Sự thật về vai trò của các cố vấn Trung Cộng trong chiến dịch này ra sao? Chúng ta khó có thể xác định được một cách chính xác. Chắc hẳn Trần Canh và các cố vấn Trung Cộng khác không chỉ ngồi yên, hoàn toàn thán phục các kế hoạch mà Võ Nguyên Giáp cùng bộ tư lệnh Việt Minh đưa ra. Nhưng ta cũng không thể nào tin rằng tất cả mọi chuyện từ

việc hoạch định chiến dịch cho đến việc trực tiếp chỉ huy đều do các cố vấn Trung Cộng làm.

Sự thực hẳn phức tạp hơn nhiều. Trong những năm từ 1947 đến 1949, lực lượng quân sự của Việt Minh cũng đã được tổ chức khá vững mạnh so với những năm đầu của cuộc chiến. Khi phái đoàn cố vấn quân sự của Trung Cộng đến Việt Bắc thì các lực lượng Việt Minh đã không phải là một lực lượng ô hợp, vô kỷ luật như phía Trung Cộng chê trách. Trong những năm từ 1947 đến 1949, các lực lượng Việt Minh đã đạt được những tiến bộ khổng lồ mà chính người Pháp cũng phải công nhận (15). Theo George Tanham, thì dù không có viện trợ của Trung Cộng đến năm 1950, quân đội Việt Minh cũng đã có thể thành lập được những sư đoàn chính quy để chiến đấu với Pháp (16).

Và quả thật, vào năm 1949, Việt Minh đã bắt đầu tổ chức được một số đại đơn vị: ngoài Bắc, đại đoàn 308 được thành lập vào cuối năm 1949 do Vương Thừa Vũ chỉ huy có thể coi như là đơn vị chủ lực đầu tiên có tính cách chính quy. Trong khi tại miền Nam chi đội số 10, đổi thành trung đoàn 310 đã lớn mạnh đủ để tổ chức được nhiều trận phục kích phối hợp nhiều tiểu đoàn trên tuyến đường Sài gòn-Đà Lạt gây cho Pháp nhiều thiệt hại nặng.

Tuy nhiên lực lượng chính quy của Việt Minh vẫn còn rất nhiều nhược điểm. Trong trận đánh đầu tiên của các lực lượng chính quy mới của Việt Minh vào năm 1948 trước khi có viện trợ Trung Cộng, trận đánh đồn Phủ Thông do 100 quân Pháp trấn giữ, Việt Minh đã dùng đến 3.000 quân nhưng đã không tiêu diệt được đồn này. Ngay cả trong chiến dịch biên giới này, quân đội Việt Minh cũng để lộ ra rất nhiều nhược điểm như Trần Canh đã phê bình và chính Giáp cũng phải công nhận trong cuộc tổng kết sau chiến dịch (17).

Sự giúp đỡ của Trung Cộng có tính cách quyết định trong việc giúp Việt Minh vượt qua được nhược điểm đó. Với các vũ khí được Trung Cộng trang bị, các đơn vị Việt Minh đã có hỏa lực tương đương với quân đội Pháp nếu không kể đến các trang bị của Pháp về không quân và thiết giáp. Quan trọng hơn nữa là viện trợ kinh tế của Trung Cộng đã giúp cho Việt Minh giải quyết được các vấn đề về tiếp liệu và cho phép họ làm được những cuộc hành quân lớn và lâu dài, nhất là ở những vùng phía Bắc. Chính Võ Nguyên Giáp cũng công nhận trong chiến dịch Biên Giới, Trung Cộng cũng đã phải cung cấp lương thực cho bộ đội Việt Minh nhờ vậy Việt Minh mới có đủ khả năng tập trung một toán quân lớn trong chiến dịch này (18).

Nhằm giúp cho Việt Minh quản lý nền kinh tế tốt hơn cũng như để kéo Việt Minh gần thêm vào quỹ đạo của mình, sang năm 1951, phái bộ viện trợ quân sự của Trung Cộng được tổ chức lại thành ra Đoàn Cố Vấn Quân Sự Chính Trị do La Quý Ba kiêm mhiệm làm trưởng đoàn. Đoàn này được chia ra làm nhiều tổ phụ trách, mỗi tổ phụ trách một vấn đề. Có tất cả tám tổ phân chia phụ trách các vấn đề quân sự, kinh tế tài chánh, công an, văn hóa giáo dục, mặt trận Liên Việt, củng cố đảng và cải cách ruộng đất (19). Với sự giúp đỡ của các cố vấn Trung Cộng, Việt Minh hủy bỏ những loại thuế cũ của thời Pháp để lại và thay thế bằng một loạt những loại thuế mới phù hợp hơn với tình hình chính trị quân sự của mình. Quan trọng nhất trong những loại thuế này là thuế nông nghiệp được đánh bằng thóc trên tất cả mọi thửa ruộng của nông dân.

Tổng Phản công Thất Bại 1951-1952

Viện trợ của Trung Cộng đã đóng một vai trò quyết định như vậy cho sự phát triển của lực lượng Việt Minh, thành ra mặc dầu không công nhận, nhưng chắc chắn là các cán bộ cố vấn Trung Cộng cũng đóng những vai trò quan trọng trong các quyết định chiến lược cũng như chiến thuật của Việt Minh. Trước tình trạng đó chính một số các lãnh đạo Việt Minh cũng e ngại rằng việc dựa vào Trung Cộng một cách mù quáng có thể làm hại cho quá trình phát triển của lực lượng Việt Minh. Tháng 12 năm 1950, Trường Chinh viết một bài dài trong tạp chí *Sự Thật* nói rằng:

"Chúng ta có một số nước bạn giúp đỡ cho chúng ta. Nhưng nếu chúng ta muốn chiến thắng, trước hết chúng ta phải dựa vào sức mình. Nỗ lực của chúng ta là chính, viện trợ là phụ. Chúng ta không thể nào tùy thuộc vào bên ngoài... Công tác xây dựng lực lượng phải chú ý đến cả việc xây dựng lực lượng chủ lực đồng thời với các lực lượng địa phương và dân quân tự vệ. Nếu xây dựng các lực lượng này quá chậm chạp không tốt cho các cố gắng chiến đấu thì việc xây dựng quá mau lẹ mà không có đủ cơ sở yểm trợ, thiết bị, hậu cần và cán bộ thì sẽ còn có hại nữa." (20)

Những e ngại của Trường Chinh đã trở thành sự thật khi Việt Minh tung ra một loạt

những chiến dịch nhắm vào đồng bằng sông Hồng nhằm chiếm cứ Hà Nội trong năm 1951. Nếu trong chiến dịch biên giới, phía Trung Cộng đã cho rằng hầu hết chiến thắng này là công của họ thì trong ba chiến dịch thất bại (Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám và Quang Trung), Trung Cộng lại hoàn toàn phủ nhận họ có dính líu đến chuyện này. Theo Cường Trại, trong một điện tín gởi cho Mao vào ngày 27 tháng 2 năm 1951, Vi Quốc Thanh than phiền về quân đội Việt Minh và đề nghị cải tổ và huấn luyện lại lực lượng này. Vi cũng than phiền về sự sốt ruột của quân đội Việt Minh muốn mở ngay những chiến dịch lớn và đánh chiếm các thành thị (21). Tuy nhiên có những bằng chứng cho thấy các cố vấn Trung Cộng đã tích cực tham gia vào các chiến dịch này.

Chiến thuật biển người mà Việt Minh sử dụng trong chiến dịch Trần Hưng Đạo tại Vĩnh Yên mà đã khiến cho họ bị thiệt hại nặng chính là chiến thuật mà Bành Đức Hoài đã sử dụng để chống lại quân đội Liên Hiệp Quốc tại Triều Tiên. Một tài liệu do quân đội Pháp bắt được vào cuối năm 1950 cho thấy chính các cố vấn Trung Cộng đã thúc đẩy Việt Minh sử dụng chiến thuật biển người cũng như là tổ chức những trận đánh trực diện có tính tiêu diệt thay vì những trận đánh kiểu phục kích (22).

Theo Võ Nguyên Giáp, phía Trung Cộng đã nản chí trước các thất bại tại trong các chiến dịch nhằm chiếm đóng vùng đồng bằng đến nỗi họ khuyến cáo Việt Minh quay trở lại chiến tranh du kích (23).

Rèn Cán Chỉnh Quân và Phong Trào Cải Cách Ruộng Đất

Có lẽ điều gây ra thiệt hại nhất cho Việt Minh là những cố gắng của các cố vấn Trung Cộng đem áp đặt mô hình Maoisme vào chế độ Việt Minh. Khởi đầu với phong trào "chỉnh huấn" được áp dụng trong quân đội theo kiểu những đợt "chỉnh phong" mà Mao áp dụng tại Diên An trong những năm đầu của thập niên 40. Những cuộc chỉnh huấn này với các buổi học tập chính trị, phê bình và tự phê bình nhằm loại bỏ những người không phải tầng lớp vô sản và bần cố nông đã đẩy rất nhiều những thanh niên trí thức thành thị ra khỏi quân đội Việt Minh, quay trở về vùng quốc gia và Pháp kiểm soát. Chính Võ Nguyên giáp trong hồi ký cũng đã phải nói tới những biện pháp tác hại mà các cố vấn Trung Cộng đã áp đặt vào quân đội Việt Minh:

"Chúng ta đã tiếp nhận từ những cố vấn về giáo dục chính trị một cách làm khác, coi kiểm điểm tư tưởng là cuộc đấu tranh không khoan nhượng với mọi sai lầm. Những ai không nêu được sai lầm nghiêm trọng sau khi học tập đều coi như thiếu thành khẩn và bản tự kiểm điểm không được tập thể thông qua. Những buổi kiểm điểm thường diễn ra căng thẳng với những lời phê phán đao to búa lớn, nhiều khi gò ép." (24)

"Chỉnh huấn" chỉ mới là một phần trong các hoạt động nhằm Mao hóa Việt Minh. Quan trọng hơn và có ảnh hưởng tệ hại hơn cho Việt Minh là phong trào cải cách ruộng đất mà họ tung ra theo sự chỉ đạo của các cố vấn Trung Cộng. Đầu năm 1953, Trung Cộng gởi Trương Đức Quân sang làm cố vấn cho Cộng Sản Việt Nam về cải cách ruộng đất và chỉnh đốn đảng. Cùng sang với Quân là 42 chuyên gia khác về cải cách ruộng đất. Mô hình cải cách của Trung Cộng được áp dụng triệt để một cách máy móc tại Việt Nam.

Các cán bộ cải cách ruộng đất được dạy về cách thức làm sao xác định thành phần giai cấp trong làng xã; cách thành lập các đoàn thể thanh niên, trẻ em, phụ nữ, vân vân, để cô lập hóa các thành phần bị nghi ngờ. Họ được chỉ cách tổ chức lại các cơ cấu hành chánh để đưa những người thuộc thành phần bần cố nông lên nắm quyền. Sau cùng, những đoàn cán bộ cải cách ruộng đất được đưa về các làng mạc để thực hiện chế độ "tam cùng," khuyến khích dân chúng "tố khổ." Tất cả những kỹ thuật đó đều lấy nguyên văn từ các hoạt động cải cách ruộng đất tại Hoa Lục.

Quyết định thực hiện việc cải cách ruộng đất vào mùa đông 1952-1953 đã tạo ra những rối loạn lớn trong nội bộ dân chúng và trong hàng ngũ quân đội Việt Minh vốn vẫn còn nhiều sĩ quan cán bộ thuộc các thành phần địa chủ, trí thức hoặc phú nông. Trước tình trạng đó, đoàn cố vấn Trung Cộng đã thúc ép chính quyền Hồ Chí Minh mở ra một đợt "chỉnh quân mới." Ngày 7 tháng 2 năm 1953, La Quý Ba gởi một báo cáo về cho giới lãnh đạo Trung Cộng đề nghị đưa ra một chiến dịch chỉnh quân nhằm làm cho các cán bộ, chiến sĩ Việt Minh phân biệt rõ sự khác biệt giữa các giai cấp địa chủ và bần cố nông. La nhấn mạnh là chỉ có làm như vậy đảng Cộng Sản Việt Nam mới có thể tăng cường được khả năng và tinh thần chiến đấu của quân đội cũng như là bảo đảm được rằng việc cải cách ruộng đất đạt

được thành công. Ngày 4 tháng 3, Trung Ương đảng Cộng Sản Trung Quốc chấp thuận đề nghị của La Quý Ba (25). Tháng 5 năm 1953, trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam (lúc đó còn có tên là đảng Lao Động) chấp nhận đề nghị của La Quý Ba. Nhiều đợt học tập chính trị được tung ra tại khắp các đơn vị của quân đội Việt Minh. Trung Cộng đưa sang một loạt những loại phim tuyên truyền như "Bạch Mao Nữ" nói về những khốn khổ của một cô gái bần nông trong tay một địa chủ tàn ác để tìm cách gợi lên tinh thần giai cấp của binh sĩ Việt Minh. Những buổi kể khổ cũng được tổ chức tại các đơn vị với các binh lính thuộc giai cấp bần cố nông đứng lên kể ra những đau khổ mà họ phải hứng chịu trong tay giai cấp địa chủ và những ai thuộc giai cấp địa chủ phải nói ra những sự tàn nhẫn mà họ đã làm với các nông dân dưới quyền. Trong quá trình cải cách ruộng đất và chỉnh quân trên, không những chỉ những địa chủ thân Pháp hoặc không theo Việt Minh mà cả những người đã ủng hộ Việt Minh ngay từ đầu, cả những cán bộ đảng viên Cộng Sản có thành phần giai cấp không phù hợp đã bị trừng phạt, hạ tầng công tác, bị bỏ tù hoặc bị giết thành ra những đợt này đã đẩy thêm một loạt nữa những người bỏ ngũ trở về vùng quốc gia.

Chiến dịch cải cách ruộng đất và các đợt chỉnh quân đã làm phân hóa mặt trận thống nhất mà chính quyền Hồ chí Minh chủ trương trong những năm đầu của cuộc kháng chiến, làm tê liệt xã hội và đẩy một phần quan trọng dân chúng chống lại Việt Minh. Nó là một yếu tố chính được nêu ra trong cuộc tranh chấp giữa hai đảng Cộng sản Việt Trung sau này (26).

Kỳ sau: *Đường tới Điện Biên Phủ*

Chú thích

1. CAOM CP d. SR Bureau des Activités Techniques 337/R "Activité de Nguyen Duc Thuy" 12/4/1947
2. Mao Trạch Đông *Selected Military Writings of Mao Tse Tung* (Mao Trạch Đông Quân Sự Tuyển Tập) t.349-350
3. Qiang Zhai *China and the Vietnam Wars 1950-1970* The University of North Carolina Press, Chapel Hill, 2000
4. Qiang Zhai *China and the Vietnam Wars 1950-1970* The University of North Carolina Press, Chapel Hill, 2000 t.28
5. Trần Canh *Trần Canh Nhật Ký (phụ)* Giải Phóng Quân Xuất Bản Xã, Bắc Kinh, 1984 t.11
6. Hàn Hoài Trí và Đàm Kinh Kiều *Đương Đại Trung Quốc Quân Đội đích Quân Sự Công tác* Bắc Kinh 1989 Vol.1 t.522-523
7. Trần Canh *Trần Canh Nhật Ký (phụ)* Giải Phóng Quân Xuất Bản Xã, Bắc Kinh, 1984 t.11
8. Võ Nguyên Giáp *Đường Tới Điện Biên Phủ* Nhà Xuất Bản QĐND Hà Nội 1999 t.32
9. Võ Nguyên Giáp *Đường Tới Điện Biên Phủ* Nhà Xuất Bản QĐND Hà Nội 1999 t.40
10. Võ Nguyên Giáp *Đường Tới Điện Biên Phủ* Nhà Xuất Bản QĐND Hà Nội 1999 t.39
11. Trần Canh *Trần Canh Nhật Ký (phụ)* Giải Phóng Quân Xuất Bản Xã, Bắc Kinh, 1984
12. Võ Nguyên Giáp *Đường Tới Điện Biên Phủ* Nhà Xuất Bản QĐND, Hà Nội, 1999 t.98
13. Trần Canh *Trần Canh Nhật Ký (phụ)* Giải Phóng Quân Xuất Bản Xã, Bắc Kinh, 1984
14. Trương Đức Quân "Viện Việt Cố Vấn Đoàn Công Tác Tạp ghi" trong *Trung Cộng đảng sử tư liệu* số 54 tháng 7/1995 t.72
15. Gras, Général Yves *Histoire de la guerre d'-Indochine* Plon, Paris, 1979 t.299
16. Tanham, George K. *Communist Revolutionary Warfare: the Vietminh in Indochina,* London, 1962 t.41
17. Võ Nguyên Giáp *Đường Tới Điện Biên Phủ* Nhà Xuất Bản QĐND, Hà Nội, 1999 t.107
18. Võ Nguyên Giáp *Đường Tới Điện Biên Phủ* Nhà Xuất Bản QĐND, Hà Nội, 1999 t.24
19. Trương Đức Quân "Viện Việt Cố Vấn Đoàn Công Tác Tạp ghi" trong *Trung Cộng đảng sử tư liệu* số 54 tháng 7/1995 t.71-73
20. *Cuộc Kháng chiến thần thánh của Nhân Dân Việt Nam* Nhà Xuất Bản Sự Thật, Hà Nội 1958-1960 t.401
21. Qiang Zhai *China and the Vietnam Wars 1950-1970* The University of North Carolina Press, Chapel Hill, 2000 t.34
22. Services Historiques de l'Armée de Terre (SHAT)- Vincennes 10H-C.94, d.4 "Buổi nói chuyện của đồng chí XX tại Hội Nghị Cán bộ Trung Đoàn-Tiểu Đoàn trong Biên Giới" 12/1950. Dựa vào nội dung tài liệu, ta có thể thấy đồng chí XX chính là một cố vấn Trung Cộng.
23. Võ Nguyên Giáp *Đường Tới Điện Biên Phủ,* Nhà Xuất Bản QĐND, Hà Nội, 1999 t.260
24. Võ Nguyên Giáp *Đường Tới Điện Biên Phủ,* Nhà Xuất Bản QĐND, Hà Nội, 1999 t.229
25. Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Giải Phóng Quân Trung Quốc *Trung Quốc Quân Sự Cố Vấn Đoàn viện Việt kháng Pháp sử liệu,* Giải Phóng Quân xuất bản Xã, Bắc Kinh 1990 t.82
26. Bộ Ngoại Giao nước Cộng Hòa Xã Hội chủ Nghĩa Việt Nam *Sự Thật về Quan Hệ Việt Nam Trung Quốc trong ba mươi năm qua,* Hà Nội 1979

Tìm hiểu sự hình thành các vùng biên giới Việt Nam

SỰ HÌNH THÀNH CÁC VÙNG BIÊN GIỚI MIỀN BẮC

NGUYỄN VĂN HUY

(Xem bài đầu tiên số 146)

Trái với suy tưởng của nhiều người, lãnh thổ miền Bắc Việt Nam từ thời lập quốc cho đến khi bị Pháp thuộc đã không lớn rộng như nhìn thấy trên bản đồ hiện có. Cái nôi của nền văn minh Việt Nam trong suốt thời gian đó chỉ tập trung quanh châu thổ sông Hồng, các đồng bằng dọc bờ biển Bắc Trung Phần và trên các thung lũng sâu hẹp từ Lạng Sơn đến Cao Bằng. Miền Bắc chỉ thực sự lớn rộng vào cuối thế kỷ 19 khi Pháp làm áp lực buộc nhà Thanh tiến hành việc ấn định lằn ranh chia đôi lãnh thổ, với sự sát nhập khu vực thượng du Tây-Bắc vào miền Bắc Việt Nam. Làn ranh này cho tới nay đã không thay đổi.

Thời lập quốc và Bắc thuộc

Theo những truyền thuyết lịch sử được chép lại từ thế kỷ 14, địa bàn phát xuất nền văn minh Văn Lang, thời đại Hùng Vương, tập trung quanh lưu vực sông Hồng, từ chân núi Ba Vì đến chân núi Tam Đảo. Cao điểm của nền văn minh này, còn gọi là văn minh sông Hồng, là nếp sống hợp quần có tổ chức. Dân cư Văn Lang - người Lạc Việt - đã biết sản xuất vật dụng bằng đồng (văn hóa Đông Sơn), săn bắt thú rừng, hái lượm hoa quả, làm rẫy và biết trồng lúa nước.

Người Lạc Việt, ngày nay được nhìn nhận như là tổ tiên của dân tộc Việt Nam, thật ra không phải là những dân cư đầu tiên sinh sống trên châu thổ sông Hồng, trước đó đã có người Mélanésien. Mélanésien là những sắc dân vóc nhỏ, da đen, tóc xoắn, xuất hiện sau thời kỳ tiền sử và sơ sử, di cư từ phía Nam Thái Bình Dương lên bán đảo Đông Nam Á, kể cả châu thổ sông Hồng, sống xen kẽ và đồng hóa các nhóm người nguyên thủy địa phương để rồi sau cùng chỉ còn yếu tố Mélanésien. Sang thời kỳ hậu đồ đá, người Mélanésien, do kém phát triển hơn các nhóm di dân khác đến từ Mông Cổ và Nam Á lập nghiệp trên cùng địa bàn, yếu tố Mélanésien mất dần, cuối cùng chỉ còn yếu tố Nam Á và Mông Cổ. Những khám phá khảo cổ gần đây trên châu thổ sông Hồng xác nhận sự chuyển hóa này: các bộ lạc thuộc văn hóa Phùng Nguyên và Hoa Lộc (cách đây trên 4.000 năm) đã biết chăn nuôi, trồng lúa và sản xuất đồ gốm có hoa văn; các bộ lạc thuộc văn hóa Đồng Đậu và Gò Mun (cách đây khoảng 3.000 năm) bắt đầu biết chế tác vật dụng bằng đồng và tụ cư trong những công xã thị tộc mẫu hệ. Tiếp theo là các bộ lạc thuộc văn hóa Đông Sơn, xuất hiện cách đây trên 2.000 năm, nắm vững kỹ thuật chế tác vật dụng bằng đồng thau ở trình độ cao, biết tổ chức xã hội có tôn ti trật tự và có một khu vực định cư tương đối rõ ràng. Văn hóa Đông Sơn gắn liền với sự xuất hiện của nước Văn Lang và người Lạc Việt.

Văn Lang thật ra không phải là danh xưng của một nước mà là tên của một bộ lạc. Văn Lang đọc theo tiếng Việt Cổ là "pớk lang", nơi sinh trú của một nhóm Lạc Việt. Hùng Vương cũng không phải là tên một vị vua. "Lang kun" trong tiếng Việt cổ là "người đứng đầu một địa phương," theo truyền thuyết đây là thủ lĩnh của một liên minh gồm 15 bộ tộc Lạc. Về sau dựa theo cách phiên âm và diễn giải của người Hán: "pớk lang" đọc thành "Văn Lang" để chỉ tên nước, "lang kun" đọc thành "Lang Hùng," sau bỏ chữ "lang" và thêm chữ "vương" để tôn vinh người thủ lĩnh. Lạc Việt là tên một nhóm thuộc hệ Bách Việt mang nặng yếu tố Indonésien. Người Indonésien to con, da ngâm đen, tóc dợn sóng, di cư từ sông Indus Ấn Độ, chứ không phải từ quần đảo Indonesia, vào lục địa Đông Nam Á và miền Tây Nam Trung Quốc lập nghiệp, hợp chủng

với các sắc dân thuộc hệ Nam Á và Mông Cổ để rồi phân hóa thành nhiều nhóm Việt tộc khác nhau. Một nhóm đi dọc thung lũng các con sông nhỏ đến châu thổ sông Hồng định cư và hợp chủng với các nhóm Mélanésien địa phương để trở thành người Lạc Việt, thị tộc Hồng Bàng, lấy chim vạc hồng làm biểu tượng sùng bái (totem). Như vậy nền văn minh sông Hồng có thể đã có trên 4.000 năm nhưng nước Văn Lang và người Lạc Việt chỉ xuất hiện khoảng 2.500 năm trở lại đây mà thôi.

Tiếp theo Văn Lang là nước Âu Lạc. Có lẽ đến đời Hùng Vương thứ 18, thị tộc Hồng Bàng tuyệt tự nên một thủ lãnh thị tộc Tây Âu ở phía Bắc Văn Lang (Cao Bằng), tên Thục Phán, được đưa lên ngôi, hiệu An Dương Vương, để chống quân Tần xâm lược. Âu Lạc là sự tiếp nối của thời đại Hùng Vương qua liên minh Tây Âu và Lạc Việt vì cả hai cùng thuộc khối Bách Việt, sống gần gụi và xen kẽ với nhau trong lưu vực sông Hồng và sông Tây Giang (Quảng Tây). Trong thời kỳ này, ảnh hưởng của văn hóa Đông Sơn và ngôn ngữ cổ thời Hùng (tiếng Việt-Mường) tỏa rộng từ phía Nam sông Tây Giang đến đồng bằng duyên hải Thanh Hóa. Lãnh thổ Âu Lạc nới rộng tới đâu không tài liệu nào nói rõ, nhưng trong cuộc chiến chống quân Tần (218-208 trước công nguyên) nó bị thu hẹp lại, chỉ còn tập trung trên châu thổ sông Hồng, để rồi mất hẳn vào tay nhà Triệu (179 trước nguyên). Âu Lạc bị sát nhập vào lãnh thổ Nam Việt và chia thành hai quận: Giao Chỉ (châu thổ sông Hồng) và Cửu Chân (Thanh Hóa), với những định mức hành chánh khá rõ ràng. Trong gần 70 năm dưới quyền quản trị của nhà Triệu, lãnh thổ Nam Việt bao gồm các tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây ngày nay, châu thổ sông Hồng và bờ biển Thanh Hóa, nhưng chưa bao giờ vượt lên các miền thượng du Tây Bắc.

Vào cuối thế kỷ thứ II trước công nguyên, nhà Hán thống nhất lục địa và mở rộng lãnh thổ về phía Tây Nam. Nam Việt và nước Điền (Vân Nam) bị chiếm đóng và trở thành một châu của nhà Hán: Giao Châu. Trên nguyên tắc, Giao Châu được nới rộng đến Vân Nam và các vùng rừng núi Quảng Tây về phía Bắc, nhưng trong thực tế nhà Hán chỉ cai trị trên những vùng đất thấp. Đất Giao Châu được chia thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam (Nghệ Tĩnh). Lãnh thổ quận Giao Chỉ được nới rộng tới các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây và Quảng Đông ngày nay, nhưng nhà Hán chỉ cai trị trực tiếp khu vực châu thổ sông Hồng và vùng bờ biển Quảng Yên mà thôi.

Dưới thời Bắc thuộc, di dân Hán tộc vào Giao Chỉ lập nghiệp rất đông. Sự tích "một mẹ trăm con" có lẽ đã bắt đầu từ giai đoạn này chứ không phải vào giai đoạn trước. Một số dân cư Âu Lạc có tinh thần độc lập cao, không chấp nhận sự thống trị của người Hán, rút lên miền núi trở về cuộc sống cổ truyền: duy trì chế độ mẫu hệ, làm rẫy, săn bắn và hái lượm, để rồi trở thành những nhóm người Mường và Tày. Do sống cách biệt lâu ngày với đồng bằng, đời sống người miền núi trở nên lạc hậu và thua kém người đồng bằng. Trong khi đó trên châu thổ sông Hồng, cuộc sống hòa trộn giữa các nhóm Lạc Việt đồng bằng còn lại và người Hán di cư tạo thành một cộng đồng chủng tộc mới, cộng đồng người Kinh, theo chế độ phụ hệ. "Kinh" không phải là tên của một chủng tộc riêng biệt, thường được hiểu là người Việt, mà là tên gọi chung những người sinh sống ở vùng đồng bằng và chốn thị thành để phân biệt với người miền núi hay vùng cao (người Thượng). Với thời gian, yếu tố Indonésien và Mông Cổ trong cộng đồng người Kinh biến thể dần và trở thành yếu tố Việt Mường.

Kết quả chọn lựa hai khu vực định cư thay đổi hẳn quan hệ giữa người đồng bằng và người miền núi. Nhờ sinh sống trên một địa bàn thích hợp với nghề trồng lúa nước và biết áp dụng phương thức tổ chức xã hội theo khuôn mẫu Nho giáo mà đặc điểm là củng cố không gian sinh tồn thuần chủng quanh khu vực trung tâm, hố cách biệt giữa hai khu vực địa dư ngày càng sâu rộng: dân số người Kinh đồng bằng gia tăng nhanh và phát triển hơn cộng đồng miền núi.

Sự giao lưu giữa hai cộng đồng có lẽ đã không diễn ra trong những điều kiện bình thường, người miền núi bị đặt ra ngoài vòng đai chủng tộc và phải thần phục người đồng bằng tại khu vực trung tâm để nhận sự che chở, nên trong giai đoạn đầu của thời kỳ Bắc thuộc những người miền núi, theo chế độ mẫu hệ, đã liên tục nổi lên chống lại khu vực trung tâm: hai chị em bà Trưng, anh em bà Triệu là những lãnh tụ Mường, Mai Thúc Loan là một lãnh tụ nam giới Chăm, gốc Nam Đảo. Chỉ sang giai đoạn sau, khi cộng đồng người Kinh bị người Hán lục địa sang cai trị và hiếp đáp

quá đáng mới hợp lực cùng người Mường và người Chăm chống lại ách cai trị của phương Bắc, giành lại chủ quyền.

Huyện Tượng Lâm, vùng đất tận cùng phía Nam của quận Nhật Nam (tỉnh Quảng Bình ngày nay), là khu trái độn thuộc ô vuông thứ tư - "khu vực cưỡng chấp" theo quan niệm về không gian sinh tồn xưa - nơi thường xuyên xảy ra những vụ tranh chấp chủ quyền với người địa phương. Về mặt chiến lược, Tượng Lâm là vùng đất thấp có thể trở thành "khu vực an bình," thuận lợi cho sự mở rộng không gian sinh tồn của người đồng bằng do đó các chính quyền trung ương luôn tìm cách bảo vệ trong khi các vùng rừng núi phía Bắc và Tây-Bắc, thuộc "khu vực vô cương," hoàn toàn bị bỏ rơi. Thêm vào đó, khái niệm về lằn ranh phân chia lãnh thổ còn rất mơ hồ, ranh giới huyện Tượng Lâm ở phía Nam rộng hẹp tùy thuộc sự thần phục của các sắc dân địa phương và được phỏng đoán ở Đèo Ngang (trụ đồng Mã Viện có thể đã được dựng lên ở khu vực này). Cuối cùng huyện Tượng Lâm bị mất vào tay người Chăm năm 192 sau công nguyên và trở thành nước Lâm Ấp.

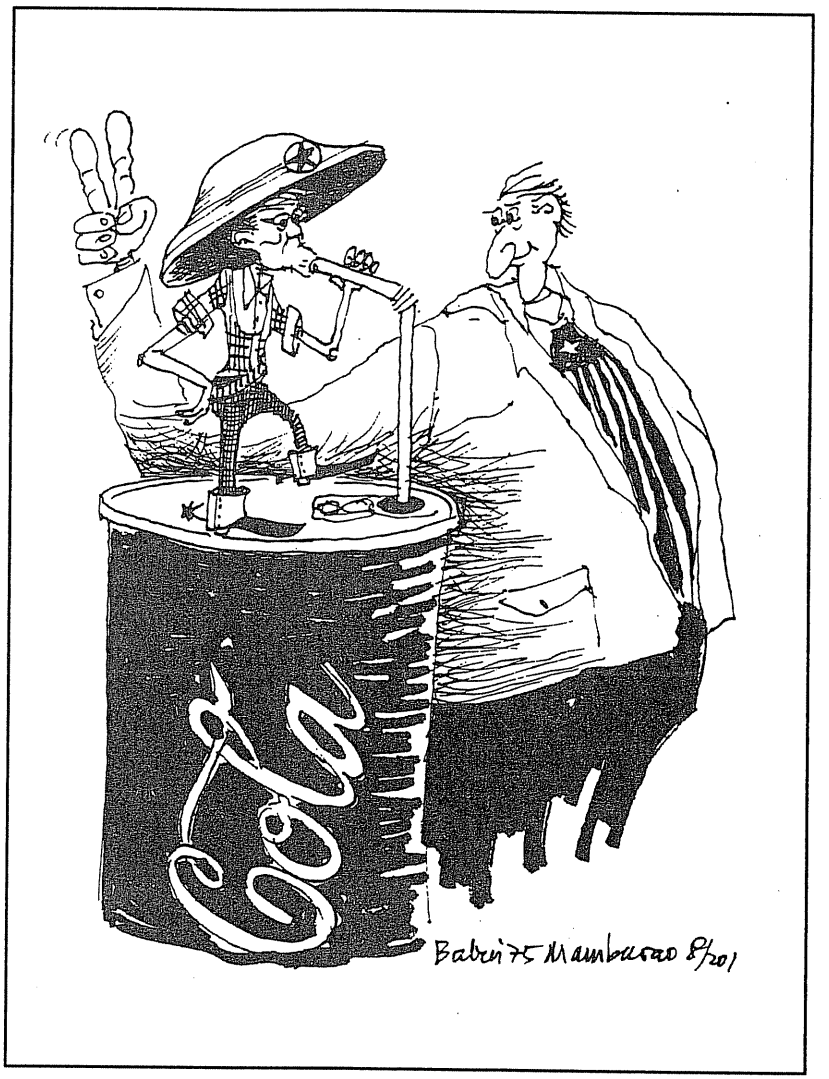

Lâm Ấp là một biến cố chính trị, một sự ly khai khỏi ảnh hưởng nhà Hán ở phía Nam Trung Quốc. Nó là tiền đề cho những cuộc đấu tranh giành độc lập của người Kinh sau này. Lâm Ấp, theo nhà Đông Hán, là một ấp nhỏ ở phía Nam sát vùng rừng núi. Danh xưng mới này là một biến nghĩa của Tượng Lâm, nhà Đông Hán muốn nói Lâm Ấp chỉ là một phần đất nhỏ không quan trọng để thiên triều phải can thiệp trực tiếp, và nếu có mất thì cũng không lấy gì làm quan trọng vì nằm trong "khu vực cưỡng chấp," nơi sinh trú của những tộc "Man". Sách Thủy Kinh Chú giải thích rõ Lâm Ấp là huyện Tượng Lâm, sau bỏ chữ "Tượng" (phía Nam) để trở thành Lâm Ấp. Có người cho rằng Lâm Ấp là sự phiên âm theo tên tộc của người địa phương Krom hay Prum thuộc ảnh hưởng Ấn Độ mà thành. Ngôn ngữ Trung Hoa trong thời kỳ này có nhiều hạn chế, nhất là trong việc phiên âm chiết tự các tên ngoại quốc. Lin-yi có thể là cách viết phiên âm từ chữ "Hindi", tức người Ấn; người Hoa dựa vào đó phát âm thành Lin-yi, người Việt cải âm thành Lâm Ấp, rồi từ đó diễn giải theo nghĩa mình nghĩ (Lâm là rừng, Ấp là thôn nhỏ v.v...). Đến thế kỷ thứ 8 Lâm Ấp được gọi là Hoàn Vương Quốc và sang thế kỷ thứ 9 có tên là Chiêm Thành

(Champa), tên gọi này chính xác nhất và tồn tại đến cuối thế kỷ thứ 17.

Thời kỳ tự chủ

Khi Ngô Quyền giành được độc lập năm 938, lằn ranh hành chánh có tính ước lệ giữa Giao Châu và Trung Quốc trước kia trở thành lằn ranh chính trị thực tế phân chia hai lãnh thổ và không mấy thay đổi trong suốt thời kỳ độc lập, nghĩa là từ vùng bờ biển tỉnh Quảng Ninh lên Cao Bằng và châu thổ sông Hồng, trong khi lằn ranh phân chia Giao Châu với Lâm Ấp ở phía Nam rất là bất ổn vì tranh chấp thường xuyên.

Trong thời tự chủ, miền Bắc có nhiều tên khác nhau (Đại Cồ Việt, Đại Việt, An Nam Quốc, Đại Ngu, Việt Nam, Đại Nam) nhưng ít ai dùng đến. Người Kinh thời đó thường xưng mình là "thần dân" của triều đại đương quyền để xác nhận "quốc tịch" của mình đối với các triều đại khác (bên Trung Quốc). Năm 1081, vua Lý Nhân Tôn có sai Lê Văn Thịnh sang "nước Tống" thảo luận về việc ấn định lằn ranh phân chia hai nước, nhưng thiện chí này không ngăn cản quân Tống tiến đánh nhà Lý.

Ở vùng cực Nam, do sinh cư trên một vùng đất hẹp và cằn cỗi, năng suất nông nghiệp không đủ cung cấp cho một dân số không ngừng tăng lên, các vua chúa Chăm thường hay cất quân lên miền Bắc đánh phá, cướp lương thực và bắt người về làm nô lệ xây dựng đền đài. Lằn ranh phân chia lãnh thổ miền Bắc với Lâm Ấp lúc đầu được xác định ở Đèo Ngang, sau lùi dần xuống phía Nam theo đà suy kiệt của người Chăm. Năm 1069 vua Chiêm là Chế Củ (Rudravarman III) nhường cho vua Lý Thánh Tôn ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính (Quảng Bình và Bắc Quảng Trị); năm 1306 Chế Mân (Simhavarman III) tặng vua Trần Anh Tôn châu Ô và Châu Lí làm quà cưới công chúa Huyền Trân; năm 1471 vua Lê Thánh Tôn chiếm thành Đồ Bàn (Vijaya) và một vùng đất dài tới mũi Chân Mây (Quảng Nam). Càng về sau lãnh thổ Chiêm Thành teo hẹp hay lớn rộng tùy theo những chiến tích quân sự, thường là bất lợi cho Chiêm Thành.

Địa giới cuối cùng của miền Bắc ở phía Nam chỉ chính thức được ấn định sau năm 1630, khi Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên cho người ra Thăng Long trả lại sắc dụ (phong chúa Sãi là Thái Phó Quốc Công) của triều Lê, công khai bất phục uy quyền của họ Trịnh, rồi xua quân chiếm đóng phần đất phía Nam Bố Chính. Làn ranh nội biên giữa miền Bắc và miền Nam, thường được dân chúng gọi là Bắc Hà - Nam Hà, được xác định ở Linh Giang (hay sông Gianh) và lằn ranh ngoại biên giữa xứ Đàng Trong với Champa vào giữa thế kỷ 17 được xác định ở chân núi Thạch Bi, đèo Cả (Phú Yên). Tại Thanh Hóa, thuộc lãnh thổ Bắc Hà, lằn ranh khai thác ruộng đất của người Kinh chỉ tập trung từ đồng bằng duyên hải đến phía Bắc Bố Chính và khu vực trung lưu các sông Cả và sông Chu; khu vực thượng lưu hai con sông này còn rất xa lạ.

Trở về vùng biên giới phía Bắc, lằn ranh chính trị phân chia hai triều đại Việt - Trung rất là bất định, các nhóm Tày, Thái, Nùng, Mán và Mèo trốn chạy các cuộc loạn lạc bên Trung Quốc vào Lạng Sơn và Cao Bằng lập nghiệp ngày càng đông và tùy sự thần phục của các nhóm này mà uy quyền của hai trung tâm quyền lực nới rộng đến đó. Khu vực thượng du Lạng Sơn và Cao Bằng trở thành vùng trái độn. Trong thực tế các sắc dân sinh sống trong khu vực này thần phục cả hai triều đình, nhờ đó đã hưởng một phần nào đó qui chế tự trị.

Sự kiểm soát chính trị của triều đình Việt Nam trên các vùng trái độn rất là lỏng lẻo, phần lớn các chức vị hành chánh đều do các thủ lãnh địa phương đảm nhiệm. Chính sách thường được áp dụng có tên là "kềm cương phụ đạo" hay "cơ my phụ đạo," nghĩa là kiểm soát (kềm cương) hay ràng buộc (cơ my), nâng đỡ và hướng dẫn các vị lãnh chúa địa phương (phụ đạo) để thay mặt triều đình thu thuế và làm tai mắt tại vùng biên giới phòng hờ ngoại xâm hay quân phản loạn. Chính sách này còn có một tên không mấy đẹp đẽ là "dĩ man trị man" (dùng người địa phương cai trị người địa phương), nhưng có lợi cho cả đôi bên: uy tín của các lãnh chúa địa phương được tăng cường và an ninh của "khu vực trung tâm" (kinh đô) nhờ đó được củng cố. Chỉ khi nào thực sự bị đe dọa, triều đình Việt Nam mới cất quân vào can thiệp như trong các năm 931 và 1078 đánh Tống, dẹp Nùng (1038-1048) chống Mông Cổ (1285-1288), v.v..., và rút quân về ngay khi an ninh được vãn hồi.

Các khu vực trái độn thường có một vị trí chiến lược lý tưởng để các phe thù nghịch vận động các sắc dân địa phương quấy phá đối phương. Trong quá khứ, người Việt và người Hoa thường gián tiếp hay trực tiếp giúp người

thiểu số hay quân phản loạn chống lại triều đình đối phương dọc vùng biên giới. Năm 1592, nhà Minh buộc nhà Lê giao đất Hưng Hóa (Cao Bằng và Lạng Sơn) cho con cháu họ Mạc cai quản nhưng đến năm 1667 thì bị lấy lại; nhà Lê và nhà Thanh chấp nhận phân ranh lãnh thổ bằng những trụ đá nhưng thỏa thuận này không được tôn trọng, sáu huyện ở Hưng Hóa lọt vào tay nhà Thanh. Nhiều cuộc đụng độ võ trang giữa quân Thanh và chúa Trịnh đã xảy ra tại Lạng Sơn và Cao Bằng trong suốt thời gian từ 1724 đến 1753 mà thắng lợi nghiêng về phía Việt Nam, nhiều đồn bót quân sự đã được dựng lên để kiểm soát sự qua lại của dân chúng trong vùng. Ngược lại, cũng trong thời gian này, Việt Nam mất quyền kiểm soát trên một khu vực rộng lớn phía Tây Bắc, từ Tuyên Quang đến Vân Nam, các lãnh chúa người Thái và Tày hùa theo các phong trào "phản Thanh phục Minh" và sau đó là nhóm "Thái Bình Thiên Quốc" chống lại cả hai triều đình.

Khu vực bờ biển bờ biển phía Bắc Việt Nam tiếp giáp tỉnh Quảng Đông trong hai thế kỷ 18 và 19 cũng gặp nhiều biến động, hải tặc người Hoa tung hoành cướp bóc thuyền bè qua lại. Làn ranh phân chia lãnh hải và đất liền tại đây chưa được xác định rõ ràng. Năm 1764 dân cư huyện Vạn Ninh (Hải Ninh) phải di tản về phía Nam lánh nạn, ngư dân người Hoa liền vào thay thế và dựng làng dọc bờ biển từ Yên Quảng (Quảng Ninh) đến Thanh Hóa. Sự hiện diện bất hợp pháp của ngư phủ người Hoa càng làm tình hình an ninh tại đây thêm phần bất ổn, năm 1829 tổng đốc tỉnh Quảng Yên phải huy động 45 tàu chiến để đuổi hơn ba trăm tàu đánh cá Trung Hoa ra khỏi khu vực bờ biển. Nguyễn Công Trứ, năm 1839, cũng ra tay đuổi ngư phủ Trung Hoa về nước nhưng tất cả xin làm "thần dân" triều Nguyễn, như người Minh Hương trước đó đã làm, và được vua Minh Mạng chấp nhận.

Năm 1786, khi Nguyễn Huệ ra Bắc khuất phục triều Lê, toàn khu vực Đông Bắc lọt vào tay nhà Thanh và chỉ thu hồi lại năm 1789 khi quân Thanh bị đánh bại bỏ chạy về nước. Nhưng Nguyễn Huệ không có ý định ở lại đất Bắc nên trong suốt thời gian tranh giành ảnh hưởng với Nguyễn Phúc Ánh ở trong Nam, khu vực thượng du trở nên vô chủ, các toán cướp người Hoa và quân Thanh lại vào chiếm cứ, lằn ranh miền Bắc trở nên bất định. Trong những lần cử người sang Yên Kinh triều cống, Nguyễn Huệ có yêu cầu nhà Thanh trả lại sáu huyện thuộc tỉnh Hưng Hóa bị sát nhập vào tỉnh Vân Nam sau khi nhà Mạc bị diệt, nhưng không được thỏa mãn. Tham vọng của Nguyễn Huệ không dừng lại ở đó, ông còn muốn đòi lại vùng đất Lưỡng Quảng (Quảng Tây và Quảng Đông) vì cho rằng trước kia thuộc lãnh thổ nước Nam. Từ sau 1789, Nguyễn Huệ mộ quân cướp biển người Hoa trong vịnh Bắc làm thuộc hạ và ngấm ngầm cho xâm nhập vào các làng ven biển Quảng Đông đánh phá, đồng thời ủng hộ các phong trào phản Thanh trong nội địa Quảng Tây. Nguyễn Huệ qua đời năm 1792, những người kế tục ông không đủ bản lĩnh tiếp nối, tham vọng đó nhường cho Gia Long.

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi, xưng hiệu Gia Long, và đặt tên nước là Nam Việt. Khi chọn quốc hiệu này, Gia Long cũng có ý muốn thu hồi lại vùng đất Lưỡng Quảng trước kia thuộc Nam Việt thời Triệu. Nhưng khi cử người sang Yên Kinh cầu phong năm 1803, nhà Thanh phủ nhận quốc hiệu này và giữ nguyên tên cũ là An Nam. Gia Long cho đảo ngược tên nước lại thành Việt Nam, nhưng ít khi dùng tới. Năm 1806, sau khi thu phục được những nhóm người Tày và Thái sinh sống trên vùng thượng du theo mình, Gia Long cử người sang Yên Kinh đòi lại sáu huyện thuộc tỉnh Hưng Hóa và hai châu Chiêu Tấn và Lại ở vùng Tây Bắc, yêu cầu này không được thỏa mãn. Thời gian sau đó, vì bận đối phó với đủ loại giặc giã trong và ngoài nước, cả hai triều đình bỏ rơi các cuộc tranh chấp; khu vực biên giới trở nên vô chủ. Năm 1839, Minh Mạng đổi tên nước thành Đại Nam. Đại về mặt chính trị có thể được xem là một đế quốc, vì ảnh hưởng của triều Nguyễn đã vượt lên Trường Sơn, tỏa rộng đến tả ngạn sông Mékong và xuống tận Biển Hồ. Nhưng khi Minh Mạng cử người sang Yên Kinh triều cống, nhà Thanh bác bỏ quốc hiệu mới và vẫn giữ nguyên tên cũ là An Nam. Đối với người Hoa, An Nam chỉ là phần đất phía Nam cần phải bình định. Khi làm chủ toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, người Pháp cũng dựa theo nhà Thanh gọi lãnh thổ chung của người Việt là An Nam, nhưng về sau thì theo cách gọi thời Trịnh Nguyễn: Bắc Hà (Tonkin) và Nam Hà (Cochinchine), danh xưng "Annam" chỉ xuất hiện vào giữa thế kỷ 19 để chỉ miền Trung (Trung Kỳ).

Năm 1868, vùng thượng du miền Bắc trở

nên bất trị, nhà Nguyễn mất quyền kiểm soát ở khu vực này. Đám tàn quân Thái Bình Thiên Quốc (giặc Hồ) bị nhà Thanh đánh bại chạy vào Việt Nam lánh nạn, chiếm đóng một địa bàn rộng lớn từ Lạng Sơn, Cao Bằng đến Thái Nguyên, Tuyên Quang làm sào huyệt và chia thành các nhóm Cờ Đen, Cờ Vàng và Cờ Trắng đánh phá lẫn nhau. Khi thủ lãnh nhóm Cờ Đen là Lưu Vĩnh Phúc xin thần phục triều đình, "quốc tịch" của Lưu Vĩnh Phúc liền được công nhận, từ "giặc cướp" quân Cờ Đen trở thành "thần dân" của triều Nguyễn và được giao quyền quản trị một địa bàn rộng lớn từ Hà Giang đến Lào Cai để ngăn chặn các cuộc cướp phá của các nhóm Cờ Trắng và Cờ Vàng, đồng thời kiểm soát sự lưu thông vùng thượng du sông Hồng. Khi Pháp tiến đánh thành Hà Nội năm 1873, chính Lưu Vĩnh Phúc đã đứng ra bảo vệ và giết thuyền trưởng Francis Garnier, quân Pháp phải rút lui. Năm 1882, chỉ huy trưởng Henri Rivière cũng bị quân Cờ Đen sát hại khi dẫn quân ra Bắc tái chiếm thành Hà Nội. Cuối cùng triều đình Huế bị Pháp đánh bại, buộc ký các hiệp ước bất công năm 1883 và 1884, theo đó Pháp thay mặt triều đình ký các hiệp ước về ngoại giao, trong đó có quyền ký kết các hiệp ước về biên giới. Lãnh thổ Việt Nam bị chia thành ba kỳ với ba qui chế khác biệt: lãnh thổ Bắc Kỳ, từ Đèo Ngang trở ra, đặt dưới quyền bảo hộ trực tiếp; lãnh thổ Trung Kỳ, từ Khánh Hòa ra tới Đèo Ngang, hưởng qui chế bảo hộ; và lãnh thổ Nam Kỳ, từ Bình Thuận trở vào, là thuộc địa.

Thời Pháp thuộc

Khu vực biên giới miền Bắc trở nên phức tạp sau hiệp ước 1884. Một số sĩ phu triều Nguyễn hợp với các toán quân Trung Hoa chiếm đóng một vùng đất rộng từ Bắc Ninh, Sơn Tây, Yên Thế, Lào Cai, Thái Nguyên, Tuyên Quang đến Cao Bằng, Lạng Sơn, nói chung là toàn vùng thượng du và trung du, lập căn cứ kháng chiến chống lại quân Pháp. Mặc dù được Lý Hồng Chương, chỉ huy trưởng quân khu Quảng Tây của nhà Thanh, ký thỏa thuận rút hết quân về nước và giao các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và Lào Kay ngày 17-5-1884, Pháp vẫn không làm chủ được vùng đất này. Nhiều cuộc giao tranh ác liệt giữa quân Thanh và quân Pháp đã xảy ra dọc vùng biên giới từ tháng 8-1883 đến tháng 3-1885, cuối cùng quân Pháp phải rút lui khỏi Lạng Sơn kéo theo sự sụp đổ của chính quyền Ferry tại mẫu quốc. Đầu năm 1885 Pháp tiến công đảo Đài Loan, tiêu diệt hạm đội Quảng Đông, nhà Thanh mới chịu ký hòa ước Thiên Tân tháng 6-1885, thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp tại Bắc Kỳ, rút quân ra khỏi các tỉnh vùng Đông-Bắc và thành lập các ủy ban phân định lằn ranh chia đôi lãnh thổ.

Phái đoàn thương lượng lằn ranh chia đôi lãnh thổ gồm có người Pháp và người Hoa, chính quyền thuộc địa Pháp không cho triều đình Huế có mặt trong các cuộc thương lượng này vì muốn chấm dứt sự lệ thuộc của triều Nguyễn với nhà Thanh. Các cuộc thương lượng được chia ra làm ba giai đoạn và công tác xác nhận chủ quyền đất đai kéo dài trong mười năm, từ 1886 đến 1895. Giai đoạn đầu (từ tháng 1 đến tháng 4-1886), họp tại Đồng Đăng, ấn định khu vực biên giới Quảng Tây; giai đoạn hai (từ tháng 6 đến tháng 11-1886), họp tại Lào Cai, ấn định khu vực phân chia lãnh thổ tại Vân Nam; và giai đoạn ba (từ tháng 11-1886 đến tháng 4-1887), họp tại Móng Cái, ấn định lằn ranh tỉnh Quảng Đông và vùng duyên hải. Qua các cuộc thương lượng, có ba khu vực mà Pháp nhượng cho Trung Hoa để đổi lại những nhượng bộ khác về kinh tế (xuất cảng hàng hóa và thành lập hai tòa lãnh sự Pháp tại Vân Nam và Quảng Tây), đó là Hoành Mô (70 km2) vùng đất nằm giữa thượng nguồn sông Tiên Yên và sông Long Hồ ở Quảng Đông, xã Đèo Lương (300 km2) ở Quảng Tây và xã Tụ Long (750 km2) ở Vân Nam.

Thỏa thuận đầu tiên về vùng biên giới Đông Bắc Việt Nam được sứ giả Pháp Constans ký với nhà Thanh ngày 26-6-1887 tại Bắc Kinh, gọi là "công ước Constans 1887," theo đó lằn ranh phân chia Việt Nam với Quảng Đông dài khoảng 60 km, với Quảng Tây 300 km và với Vân Nam gần 600 km. Phải ghi nhận công lao của người Pháp vì thương lượng với nhà Thanh từng tấc đất và thiết lập địa đồ khu vực rừng núi hiểm trở trên miền thượng du Bắc Việt không phải dễ. Quân đội Pháp đã mất khá nhiều sĩ quan và binh lính trong các cuộc hành quân thám hiểm và đo đạc địa hình trên vùng rừng núi phía Bắc. Thành quả của các cuộc thương lượng về biên giới này tuy còn nhiều thiếu sót nhưng rất khích lệ. Lần đầu tiên Việt Nam có một biên giới rõ ràng, nhìn thấy trên bản đồ với tên địa danh, đường sá, sông ngòi chi tiết, và được đánh dấu bằng những cột mốc trên đất liền

Lào Cai tới mũi Trà Cổ. Nhiều trục lộ giao thông lớn từ đồng bằng lên vùng biên giới Đông-Bắc và các đồn kiểm soát sự qua lại tại khu vực biên giới được thành lập.

Trong suốt thời gian thương lượng, Pháp một mặt tiến hành các cuộc hành quân tiểu trừ quân Thanh và Cờ Đen còn chiếm giữ nhiều khu vực trọng yếu trong vùng Phong Thổ (thuộc tỉnh Lai Châu ngày nay), một mặt cử nhiều đoàn thám hiểm đo đạc địa hình và nghiên cứu thủy thổ, phong tục tập quán của các sắc dân cư ngụ dọc vùng biên giới ở khu vực phía Tây Lào Cai. Năm 1891, một thủ lãnh người Thái tên Đèo Văn Trì, trước kia theo Tôn Thất Thuyết chống lại quân Pháp sau qui phục phái đoàn Auguste Pavie tại Lào, trở thành hướng dẫn viên đắc lực giúp Pháp vẽ lại địa hình khu vực biên giới Tây-Bắc, đặc biệt là vùng đất từ phía Tây Lào Cai đến tả ngạn sông Mékong miền Bắc Lào. Auguste Pavie đã đi khắp các mương Thái trong vùng Điện Biên, chinh phục cảm tình thủ lãnh các sắc tộc Thái, Tày, Nùng, Mường, Mán, Mèo, Dao và đặt tất cả dưới quyền bảo hộ của Pháp. Năm 1893, Pháp đánh bật đám tàn quân Thái Bình Thiên Quốc ra khỏi Luang Prabang, đưa Oun Kham lên ngôi và đặt Lào dưới sự bảo hộ của Pháp. Trong thời gian này quân Thanh bị Nhật đánh bại tại Mãn Châu, sứ giả Pháp tại Bắc Kinh Gérard liền đề nghị mở lại các cuộc thương lượng về vùng biên giới phía Bắc Việt Nam và được chấp thuận.

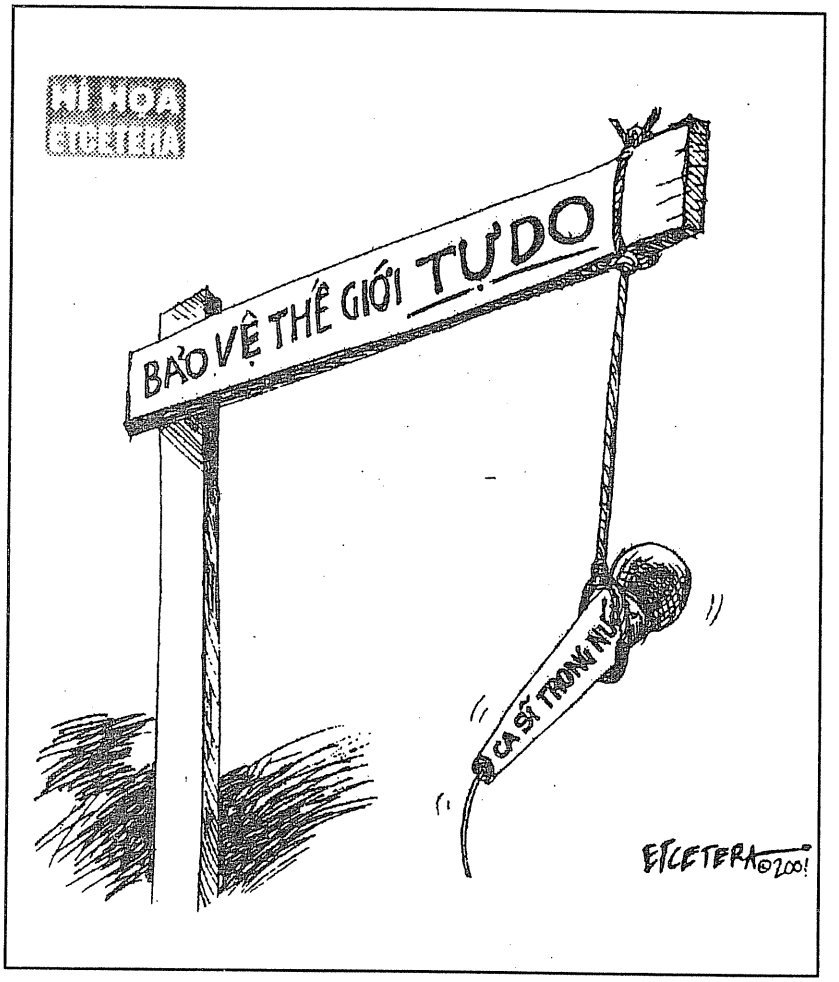

Thỏa thuận thứ hai về vùng biên giới Bắc Việt Nam, gọi là "công ước Gérard 1895," được ký ngày 3-1-1895 tại Long Po (một làng nhỏ bên Trung Quốc cạnh biên giới tỉnh Vân Nam và nằm giữa hai tỉnh Lào Cai và Lai Châu ngày nay), theo đó chiều dài vùng biên giới giữa Vân Nam và Việt Nam được nới rộng thêm khoảng 200 km, tổng cộng gần 800 km. Nhiều vùng đất rộng lớn, đặc biệt là 12 mương Thái trước kia thuộc Vân Nam theo công ước Constans 1887, được sát nhập vào lãnh thổ Việt Nam và Lào, hai tỉnh mới, Lai Châu và Sơn La, được thành lập. Làn ranh phân chia các khu vực hành chánh trong nội bộ lãnh thổ Bắc Kỳ dựa theo sự phân bổ tự nhiên của dân chúng, một số được giữ nguyên, một số khác được ấn định lại và những lần ranh đó cho tới nay gần như không thay đổi.

Chính quyền bảo hộ Pháp sau đó cử nhiều phái đoàn thám hiểm đo đạc địa hình các tỉnh phía Tây Bắc để xác định lằn ranh phân chia nơi sinh trú giữa các sắc dân Thái, Lào và người Kinh, đặc biệt là tại Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh. Nhiều thỏa thuận nội bộ giữa Bắc Kỳ và Lào được ký kết: ranh giới các tỉnh

Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình với Bắc Lào được xác định; ranh giới tỉnh Ninh Bình được dùng làm điểm phân ranh giữa Bắc Lào, Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Vùng đất Hứa Phàn sau nhiều tranh cãi, dựa theo quan hệ lịch sử, cuối cùng được sát nhập vào địa phận Thanh Hóa.

Việc quản trị vùng thượng du Bắc Việt sau 1895 trên nguyên tắc do chính quyền bảo hộ đảm nhiệm, nhưng trong thực tế do các lãnh chúa địa phương điều hành dưới sự giám sát của quân đội Pháp. Trong giai đoạn này, các sắc tộc Thái, Tày, Nùng và Mèo hưởng một qui chế tự trị rộng rãi và sống cách biệt hẳn với người Kinh đồng bằng. Đặc biệt là cộng đồng người Thái, nhất là dòng họ Đèo rất được người Pháp tôn trọng, đã giữ một vai trò quan trọng trong các quyết định hành chánh và các cuộc tranh chấp địa phương. Chẳng hạn như một số mương Thái trong địa phận Hứa Phàn, dựa trên quan hệ huyết thống với các mương Thái khác trên đất Lào, phản đối việc sát nhập vào tỉnh Thanh Hóa năm 1895 và xin được nhập vào vương quốc Lào; lời yêu cầu này đã được Pháp chấp thuận năm 1903. Chính phủ hoàng gia Lào cũng nhân dịp yêu cầu sát nhập các mương Thái tại Điện Biên vào Lào nhưng không được triều Nguyễn chấp nhận. Để tránh mọi tranh chấp khác có thể xảy ra, ranh giới hai tỉnh Lai Châu (Bắc Kỳ) và Muong U (Lào) được chính quyền bảo hộ ấn định lại một cách rõ ràng với tên đỉnh núi, dòng sông và đèo ải cụ thể.

Trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất, Việt Minh chỉ kêu gọi được sự hợp tác của người Tày tại miền Bắc vì lập căn cứ trên lãnh thổ của họ (chiến khu Việt-Bắc), các nhóm khác vẫn đứng ngoài cuộc chiến và người Pháp biết lợi dụng yếu tố này. Trong mục đích chia để trị, năm 1949 Pháp cho thành lập các "Liên bang Thái Mèo" gồm các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Lào Cai, "Liên bang Mường Thổ Tày" tại Cao Bắc Lạng và "Liên bang Nùng" từ Lạng Sơn đến Vịnh Hạ Long, để bao vây các căn cứ của phong trào Việt Minh. Những liên bang tự trị này sau đó được sát nhập vào Xứ Thượng Miền Bắc năm 1951, trực thuộc Hoàng Triều Cương Thổ (trong đó có Xứ Thượng Miền Nam) do Bảo Đại đứng đầu và Pháp điều khiển. Các nhóm biệt kích Thái, Nùng và Mèo do Pháp huấn luyện đã phá vỡ nhiều chiến khu Việt Minh trên vùng Việt-Bắc. Sau 1954 Xứ Thượng Miền Bắc được giao trả lại cho chính quyền miền Bắc, Hồ Chí Minh đã khôn ngoan chấp nhận một số qui chế tự trị cho các sắc tộc miền thượng du để tìm hợp tác và chỉ siết lại khi guồng máy cai trị đã vững. Sự kiện này cho thấy các sắc tộc miền núi ít gắn bó với người Kinh ở đồng bằng và sẵn sàng quay mặt lại khi tình thế cho phép.

Mất nước là mối nhục lớn cho mọi dân tộc, nhất là một dân tộc có một nền văn hóa lâu đời như Việt Nam. Mặc cảm đó cho đến nay vẫn còn im đậm trong ký ức của mọi người, nhưng trong cái rủi phải tìm điều may. Qua hai công ước 1887 và 1895, miền Bắc Việt Nam có một lãnh thổ rộng lớn và một vùng biên giới rõ ràng; tuy bị lấy đi phần đất Hứa Phàn, vùng biên giới đó cho tới nay không thay đổi. Người Pháp tuy có chiếm Đông Dương làm thuộc khai thác tài nguyên nhân vật lực, nhưng cũng phải khách quan nhìn nhận họ đã góp phần đáng kể phát triển vùng đất này và mở rộng lãnh thổ với những lằn ranh cố định phân chia các quốc gia. Tại Việt Nam người Pháp đã cố gắng mở rộng lãnh thổ lên vùng rừng núi phía Bắc bằng chính xương máu của họ mà trong suốt hơn hai ngàn năm qua người Việt chưa bao giờ thực hiện được. Cũng nên ghi nhận công lao của Pháp trong việc ấn định lằn ranh phân chia Việt Nam với Trung Quốc vì, trong quá khứ và ngay trong hiện tại, người Việt chưa bao giờ có tư thế bình đẳng khi thương lượng với Trung Quốc về vùng biên giới. Có hiểu được sự yếu kém của mình chúng ta mới quí vùng ranh giới hiện có, tổ tiên chúng ta đã đổ rất nhiều xương máu bảo vệ lãnh thổ nhưng chưa bao giờ thuyết phục Trung Quốc tôn trọng lằn ranh phân chia hai nước. Người Pháp đã thay chúng ta làm được việc đó và, hơn thế nữa, còn nới rộng lãnh thổ Việt Nam lên đến nơi sinh trú của con cháu bà Âu Cơ.

Vấn đề của chúng ta hiện nay là giữ gìn sự toàn vẹn lãnh thổ và bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam với nhau. Nếu quan niệm xưa về không gian sinh tồn đã chia rẽ người Việt Nam với nhau thì ngày nay, với chủ thuyết đa nguyên, các cộng đồng dân tộc phải được tôn trọng như nhau trong một đất nước Việt Nam được định nghĩa như là đất nước của các cộng đồng. Nhìn lại anh em tìm lại bạn bè chính vì vậy phải là trọng tâm của mọi dự án Việt Nam.●

Kỳ tới: *Sự hình thành các vùng biên giới miền Trung*

TÀI HOA MỆNH YẾU:
TRƯỜNG-HỢP TIỂU THANH (1594-1612)

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Thơ chữ Hán của Nguyễn Du (1765-1820) tuy chỉ được biết đến rộng rãi bắt đầu từ năm 1965 khi ở miền Bắc xuất hiện cuốn *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* (1), gồm 249 bài nằm trong ba tập thơ (*Thanh Hiên tiền hậu tập, Bắc-hành thi-tập và Nam Trung tạp-ngâm*) do mấy vị túc-nho ở miền Bắc lúc bấy giờ thu thập, phân-tích và chú thích. Đây là một công-trình lớn khi ta nhớ là mãi đến đầu thập niên 1940 (2), người ta mới biết là Nguyễn Du còn là một nhà thơ chữ Hán nữa bên cạnh sự-kiện mà ai cũng rõ, đó là chỉ với một quyển Kiều, ông đã được người Việt-nam chúng ta đưa lên hàng thi-bá để ngự-trị cho đến ngày nay - một điều không ai là không công-nhận.

Từ đó, nhiều người (3) đã bỏ công sức ra dịch và nghiên cứu, đôi khi khá tường tận bối-cảnh của từng bài thơ chữ Hán của ông. Linh-mục Thanh Lãng và G.S. Nguyễn Đăng Thục ở trong Nam (1971), thi-sĩ Quách Tấn ở miền Trung (1973), và nhiều người khác ở miền Bắc (và sau năm 1975 ở trên toàn-quốc) như các cụ Bùi Kỷ, Phan Võ, Nguyễn Khắc Hanh (1959), Lê Thước, Trương Chính (1965), Đào Duy Anh (1988), Mai Quốc Liên với sự cộng-tác của Nguyễn Quảng Tuân, Ngô Linh Ngọc và Lê Thu Yến (1996), Bùi Hạnh Cẩn (1996), Lê Thu Yến (1999), Duy Phi (2000) v.v. đã đổ công ra phân-tích ý nghĩa của các bài thơ hoặc dựa vào đó để tái-tạo lại cuộc đời và sự-nghiệp của nhà thơ lớn của chúng ta, điển-hình là "truyện ký" mang tên Nguyễn Du do Nguyễn Lộc tung ra vào năm 1988 và niên-phổ về Nguyễn Du của Nguyễn Thạch Giang (1991, 1996). Đây là những mốc đánh dấu bước tiến rất kể về Nguyễn Du và Kiều-học trong không đầy 40 năm qua. Từ ngày đất nước được thống nhất và Bắc-Nam thông-thương thì các học-giả hai miền lại có cơ-hội trao đổi với nhau để tìm thêm ra nhiều điều lý thú về đại-thi-hào của chúng ta: Nguyễn Quảng Tuân và Vũ Văn Kính ở miền Nam, Nguyễn Thạch Giang và Bùi Văn Nguyên ở miền Bắc là những trường-hợp điển-hình, nhờ đó ngành Kiều-học đã vượt lên tới một bình-diện đáng nể.

Ở ngoài nước, từ năm 1965 đã có quyển *Mélanges sur Nguyễn Du* do ông Maurice Durand biên-tập chung với G.S. Tạ Trọng Hiệp của Paris VII. Trước khi mất cụ Hoàng Xuân Hãn cũng đã chia xẻ một số nhận-định về Truyện Kiều với nhà phê-bình Thuỵ Khuê, gây được khá nhiều chú ý. Ở Mỹ, G.S. Đặng Cao Ruyên cũng đã có những đóng góp nhiều mặt về thư-mục và tiểu-sử Nguyễn Du, cũng như đã viết nhiều bài về các khía cạnh khác nhau đáng nói liên-quan đến Truyện Kiều. Trước đó, từ-điển-gia Đào Đăng Vỹ cũng đã nảy ra ý-kiến làm một tạp-chí chuyên lo về Kiều-học, tập-san *Văn Hiến* - dù chỉ ra được có ít số. Giờ đây, nhóm Xuân Thu của một số nhà văn, học-giả miền Bắc Cali cũng đang tiếp nối công việc này. Đó là chưa kể những nỗ lực lẻ tẻ, cá-nhân của một số vị như G.S. Lê Hữu Mục và cụ Nguyễn Bá Triệu ở Canada hay nhà văn Phạm Công Thiện ở Mỹ, v.v. đều đã có những đóng góp rất đáng theo dõi hay tham-khảo.

Như thế tưởng tất cả những gì cần nói, đáng nói về Kiều hay về thơ chữ Hán Nguyễn Du đều đã được nói đến rồi, nhất là sau khi nhiều tác-giả ngoại-quốc giờ đây cũng nghiên cứu Kiều và thơ chữ Hán Nguyễn Du: Abel des Michels, René Crayssac, Maurice Durand, Xuân Phúc (Paul Schneider), Jean Chesneaux và Georges Boudarel, Michel Fourniau ở Pháp, Komatsu Kiyoshi và Takeuchi Yonosuke ở Nhật, Niculin ở Nga, Nhan Bảo ở Trung-quốc, Charles Benoit ở Mỹ v.v.

Ấy vậy mà đôi khi đi vào trong chi-tiết, câu chuyện chưa hẳn đã được sáng tỏ. Nhiều nghi vấn hãy còn trong từng trường-hợp. Thậm chí,

chỉ cần nêu ra một trường-hợp ta cũng đã có thể có nhiều cách đọc, cách giải thích. (4) Hôm nay, chúng tôi xin thu hẹp về chỉ một đề-tài, có thể coi như một cước-chú cho bài "Độc Tiểu Thanh ký," đó là: Tiểu Thanh là ai?

*

Theo từ-điển *Từ-nguyên*, một trong hai công-cụ hàng đầu để nghiên-cứu về Trung-hoa (hai cuốn *Từ-nguyên* và *Từ-hải* về uy-tín cũng tương-tự như hai cuốn *Larousse* và *Robert* trong tiếng Pháp hoặc từ-điển *Webster* của Mỹ, từ-điển *Oxford* của Anh vậy), thì Tiểu Thanh .... "tương-truyền tên là Phùng Huyền-huyền, tên chữ Tiểu Thanh, người Hàng-châu sống vào thời mạt-Minh [= cuối đời nhà Minh bên Tầu]. Nàng có tài về thơ, đặc-biệt giỏi về âm luật. Năm 16 về làm thiếp Phùng Thiên-thu [= tên người chồng]. Bị chê bai nhiếc móc bởi người vợ cả, nàng dọn về Cô-sơn ở, rồi ưu phiền mà chết, hưởng dương 18 năm. Nay ở Cô-sơn, Tây-hồ, Hàng-châu còn có mộ Tiểu Thanh. Những truyện-ký như *Liệu đố canh ký* của Ngô Bính hay *Tiểu Thanh nương phong lưu viện* của Chu Tông-phiên đời Minh đều là dựa vào những giai-thoại về Tiểu Thanh mà làm thành đề-tài. Sách *Liệt triều thi tập* Tiền Khiêm-ích đời nhà Thanh thì cho rằng không có ai là Tiểu Thanh cả và truyện, thơ hay văn của nàng đều là do người đời mượn tên nàng mà làm ra." (5)

Xem vậy thì bảo là có một nàng Tiểu Thanh thật ở đời cũng chưa hẳn là chuyện đảm bảo. Cũng tựa như trong *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ có câu chuyện về "người tiều-phu ở núi Na," (6) người này theo Nguyễn Dữ còn có cả triết-lý và làm thơ rất phóng túng và thơ của ông còn được Nguyễn Dữ ghi lại nữa, song tới nay không ai chắc là có tác-giả tiều-phu đó thật hay không, hay những bài thơ kia chỉ là thơ do Nguyễn Dữ làm ra rồi gán cho một con người huyền-thoại, một con người hư-cấu. Rất có thể lắm vì Nguyễn Dữ không bao giờ nêu tên người kia và do đó, ta có thể nghĩ đây chỉ là một nhân-vật sản-phẩm của trí tưởng-tượng của Nguyễn Dữ.

Nhưng Tiểu Thanh?

Có lẽ người Việt-nam đầu tiên — và quan trọng nhất— được biết về nàng và tin tưởng chuyện đời nàng là có thật chính là thi-hào của chúng ta, Nguyễn Du, tác-giả bài "Độc Tiểu Thanh ký." Từ đó, đối với hầu hết chúng ta, những người đọc thơ chữ Hán của Nguyễn Du, không ai nghi ngờ gì về chuyện có thật một nàng Tiểu Thanh. Ở trong nước, Trương Chính rồi Trần Đình Sử và Nguyễn Quảng Tuân, ai cũng nghĩ là có thật một người làm thơ tự Tiểu Thanh mà truyện đời được kể lại trong một (hay hơn một) bộ truyện-ký, một loại sách khá thịnh-hành ở dưới đời nhà Thanh bên Trung-hoa như *Lâm Tú nương ký, Hội tiên ký, Sơn-đông tứ nữ tự ký, Nghĩa khuyển ký* v.v. "Đầu đề bài thơ," Trần Đình Sử (7) viết, có "nghĩa là cảm nghĩ [khi] đọc 'truyện ghi chép về Tiểu Thanh'," một cách hiểu đúng chữ "ký" hơn Lê Thước và Trương Chính khi hai vị sau này lại xem đó là "một tập hoặc Bùi Kỷ-Phan Võ-Nguyễn Khắc Hanh khi ba vị này tưởng đó là nói về "một tập giấy," một tập thơ. Trần Đình Sử viết tiếp: "Điều này cho thấy Nguyễn Du đã đọc một truyện 'Tiểu Thanh ký' và cảm xúc mà làm ra bài thơ. Vậy không nên hiểu bài thơ là đã được làm khi đọc tập thơ của Tiểu Thanh, hay làm nhân viết một tờ thư viếng Tiểu Thanh. Điều này cũng có nghĩa ta nên tìm hiểu bài thơ trong tương quan với truyện cô Tiểu Thanh."

Bài này, theo Đào Duy Anh viết trong báo *Thanh nghị* vào năm 1942 và nhắc lại trong sách *Khảo luận về Kim Vân Kiều* (Huế: Quan Hải Tùng Thư, 1943), nằm trong Thanh Hiên thi-tập tức là tập thơ chữ Hán Nguyễn Du viết từ năm 1786 đến năm 1804, gồm ba giai-đoạn ("thập tải phong trần" hay "mười năm gió bụi" lưu lạc về quê vợ ở Quỳnh-côi, 1786-96, rồi sáu năm về quê cha ở Hà-tĩnh "dưới chân núi Hồng," 1796-1802, và hai năm "làm quan ở Bắc-hà," 1802-04, dưới triều vua Gia Long) (8). Vẫn theo ông, bài được làm thời-gian ông làm quan ở Bắc-hà. Thuyết này hơn 20 năm sau được Lê Thước và Trương Chính đi theo trong quyển Thơ chữ Hán Nguyễn Du (Hà-nội: Nhà xb Văn Học, 1965) (9) khi hai ông sắp bài này thành bài cuối cùng trong Thanh Hiên thi-tập.

Nhưng ở một chỗ khác, Trương Chính lại khẳng-định một ý-kiến khác: "Nhà thơ làm khi ở Thái Bình hoặc Hà Tĩnh trước sau năm 1796 [Chúng tôi gạch dưới.- NNB], là năm ông rời Quỳnh Côi, quê vợ trở lại Tiên Điền, quê ông. Phải gạt ra ngoài giả thuyết cho rằng nhà thơ làm khi đi sứ Trung Quốc năm 1813. Trong bài 'Theo chân Nguyễn Du trên đường đi sứ,' tôi đã nhắc lại công việc chúng tôi làm 30 năm trước (1965), khi nghiên cứu tập *Bắc hành tạp*

lục, kết hợp với hồ sơ hành chính về chuyến đi này theo đó vẽ một bản đồ thu nhỏ in ở phần phụ lục và trình bày kết quả tìm tòi của chúng tôi trong bài giới thiệu. Chúng tôi nói khá rạch ròi: Nguyễn Du không vượt sông Trường Giang xuống vùng Quảng Nam, đất Việt xưa, không đến Phúc Kiến, Chiết Giang, không đến Lâm An (Giang Châu) nơi có mộ Nhạc Phi và tượng vợ chồng Tần Cối, không đến Tây Hồ nơi có núi Cô Sơn, mộ nàng Tiểu Thanh... mà xuôi thuyền theo dòng Trường Giang về Võ Xương giữa tháng chạp năm Quý Dậu (1813)." (10)

Thuyết thứ ba, do Bùi Kỷ, Phan Võ và Nguyễn Khắc Hanh đưa ra trong cuốn trùng tên Thơ chữ Hán Nguyễn Du (Hà-nội: Nhà xb Văn Hóa, 1959), thì cho rằng bài thơ đã được viết ra trong thời-gian Nguyễn Du đi sứ Trung-quốc. Nguyễn Quảng Tuân ngả về giả-thuyết thứ ba này song ông cũng muốn giả-thuyết đó được ít nhiều ăn khớp với nhận-định của Trương Chính về vấn-đề lộ-trình đi sứ của Nguyễn Du. Do vậy nên ông viết: "Theo chúng tôi nghĩ thì có thể Nguyễn Du đã viết bài thơ này trong thời kỳ đi sứ Trung Quốc, nhân khi được đọc bài ký viết về Tiểu Thanh, chứ không phải nhân đi qua mộ Tiểu Thanh." (11)

Như vậy, riêng về thời-điểm làm ra bài thơ "Độc Tiểu Thanh ký" chúng ta đã có ba thuyết:

- Làm trước sau năm 1796 (Trương Chính 1998)
- Làm trong thời-gian ông làm quan ở Bắc-Hà, 1802-04 (Đào Duy Anh 1943, rồi Lê Thước và Trương Chính 1965)
- Làm trong thời-gian ông đi sứ Trung-quốc, 1813-14 (Bùi Kỷ, Phan Võ và Nguyễn Khắc Hanh 1959, rồi Nguyễn Quảng Tuân 2000)

Thời-điểm làm ra bài thơ sở dĩ quan trọng là vì cuối bài thơ có hai câu "Bất tri tam bách dư niên hậu / Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?" ("Chẳng hiểu rồi ba trăm năm [hơn] nữa / Thiên-hạ còn ai khóc Tố Như?" Để tính ngược về "ba trăm năm hơn nữa" là quay về đến thời nào thì những mốc-điểm trên, cách nhau gần 20 năm, sẽ có tính-cách quyết-định. Nhất là để trả lời câu hỏi: "Nguyễn Du có thực-sự nói về Tiểu Thanh khi viết ra hai câu trên hay không?"

*

Để tìm hiểu về Tiểu Thanh, Trần Đình Sử viết: "Học giả Việt Nam biết sự tích Tiểu Thanh qua Tình sử, tập truyện do Phùng Mộng Long (1574-1646) đời Minh sưu tập. Chúng tôi chưa được đọc *Tiểu Thanh ký*, nhưng đọc được *Tiểu Thanh truyện* trong tập *Ngu sơ tân chí* do Trương Triều đời Thanh, khoảng thế kỷ XVII, sưu tập, tác giả khuyết danh." (12) Còn Nguyễn Quảng Tuân thì cho rằng "bài ký ấy có thể đã được chép trong bộ *Tình sử* hoặc trong bộ *Nữ Liêu trai chí dị* (do Quảng Ích thư cục xuất bản và không có ghi tên tác giả). Và Nguyễn Du có thể cũng đã đồng thời xem thấy trong quyển *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân đoạn *lời bàn* của Thánh Thán ở hồi thứ nhất nói về Tiểu Thanh mà sinh lòng thương cảm mới viết nên bài thơ điếu nàng." (13)

Phối-hợp hết cả các nguồn tin trên đây thì truyện-ký về Tiểu-Thanh có thể thấy trong:

1/ *Tình sử* của Phùng Mộng Long (1574-1646) nhưng hình như chưa ai trong các học-giả Việt-nam được thấy tập này.

2/ *Liệu đố canh ký* của Ngô Bính đời Minh.

3/ *Tiểu Thanh nương phong lưu viện* của Chu Tông-phiên đời Minh.

4/ *Nữ Liêu trai chí dị* tác-giả khuyết danh và có lẽ cũng cuối đời Minh.

5/ *Tiểu Thanh truyện* trong sách *Ngu sơ tân chí* do Trương Triều đời Thanh, khoảng thế kỷ XVII, sưu tập, tác giả khuyết danh.

6/ *Liệt triều thi tập* của Tiền Khiêm-ích đời nhà Thanh (phủ-nhận Tiểu Thanh là có thật).

Về điểm cuối cùng này, ta cũng nên ghi nhận là Trương Triều khi chép lại *Tiểu Thanh truyện* (tác-giả khuyết danh) cũng đã ghi như sau: "Chuyện Tiểu Thanh có người bảo là vốn không có người ấy, chẳng qua là ghép hai chữ 'tiểu' và 'thanh' để thành chữ 'tình' mà thôi. Đến khi đọc bài ca Ngô Tử-vân, có một bài tựa ngắn, nói rằng Phùng Tử-vân là em gái Tiểu Thanh ở Duy-dương, lấy chồng là Mã Mạo-bá, người ở Cối-kê, như thế thì xem chừng là người ấy có thật. Truyện này không biết do ai chép. Bạn tôi là An Nhật-giới nhớ mang máng là do Chi Tiểu-bạch viết, không biết là có đúng hay không, đành để tồn nghi vậy." Xem thế thì có vẻ mấy tác-giả cuối đời Minh (1368-1644), nghĩa là ở đầu thế-kỷ XVII, đều cho là Tiểu Thanh là một người thật có mặt ở trên trái đất trong khi chỉ cần sang đến đầu đời nhà Thanh (1644-1911), cuối thế-kỷ XVI đã có người ngờ là nàng có thật, nghĩa là

đã từng là một người bằng da bằng thịt sống ở trên đời. (Chuyện này hơi giống chuyện bà Hồ Xuân Hương ở xứ ta: Nếu người đồng-thời thì biết là bà có thật, làm thơ trao đổi với nhau, chỉ vài chục năm sau người ta đã huyền-thoại-hóa bà như trong "Xuân Đường đàm thoại" để sang thế-kỷ XX có người ngờ vực luôn cả sự hiện diện của bà — ít gì cũng như là tác-giả của những bài thơ Nôm thông-tục được gán cho bà.)

Rồi đến Phan Mạnh Danh thì không hiểu cụ dựa vào đâu mà lại dứt khoát cho Tiểu Thanh là một nhà thơ đời Thanh vì cụ xếp 12 bài thơ của nàng vào phần "Thơ đời Thanh" (trang 117-132) trong quyển *Cổ thi trích dịch* (Hà-nội: Thanh Hoa thư xã, 1953) (14).

Dựa vào những bằng-chứng như được trình bầy ở trên, có lẽ ta phải hiểu Tiểu Thanh là một người có thật sống vào cuối đời Minh bên Tàu với những chi-tiết như sau (15):

Nàng tên thật là Phùng Huyền-huyền, tự Tiểu Thanh. Thuở bé, nàng thông tuệ khác thường. Năm 10 tuổi, gặp một ni-sư dạy cho Tâm-kinh [tức *Bát nhã ba-la-mật-đa tâm-kinh*, bản dịch sang chữ Hán của tác-phẩm *Prajnaparamita Sutra* trong tiếng Phạn], chỉ qua một hai lượt là đã thuộc lòng, đọc lại không sai một chữ. Ni-sư bảo: Cô này thông tuệ sớm, phúc không dầy, nếu không cho vào chùa làm đệ-tử thì đừng cho học chữ, có thế thì may ra mới sống được đến tuổi 30. Người nhà cho là nói bậy, mẹ Tiểu Thanh vốn là gia-sư nên vẫn cho con theo học chữ. Được đi đi lại lại với nhiều nhà khuê-các nên Tiểu Thanh sớm tinh thông nhiều nghề, kể cả âm luật.

Năm 16, nàng đi lấy chồng và về làm thiếp cho một người ở Hổ-lâm, nhà ở Quảng-lăng thuộc tỉnh Giang-tô, tên Phùng Thiên-thu. Vì vợ chồng cùng họ nên người ta tránh nhắc đến họ của nàng mà chỉ gọi là Tiểu Thanh. Chồng là một công-tử quyền quý nhưng ngốc nghếch, không phải kẻ hào hoa phong nhã. Vợ cả lại là người độc ác, ghen tuông nên bắt cô — hoặc theo một nguồn tin khác thì là cô tự ý— dọn về Cô-sơn ở gần Tây-hồ ở Hàng-châu mà ở. Do buồn khổ uất ức mà nàng trở nên sầu não, tấm lòng gởi cả vào thơ, từ. Sống cô đơn, không mấy được gần chồng, nàng đâm ưu phiền mà sinh bệnh. Vợ cả sai thầy lang và con hầu mang thuốc đến nhưng vì ngờ là thuốc độc nên nàng chỉ vờ cảm ơn, sau đó đem vất đi.

Nàng không chịu ăn cơm, chỉ uống nước trái cây, nhưng vẫn chú ý trang điểm và ăn mặc đẹp. Có khi cho gọi người con gái chơi đàn tỳ bà đến chơi ít bài mua vui. Một hôm, cô nhắn chồng cho mời họa-sĩ đến, bảo vẽ chân-dung. Vẽ bức thứ nhất, Tiểu Thanh chê chỉ vẽ được hình mà chưa bắt được cái thần. Vẽ bức thứ hai, nàng khen đã nắm được thần nhưng thiếu phong-thái, lại bỏ đi. Nàng bảo họa-sĩ ngồi chơi quan-sát nàng pha trà, vẽ tranh, trò chuyện... Hồi lâu bảo họa-sĩ vẽ chân-dung, được một bức sinh động như thật. Họa-sĩ về, Tiểu Thanh đem bức tranh cúng trước sập, thắp hương, rót rượu. Nàng nói: "Tiểu Thanh ơi Tiểu Thanh, lẽ nào đây là duyên-phận của mi?" Rồi ôm ghế mà khóc, nước mắt như mưa, một cơn xúc-động dâng lên rồi chết. Năm đó nàng vừa 18 tuổi.

Chập tối, chồng hay tin chạy lại, vén màn thấy dung-nhan như sống, xiêm áo tinh tươm, đau đớn khóc to, thổ huyết một thăng. Sau đó lục lọi tìm được thơ một quyển, chân-dung mấy bức và một phong thư gửi phu-nhân. Bóc thư thấy lời cực kỳ đau đớn, bèn khóc to: "Nàng ôi, ta phụ nàng, ta phụ nàng!" Vợ cả nghe thấy giận quá chạy lại đòi đưa tranh. Chồng giấu bức thứ ba, chỉ đưa bức thứ nhất. Vợ lấy đốt ngay. Lại bảo đưa thơ, vợ lại đốt thơ. Đến khi tìm lần nữa thì không còn gì.

Nhưng khi sắp chết Tiểu Thanh đem mấy thứ hoa hột trang sức làm quà cho con gái nhỏ của bà giúp việc, gói bằng hai tờ giấy. Đó chính là bản thảo thơ [còn lại] của nàng, gồm tuyệt-cú chín bài, cổ-thi một bài, từ một bài, kèm thêm một bài trong bức thư gửi cho người vợ cả, tổng-cộng là 12 bài. Một người họ hàng nhà chồng sưu tập được đem cho khắc in, đặt tên là *Phần dư* ["Cháy còn lại"].

Chép đến đây, Trương Triều viết: "Hồng-nhan bạc-mệnh, nghìn năm đau lòng, đọc đến chỗ đưa thuốc độc, đốt tập thơ, tiếc là không thể băm nát xương mụ đàn bà ghen tuông ấy ra mà đem cho chó ăn!"

Trên đây là chúng tôi xin mạn phép chép lại theo G.S. Trần Đình Sử, với một vài sự sửa sang mà chúng tôi thấy cần thiết (có ghi trong cước-chú). Câu chuyện theo như Nguyễn Quảng Tuân trích lại từ nguyên-truyện trong *Nữ Liêu trai chí dị* cũng khá sát thân truyện như trên dù trong chi-tiết có một hai chỗ đáng để ý. Tỷ như câu nàng khấn trước khi chết là: "Tiểu Thanh! Tiểu Thanh! Chốn này có phải là nơi duyên-phận của mày đâu!" (16) Nói

xong, nước mắt chan hòa, nấc lên một tiếng rồi chết. Cũng theo sách sau này thì "may khi nàng sắp mất có mấy chiếc xuyến hoa, tặng cho con gái nhỏ của nàng, bọc vào hai tờ giấy. Chính ở những tờ giấy ấy, người ta thấy có thi-cảo của nàng gồm 12 bài." (17) Chi-tiết sau cùng này cũng hơi khác với chuyện như được kể trong *Tiểu Thanh truyện*.

Tới đây, ta có thể đưa ra giả-thiết khá chắc chắn là Nguyễn Du đã được đọc một "Tiểu Thanh ký" (= truyện-ký về Tiểu Thanh) tương-tự như *Tiểu Thanh truyện* (tác-giả vô danh) có chép lại trong sách của Trương Triều hoặc "nguyên-truyện" chép trong *Nữ Liêu trai chí dị* chứ chưa chắc ông đã thấy thơ hay được đọc thơ của Tiểu Thanh (như 12 bài đã được Phan Mạnh Danh dịch) vì nếu có thì tập thơ đã mang tên đại-loại như "Tiểu Thanh tập" hay "Tiểu Thanh phần dư tập."

Sự sót sa của Nguyễn Du đối với số phận của Tiểu Thanh cũng có thể là đã dựa lên *lời bàn* ở hồi thứ nhất của Thánh Thán trong sách *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân khi nói đến Tiểu Thanh. Lời bàn ấy đã được cụ Nguyễn Đình Diệm (18) dịch lại như sau:

"Ta thấy tạo vật ghét sự hoàn toàn, hễ cho ai đủ cái này thì lại bớt đi cái khác. Sinh ra một đóa hồng nhan, bắt chịu mười phần dập gẫy; phó cho một mảnh tài tình, bèn tặng ngay cho mười phần nghiệp chướng, quả thực không sai vậy.

"Tức như nàng Tiểu Thanh ở Dương Châu (19), kể về tài, tình, sắc, tính thì không điểm nào không đứng vào bậc nhất, thế mà lại ghép ngay cho một anh chồng ngây ngô, khác gì đã bị bẻ gãy, lại gặp thêm một tay đố phụ [= vợ ghen] áp bức nàng phải chết một cách khổ cực! Há chẳng đáng thương sao?

"Nhưng biết đâu, chính vì cái đau thương đó mà câu chuyện đã làm cho các văn nhân mặc khách phải xúc động, than thở rồi sinh ra thương tiếc, vì thương tiếc nên mới thay phiên nhau để thu thập lại những tàn biên truyền đến bất hủ.

"Ví bằng Tiểu Thanh cũng chỉ là một cô gái tầm thường như nữ bình chương, được nhởn nhơ trong hàng tiểu tinh cũng đã mãn nguyện, rồi đem cơn mây sầu oán đổi thành cái thú tuyết nguyệt phong hoa, thì sao lại được lưu truyền bất hủ? Ắt là phải mai một tức thì.

"Nói tóm lại: Ngọc hễ không mài thì không thấy nó rắn. Cây gỗ đàn không tốt thì không thấy hương thơm. Nhưng chẳng riêng gì một Tiểu Thanh, phàm hạng con gái trong thiên hạ, hễ tài mạo song toàn mà sinh chẳng gặp thời, thì đều giống như Tiểu Thanh hết thảy và cũng được lưu truyền bất hủ như Tiểu Thanh vậy."

Chuyện Tiểu Thanh tưởng đến đây đã hết nhưng cách đây không lâu, nhà Hán-học Trần Trọng San lại cho ta hay là thế-gian vẫn có thể còn phũ phàng hơn nữa đối với một người đã nằm dưới mồ (20):

"Nhà thơ Liễu Tử Á sưu tầm những tài liệu liên quan tới Tiểu Thanh, góp thành tập gọi là *Tiểu Thanh di sự*. Kịch sĩ trứ danh Phùng Tử Hòa diễn vở kịch *Tiểu Thanh*, kích động cả Hàng Châu. Sau đó họ Phùng dùng số tiền thù lao thuê sửa lại phần mộ của Tiểu Thanh, và họ Liễu đề mộ bi: 'Minh thi nhân Tiểu Thanh nữ sử chi mộ' ['Mộ của người đàn bà có học Tiểu Thanh, nhà thơ đời Minh'].

"Mấy năm sau, nhà thơ Tô Man Thù tạ thế, cũng được chôn bên cạnh Tiểu Thanh. Phần mộ của hai thi nhân một nữ, một tăng này trở thành danh thắng tại Tây Hồ. Trong thời kỳ 'Văn cách' (Cách mạng văn hóa), hai mộ này cũng không thoát khỏi kiếp nạn; cả đến mộ Tô Tiểu Tiên ở vùng gần đó cũng không còn."●

Springfield, Virginia
21-V đến 30-VI-2001

Chú thích

1. Lê Thước và Trương Chính chủ-biên, Hà-nội: Nhà xb Văn Học, 1965, 572 trang.

2. Từ năm 1924 hai ông Lê Thước và Phan Sĩ Bàng khi thu thập tài-liệu để biên soạn cuốn *Truyện cụ Nguyễn Du* cũng đã tìm ra được một số thơ chữ Hán của Nguyễn Du, chủ-yếu có lẽ là chép từ tập thơ đề là *Nguyễn-gia phong-vận-tập*, do cụ Nghè Nguyễn Mai, cháu ba đời của Nguyễn Du, còn giữ được, trong đó có mấy chục bài thơ của Nguyễn Du cùng với thơ của nhiều người khác trong họ. Tuy-nhiên, hai ông đã không công-bố bao nhiêu bài trong số những bài đã sưu tầm được. Tạp-chí *Nam-phong* số 161 (năm 1931) trong phần chữ Hán công-bố 13 bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du trong bài *Tiên-điền Nguyễn Du tiên-sinh di-trước*. Một số trong những bài này được ông Komatsu Kiyoshi giới thiệu trong bài tựa bản dịch Kiều của ông sang tiếng Nhật, *Kim Van Kieou*, vào năm 1942 (Tokyo: Toho shuppansha), lần đầu tiên thơ chữ Hán của Nguyễn Du đi ra ngoài biên-giới Việt-nam. Đến khoảng năm 1940-41, ông Đào Duy Anh mới sưu tầm thêm được một số thơ chữ Hán khác nữa, trong đó có cả tập *Bắc-hành tạp-lục*. Ông đã in lại một số thơ này vào phần phụ-lục cuốn *Khảo luận về KIM VÂN KIỀU*

(Huế: Quan Hải Tùng Thư, 1943). Đến năm 1959, ba cụ Bùi Kỷ, Phan Võ và Nguyễn Khắc Hanh in ra tập *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* gồm 102 bài, căn-bản dựa trên bộ *Thanh Hiên thi tập* tìm thấy trong Vụ Bảo tồn bảo tàng thuộc Bộ Văn-hóa ở miền Bắc. Phải đợi đến tập *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* do hai cụ Lê Thước và Trương Chính chủ-biên thì số thơ chữ Hán còn lưu lại của Nguyễn Du mới được ổn-định ở con số 249 bài. Gần đây người ta tìm ra được thêm một bài nữa nên thỉnh thoảng ta cũng nghe thấy con số 250 bài.

3. Những bộ chính thơ chữ Hán của Nguyễn Du dịch sang quốc-ngữ gồm:

Bùi Kỷ, Phan Võ và Nguyễn Khắc Hanh, *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Hà-nội: Nhà xb Văn Hóa, 1959.

Lê Thước và Trương Chính chủ-biên, *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Hà-nội: Nhà xb Văn Học, 1965.

Quách Tấn, *Tố Như thi trích dịch*, Sài-gòn: An Tiêm, 1973. Dương Hồng Ngọc, *Thơ Nguyễn Du*, Paris: Institut de l'Asie du Sud-Est, 1983.

Chi Điền Hoàng Duy Từ dịch, *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, 2 tập, California: Tác-giả tự xb, 1986.

Đào Duy Anh chủ-biên, *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Hà-nội: Nhà xb Văn Học, 1988.

Bùi Hạnh Cẩn dịch, *192 bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du*, Hà-nội: Nhà xb Văn Hóa Thông Tin, 1995.

Mai Quốc Liên chủ-biên với sự cộng tác của Nguyễn Quảng Tuân, Ngô Linh Ngọc và Lê Thu Yến, *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, trong Nguyễn Du Toàn Tập, Tập I (250 bài), Nhà xb Văn Học - Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 1996.

Nguyễn Thạch Giang chủ-biên, *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, trong Nguyễn Du Toàn Tập, Quyển II (250 bài), San Jose, CA: Nhà xb Bách Việt, 1996.

Duy Phi dịch, *249 bài thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Hà-nội: Nhà xb Văn Hóa Dân Tộc, 1999.

Còn đi xa hơn dịch để nghiên cứu thơ chữ Hán của Nguyễn Du thì phải kể G.S. Nguyễn Đăng Thục (*Thế giới thi ca Nguyễn Du*, Sài-gòn: Nhà xb Kinh Thi, 1971) và Lê Thu Yến (*Đặc điểm nghệ thuật thơ chữ Hán Nguyễn Du*, TP-HCM: Nhà xb Thanh Niên, 1999) là chính.

4. Gần đây, chúng tôi đã có một bài viết khá tường tận về trường-hợp hai câu nổi tiếng của Nguyễn Du, "Chẳng hiểu rồi ba trăm năm nữa..." đăng trong *Hợp Lưu*, để cho thấy là người ta đã đổ rất nhiều bút mực về hai câu này mà rồi, các nghi vấn vẫn còn nguyên vẹn.

5. *Từ Nguyên* (Tu đính bản), Bắc-kinh: Thương vụ ấn thư quán, 1995, trang 479.

6. "Câu chuyện đối-đáp của người tiều-phu núi Na" trong Truyền-kỳ mạn-lục của Nguyễn Dữ, bản dịch của Trúc-khê Ngô Văn Triện, Sài-gòn: Nhà xb Tân Việt (không ghi năm), Los Alamitos, CA: Xuân Thu tái-bản (cũng không ghi năm), trang 149-171.

7. "*Độc Tiểu Thanh Ký* của Nguyễn Du," trong *Nguyễn Du: Về tác gia và tác phẩm*, Trịnh Bá Đĩnh chủ-biên với sự cộng-tác của Nguyễn Hữu Sơn và Vũ Thanh, Hà-nội: Nhà xb Giáo Dục, trang 82-88.

8. Theo Lê Thước và Trương Chính, *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, sđd, trang 8.

9. Như trên, trang 161-163.

10. Trương Chính, "Về bài 'Độc Tiểu Thanh Kí'," trong *Nguyễn Du*, "tuyển chọn và trích dẫn những bài phê bình - bình luận văn học của các nhà văn và các nhà nghiên cứu Việt Nam" do Vũ Tiến Quỳnh, Nhà xb Văn Nghệ TP-HCM, 1998, Tập I, trang 214-218. Đoạn trích nằm ở trang 214.

11. Nguyễn Quảng Tuân, "Cần phải tìm hiểu chính xác hơn bài 'Độc Tiểu Thanh Ký' của Nguyễn Du," trong *Tìm hiểu Nguyễn Du và Truyện Kiều*, Hà-nội và TP-HCM: Nhà xb Khoa học xã hội và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, trang 88-100. Đoạn trích nằm ở trang 89.

12. Trần Đình Sử, bđd, trang 84.

13. Nguyễn Quảng Tuân, bđd, trang 89.

14. Theo Nguyễn Quảng Tuân, bđd, trang 99, cước-chú 2.

15. Phần tiểu-sử của Tiểu Thanh dưới đây, chúng tôi gần như chép nguyên-văn của G.S. Trần Đình Sử, bđd, trang 84-85. Chúng tôi chỉ xin mạn phép thêm thắt một hai chi-tiết, sửa lại một hai chỗ cho rõ hoặc sắp xếp lại thứ tự câu chuyện cho lô-gích hơn, vì thế nên không dám ghi dấu ngoặc ngoặc để cho biết đây là văn trích-dẫn. Tỷ dụ, chúng tôi bắt đầu bằng cách nêu tên thật của Tiểu Thanh và chỉ nói đến chuyện đi lấy chồng sau khi đã trình bầy về thời niên-thiếu của nàng.

16. Nguyễn Quảng Tuân, bđd, trang 93.

17. Như trên, trang 93-94.

18. Thanh Tâm Tài Nhân, *Kim Vân Kiều truyện*, Nguyễn Đình Diệm dịch, Sài-gòn: Nha Quốc-vụ-khanh Văn-hóa xb, 1971.

19. Ở đây, Thánh Thán lại nói Tiểu Thanh là người Dương-châu, khác với các nguồn tin khác nói nàng là người Hàng-châu và cả mộ nàng cũng ở Tây-hồ thuộc Hàng-châu. Có lẽ vì thế mà người ta ngờ rằng Kim Thánh Thán, nhà phê-bình văn-học nổi tiếng đời nhà Thanh, đã thực-sự viết phê-bình về cuốn *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Nói cách khác, chuyện bảo Kim Thánh Thán đã tán về truyện của Thanh Tâm Tài Nhân là chuyện ngụy-tạo mà có người đã cố ý dựng nên để mua sự chú ý của người đọc đối với một cuốn tiểu-thuyết hạng hai, hạng ba, không thể so được với những *Hồng Lâu Mộng* hay thất tài-tử, bảy bộ tiểu-thuyết hay nhất của Trung-hoa, mà Kim Thánh Thán đã có phê-bình. Tuy-nhiên, khi Nguyễn Du đọc lời bàn này của Thánh Thán, chưa chắc ông đã biết hay để ý đến chi-tiết này.

20. Trần Trọng San, "Nguyễn Du và truyện nàng Tiểu Thanh," trong *Khởi Hành*, Bộ mới số 21, tháng 7-1998, trang 10.

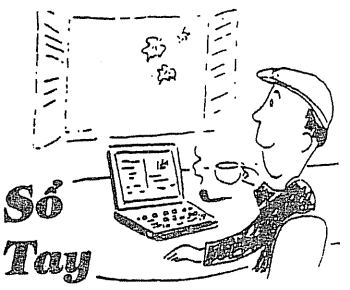

ĐẠI TƯỚNG DƯƠNG VĂN MINH YÊN NGHỈ

Đại tướng Dương Văn Minh đã qua đời, và ông được mọi người nhắc tới như một quân nhân nhiều hơn là một nhà chính trị. Các tướng lãnh đến dự đám tang và gửi vòng hoa viếng, như cựu Phó tổng thống Nguyễn Cao Kỳ, cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Mặc dù ông Minh đã lãnh đạo những chính phủ của Việt Nam Cộng hòa hai lần, mỗi lần đều ngắn ngủi, những người gần ông nhất không phải các chính trị gia. Như cựu Dân biểu Nguyễn Hữu Chung viết trong bài điếu tang, ông Dương Văn Minh thường tự coi mình như một quân nhân, bản chất ông không phải là nhà chính trị. Ông tự coi có trách nhiệm với nhân dân, đặc biệt là với quân đội Việt Nam Cộng hòa. Không phải ai cũng nhìn thấy mối quan tâm đó của ông, nhưng có thể tin vào lời chứng của Nguyễn Hữu Chung. Năm 1975 ông Chung khuyên ông Minh đừng lãnh cái ghế tổng thống. Một nhà chính trị khôn ngoan chắc sẽ theo lời khuyên đó, chẳng dại gì vác cái gánh giữa đàng quàng vào cổ mình. Nhưng ông Minh vẫn lãnh trách nhiệm, vì quan niệm của ông về danh dự và nhiệm vụ của một quân nhân. Ông Minh có một tấm lòng thiết tha với tập thể quân đội mà ông tự coi như một người anh lớn, những người gần gũi ông cho biết. Điều này không phải quân nhân nào cũng cảm thấy, vì ông Minh không truyền đạt được cho mọi người thấy. Ông không có năng khiếu của các chính trị gia. Tuy nhiên, cũng có những nhà chính trị làm như ông, Nghị sĩ Nguyễn Văn Huyền, Giáo sư Vũ Văn Mẫu. Cả ba đã thành người thiên cổ.

Năm 1963 ông Dương Văn Minh không có khả năng nắm lấy cơ hội lãnh đạo một chế độ mới sau khi lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm. Bắt đầu từ việc chọn ông Nguyễn Ngọc Thơ làm thủ tướng, và thay đổi các chính sách của ông Diệm một cách tùy tiện, thiếu tính toán. Sau đó thì người ta thấy ông hoàn toàn thụ động, để thời thế đưa đẩy, khi làm quốc trưởng, khi làm đại sứ, chẳng khác khi trồng hoa lan, khi chơi quần vợt. Ngay cả tình trạng ông trở thành điểm hội tụ cho những người thuộc "thành phần thứ ba" cũng do thời thế đưa tới. Mà vì thế ông phải ra đóng vai tổng thống của một chế độ đang tan rã. Rồi sau đó chịu tiếng chê bai mãi mãi vì đứng ra đầu hàng. Đối với riêng ông có lẽ đó là một sự hy sinh, cứu những sinh linh có thể chết nếu cuộc chiến kéo dài thêm mấy ngày, mấy tuần nữa. Cũng như cụ Trần Văn Hương đã hy sinh làm tổng thống sau khi ông Thiệu bỏ cuộc, biết rằng khó làm được việc gì nhưng "không vì việc thiện nhỏ mà khônglàm." Nhưng lịch sử thường không quan tâm đến nỗi niềm tâm sự của cá nhân những người lãnh đạo. Điều đáng ngợi khen là cả cụ Hương lẫn tướng Minh đều không bỏ chạy tìm sự an toàn cho bản thân. Đó là điểm son để đời sau nhớ đến họ.

Một câu hỏi mọi người còn thắc mắc mãi là vai trò của ông Dương Văn Minh trong vụ hạ sát anh em ông Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu. Tất nhiên ông là người chịu trách nhiệm tối hậu về những án mạng đó, nhưng thực ra ông có ra lệnh giết hay không? Hy vọng rằng sau khi ông qua đời những trang hồi ký của ông sẽ được in ra để mọi người nghe một câu trả lời rõ rệt. Khi đó, đại tướng Dương Văn Minh sẽ hoàn toàn yên nghỉ.

KINH TẾ MỸ LÊN THÌ THẾ GIỚI LÊN

Cả thế giới chờ coi những tháng cuối năm 2001 này kinh tế Mỹ sẽ đi lên hay tiếp tục dậm chân tại chỗ. Quý thứ hai, Sản lượng nước Mỹ không tăng được 0.7% như đã tính trước đây, chỉ may không thấy giảm. Hy vọng sang Quý ba năm 2001 sẽ tăng thêm chút đỉnh. Các chỉ số tiên báo (leading indicators) ở Mỹ đã tăng từ từ trong bốn tháng liền, khiến niềm hy vọng đó có cơ sở.

Một lý do khiến các nước theo dõi nền kinh tế Mỹ là vì dân Mỹ mua hàng hóa, dịch vụ của cả thế giới. Mỹ ngưng mua thì nhiều nơi khốn đốn. Gần một phần tư số hàng xuất cảng của các nước trên thế giới được đem bán vào cho dân Mỹ xài. Bởi vậy nếu dân Mỹ nghèo đi, bớt chi tiêu thì kinh tế thế giới xuống. Singapore là một nền kinh tế vững mạnh bậc nhất Á châu, nhưng hiện đang suy thoái. Đài Loan, Mã Lai cũng chịu ảnh hưởng tương tự, chỉ vì Mỹ bớt mua các chất bán dẫn, chíp, và các món đồ kỹ thuật cao khác, thuộc loại các thiết bị đầu tư. Cứ 100 đồng các xí nghiệp Mỹ đầu tư vào trang thiết bị trong mấy năm qua là có 36 đồng mua từ nước ngoài, trong đó có 16 đồng

mua đồ thuộc loại kỹ thuật cao: tin học, viễn thông. Công ty United Microelectronics Corp. lớn thứ nhì trong ngành làm chất bán dẫn ở Đài Loan hai mới sa thải 266 nhân viên, lý do được nêu ra là thị trường chíp thế giới xuống. Ngược lại, cộng ty Nam Hàn Hynex lại đóng cửa một nhà máy ở tiểu bang Oregon bên Mỹ, làm 600 nhân viên Mỹ mất việc. Kinh tế các nước ngày càng tùy thuộc lẫn nhau. Hiện tượng toàn cầu hóa bao gồm việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, tiền vốn, nhân lực, không nước nào tránh khỏi. Những nước đông dân, kinh tế dựa vào thị trường nội địa nhiều thì bớt chịu ảnh hưởng hơn các nước dựa vào xuất cảng. Trung Quốc có hơn một tỷ dân, kim ngạch xuất cảng chỉ bằng 20% Tổng Sản lượng Quốc nội (GDP) cho nên ít chịu ảnh hưởng hơn Singapore, một xứ mà số xuất cảng lớn bằng 150% GDP, còn số tiêu dùng trong nước chỉ bằng 20%. Một phần tư số xuất cảng của Singpore bán sang Mỹ. Hàng xuất cảng của Mã Lai trị giá bằng 110% GDP, riêng bán sang Mỹ bằng 25% GDP, xứ này cũng chịu ảnh hưởng nặng nếu kinh tế Mỹ ngưng trệ.

Mậu dịch thế giới gia tăng nhanh hơn các hoạt động kinh tế khác. Từ năm 1980 đến nay, Tổng sản lượng thế giới tăng gần gấp đôi (thêm 75%) nhưng tổng số thương mại trao đổi giữa các nước tăng gấp ba lần (thêm 200%). Kinh tế Mỹ giảm tốc độ phát triển từ một năm nay và bị coi là thủ phạm chính làm kinh tế thế giới trì trệ theo. Mùa Thu năm ngoái số hàng Mỹ nhập cảng còn tăng với tốc độ 17% một năm, hiện giờ hàng nhập cảng vào Mỹ đang giảm với tỷ lệ -5% một năm. Trong hai tháng liền số nhập cảng giảm mỗi tháng 2.4%, giúp cho cán cân thương mại Mỹ bớt khiếm hụt. Số thâm thủng 32 tỷ Mỹ kim trong tháng Tư hạ xuống chỉ còn hơn 28 tỷ trong tháng Năm và trong tháng Sáu lại tăng trên tỷ.

Một câu hỏi đáng nêu ra là liệu thế giới có chờ kinh tế Mỹ lên thì mới lên hay không? Và câu trả lời, rất tiếc, là Yes. Dù muốn hay không, kinh tế Mỹ vẫn phải đóng vai đầu máy cho đoàn tầu thế giới chạy.

Lý do cũng giản dị: vì các khối kinh tế mạnh khác cũng đang kẹt như Mỹ, hoặc kẹt hơn. Và họ lại có rất ít khoảng trống để xoay trở, không dễ tìm cách thay đổi tình hình như ở Mỹ. Cho nên trước khi đi họp hội nghị thượng đỉnh G-8 ở bên Ý, Tổng thống Bush đã nói ông sẽ bảo đảm với các nước kia rằng Mỹ sẽ thi hành các biện pháp để phục hồi kinh tế, và chắc các nước có thể tin lời ông nói. Những thứ biện pháp nào?

Muốn kích thích cho kinh tế chạy lại thì các quốc gia có thể dùng hai loại biện pháp cấp thời. Một là chính sách tiền tệ, như khi Ngân hàng Trung ương thả lỏng cho dân có nhiều tiền tiêu hơn, chẳng hạn như giảm bớt lãi suất cho họ dễ đi vay tiền. Hai là các biện pháp về thuế khóa, ngân sách, như cắt giảm và trả lại thuế cho dân có thêm tiền chi tiêu, hoặc nhà nước chi tiêu để dân có dịp bán hàng và kiếm ra việc làm.

Hiện nay Nhật Bản là nền kinh tế lớn thứ nhì sau Mỹ nhưng không thể thi hành cả hai loại biện pháp đó. Nỗi khó khăn của kinh tế Mỹ là do chu kỳ lên xuống bình thường gây ra. Ở Nhật, khó khăn chính là do cơ cấu kinh tế, và chính phủ Nhật từ 10 năm nay chưa dứt khoát cải tổ cơ cấu. Ở Âu châu các khó khăn cơ cấu và chu kỳ cùng tác động, nhưng Liên hiệp Âu châu có thể cải tổ nhanh hơn vì họ đã cam kết với nhau.

Nếu muốn thay đổi chính sách tiền tệ, Ngân hàng Trung ương Nhật cũng bó tay vì họ đã giảm lãi suất gần đến số không rồi. Họ lại ngần ngại không muốn in thêm tiền thả vào trong thị trường cho dân vay thêm mà tiêu xài, vì cứ để yên các ngân hàng và xí nghiệp Nhật đã mang quá nhiều các món nợ không đòi được rồi. Chính phủ Nhật cũng khó lòng tăng số chi tiêu, vì từ năm năm nay họ đã đổ hàng trăm tỷ Mỹ kim vào nền kinh tế mà cứ như đổ nước vào cái thùng không đáy, chẳng có công hiệu nào cả. Trong khi đó số nợ của chính phủ Nhật đã lên quá cao, tới 129% Tổng sản lượng nội địa (GDP). Nước Nhật đang kẹt chỉ vì từ chục năm nay các chính trị gia lẩn quẩn không dám cải tổ cơ cấu kỹ nghệ và các ngân hàng để thúc đẩy cách làm ăn mới.

Các nước trong Liên hiệp Âu châu cũng còn kẹt. Nửa năm trước đây ai cũng tin rằng kinh tế Âu châu có cơ hội tiến nhanh và vững chắc hơn kinh tế Mỹ. Bây giờ thì ngược lại. Và Âu châu lại bị trói buộc không thể xoay trở như Mỹ. Thứ nhất là Ngân hàng Trung ương Âu châu (ECB) không dám cắt lãi suất như Quỹ Dự trữ Liên bang ở Mỹ. Ngân hàng này lo trách nhiệm chống lạm phát, giữ giá trị đồng euro mới hơn hai tuổi, trước khi thay thế tất cả các thứ tiền tệ của 11 nước vào đầu năm tới. Mà Âu châu lo lạm phát hơn Mỹ lo, vì hễ dầu hỏa lên giá là Âu châu chịu ảnh hưởng nặng hơn Mỹ. Cho nên Liên hiệp Âu châu khó áp dụng một chính

sách tiền tệ theo lối ông Alan Greenspan cắt lãi suất bảy lần liền trong hơn tháng, tổng cộng 3%.

Các chính phủ Âu châu cũng không thể làm như chính phủ Mỹ, là cắt thuế hoặc tăng ngân sách chi tiêu. Vì ngay khi ký kết liên hiệp kinh tế và dùng đồng tiền chung, 11 nước đã thỏa thuận phải giữ cho ngân sách ổn định không được thâm thủng nhiều quá một mức trần tối đa, và phải giảm các món nợ của chính phủ. Nước Ý hiện đã vi phạm kỷ luật, ngân sách khiếm hụt 2.6%, cao hơn mức trần ấn định là 0.8%. Và nước Đức cũng đang lo năm nay khiếm hụt nhiều hơn mức trần 1.5%. Với tình trạng đó, các nước Âu châu khó tìm đường xoay xở.

Cuối cùng thì chỉ còn nước Mỹ vẫn rộng cẳng tìm cách kích thích kinh tế. Ngân sách đang dư thừa nhờ 10 năm kinh tế phát đạt, cho nên chính phủ Mỹ có thể cắt thuế 37 tỷ trong năm nay. Và tỷ lệ lạm phát vẫn thấp cho phép Ngân hàng Trung ương Mỹ có thể cắt giảm lãi suất lần nữa trong tháng Mười tới nếu cần, mà không sợ dân chúng và xí nghiệp vay tiền chi tiêu sinh ra lạm phát. Dân tiêu thụ ở Mỹ đóng góp 68% vào GDP, và hiện nay chỉ số tin tưởng của họ lại đang tăng, hy vọng họ sẽ đem tiêu 37 tỷ mỹ kim mới được trả thuế ngay! Chính phủ và Quỹ Dự trữ Liên bang Mỹ được tự do sử dụng các biện pháp tiền tệ và thuế khóa để thúc cho kinh tế lên, chứ không bị bó tay như Nhật Bản và Liên hiệp Âu châu.

Nhưng như vậy cũng không bảo đảm rằng các biện pháp sẽ đưa ra đúng lúc và có hiệu quả. Tất cả còn tùy thuộc dân tiêu thụ ở Mỹ có chịu chi hay không, các xí nghiệp Mỹ có đầu tư thêm trở lại hay không. Mà chuyện đó cũng tùy thuộc kinh tế thế giới có bị suy thoái hay không. Kinh tế Mỹ tùy thuộc các nước khác không khác gì các nước tùy thuộc Mỹ vậy. Thời 1992 cứ 100 đồng đầu tư vào ba nước kinh tế lớn nhất thế giới thì có 20 đồng đổ vào Mỹ. Bây giờ tỷ lệ Mỹ nhận được lên đến 64%. Mỗi tháng nước Mỹ cần 30 tỷ Mỹ kim của các nhà đầu tư ngoại quốc đem vào, để cân bằng với số thâm thủng về thương mại, nếu số tiền đó không chạy vào Mỹ nữa thì đồng đô la sẽ giảm giá ngay. Toàn cầu hóa không phải là con đường một chiều, mà là một mạng lưới chằng chịt với nhau, phải dựa vào nhau để sống và tiến bộ. Điều khiến người Mỹ an tâm là nước Mỹ vẫn được coi là nơi an toàn nhất cho các nhà đầu tư, chưa kể lợi suất hứa hẹn rất cao. Đó là hy vọng cho kinh tế nước Mỹ và cho cả thế giới.

NƯỚC THANH BÌNH BA TRĂM NĂM CŨ

Cụ Nguyễn Tường Bách mới xuất bản phần thứ hai cuốn hồi ký *Việt Nam Một Thế Kỷ Qua*. Phần này viết về những năm lưu vong, trong đó có 42 năm sống ở Trung Quốc. Cụ đã chứng kiến nước Trung Hoa thay đổi hai lần, từ Tưởng Giới Thạch sang Mao Trạch Đông, rồi từ Mao sang Đặng Tiểu Bình. Biến cố nào cũng lớn cả. Nhưng chế độ cộng sản mới thiết lập ở Trung Hoa được nửa thế kỷ. Đối với quốc gia này, đó là một thời gian ngắn. Có lần ông Chu Ân Lai được nhà báo hỏi ông thấy Cách mạng Pháp (1789) đã đạt được thành tựu nào đáng kể. Chu Tổng lý trả lời rằng "Bây giờ còn quá sớm để phán đoán." Chúng ta đọc Đông Chu Liệt Quốc từ đầu tới cuối, nhiều khi quên không để ý rằng các câu chuyện nối tiếp nhau kéo dài hơn 400 năm.

Lịch sử một quốc gia không thể chỉ là lịch sử cách mạng, không thể chỉ gồm những cuộc biến động không ngừng. Sống như vậy tội nghiệp lắm. Nhà văn Nguyễn Tường Bách cho chúng ta thấy đời sống những người dân bình thường ở thành phố Phật Sơn trong những năm điên loạn mà ông Mao gây ra. Tội nghiệp lắm. Mỗi lần Trung Hoa rơi vào cảnh hỗn độn, các nhà thơ lại tiếc nuối "thanh bình tam bách niên thiên hạ"; đó cũng là nỗi lòng của người dân. Loài người ở đâu cũng mong được sống bình thường, bất đắc dĩ lắm mới phải làm cách mạng. Giống như Boris Pasternàk ví, người ta không thể coi một màn phụ diễn quá dài, sân khấu lịch sử phải bắt đầu vào màn chính cho dân sống chứ. Một thế kỷ qua, từ Cách Mạng Tân Hợi đến biến cố Thiên An Môn, đối với lịch sử Trung Hoa có thể chỉ là một thời kỳ chuyển tiếp liên tục. Sang thế kỷ 21 nước Trung Hoa mới bắt đầu thiết định những kỷ cương mới, như ngày xưa Lưu Bang hay Lý Thế Dân đã làm. Và nếu như ông Giang Trạch Dân làm được việc đó thì vai trò của ông trong lịch sử sẽ còn quan trọng hơn Mao Trạch Đông. Vì ông sẽ đưa Trung Hoa trở về đời sống bình thường.

Trên những tấm bảng quảng cáo lớn đặt tại các quảng trường khắp Trung Quốc, hiện giờ chân dung Giang Trạch Dân được đặt vào hàng thứ ba sau Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình. Không khác gì ba ông Phước Lộc Thọ. Tham vọng của Giang là lịch sử Trung

Quốc đặt ông đứng ngang hàng và thừa kế hai lãnh tụ kia. Vai trò phải cao hơn là một nhà cai trị trong thời kỳ chuyển tiếp từ chế độ cộng sản sang tư bản. Hai năm nữa ông Giang Trạch Dân sẽ rút lui. Chắc ông hy vọng sử sách sẽ ghi tên ông như một nhà tư tưởng, một người khai phá con đường mới cho 1 tỷ 300 triệu người bước vào thế kỷ 21. Hành động đánh dấu sự nghiệp của Giang Trạch Dân biến đảng Cộng Sản từ một đảng cách mạng thành một đảng chính trị bình thường. Khi ông đem các nhà kinh doanh tư nhân vào trong đảng Cộng Sản.

Điều đó đã được ông Giang Trạch Dân nêu ra nhân dịp kỷ niệm 80 năm thành lập đảng Cộng Sản Trung Quốc, vào ngày 1 tháng Bẩy vừa qua. Chọn ngày sinh nhật đảng để tuyên bố thật đúng lúc, vì ông Giang sẽ thay đổi bản chất đảng Cộng Sản, sẽ thành một thứ đảng khác.

Mao Trạch Đông đã tái thống nhất Trung Hoa vào giữa thế kỷ 20 với ý định hình thành một nước xã hội chủ nghĩa lớn nhất thế giới. Cuộc thí nghiệm của Mao thất bại, sau khi làm 30 triệu người chết, phần lớn là chết đói. Sau khi Mao qua đời, Đặng Tiểu Bình bắt đầu xóa bỏ giấc mơ hão huyền đó, từ năm 1978. Bằng cách cởi trói cho người dân Trung Hoa, cho họ làm ăn và mua bán tự do. Nhưng ông Đặng vẫn bảo tồn những đặc tính và cơ cấu đảng Cộng Sản làm khí cụ cần thiết để cai trị một xứ quá đông người. Vì thế, đảng Cộng Sản Trung Quốc vẫn giữ nhãn hiệu Mác-Lê nin và nhân danh Chủ nghĩa Xã hội, gọi là "với đặc tính Trung Hoa." Bây giờ đến lượt ông Giang Trạch Dân. Ông sẽ thay đổi bản chất của đảng Cộng Sản và đem nước Trung Hoa trở về với đời sống bình thường, như các dân tộc và các quốc gia khác.

Lịch sử Trung Quốc đã trải qua những quá trình giống như vậy nhiều lần. Sau một thời kỳ phân liệt, bạo loạn hay bị dân ngoại biên xâm lăng, một vị vua đứng ra thống nhất nước Trung Hoa rồi xưng đế hiệu, nhưng triều đại của họ thường không dài quá nửa thế kỷ. Tiếp theo đó, một tay hào kiệt mới, thường là một công thần trong triều đình cũ, chiếm lấy ngai vàng và thành lập một triều đại mới, đem dân trở về cuộc sống bình thường, tạo thành nền nếp kéo dài mấy trăm năm. Như vào thế kỷ thứ 7 khi họ Lý thay thế nhà Tùy lập ra nhà Đường, hay sau đó, khi nhà Tống lên thay nhà Hậu Chu. Xa xưa hơn nữa, thí dụ Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa sau bốn trăm năm Xuân Thu, Chiến Quốc; sau hai đời đến lượt nhà Hán đặt kỷ cương cho một nếp sống bình thường, cũng dài hơn 400 năm. Mao Trạch Đông có lúc tự ví mình như Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế. Giang Trạch Dân có thể đóng vai một Hán Cao Tổ, một Đường Thái Tông, nếu như cuộc thí nghiệm của ông thành công biến nước Trung Hoa cộng sản biến thành một xã hội bình thường.

KHI TRỘN TƯ BẢN VÀO CỘNG SẢN

Nhưng một hành động thay đổi chế độ, triều nghi bao giờ cũng mang theo rất nhiều rủi ro. Các "trung thần" của triều đại cũ, hiện nay là những đảng viên còn trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê, sẽ chống đối mọi thay đổi tới cùng; theo lối "trung thần bất sự nhị quân" (thay thế chữ Quân bằng chữ Chủ nghĩa thích hợp hơn.) Còn những người chạy theo ủng hộ, tôn phò triều đại mới thì không phải ai cũng sẵn tài lương đống vì nước vì dân, chẳng thiếu gì những kẻ nịnh thần, bây giờ gọi là "theo chủ nghĩa cơ hội." Đảng Cộng Sản Việt Nam đang theo dõi các biến chuyển ở Trung Hoa, dân Việt Nam càng quan tâm nghe ngóng. Báo *Tuổi Trẻ* ở Sài Gòn khéo léo dẫn lời ông Giang Trạch Dân nói rằng Đảng Cộng Sản Trung Hoa phải theo kịp thời đại mới. Quả thật, cả thế giới đang biến đổi. Không lẽ một đảng lúc nào cũng nhân danh lịch sử và biện chứng pháp lại cứ bảo thủ đến cùng?

Dù sao, một điều chắc chắn xảy ra, là đảng Cộng Sản Trung Quốc sẽ thay đổi sau khi để cho các nhà tư bản gia nhập. Theo định nghĩa thì đảng Cộng Sản là đảng của giai cấp vô sản, tức là những người kiếm sống bằng sức lao động và khả năng kỹ thuật của mình. Đảng này có mục đích xóa bỏ giai cấp tư sản, tức là những người còn kiếm lời bằng cách dùng tiền vốn của mình (tư bản nghĩa là vốn), kinh doanh, thuê người lao động khác làm việc cho mình. Nhà tư bản hưởng lợi nhờ vào đồng vốn đó, sau khi trả công cho người lao động, phần lợi nhuận gọi là giá trị thặng dư, do giới vô sản tạo ra. Chủ nghĩa Cộng Sản chủ trương giai cấp vô sản phải đấu tranh xóa bỏ giai cấp tư sản rồi lập nên kỷ cương mới, chưa ai biết kỷ cương đó ra sao. Bây giờ ông Giang Trạch Dân muốn thu nhận cả các nhà kinh doanh vào đảng Cộng Sản, thật chẳng khác gì đem trộn cà rem với xì dầu vậy.

Cuối cùng thì món hẩu lốn đó sẽ biến thành cà rem mặn, hay sẽ biến thành xì dầu béo?

Đó là câu hỏi lớn của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ 21 này.

Những người chủ trương "trung thần bất sự nhị chủ nghĩa" có thể biện luận dễ dàng rằng đem các nhà kinh doanh vào thì Đảng không còn là "cộng sản" nữa, lý luận đó ai cũng có thể hiểu được. Đảng này thu nhận đảng viên để đấu tranh giai cấp, bây giờ không còn phân biệt và đấu tranh nữa thì thà đổi tên đảng còn hơn, ai lại đi nói dối nhau làm gì? Các nhà kinh doanh mới được phép đầu tư, hoạt động mới có mươi năm mà hiện nay đã đóng góp hơn 25% vào Tổng Sản lượng Quốc nội (GDP). Nếu họ lại vào đảng nữa thì các xí nghiệp quốc doanh tức là giường cột của chế độ bây giờ đã yếu, mai mốt sẽ ngày càng lụn bại hơn. Nằm trong lồng kính, ông Mao chắc nằm không yên khi thấy bao nhiêu triết lý, tư tưởng của mình cũng chỉ là một màn phụ diễn quá dài, vô ích.

Nhưng đảng Cộng Sản Trung Hoa đã từng chủ trương công nhận các nhà kinh doanh trong một nền kinh tế "nhiều thành phần." Nguyễn Tường Bách nhắc lại vào lúc Trung Cộng mới lên họ đã có chính sách "năm thành phần kinh tế" chung sống với nhau, trong giai đoạn quá độ từ chủ nghĩa "Tân Dân chủ" sang Chủ nghĩa Xã hội. Đặng Tiểu Bình chỉ lái "quẹo chữ U" một cái thôi, cả nước lại bước vào một thời kỳ "quá độ" mới, đi ngược chiều. Trong 10 năm qua, các nhà tư doanh cho thấy người ta không cần vào đảng cũng vẫn kiếm được tiền. Chính họ đã trở thành một lực lượng trong xã hội, không ai có thể giả bộ quên, coi như họ không có mặt. Sớm muộn, những nhà kinh doanh ở Trung Quốc sẽ "giác ngộ ý thức giai cấp," nghĩa là biết phải đoàn kết với nhau để đòi hỏi các quyền lợi chung. Không cần lập thành một đảng tư sản thì những người này vẫn có khả năng tranh đấu đòi bảo vệ các quyền lợi của họ. Và điều nguy hiểm là đa số dân chúng Trung Hoa sẽ nhận thấy tư doanh tạo ra công ăn việc làm nhiều hơn, trả lương đều hơn, quyền lợi của người dân bình thường dính liền với quyền lợi của các nhà kinh doanh chứ không phải của bộ máy nhà nước!

Việc Trung Quốc gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới sẽ đẩy giai cấp tư doanh mạnh hơn. Vì ngôn ngữ kinh tế toàn cầu hóa là ngôn ngữ của tư doanh, luật lệ thương mại quốc tế đặt ra để bảo vệ tư doanh. Dù muốn hay không, đảng Cộng Sản Trung Hoa cũng phải đối phó với những hiện tượng xã hội và kinh tế phức tạp này. Tư tưởng Mao Trạch Đông không dùng được việc gì trong hoàn cảnh đó. Chi bằng mang ngay tầng lớp tư doanh đó vào trong đảng, để họ cũng chịu chung một thứ kỷ luật, theo chung một thứ đường lối. Đó là đem cà rem trộn vô xì dầu cho nó đen luôn.

Nhưng kết quả có thể làm cho đảng Cộng Sản Trung Hoa trở thành một tổ chức khác, một hội buôn kiếm lời thuần túy. Nó sẽ thành môi trường nuôi béo bọn tham nhũng. Đó là thứ xì dầu đầy chất béo. Hiện nay đảng viên cộng sản vẫn nắm các địa vị chỉ huy trong tất cả các lãnh vực hành chánh và kinh tế, tài chánh. Các nhà tư doanh đứng ngoài đảng vẫn phải tìm cách hối lộ các đảng viên nắm quyền lãnh đạo, để làm sai luật hay được giải thích luật sao có lợi cho mình. Nay nếu các doanh nhân lại vào luôn trong đảng thì mối "quan hệ" đó càng chặt chẽ hơn. Nếu nước Trung Hoa vẫn theo lối cũ, không biến thành pháp trị, thì các cán bộ và các đảng viên tư bản đỏ sẽ dùng đảng Cộng Sản làm phương tiện kiếm lời vô số kể, chẳng khác gì đi "buôn vua." Những thứ ưu quyền, như vay được tiền của các ngân hàng quốc doanh, giấy phép hành nghề buôn bán, đổi chác, hợp đồng đấu thầu cho nhà nước, quyền mua cổ phần các doanh nghiệp nhà nước giải tư, tất cả sẽ được trao đổi giữa các đảng viên có quyền và các đảng viên có tiền, người ngoài khó lòng biết được. Đảng cộng sản vẫn mang tên cộng sản nhưng sẽ trở thành một tổ chức thuần túy mua bán quyền hành và lợi lộc.

Vậy ông Giang Trạch Dân muốn đảng của ông đi tới chương, hồi nào? Hoặc sau khi nhận giới tư doanh, Đảng sẽ đổi tên thành một đảng chính trị bình thường, không đấu tranh giai cấp nữa. Khi đó, các đảng khác sẽ có lý do để đòi có mặt. Hoặc Đảng sẽ cộng sản hóa các doanh nhân, để các nhà buôn này đem ngay quan hệ trong đảng ra làm món hàng buôn bán kiếm lời. Mà chắc họ sẽ kiếm lời nhanh và nhiều hơn các đảng viên cũ. Chắc hẳn ông Giang và những người lãnh đạo đảng Cộng Sản Trung Quốc muốn cách biến dạng thứ nhất, là biến thể đảng Cộng Sản. Như vậy thì họ đang bắt đầu thiết lập một triều đại mới ở Trung Quốc. Triều đại Mao, Đặng sẽ được ghi trong lịch sử như một thời kỳ chuyển tiếp giống nhà Tùy, nhà Hậu Chu. Triều đại do Giang Trạch Dân dựng lên mới tạo ra được một "nước thanh bình ba trăm năm cũ."●

ĐEM THƯỢNG ĐẾ VÀO THƯƠNG VỤ

THANH THẢO

Một buổi trưa, trong lúc ngồi đọc sách sau bữa ăn tại một quán cà phê nhỏ nằm giữa những cao ốc chuyên ngành tài chính, Thanh Thảo chú ý thấy một bà Phó Giám Đốc một công ty đang ngồi trong tư thế thiền bên cạnh khóm Trúc nhân tạo, phía trước mặt bà là một thác nước (cũng nhân tạo), nước róc rách chảy quanh một dòng suối uốn khúc rất nên thơ. Cách nơi bà ngồi không xa, một ông Quản Lý một công ty tài chính nổi tiếng khác đang làm dấu Thánh Giá trước khi mở gói thức ăn trưa đựng trong túi giấy nâu. Việc hai vị này chọn tụ điểm vắng vẻ để thực hành quyền tự do tín ngưỡng của họ không phải là chuyện lạ. Nhưng chức vụ của họ cho thấy có thay đổi nào đó trong cái gọi là điều cấm kỵ của ngành thương mại. Chẳng lẽ họ không biết rằng "lệ" kinh doanh là... không đem Thượng Đế, gọi bằng tên gọi khác nhau theo từng tôn giáo khác nhau, vào thương vụ hay sao? Hay họ đã biết điều Thanh Thảo chưa biết?

Đem tín ngưỡng vào công việc từ lâu được xem là đụng chạm trầm trọng vào một điều cấm kỵ của ngành kinh doanh thương mại, đó là không bao giờ được pha trộn tín ngưỡng và tài chính. Nhưng giống như những lệ khác, luật lệ được đặt ra để... bị bẻ gẫy, uốn cong, phá vỡ; điều cấm kỵ này đã bị một số người thành công đáng kể trong các đại công ty ngày nay vi phạm. Trong sự vi phạm đó, những người này đã chứng minh đem Thượng Đế vào thương vụ có lợi nhiều hơn hại. Những điểm lợi đó là gì, và nguyên nhân nào khiến những người nổi tiếng này gặp nhau để trở thành tiên phong trong lãnh vực này?

Theo bài tường thuật của ký giả Marc Gunther, thuộc tạp chí Fortune, gần 40 vị giữ chức vụ cao cấp trong các đại công ty đã họp tại phòng hội thảo trên tầng lầu cao nhất thuộc ngân hàng LaSalle Bank thành phố Chicago hồi tháng Sáu năm nay. Những người tuổi trung niên trở lên này ngồi quanh bàn ăn trưa để thảo luận không phải về cách thức nâng cao thương vụ, điều đó quan trọng thật và thế nào cũng cần phải bàn đến, nhưng những người này đã dành nhiều thời gian bàn về điều họ cho là quan trọng hơn cả, đó là vấn đề tâm linh.

Không lâu sau khi cuộc thảo luận bắt đầu, những vị đại diện cao cấp này đã trao đổi những ý kiến như: Làm việc ít hơn. Làm việc chậm lại. Bỏ thói quen làm một lúc hai ba việc (chẳng hạn trong lúc đợi bài in ra từ máy in, gọi điện thoại cho ai đó, hoặc đọc một bài viết nào đó...) Và lắng nghe tiếng nói từ tâm hồn! Một vị hiện diện trong buổi thảo luận, ông Jack Shea đã nhắc lại cụm từ La-Tinh từ thời còn là sinh viên *"Age Quod agis,"* nghĩa là "làm việc của mình," và "làm với tất cả sức mình." Ông nêu tâm trạng chung của người sống trong xã hội Mỹ là trong nhiều trường hợp, chúng ta bị đặt trong hoàn cảnh khiến chúng ta cảm thấy có quá nhiều thứ phải làm, không thể nào làm xuể, nên thôi thà bỏ luôn, không làm nữa cho được việc. Trong khi đó, ông kết luận nếu làm ít việc lại, chúng ta có thể tận dụng năng lực làm công việc bằng hết sức mình, và trong ý nghĩa đó, chúng ta làm việc bằng tâm hồn.

Nội cái câu "làm việc bằng tâm hồn" nghe đã khó phù hợp với lãnh vực kinh doanh rồi. Nhưng câu phương châm này lại là động lực chính thúc đẩy những vị lãnh đạo thương mại cao cấp thuộc nhóm Business Leaders for Excellence, Ethics and Justice, vùng Chicago này ngồi lại với nhau để trao đổi ý kiến làm cách nào đem thực hành lý thuyết trên. Những câu hỏi được đem ra thảo luận đúng là những câu hỏi từ... đáy lòng, chẳng hạn: Làm sao để công việc nâng cao chất lượng đời sống gia đình? Lương bao nhiêu là công bằng? Trong trường hợp nào việc cho nhân viên nghỉ việc hợp lý? Những thành viên nhóm này đã giúp nhau tìm câu trả lời cho những quyết định ảnh hưởng đến đời sống gia đình của rất nhiều nhân

viên thuộc sở của họ. Điều lạ là số thành viên nhóm này đang tăng trưởng nhanh đáng kể trong thời gian ngắn gần đây. Dĩ nhiên, những người không cùng chí hướng đặt câu hỏi "Tại sao chúng ta lại muốn tìm Thượng Đế trong công việc làm?"

Câu trả lời đã được đồng sáng lập công ty BEEJ, ông Gregory F.A. Pearce, một giám đốc xuất bản và cũng là đồng tác giả một quyển sách mới tên *Spirituality@Work* giải thích: "Lý do đơn giản là vì đa số chúng ta dành phần lớn thời giờ trong mỗi ngày tại sở làm, nếu không tìm thấy Thượng Đế ở đó là một điều đáng hổ thẹn. Còn lý do phức tạp hơn là vì trong công việc nào cũng thế, để hoàn tất, chúng ta cần có năng lực sáng tác, hay *creative energy*. Năng lực này giống hệt như năng lực sáng tác của Thượng Đế." Tác giả Pearce còn nói nếu tìm được sự liên hệ giữa hai thể khác nhau của năng lực này chúng ta sẽ chuyển hóa nơi làm việc thành một nơi chốn đáng nhớ.

Có thể vì muốn biến nơi làm việc thành những chốn đáng nhớ, toàn quốc Hoa Kỳ đã có rất nhiều nhóm lãnh đạo thương mại cao cấp tự thành lập, để tìm cách đem Thượng Đế vào công việc làm hàng ngày. Theo lịch sử, nỗ lực đi ngược trào lưu văn hóa kiểu này đã được thực hiện âm thầm, trong những công ty nhỏ, riêng, gồm những thành viên đồng chí hướng. Nhưng nay, những nhóm này muốn tạo tiếng vang và tìm sự thay đổi bằng cách họp công khai, và nói về niềm tin tôn giáo của mình trong những buổi hội thảo.

Điển hình là việc buổi hội thảo tại trường Đại Học Kinh Doanh Santa Clara, một đại học thuộc dòng tu Jesuit tại Silicon Valley, miền bắc tiểu bang California, khai mạc bằng những tiếng mõ Tây Tạng (Tibetan), một bài đọc từ quyển sách Rumi, sách huyền bí của Sufi, và vài phút mặc niệm. Nơi đây những vị lãnh đạo cao cấp của các công ty thương mại, những học giả văn chương, những học giả thần học cùng thảo luận để tìm sứ mệnh thật của mình trong đời sống. Sự việc này lạ lùng đến độ đã được ông Andre DelBecq, một giáo sư đại học lão thành về quản trị kinh doanh nổi tiếng, và cũng là người giúp thực hiện buổi hội thảo, phải tuyên bố "Có hai điều tôi không bao giờ tưởng tượng có thể xảy ra. Điều thứ nhất là việc Nga Hoàng sụp đổ, và điều thứ hai là việc nhắc đến tên Thượng Đế tại trường dạy kinh doanh thương mại."

Tại một trong loạt chương trình diễn thuyết mang tên Faith@Work, do thánh đường Fifth Avenue Presbysterian Church thuộc thành phố New York tổ chức vị Mục sư cao tuổi được nể trọng Dr. Thomas K. Tewell đã thách thức cử tọa "Quí vị có sẵn sàng trở thành những cứ điểm để phổ biến tình yêu của Chúa trong thương trường không? Và quý vị có sẵn sàng trở thành một đường lối của Chúa trong bản đồ kinh tế của thượng đế không?"

Còn tại một buổi tĩnh tâm gần San Antono, những giáo dân được nghe ông David Miller đọc "lời hàng ngày của người đạo Chúa." Ông Miller, 44 tuổi là một cựu giám đốc công ty IBM, và là một cựu chuyên gia đầu tư tài chính. Ông đã bỏ công việc để theo học Trường Thần Học Princeton Theological Seminary. Ông nói không phải đi học để chạy trốn hoàn cảnh tại những đại công ty Mỹ, mà là để tìm cách liên kết thương mại và tôn giáo. Ông cho biết ngược với những điều ông học trước đây tại những trường kinh doanh, rằng con người hoặc có thể sống đời có tín ngưỡng, hoặc chọn kinh doanh thương mại, tức là sống vô thần. Nhưng ông cho biết sau khi học về Thần học, ông đã tìm thấy Thượng Đế trong đá, trong nước, trong cây cỏ, và... cả những tòa cao ốc trong đó là những công ty thương mại nữa. Hiện nay là người lãnh đạo nhóm Đức-Tin-trong-nơi-làm-việc mang tên Avodah Institute, ông Miller giải thích chữ *"Avodah"* tiếng Hebrew có hai nghĩa, vừa là *"công việc"* mà cũng là *"tôn thờ."*

Trường hợp của luật sư thụ lý tại tòa Thomas Crisman cho thấy chúng ta không nhất thiết phải phân biệt nơi làm việc và tín ngưỡng, trái lại, với sự kết hợp đúng chỗ, niềm tin tôn giáo có thể giúp chúng ta sống và làm việc... từ tâm hồn. Đa số luật sư không thể giữ im lặng được lâu hơn một giờ, nhưng luật sư Thomas Crisman, thuộc tổ hợp luật sư danh tiếng Jenkens & Gilchrist, vùng Dallas, Texas, lại có thể giữ im lặng hàng tuần. Ông là một người theo đạo Phật, thường ngồi thiền theo phương pháp Vipassana. Là một người sinh trưởng trong gia đình theo đạo Tin Lành, ông tốt nghiệp đại học Luật khoa rồi hành nghề luật,

trở thành một người giữ nhiều cổ phần tại tổ hợp này. Sau khi gặp thất vọng trong vấn đề tình cảm gia đình, ông theo bạn dự một khóa tĩnh tâm học về thiền Phật học. Ông tìm được niềm tin từ chuyến tĩnh tâm đó, và sau khi sang Ấn Độ gần một năm, ông đã định bỏ hẳn ngành Luật. Nhưng nhờ bạn khuyên nên tiếp tục truyền bá tư tưởng Phật giáo trong giới luật khoa nếu ông vẫn hành nghề luật, ông đã tiếp tục công việc với một lối suy nghĩ hoàn toàn mới mẻ.

Ông cho biết từ khi tu tập thiền Vipassana, khi ra tòa, phải tranh luận với đối thủ trong những vụ khó khăn, ông vẫn dùng lý trí để bẻ lập luận của đối phương, nhưng ông làm với tâm tư bình an. Bằng cách này, ông thường thắng những vụ kiện do ông đảm trách, và đạt thành công tài chính nhiều hơn trước. Tên tuổi ông ngày càng nổi như cồn. Tuy vậy, ông Crisman cho biết điều đáng kể nhất đối với ông là ông làm việc mệt óc như thế mà không thấy đau khổ, chỉ thấy mình nhìn sự việc một cách hết sức khách quan, và với cái nhìn thăng bằng, không hề bị tình cảm chi phối. Đó là phần thưởng hạng nhất môn tu thiền đạo Phật mang đến cho ông. Một thay đổi khác luật sư Crisman đặt ra cho mình là dù không ăn chay, ông dứt khoát không nhận đại diện những vụ đi ngược đạo lý Phật giáo, chẳng hạn đại diện chủ nhân một lò sát sinh, chế biến thịt bò, hoặc một người muốn nộp đơn xin tác quyền bằng sáng chế kỹ thuật làm súng máy. Hàng năm ông chỉ làm việc 10 tháng, có ngày 12 tiếng, nhưng dành trọn hai tháng còn lại cho chuyến đi tu tập ở Ấn Độ hoặc những nơi khác. Và theo các đồng nghiệp, mỗi cuối tuần, khi mọi người chỉ mong sao chóng đến giờ về để đi uống rượu giải sầu, ông Thomas Crisman chỉ mong chóng đến giờ về nhà để... ngồi thiền.

Theo thống kê của Princeton Religious Research Index, nơi giữ thống kê từ thời sau Đệ Nhị Thế Chiến đến nay, tại Mỹ, tùy theo cách đặt câu hỏi "Bạn có tin vào Thượng Đế hay không?" những trung tâm thăm dò có thể nhận câu trả lời "Có" từ 95% người được hỏi, so với chỉ có khoảng 50% tại đa số các nước Tây Âu. Năm 1999, công ty Gallop cho biết 79% người được thăm dò cho biết họ cảm thấy cần nâng cao niềm tin tôn giáo của mình, so với chỉ có 20% năm 1994. Mức tăng sơ sơ... 59%.

Số lượng sách về tín ngưỡng thuộc nhiều tôn giáo khác nhau, nhất là Kinh Thánh Công Giáo, Tin Lành, Do Thái Giáo, và sách về Phật học, về thiền từ Đông Á bán chạy kỷ lục, tăng từ $1.69 tỉ đến $2.24 tỉ Mỹ kim trong 5 năm vừa qua, tính đến năm 2000. Những phân tích gia cho rằng vì mức sống căn bản của người dân trong xã hội Mỹ quá cao, người nghèo cũng được kể là giàu so với mức sống của dân thuộc Thế Giới thứ ba, nên việc *tìm ý nghĩa sự hiện diện của mình trên trái đất,* và *ý nghĩa việc mình làm* là điều không có gì lạ.

Và với tỉ lệ tín ngưỡng kể trên, các phân tích gia cũng cho rằng việc hồi phục của đợt sóng muốn đem niềm tin tôn giáo vào nơi làm việc được coi là tiến trình tự nhiên. Nhưng họ cho biết những người muốn thay đổi phải đối phó với rất nhiều vấn đề từ nhiều mặt khác nhau.

Có lẽ điều chúng ta không thể chối cãi là sống theo đúng tiêu chuẩn thánh thiện của điều lệ, điều răn, thuộc bất cứ tôn giáo nào cũng khó khăn vô cùng. Nhưng chắc quí vị cũng đồng ý việc tự kiềm chế để sống hết sức mình, trong mỗi hành động, cho gần sát với những tiêu chuẩn thánh thiện, tự nó cũng đã là một việc làm cao thượng và hữu ích, ít nhất cho lương tâm chúng ta. Tâm có bình an, óc chúng ta mới minh mẫn, và quyết định về công việc kinh doanh mới sáng suốt, đúng không? Những trường hợp trên đây cho thấy trào lưu đem tín ngưỡng vào thương mại sẽ không phát triển nhanh, mạnh, hay nổi bật, mà sẽ là những đợt sóng ngầm dưới mặt đại dương. Những đợt sóng ngầm đó được trợ lực bằng nỗi khao khát của những người làm kinh doanh thương mại trên đường *tìm ý nghĩa của việc họ làm.* Họ có thành công hay không là việc chưa có đoán nói, nhưng họ đã khởi đầu một trào lưu mới, phá bỏ "lệ" cấm kỵ đã được công nhận trên một thế kỷ của ngành kinh doanh thương mại tại Hoa Kỳ.

LORD ARCHER: CUỘC ĐỜI HAY KỊCH BẢN?

HÀ KỲ LAM

Nhà văn Anh Jeffrey Archer, tác giả hàng chục tiểu

thuyết bán chạy nhất thế giới hiện nay và là một khuôn mặt chính trị sáng giá của đảng Bảo Thủ của nước Anh, vừa bị tòa tuyên phạt tù bốn năm và phạt tiền một trăm bảy mươi lăm nghìn bảng Anh về tội gian dối trong một vụ xét xử kéo dài sáu tuần lễ tại Luân Đôn, từ 14-5-2001 đến 19-7-2001.

Mọi sự được che dấu dưới ánh mặt trời mười hai năm. Năm 1986 tờ báo Anh *Daily Star* phanh phui vụ Lord Archer ăn nằm với Monica Coghlan, một gái điếm. Ông kiện tờ báo về tội vu khống và thắng kiện với số tiền kếch xù năm trăm nghìn bảng Anh mà tờ *Daily Star* phải bồi thường cho nguyên đơn.

Ông Archer thắng kiện nhờ sự tiếp tay của người bạn, Ted Francis, vì ông này làm chứng là vào cái đêm "đặc biệt" đó trong tháng Chín 1986 cả hai người đang ăn uống tại một nhà hàng ở khu Tây Luân Đôn, chứ không hề có chuyện bậy bạ như tờ *Daily Star* tung tin. Jeffrey Archer còn nhờ ông Francis ngụy tạo một bức thư để câu chuyện thêm hữu lý, tuy chứng cứ đó chưa được dùng tới trong phiên tòa.

Chẳng biết tình bạn giữa hai người sau đó đi đến chỗ cơm không lành canh không ngọt như thế nào mà vào tháng 11 năm 1999, lúc cuộc vận động tranh cử chức thị trưởng Luân Đôn của Archer gần đến đích thì Ted Francis cho nổ quả bom của mười hai năm trước: tiết lộ với báo *News of the World* việc Lord Archer nhờ mình làm chứng gian trong phiên tòa kiện báo Daily Star năm 1987. Jeffrey Archer đành rút lui khỏi cuộc chạy đua vào chức thị trưởng Luân Đôn, và thú nhận đã nhờ Ted Francis che dấu cho mình trong vụ kiện năm xưa. Cảnh sát Luân Đôn đã tiến hành cuộc điều tra và kết quả là cuộc đời chính trị của vị phó chủ tịch đảng Bảo Thủ một thời bỗng dưng sụp đổ với bản án nêu trên. Riêng người bạn "quí" của ông ta thì được trắng án.

Jeffrey Archer là ai?

Vào cuối năm 1997 người viết bài nầy đã hân hạnh được nhà văn Jeffrey Archer cho phép dịch ba truyện ngắn mình yêu cầu. Trong thư cho phép đó, đề ngày 3-12-1997, ông Archer cũng kèm một trang về thân thế sự nghiệp của mình để dịch giả tiện giới thiệu. Nay tổng hợp với tin tức trên các trang liên mạng của BBC, xin góp nhặt đôi điều về cuộc đời nhân vật nầy để cống hiến bạn đọc.

Jeffrey Archer, con một chủ nhà in, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1940 tại Luân Đôn nhưng lớn lên tại Somerset. Ông theo học tại đại học Oxford và tại đây ông đã được tuyển vào đoàn lực sĩ điền kinh của trường, và năm 1966 đã đại diện nước Anh trong đại hội thể thao Olympic về môn chạy nước rút 100 yards để đem về thành tích 9.6 dây. Ông trở thành nghị viên trẻ tuổi nhất của Viện Thứ Dân (House of Commons) năm 1969, lúc 29 tuổi. Năm 1985 ông được đề cử vào chức vụ Phó Chủ Tịch đảng Bảo Thủ. Năm 1992 ông bước lên Viện Quý Tộc (House of Lords) và lần này ông được ban tước Quý Tộc Suốt Đời (Life Peerage) trong danh sách ân thưởng danh dự vào dịp sinh nhật năm đó của Nữ Hoàng. Tác giả hiện sống ở Luân Đôn cùng vợ, Mary, và hai con, Wil và James.

Tác phẩm của Jeffrey Archer được liệt kê như sau:

Truyện Dài:

Not a Penny More Not a Penny Less; Shall We Tell The President?; Kane and Abel; The Prodigal Daughter; First Among Equals; A Matter of Honour; As The Crow Flies; Honour Among Thieves; The Fourth Estate; The Eleventh Commandment.

Truyện Ngắn (liệt kê theo tuyển tập):

A Quiver Full of Arrows; A Twist in The Tale; Twelve Red Herrings; Collected Short Stories.

Kịch Bản:

Beyond Reasonable Doubt; Exclusive; The Accused (xuất bản năm 2000, sẽ đề cập dưới đây).

Theo con số Lord Archer ghi trong thư ngày 3-12-1997 cho kẻ viết bài này thì các tác phẩm của ông đã được ấn hành ở 63 quốc gia, dịch ra 21 ngôn ngữ, và số sách bán trên thế giới đã lên trên một trăm hai mươi triệu cuốn. Có lẽ hiện nay con số thống kê mới đã cao hơn thế.

Đó là khái quát về thân thế sự nghiệp của nhà văn Jeffrey Archer. Thực ra đường đời của Lord Archer không phải luôn luôn phẳng phiu, thênh thang, mà khá thăng trầm. Thời học ngành sư phạm tại Oxford chàng sinh viên Jeffrey Archer gặp cô nữ sinh viên Mary Weedon 19 tuổi thuộc phân khoa hóa học, và họ yêu nhau. Sau khi cưới nhau vào năm 1966, Lord Archer theo đuổi tham vọng chính trị và thương mãi,

còn bà Archer tiếp tục con đường học vấn của mình và đã trở thành một trong những khoa học gia lỗi lạc của Anh Quốc về ngành năng lượng mặt trời.

Năm 1974, ở tuổi 34, lúc vợ đang mang thai đứa con thứ nhì, Lord Archer đã phải rời Viện Thứ Dân vì một thất bại tài chính lớn lao là mất trọn năm trăm nghìn bảng Anh, tức cả tài sản dành dụm của vợ chồng ông, vì đầu tư lầm vào một công ty "dỏm" của Canada. Họ mất nhà, lâm vào tình trạng nợ nần. Cả gia đình lúc bấy giờ phải sống nhờ vào số tiền ít ỏi mà đại học Cambridge trợ cấp cho bà Archer trong chương trình nghiên cứu hậu đại học. Jeffrey Archer bỏ ra một năm nằm nhà để viết cuốn tiểu thuyết giật gân đầu tay, *Not a Penny More Not a Penny Less* (tạm dịch, Không Một Xu Dính Túi), một cuốn truyện hấp dẫn với những nút mở không ai lường được ở cuối mỗi chương. Cuốn sách được xuất bản năm 1975 và lập tức bán chạy như tôm tươi, đến nỗi có lúc chỉ trong một tháng công chúng Anh đã mua hai mươi lăm nghìn cuốn. Rồi mười bốn cuốn sách, cùng ba kịch bản ra đời những năm tiếp theo đã mang lại cho nhà văn Jeffrey Archer sáu mươi triệu bảng Anh.

Hết hồi bỉ cực. Jeffrey Archer trở lại chính trường, bắt tay những nhân vật tai to mặt lớn, ký sách cho giới mộ điệu trong yến tiệc linh đình. Năm 1985 thủ tướng Margaret Thatcher bổ nhiệm ông vào chức vụ Phó Chủ Tịch đảng Bảo Thủ.

Ngồi trên ghế danh vọng chưa được bao lâu thì năm 1986 báo chí tung tin ông ăn nằm với cô gái làng chơi tên Monica Coghlan. Jeffrey Archer cực lực phủ nhận điều loan truyền và kiện tờ *Daily Star* về tội vu khống. Ông thắng kiện, nhờ một người bạn, Ted Francis, tiếp tay, và được bồi thường danh dự bằng một khoảng tiền ngoạn mục là năm trăm nghìn bảng Anh. Dù "gỡ" được danh dự, ông vẫn từ chức Phó Chủ Tịch đảng Bảo Thủ sau vụ tai tiếng kia.

Năm 1992 Jeffrey Archer trở lại Quốc Hội, và được tặng tước vị quí tộc để tưởng thưởng công lao đối với đảng Bảo Thủ.

Nhưng, những vụ rắc rối dường như vẫn ghen tương với con người tài hoa Jeffrey Archer, vì hai năm sau ông lại bị tai tiếng do vụ mua bán cổ phiếu. Số là Lord Archer mua hộ cổ phần trong công ty truyền hình Anglia cho một người bạn và bán lại lãi hơn bảy mươi triệu bảng Anh. Vì vợ ông là giám đốc công ty nên đã gây ra tai tiếng là vụ làm ăn có tay trong mách nước. Archer phủ nhận điều cáo buộc đó, và tuyên bố mình chẳng lấy một xu nào trong dịch vụ kia. Nội vụ đã không phải ra trước tòa. Các luật sư của ông thừa nhận ông đã làm một việc sai lầm, tình ngay mà lý gian.

Năm 1999 sự nghiệp chính trị của Lord Archer bắt đầu sụp đổ vô phương cứu vãn. Ông đã đến gần lằn mức cuối của cuộc chạy đua vào chức vụ Thị Trưởng Luân Đôn thì ông bạn vàng Ted Francis lật ngửa lá bài: tiết lộ động trời về việc gian dối trong vụ kiện năm 1987. Archer rút lui khỏi vòng tranh cử chức Thị Trưởng Luân Đôn, và bị khai trừ ra khỏi đảng Bảo Thủ.

Pháp luật là pháp luật, dù ở xã hội nào. Lord Archer không thể đứng cao hơn pháp đình tại đường Old Bailey ở Luân Đôn. Vụ án này xét cho cùng cũng bình thường như hệ quả của bao vụ phạm pháp khác. Thế nhưng nó lại gây nhiều chú ý, dư luận bàn tán không ít, chỉ vì bị can là Jeffrey Archer, vừa là một nhà văn nổi tiếng, vừa là một nhân vật chính trị có hạng của Anh Quốc. Thực ra, nếu ông ta chỉ là một nhà văn thôi thì sự kiện ông bị truy tố trước tòa có thể đã không gây một tiếng vang lớn như vừa rồi. Người ta đã nhìn vào khía cạnh chính trị của vụ án nhiều hơn. Tại sao người bạn cũ Ted Francis đã đã phản bội ông? Họ bất hòa nhau từ hồi nào, vì lý do gì? Tại sao phải đợi đến giai đoạn cuối của cuộc tranh cử chức thị trưởng Luân Đôn ông Francis mới bật mí vụ kiện gian dối năm xưa? Tóm lại, mục tiêu đằng sau vụ án là gì? Và liệu nước Anh sẽ tu chính luật về ân thưởng tước quí tộc sau trường hợp của Lord Archer hay không, v.v. Xin nhường cho các vị thức giả phân tích, giải đáp những vấn đề khúc mắc đó. Người viết chỉ xin mạn đàm cùng quí vị vài điểm rất "con người" của nhà văn này.

Hình như mỗi lần đường đời mình đi vào một khúc quanh nghiệt ngã thì Jeffrey Archer lại cho "thăng hoa" một cái gì. Năm 1974, đứng bên bờ hố khánh tận, thì năm sau ông cho ra đời truyện dài đầu tay *Not a Penny More, Not a Penny Less* (Không Một Xu Dính Túi). Năm 1999 bắt đầu

một ngã rẽ mới bi đát trong đời mình, tức vụ kiện tờ *Daily Star* mười hai năm trước đang bị điều tra, thì năm 2000 Lord Archer lại cho ra đời một kịch bản mới, *The Accused* (Kẻ Bị Cáo), một vở kịch mà bối cảnh là phòng xử của tòa án. Vở kịch diễn tại hí viện Theatre Royal Windsor hồi tháng 9 năm 2000. Điều đặc biệt là tác giả thủ vai chính trong vở kịch do chính mình soạn, vai một người đàn ông tự biện hộ trước tòa về việc dan díu tình dục. Trọng tâm vở kịch xoay quanh sự kiện nhân vật đó thành thực hay gian dối. Khi màn hạ khán giả phải bỏ phiếu biểu quyết người trong truyện có tội hay không. Ba tháng sau, vào tháng 12, 2000, Lord Archer trở lại phòng xử án, và lần này tòa án thật, không phải trên sân khấu! Và vở kịch đời thực đó đã khai diễn vào ngày 14 tháng 5 năm 2001 tại pháp đình ở đường Old Bailey, Luân Đôn. Không biết trong bồi thẩm đoàn đã quyết định bản án cho nhà viết kịch Jeffrey Archer có ai đã đi xem vở kịch *Kẻ Bị Cáo* và đã biểu quyết người trong truyện vô tội không? Hy vọng sau khi ra tù ông sẽ lại cho thế giới một tác phẩm mới.

MỘT BÀI HỌC, HỌC HOÀI KHÔNG THUỘC

TRẦN QUÁN NIỆM

Câu chuyện thật quen thuộc vì đã từng xẩy ra tại Washington DC dưới triều đại Clinton, báo chí nói chưa ráo mực. Lần này là chuyện cô nữ sinh viên trẻ đẹp tên Chandra Levy, thực tập tại một cơ quan công quyền (Văn phòng Ngục Thất Liên Bang) thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Cô Chandra có bạn thực tập tại văn phòng dân biểu Gary Condit. Nhân vài dịp ghé thăm bạn, Chandra gặp Gary. Và đôi trai tài gái sắc, chàng 53 tuổi, nàng 24 tuổi thành đôi bạn tâm tình. Để tránh con mắt tò mò, mỗi lần Chandra ghé thăm Gary tại nhà riêng (apartment) cô không ra khỏi thang máy tại tầng lầu của Gary mà lên tầng khác rồi đi bộ xuống. Mỗi khi ăn tiệm vào buổi tối, Chandra xuống đường gọi taxi chờ sẵn, sau đó Gary đội mũ sụp xuống tận mắt, ăn mặc xuyềnh xoàng lẻn theo sau. Gary còn dặn người tình là nếu chuyện đổ bể, mối liên lạc giữa hai người sẽ chấm dứt.

Cuối tháng 4, 2001 Chandra hết thời gian thực tập. Cô phải trở về Cali lãnh bằng tốt nghiệp. Theo hồ sơ Cảnh Sát cho hay, cô trả nhà, trả thẻ hội viên tại phòng tập thể dục, chuẩn bị hành trang, gọi về Cali thông báo bố mẹ ngày cô về. Nhưng 30 tháng 4, 2001 cô biến mất. Hành lý, tiền bạc, thẻ tín dụng, giấy tờ tùy thân còn nguyên trong phòng. Cô chỉ mang theo chìa khóa phòng.

Cháy nhà ra mặt chuột

Người mà Cảnh Sát tìm gặp đầu tiên là Gary. Ông này chối biến, chỉ nói Chandra là bạn. Cho đến lần phỏng vấn thứ ba, Gary mới thú nhận Chandra là người tình bé nhỏ, Gary đã có vợ và hai con. Bà vợ ở Cali thỉnh thoảng mới qua thăm. Độc thân tại chỗ nên dân biểu Gary mặc tình múa gậy vườn hoang. Khéo che đậy dưới vẻ ngoài đứng đắn đạo đức, Gary bồ bịch tùm lum. Một người tình khác là cô chiêu đãi viên hàng không, 39 tuổi. Được một thời gian ngắn, Gary cho cô này rơi.

Điều trớ trêu là trong vụ Clinton-Monica, Gary đã mạnh miệng tố cáo, phê phán hành vi vô đạo đức của Clinton. Câu nói Gary dùng để chĩa mũi dùi vào Clinton là *"Hãy nói hết sự thật với đồng bào."* Bây giờ người ta mới khám phá ra rằng, Gary cũng như Mục Sư Jesse Jackson, cả hai cùng cá mè một lứa. *"Chân mình thì lấm mê mê, Lại cầm bó đuốc mà rê chân người."*

Người ta những tưởng vụ tình ái lăng nhăng Clinton-Monica khiến các tay chính khách, dân biểu, nghị sĩ đề cao cảnh giác, vì lỡ dính vào gái, rất dễ bị "thân bại danh liệt." Ấy thế mà không, vì tự ngàn xưa đã có câu *Văn chương chữ nghĩa bề bề, Thần L. ám ảnh cũng mê mẩn đời.*

Cảnh sát và FBI đang cố tìm hiểu trong lần gặp gỡ chót vào ngày 26 tháng 4, Chandra và Condit đã bàn luận những gì. Rất có thể Chandra tuyệt vọng vì phải xa người yêu, dọa sẽ công bố chuyện tình thầm lén, nếu Condit bỏ nàng.

Cho đến bây giờ, gần bốn tháng sau khi Chandra mất tích, cảnh sát vẫn chưa được thêm tin tức gì về nội vụ. Tuy chưa bị tình nghi giết Chandra để phi tang, nhưng Condit bị chỉ trích nặng nề vì ngay từ đầu ông đã không thành thật khai báo cho cảnh sát về mối liên hệ giữa hai người, cũng như không tự nguyện hợp tác với chính

quyền trong việc tìm kiếm Chandra.

Sau sáu nhiệm kỳ dân biểu tổng cộng 12 năm công vụ, sự nghiệp chính trị của Condit coi như chấm dứt, dù Chandra sống hay chết.

Các ngài cha mẹ dân, trông xa thì oai vệ đẹp đẽ lắm, đến gần, khui ra, phần lớn quan nào cũng như nhau. *Ngày thì quan lớn như thần. Đêm về quan lớn tần mần như ma.*

Sau nhiều vụ tai tiếng về tình ái lẻ của các quan to nhà nước, có lẽ đã đến lúc dân chúng Hoa Kỳ hoặc chấp nhận chế độ thê thiếp thời phong kiến, hoặc chỉ bỏ phiếu bầu các vị phụ nữ là an toàn hơn cả.

Lửa gần rơm

Hoa Thịnh Đốn là thủ đô của quyền lực và ngoại tình? Cả hai đều đúng cả.

Nơi đây tập trung những chính khách đầy quyền lực, phần lớn sống xa nhà trong tình trạng độc thân tại chỗ, và cả ngàn thiếu nữ trẻ trung ở bậc thang thấp hơn, như Monica, Chandra. Các nàng kiều nữ nhìn lên ông xếp của mình như một thần tượng. Và chuyện phải đến sẽ đến, dù tuổi tác chênh lệch. Một Clinton-Monica. Một Jackson-Karin. Một Condit-Chandra. Và còn nhiều nữa, sau cánh cửa khép của Hoa Thịnh Đốn (điển hình là Condit-Chandra, nếu cô ta không mất tích thì ai biết ma ăn cỗ chỗ nào?)

Những chuyện ngoại tình nổ lớn trên bình diện toàn quốc này, không phải ngẫu nhiên, mà tuân theo một khuynh hướng thôi thúc thầm kín là con cái tìm đến con đực khỏe mạnh, hào hùng nhất trong đàn, trong định luật lọc lựa và truyền giống của thiên nhiên. Hai nhà sinh vật học Davis P. Barash và Judith Eve Lipton đã chứng minh một cách hùng hồn bằng cách quan sát thế giới loài vật trong quyển sách hai người viết chung và xuất bản năm nay có đề tựa *Những huyền thoại của hiện tượng một vợ một chồng (The Myth of Monogamy)*. Quay về với túi khôn phương Đông thì từ ngàn xưa các cụ ta đã chẳng nói *Gái tham tài, trai tham sắc* là gì.

Nhân trường hợp Condit-Chandra, dân biểu Scott McInnis (Cộng Hoà, Colorado) vừa đề nghị cần ra dự luật cấm dân biểu, nghị sĩ bắt bồ với nữ sinh viên thực tập. Trưởng khối thiểu số tại Thượng Viện là nghị sĩ Trend Lott (C.Hòa, Missipsipi) còn hăng hơn, khuyến cáo Condit từ chức.

Trong tương lai, nếu quả có luật buộc các viên chức ngành hành pháp, lập pháp và tư pháp từ chức vì lý do ngoại tình, thủ đô Hoa Thịnh Đốn sẽ vắng teo. Đó là nhận xét của dân biểu Christopher Shaya (C. Hòa, Connecticut).

CLINTON VỚ BỞ

TQN

Thượng tuần tháng 8, 2001, khi dọn văn phòng về một cao ốc tại khu Harlem, thành phố Nữu Ước, Clinton nói nịnh dân đen ở đây: *"Tôi có cảm tưởng như trở về cố hương (It's like going home)."* Người dân bu quanh xem Clinton dọn nhà đông như hội. Hoan hô cũng có, đả đảo cũng có.

Tháng 8 cũng là tháng may mắn của Clinton. Nhà xuất bản thời danh Knopf ứng trước cho ông 10 triệu để ông viết hồi ký.

Câu hỏi đầu tiên ai cũng nghĩ tới là liệu Clinton có nói thật về vụ Monica hay không? Giám đốc nhà xuất bản Knopf là ông Sonny Metah cho hay: *"Điều tôi được biết qua câu chuyện với Clinton, quyển sách sẽ kể rất chi tiết về cuộc đời của ông ta và những sự việc quan trọng trong 8 năm ông làm Tổng Thống.'* Tuy chỉ nói mập mờ như thế, nhưng ai mà không biết quyển hồi ký chỉ có giá nếu có những bí mật về Monica và những lần ăn vụng khác của Clinton.

Số tiền ứng trước trên 10 triệu hơn hẳn số tiền 8.5 triệu ứng cho Đức Giáo Hoàng năm 1994 khi Ngài nhận viết hồi ký và dĩ nhiên là ăn đứt số tiền 8 triệu nhà xuất bản Simon & Schuster ứng cho bà Hillary.

Chỉ có Monica mới có thể phá nổi kỷ lục trên. Sách của nàng kiều này phải đáng giá 12 triệu, nếu nàng dám nói thật, nói thẳng và nói hết. Hay ít ra Monica, Paula Jones (và nhiều nữa, nhớ không xuể) nên xúm lại đòi chia tiền với hai ông bà Clinton, mới công bằng.

Ở đời nhiều khi làm bậy mà lại có lợi. Bằng cớ là vị Tổng Thống sống đời đạo đức như Carter sau khi về hưu chỉ có thể bán đậu phụng kiếm bạc cắc, vì nếu viết sách thì có ma nào thèm mua.

Không hiểu Condit có dự tính viết sách trong tương lai hay không, nhưng trung tuần tháng 8, 2001, ông đồng ý để Conny Chung phỏng vấn trên đài truyền hình ABC.●

HỘI AN HOARD, HAY GỐM CỔ HỘI AN

Dưới mắt người sưu tập

KIỀU QUANG CHẨN

Có thể nói chưa bao giờ, San Francisco lại có một sự kiện về văn hoá-kinh tế Việt Nam có quy mô rộng lớn như ngày khai cuộc đấu giá những đồ gốm Việt Nam vớt lên từ con tàu đắm ngoài khơi Cù Lao Chàm do Butterfield, một công ty đấu giá hàng đầu miền tây Hoa Kỳ tổ chức vào ngày 10/10/2000.

Như chúng ta đã biết, năm 1993 những ngư dân ở thôn Cẩm Kim - Hội An trong khi đánh cá ở vùng biển Cù Lao Chàm cách Hội An khoảng hơn 20 km đã tìm thấy trong lưới của họ không chỉ có cá thu mà còn có cả những đồ gốm lạ. Những đồ gốm đó đã đến tay nhà khảo cổ học Trịnh Cao Tưởng - Viện Khảo cổ học, và được ông phỏng đoán chính xác là: có một con tàu chở gốm Việt Nam có niên đại khoảng cuối thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI bị đắm ở vùng biển này. (1)

Hai năm sau phát hiện quan trọng trên, chính phủ Việt Nam đã ký kết một hợp đồng với Saga Horizon Company Malaysia với sự cố vấn khoa học của Oxford University cùng các cơ quan khoa học trong nước tiến hành khai quật con tàu. Sau hơn bốn năm - cuối năm 1999, vượt qua rất nhiều khó khăn, cuộc khai quật đã hoàn tất được bước đầu.

Những người khai quật đã đưa ra khỏi con tàu: 300,000 món đồ gốm của các lò gốm Xứ Hải Dương gồm 24,000 món nguyên vẹn, số còn lại đã bị hư hại nhiều do hơn năm trăm năm nằm dưới lòng biển. Ngoài gốm Việt, còn tìm thấy một số đồ gốm Champa của các lò ở Bình Định; gốm Trung Hoa (Lò Long Tuyền và Cảnh Đức trấn), gốm Thái Lan (Savankhalok); tiền đồng (Trung Hoa), đồ đồng, hạt hoa quả và 11 bộ xương của thủy thủ đoàn...

Phía Việt Nam sau khi giữ lại 789 hiện vật độc bản và 10% số đồ gốm được chia theo thỏa thuận với Saga, cho năm Viện Bảo tàng trong nước, đã uỷ thác cho Butterfield bán giúp số đồ gốm còn lại cùng với phần được chia của Saga Horizon.

Trở lại với San Francisco, do Butterfield đã tổ chức quảng cáo một cách một cách khá rầm rộ trên rất nhiều kênh của mạng lưới thông tin toàn cầu nên đã có tới 300 quan khách tới dự một buổi khai mạc thật tưng bừng, náo nhiệt. Trong số những quan khách nước ngoài có mặt, người ta thấy có đại diện nhiều Viện Bảo tàng lớn của Hoa Kỳ; các chuyên gia nghiên cứu gốm Việt Nam có tên tuổi như: John Guy từ London, John Stevenson từ Seattle, Roxanna Brown từ Los Angeles v.v. Đông đảo nhất là khối những nhà sưu tập khoảng 200 người trong đó có những tên tuổi lừng danh như: John Menke từ NewYork, bà Piccus từ Hồng Kông... Điều gây ấn tượng nhiều nhất cho tôi là trong khối này có khoảng 20 nhà sưu tập người Việt sống tại hải ngoại. Nhiều người trong số họ, lần đầu tiên đến với di sản văn hoá dân tộc, tràn đầy cảm hứng về nguồn cội cộng thêm chút tự hào dân tộc. Giới buôn đồ cổ từ Hong Kong, Singapore, London New York v.v. cũng quy tụ khá đông đảo. Về phía Việt Nam ngoài sự hiện diện của ông Nguyễn Xuân Phong - tổng lãnh sự tại San Francisco còn có chín người từ trong nước qua. Họ là những đại diện của Bộ Thương mại, Bộ Tài chính, Bộ Văn hoá, Công ty trục vớt Visal...

Hầu như tất cả các bài diễn văn được đọc trong lễ khai mạc trọng thể này, dù với những động cơ khác nhau - theo tôi hiểu, song tất cả đều khẳng định tên gọi của cuộc đấu giá mà Butterfield dùng là chính xác: Chúng ta đang đứng trước *Kho báu Hội An.*

Nhưng mọi báu vật trên thế gian ngày nay

đều được nhìn nhận từ các vị trí khác nhau trong một không gian có nhiều chiều kích. Vì thế, nếu các giá trị về văn hoá của nó chưa có thể đánh giá hết được, thì giá trị kinh tế của

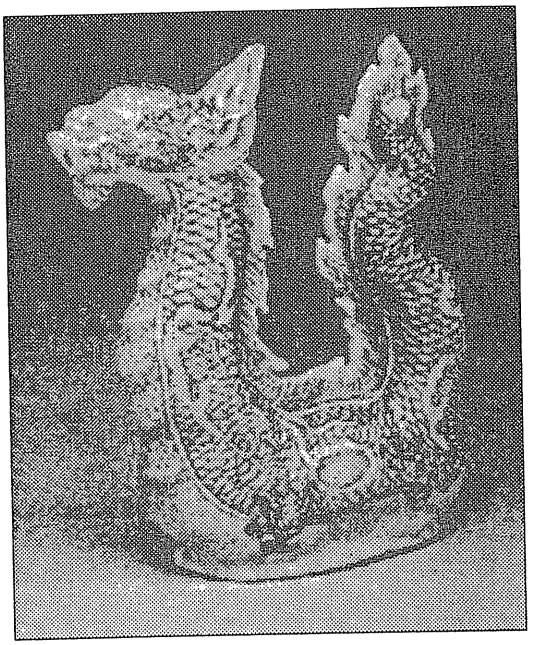

Một trong 3 chiếc bình dáng rồng bán với giá 75,000 USD

nó lại có những giới hạn được đo đếm chi li hơn. Ngày 11/10 cuộc đấu giá mở màn sôi nổi ngay từ phút đầu. Những đồ gốm đẹp nhất được bán rất nhanh với giá cả vượt qua cả dự kiến. Ví như, những chiếc đĩa tam thái (vẽ ba màu trên men, kết hợp với một số hoa lam dưới men) giá phát ra - từ 5 đến 7 ngàn USD nhưng đã được bán cao gấp hai, ba lần một cách nhanh chóng.

Nhưng niềm vui của những "ông chủ lô hàng" đã chẳng được bao lâu. Chỉ sau hai tiếng đồng hồ, khi các món đồ đẹp nhất được bán ra với lượng tiền thu được chừng 1 triệu USD thì không khí của phòng đấu giá đột ngột trầm xuống.

Hai ngày tiếp sau người mua đã tỏ ra hờ hững với hơn 2000 lô hàng - với vạn món đồ hàng ngày của "giới bình dân" đã bị muối mặn bào mòn sắc đẹp. Như vậy, hiện đang có hàng vạn đồ gốm chưa đủ sức quyến rũ những người đam mê khó tính.

Trong số những người mà tôi gặp trong ngày cuối của cuộc đấu giá, tôi đọc ra được nỗi buồn trên gương mặt của hai người. Một là của Mr. Ong - Tổng giám đốc công ty Saga Horizon, người đã bỏ ra 7 triệu USD cho cuộc khai quật này đang lo sẽ thu hồi vốn ra sao? Hai là cô bạn Mỹ của tôi, Roxanna Brown, mắt đắm đuối nhìn vào những đồ gốm Chămpa, Bình Định - có lẽ vì cô là người đầu tiên có một dự cảm tuyệt vời: có những lò gốm men của người Chăm ở tỉnh Bình Định mà sản phẩm đang bị khách hàng hờ hững, mà cô, dù là một học giả tài danh, cũng chả bao giờ có đủ tiền mua nổi.

Tại sao cuộc đấu giá vừa rồi lại được các viện bảo tàng, giới sưu tập và các nhà buôn tham dự đông đảo như vậy?

Chỉ vài chục năm trước đây, giới sưu tầm quốc tế chưa từng biết gốm Việt Nam là gì, thậm chí phần lớn còn cho đây chỉ là một loại gốm tỉnh lẻ, lạc hậu của Trung Hoa. Có lẽ một phần nhờ vào sách *Vietnamese Ceramics, a separate tradition* (Gốm Việt Nam, một truyền thống riêng biệt) xuất bản năm 1997. Trong sách này, ông John Stevenson đã không những phá tan sự lầm lẫn trên mà còn trưng bầy cho thế giới chiêm ngưỡng những mẫu vật của gốm Việt Nam từ thời tiền sử đến những chiếc bình hoặc đĩa xanh trắng, tam thái đã làm say mê từ các bậc vua chúa Đông Nam Á đến các ông hoàng những xứ Cận Đông. Thời kì huy hoàng của gốm Việt Nam là hậu bán thế kỉ XV. John Guy đã cho rằng các lò gốm ở Hải Dương đã chạy đua sát nút với lò Cảnh Đức Trấn của Tàu. Cho đến bây giờ chưa có một tiêu bản gốm tam thái Trung Quốc qua mặt được gốm tam thái Việt Nam trong thời kì này, cũng là thời kì của con tàu đắm.

Người viết bài này, còn ghi lại được nhiều thông tin khá bổ ích khác từ bên lề của cuộc bán đấu giá *Hoi An hoard*, xin được chia sẻ cùng các bạn:

1. Do luật cung cầu, có tới hơn 200 người hiện diện tại phòng đấu giá và một số tương đương đấu qua điện thoại, internet. Những món thượng đẳng quá ít nên mọi người phải giành nhau vài chục món đồ, giá lên rất cao. Ví dụ ba chiếc bình dáng rồng, mỗi chiếc lên đến trên 70 ngàn USD. Một chiếc đĩa xanh trắng vẽ phong cảnh chỉ mấy tháng trước viện bảo tàng Metropolitan ở New York mua với giá 20,000 USD bị chê là quá đắt, nay có người đã phải trả đến 34,500 USD.

2. Có thể nói, đây là một phát hiện lớn nhất trong lịch sử nghiên cứu gốm cổ Việt Nam. Chưa bao giờ một số lượng đồ gốm Việt Nam được phát hiện nhiều đến như vậy. Theo giám đốc Saga company thì số hiện vật này chỉ là ba trong số 18 khoang của con tàu. Như vậy có

nghĩa là, khối lượng đồ gốm còn rất lớn, nhiều bí mật của con tàu vẫn chưa được khám phá. Nó sẽ là nguồn tư liệu vô giá trong việc nghiên cứu lịch sử gốm Việt Nam nói riêng, lịch sử gốm mậu dịch nói chung.

3. Chúng ta hoàn toàn có quyền tự hào về đồ gốm Việt Nam. Như tôi đã hơn một lần lên tiếng, có rất nhiều tiêu bản gốm Việt Nam hoàn toàn không thua gì gốm Trung Hoa về chất lượng, nếu như không nói là hơn. Đó là, chưa kể đến một nhận xét khá nổi tiếng "Thưởng thức gốm Trung Hoa bằng con mắt, và cảm nhận gốm Việt Nam bằng con tim." Bởi, gốm Việt Nam có sự hoàn hảo của hình dáng, tính hiện thực của đồ án, sự ấm áp của sắc màu... khiến nó đã tạo ra được sự gần gụi như là "cái đang trong tay ta mà không phải là cái trong mắt ta." Đó có lẽ, cũng là lý do khiến cho những cơ quan truyền thông khổng lồ như *Wall Street Journal, LA Time, New York Time, Washington Post* v.v. nhất loạt đưa tin.

4. Ngoài niềm vui của những người mua được những món đồ quý, tác giả còn gặp những gương mặt ưu tư của các khoa học gia. Họ cho rằng, việc chính phủ Việt Nam vội vã đem bán những cổ vật này khi đông đảo các nhà khoa học chưa có được cơ may tiếp xúc thì đó là một thiệt thòi lớn không chỉ cho khảo cổ học Việt Nam mà còn cho cả giới học giả quan tâm đến gốm Việt Nam cũng như đông đảo quần chúng.

5. Được biết, do vấn đề tài chính nên Saga horizon chỉ khai quật có ba trong 18 khoang của con tàu. Vậy thì, số phận tương lai của những món đồ chứa trong 15 khoang còn lại sẽ được giải quyết như thế nào? Theo P. Lizt một khoa học gia người Pháp cho biết, trong vùng biển Việt Nam có 80 con tàu bất hạnh khác đang còn trầm mình trong làn nước xanh thẳm của đại dương, liệu chúng sẽ được tiến hành khai quật theo phương thức nào? Điều đó đã trở thành một câu hỏi lớn với những nhà lãnh đạo văn hoá trong nước.

6. Liên quan đến cuộc đấu giá của Butterfield - tôi không nghi ngờ gì về bề dầy kinh nghiệm của một trong những "người khổng lồ" trong lãnh vực Auction này. Nhưng, cho đến giờ này, có thể nói, họ đang bị nỗi lo ế ẩm ám ảnh - nếu như không nói là đã xuất hiện những tín hiệu thất bại.

Trước sự kiện này, tôi cảm thấy, dường như "người khổng lồ" đã không để ý đến một chi tiết quan trọng. Nếu Butterfield quan tâm đúng mức tới hơn một triệu người Việt đang sinh sống ở Hoa Kỳ, mở một chiến dịch thổi vào trong họ một luồng gió văn hoá dân tộc, dưới hình thức những buổi nói chuyện và trưng bầy hiện vật ở những nơi quy tụ đông người Việt như San Jose, Orange County hay Houston. Quảng cáo trên các phương tiện truyền thông Việt Ngữ cũng là một phương thức rất hay. Khi đó hơn 20,000 món đồ gia dụng hạ đẳng của *Hội An Hoard* sẽ trở nên một con số nhỏ bé. Tiếc thay, tôi lại chả bao giờ là Butterfield.

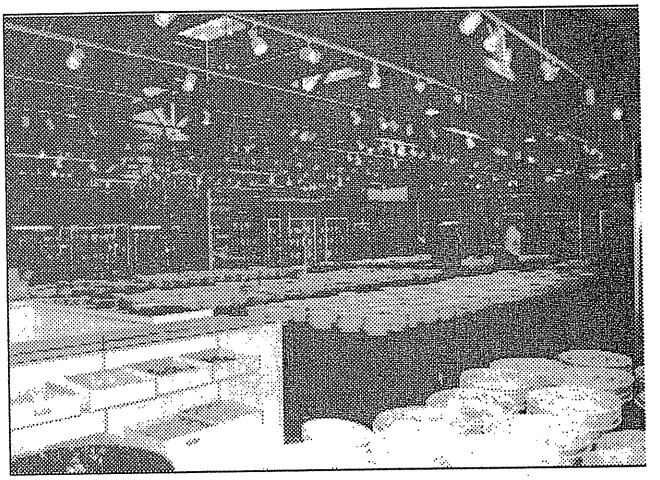

Hàng vạn món đồ đang chờ đem ra đấu giá.

7. Sau cùng là vấn đề niên đại của con tàu. Những người khai quật cho nó có niên đại thế kỷ XV. Butterfield lại xác định niên đại khoảng thế kỷ XV-XVI. John Guy danh tiếng thì khẳng định nó thuộc về thế kỷ XVI. Việc một con tàu được xác định niên đại khác nhau trong khoa học là một sự thường tình, song với một *auction* thì lại là một vấn đề không nhỏ đối với tâm lý người mua.

Được may mắn học hỏi nơi các học giả trong và ngoài nước, nay lại gặp một vài vị trong buổi tiếp tân cũng như lúc đấu giá, kẻ yêu gốm này xin được trình ra một niên đại nữa như một sự "múa rìu qua mắt thợ." Nếu đúng theo như lời của người khai quật, các kết quả nghiên cứu về thuyền và về nhân chủng học cho rằng đây là tầu buôn của Xiêm thì niên đại của con tàu đắm ở vùng biển Cù lao Chàm Hội An có thể trong khoảng thời gian

từ 1467-1471 vì các lý do sau :

- Dựa vào kết quả C-14 của những miếng ván thuyền bằng gỗ tích (teak), thuyền có niên đại cuối thế kỉ XV.

- Người ta không thấy có mặt những loại hình và hoa văn tiêu biểu của gốm Việt Nam có niên đại thế kỷ thứ XVI đã được xác định từ trước tới nay trên con tàu.

- Những đồ gốm Trung Hoa có mặt trên tàu đều được xác định có niên đại nửa sau thế kỷ XV. Hình con kỳ lân trên chiếc đĩa rất giống với những chiếc đĩa có niên đại Thành Hóa nhà Minh. (1465-1487).

- Có không ít đồ gốm của các lò gốm ở Bình Định quanh khu vực kinh đô Vijaya trên con tàu. Những đồ gốm đó đã được các nhà khảo cổ xác định là gốm Chămpa. Kinh thành Vijaya thất thủ trước cuộc Nam tiến của Lê Thánh Tông năm 1471. Hiện chưa có tài liệu nào chứng minh một cách thuyết phục các lò gốm quanh kinh thành tiếp tục được sản xuất sau năm 1471. Vậy thì, con tàu phải đến mua gốm của các lò gốm tại đây trước khi kinh đô này thất thủ.

- Lần giở lại thư tịch cổ Việt Nam ta thấy lần cuối cùng tàu Xiêm đến Việt Nam trong thế kỷ thứ XV được ghi là năm 1467.

- Thêm một lý do không mang nhiều tính khoa học nhưng mang đầy chất trữ tình là sau khi đánh bại vương triều Vijaya, trên đường trở về Thăng Long, đến cửa biển Hải Vân khi nhìn thấy một con tàu Xiêm vua Lê Thánh Tông đã cảm hứng viết một bài thơ:

Dừng thuyền cửa biển Hải Vân
Khổ sách khuôn xe một mẫu chung,
Hải Vân trời Việt đẹp vô cùng
Đồng Long (2) trăng gọi qua đêm vắng
Lộ Hạc (3) thuyền êm gió biển trong (4)
(Gió đẩy thuyền Xiêm nước biển trong)
Bộ lạc kính trên dâng tặng của
Biên thần yêu nước lập nên công
Người xưa giá được hồi sinh lại
Rót tiễn Ban Siêu chén rượu nồng.

Tôi không dám bàn đến niên đại của các học giả tài danh - vì tôi vốn kính trọng họ và còn vì, đó không phải là nghề nghiệp của tôi. Song, khi đem những đồ gốm mua được từ cuộc đấu giá ở San Francisco về bày ở nhà, tôi đã kể cho các con tôi nghe câu chuyện về một con tàu Xiêm bất hạnh đến mua đồ gốm Việt Nam bị đắm chìm vào khoảng năm 1467 đến năm 1471, nay nó đã được đưa ra khỏi làn nước xanh thẳm của vùng biển quê nhà để trôi trên các xa lộ thông tin với Website: *Hoi An hoard.*

Tháng 5, 2001

Chú thích

1. Trịnh Cao Tưởng. *Thông tin về một con tàu đắm ngoài khơi Cù Lao Chàm, Hội An, tỉnh Quảng Nam.* Những phát hiện mới về Khảo cổ học. Năm 1994.
2. Vùng biển phía nam núi Hải Vân - NTT.
3. Tên gọi của nước Xiêm la - NTT
4. Đại học Quốc gia Hà Nội - *Lê Thánh Tông (1442-1497).* Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội - 1997.

*

"HOI AN HOARD" TẠI QUẬN CAM

LTS. *Đúng như ước mong của tác giả bài trên, tháng Tám năm 2001 "Hội An Hoard" đã lần đầu tiên đến với cộng đồng người Việt tại Quận Cam, Nam California. Sau đây là phần viết thêm của tác giả Kiều Quang Chẩn về sự kiện này.*

*

Chủ nhật 3 tháng 12 năm 2000, Butterfield đã tổ chức đấu giá phần còn lại của kho báu Hội An. Lần đấu giá này chỉ còn những món không hoàn hảo hoặc bị vỡ, nứt, bong men hoặc những món gia dụng của giới bình dân. Khách hàng của Butterfield lần này vắng bóng những nhà sưu tập cao cấp, những đại diện của các Viện Bảo tàng và cả đội ngũ những thương gia lớn đầy kinh nghiệm thương trường.

Nhưng, chúng tôi đến phòng đấu giá lần này với một sự bất ngờ lớn và tràn ngập niềm vui vì trong số hơn 100 khách có mặt lúc khai mạc, đã có thêm khá nhiều các bạn trẻ Việt Nam ngồi tụ lại từng đám với nhau trông rất dễ thương.

Butterfield cũng cho tôi biết rằng, họ rất vui vì có khoảng vài trăm khách hàng đấu giá qua mạng Internet và Telephone.

Cuộc đấu giá đang diễn ra khá sôi nổi với những chiếc đĩa vỡ mà giá cũng lên tới $3000-4000. Nhưng một sự việc đáng tiếc đã xảy ra - hệ thống Internet của công ty Ebay bị hỏng từ lô số 80. Những người tham dự đấu giá qua Internet bị gián đoạn đành bỏ cuộc. Nếu như "sự cố Internet" đã làm cho những người đấu giá qua mạng gặp rủi, thì chính nó lại mang lại cơ may đến cho những người mua qua điện thoại và những người có mặt tại

phòng đấu giá - họ được hưởng những giá rẻ bất ngờ vì thiếu người cạnh tranh.

Tháng 5 năm 2001, trong bài viết đầu tiên của mình chúng tôi đã nói "phải chi" tôi là Butterfield để có thể mang đến những đồ gốm này đến tay đồng bào của mình ở hải ngoại. Không hiểu, bài viết của tôi có tới tay họ hay chính họ đã nhận ra sự hợp lý của thương trường, nên công ty Saga Horizon hợp tác với công ty Unicom ở Minnesota do ông Ngô Hải đứng đầu đã thay đổi phương thức bán hàng. Họ đã quảng cáo rầm rộ trên báo sẽ bán số đồ gốm còn lại ở quận Cam, San Jose, Houston, Virginia, gần thủ đô Hoa Thịnh Đốn và có thể ở Pháp và Canada nữa.

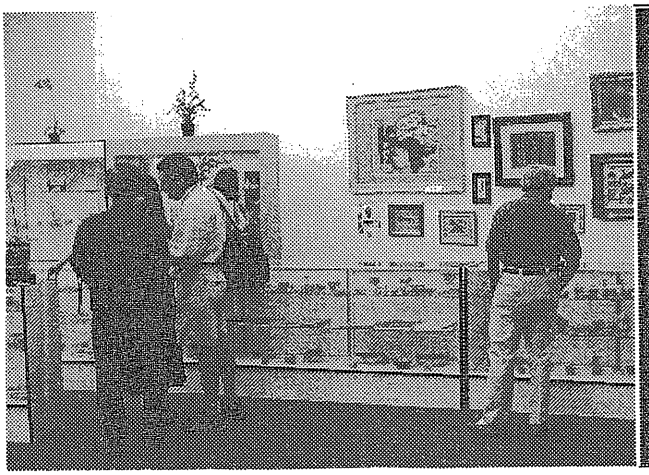

Phòng trưng bày và bán phần còn lại của kho báu vật Hội An tại quận Cam tháng 8-2001

Một trong những chiếc đĩa đẹp nhất của lần đấu giá thứ hai tại San Francisco tháng 12 năm 2000

Khôn ngoan hơn, thứ bảy 11 tháng 8 năm 2001 họ bắt đầu trưng bầy và bán tại thương xá Tam Đa, thành phố Garden Grove. Cộng đồng người Việt tại đây đã tỏ ra háo hức đón nhận thông tin này từ trước ngày mở cửa.

Chủ nhật 12 tháng 8, tôi trở lại phòng đấu giá thấy khách ra vào vẫn tấp nập vì gốm cổ đã được trưng bầy trang trọng trong tủ kính với hệ thống chiếu sáng hoàn hảo đã làm tăng vẻ đẹp của những món đồ xưa. Cũng cần phải ghi nhận thêm về cách bài trí của phòng đấu giá - ít nhiều mang dấu ấn văn hoá Việt: trên tường treo rất nhiều tranh quý của họa sĩ Bùi Xuân Phái và một vài họa sĩ nổi tiếng khác. Phòng bên cạnh dành riêng trưng bầy cây kiểng, hòn non bộ rất khéo léo và công phu của những tay nghề Bonsai. Khách xem đã có được những giây phút đắm mình vào không khí văn hóa dân tộc.

Chính nhờ cách bài trí và phương thức bán hàng tỏ ra gần gụi với đông đảo mọi người Việt nên vào dịp này người Việt Nam tại quận Cam đã được *thấy tận mắt, sờ tận tay* những cổ vật quý giá từ 500 năm về trước và còn có điều kiện mang hơi ấm của quê hương về căn nhà của mình. Những hộp đựng phấn hay những lọ đựng dầu thơm với nước men tuyệt đẹp, giá chỉ vào khoảng từ 60 đến 70 đô la. Một chiếc tô men đẹp hoàn hảo giá chỉ trên dưới 100 đô la. Dĩ nhiên, ta không thể nào tìm được những món đồ thượng đẳng giá từ vài ngàn đến vài chục ngàn đô la trở lên. Bởi, hầu hết chúng đã nằm trong bộ sưu tập của các Bảo tàng viện lớn trên thế giới sau đợt đấu giá lần đầu.

Trở lại vài con số về tài chính của "Hoi An hoard." Lần đấu giá tháng 10 năm 2000, Công ty Saga Horizon bán 2327 lô, số tiền thu được khoảng 3.5 triệu đô la. Lần đấu giá tháng 12 năm 2000, bán 862 lô thu được khoảng 1.5 triệu đô la. Thế nhưng, nếu đem so sánh với số tiền mà Saga Horizon đã bỏ ra 7 triệu đô la để trục vớt con tàu Hội An - chưa kể một phần lớn tiền bán được phải chia cho chính phủ Việt Nam, thì họ vẫn đang phải đối mặt gay gắt với vấn đề tài chính. Việc họ mang hàng đến tay cộng đồng người Việt là một phương thức kinh doanh rất nhạy bén, có nhiều hứa hẹn giúp họ vượt qua được những thách thức về tài chính.

Tôi thành tâm chúc cho Saga Horizon và Unicom thành công. Bởi, có thể họ không hề có chủ đích, song công việc kinh doanh của họ đã mang lại một điều thật tốt đẹp - nó đã mang lại được phần nào tình yêu quê hương và một chút niềm tự hào dân tộc cho cộng đồng người Việt hải ngoại.●

Tháng 8 năm 2001

DÀU DÀU NGỌN CỎ

VÕ DOÃN NHẪN

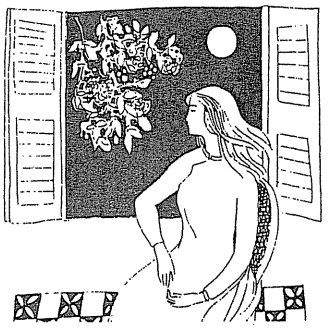

Sau một ngày du xuân mỏi mệt nhưng đầy ý nghĩa, tối nay Kiều một mình ngồi tựa lan can hiên nhà... thư giản. Đã lâu nàng không có dịp ra ngoài, ngày ngày quanh quẩn trong nhà, hết vá may thêu thùa đến giúp mẹ trong coi bếp núc. Thỉnh thoảng nàng đem cây đàn nguyệt ra nắn phím giải khuây. Gần đây nàng mới sáng tác khúc ca Bạc Mệnh, khúc ca làm não lòng người. Suốt ngày hôm nay mải mê vui chơi cùng chúng bạn nhân hội Đạp Thanh tấp nập nam thanh nữ tú, giờ đây nàng mới thật sự mỏi mệt.

Kiều đưa tay xoa bóp đôi chân ê ẩm, từ bắp chân xuống đến bàn chân, đôi bàn chân ngón nhỏ gót hồng. Từ lâu Kiều biết mình đẹp, từ lần đầu tiên cài trâm lên mái tóc búi cao ngắm bóng trong gương. Người khác cũng giúp nàng xác định điều ấy. Thỉnh thoảng hai chị em Kiều thấy thấp thoáng ngoài tường hoa bóng dáng bọn mày râu qua lại, ngửng mặt lên căn gác phòng khuê, nơi lúc nào cũng êm đềm màn che trướng rủ. Có một lần hai chị em ôm nhau rũ ra cười khi thấy một chàng khăn áo bảnh bao đi qua, cứ đảo mắt nhìn lên lầu trong lúc chân cứ bước, không may vấp phải một rễ cây bên đường chúi nhủi, loạng choạng suýt đâm đầu vào thân cây. Vân, em nàng, bản tính vốn hồn nhiên vô tư, đã toan mở cửa nói vọng xuống một câu chế nhạo:

"Ới này chàng ơi! Chàng đi sao mặt cứ ngưỡng thiên để cớ sự ra thế?"

Nhưng nàng ngăn kịp. (Con nhỏ đó, cứ nhìn bề ngoài, ai cũng bảo thùy mị đoan trang, nhưng nghịch ngợm đáo để... ngầm).

Đó là ở nhà. Một bước ra khỏi nhà thì... khỏi phải nói. Như ngày hôm nay. Cứ chỗ nào có mình với Vân là y như có đám đàn ông con trai lượn qua đảo lại. Có tên mắt như dán chầm chập vào mình, chẳng biết lịch sự là gì làm ngượng chín cả người. Cũng may, chẳng tên nào sỗ sàng cợt nhả buông lời ong bướm. Có lẽ thấy mình lập nghiêm quá, đâu biết bụng mình đánh lô tô. Mà cũng có thể họ thấy có em Quan đi cùng. Nói gì thì nói, có đàn ông cùng đi cũng khá yên tâm. Ừ, mà Quan nó còn trẻ sao có vẻ chững chạc đứng đắn như một ông cụ non nhỉ? Nó lại còn biết lai lịch, nếp sống và cái chết của nàng Đạm Tiên nữa, mình e anh chàng này vẫn thường xuyên lui tới những ca lâu tửu quán mới rành thế. Nó còn quen thân với công tử mặc áo màu thiên thanh cỡi con ngựa bạch ấy nữa. Nó quen từ bao giờ mà chẳng khi nào mình nghe nó nói đến, nhắc đến. Nó nói chàng họ Kim tên Trọng, vốn là bạn học ngày trước, văn chương thiên phú, thông minh thiên bẩm. Nó nói về chàng bao nhiêu, mình nghe bấy nhiêu, đâu dám mở miệng hỏi bất cứ điều gì. Ôi! Người đâu phong nhã hào hoa! Nhưng sao chàng nói chuyện với Quan mà mắt cứ đăm đăm nhìn mình với Vân khiến mình vừa ngượng vừa hồi hộp. Mình không chịu nổi cái nhìn ấy. Dĩ nhiên không sỗ sàng, không khiếm nhã, nhưng có một cái gì tha thiết say đắm nồng nàn thực khó tả. Cũng may, chàng đứng khá xa, nếu đứng gần mà nhìn kiểu đó mình chỉ có nước

độn thổ. Nhưng chàng nhìn ai vậy? Nhìn mình hay nhìn Vân? Con nhỏ có biết hay thắc mắc điều đó không nhỉ? Mình sẽ hỏi nó. Nhưng mà thôi, hỏi làm gì. Không nên hỏi.

Khi chàng lên ngựa cùng lũ tiểu đồng từ biệt Quan, mình có gửi chàng một cái nhìn, không biết chàng thấy không. Nếu thấy, chàng có hiểu cái nhìn ấy không? Hình như chàng đi thẳng không nhìn ngoái lại dù chỉ một lần. Có lẽ chàng sợ... dị. Mặt ngoài còn e mà. Về nhà, chàng có nhớ buổi du xuân hôm nay không? Có nhớ đến... ba chị em mình, đến lần gặp gỡ này không? Chàng có tìm cách gặp lại... ba chị em mình không? Mình thì bó tay rồi, chẳng có lý do gì để đi ra ngoài. Chỉ còn nước đợi hội Đạp thanh sang năm. Sang năm! Mình phải đợi ba trăm sáu mươi ngày nữa ư? Bây giờ mình mới hiểu ý nghĩa sâu xa lời của người xưa: nhất nhật bất kiến như tam thu hề. Mới gặp chiều nay tưởng rất lâu. Người xa có thấu mối tình sầu. Ba thu dọn lại ngày dằng dặc. Mơ chuyện bền lâu, chuyện trước sau.

Còn bài tứ tuyệt bốn câu ba vần mình... xuất thần nhập hóa đề tặng Đạm Tiên ban chiều, bây giờ mình vẫn không hiểu hết ý. Để mình cố nhớ lại xem...

Gặp gỡ tình cờ buổi Đạp thanh
Âm dương cách trở vốn nòi tình.
Hồng nhan bạc mệnh, xưa nay vậy.
Nửa giấc Vu Sơn thấy một mình.

Bài thơ ý nghĩa khá mơ hồ. Chỉ một câu đầu (Gặp gỡ tình cờ buổi Đạp thanh) có thể hiểu là gặp gỡ chàng Kim, nhưng cũng có thể là gặp gỡ Đạm Tiên vậy.

Trăng tà chênh chếch mái tây. Trời trong màu bích ngọc lác đác điểm sao thưa. Gió mát từng cơn nhẹ thoảng, mang theo mùi hương hoa dạ lý. Trong nhà hình như mọi người đều đã yên nghỉ. Kiều vẫn ngồi yên, mơ màng, lâng lâng hồi tưởng lại buổi du xuân...Kiều hơi giật mình khi nhận thấy một nữ nhân đứng cạnh tự bao giờ. Cổng đóng then cài, chẳng lẽ nữ nhân vượt tường đột nhập gia cư? Lẽ tự nhiên, nữ nhân chẳng những không có vẻ gì bất lương của một tên đạo tặc, mà còn có dáng dấp đoan trang thanh nhã, như hư như thực, như sương như khói mà vẫn lộ rõ thân hình mềm mại thướt tha trong xiêm y trang phục màu trăng. Tuy có vẻ chững chạc trưởng thành nhưng phong thái vẫn trẻ trung trong một nhan sắc phi phàm.

Nữ nhân không lên tiếng, chỉ đăm đăm nhìn Kiều với nụ cười... Bao Tự trên môi, khiến nữ tiểu gia chủ phải đò la chào hỏi:

"Xin chào tiểu thư. Xin tiểu thư cho biết tiểu thư từ đâu tới, đêm hôm khuya khoắt có điều chi dạy bảo?"

"Không dám. Tiện nữ xuất thân từ chốn thô lậu bần hàn, con nhà dân dã, đâu dám nhận hai tiếng tiểu thư, dành cho lớp trâm anh đài các. Tiện nữ là ai, từ đâu đến? Mới cùng nhau hội ngộ ban chiều ở xế phương Đoài sao đã sớm quên. Tiện nữ đến đây từ tệ xá bên bờ suối, có chiếc cầu nhỏ bắc ngang. Có lẽ cô nương còn đang bận tâm về một kỳ ngộ nên chẳng nhớ gì khác nữa."

"Thì ra tiểu thư... thì ra cô nương là..."

"Đạm Tiên."

"Vạn hạnh! Chị em chúng tôi được Quan cho biết cô nương nổi danh tài sắc lúc sinh thời. Thực là hân hạnh được hội kiến."

"Không dám. Cô nương khách sáo quá khen làm tiện nữ hổ thẹn. Tiện nữ chỉ là một ca nhi hạng bét ở chốn cao lâu tửu quán trà đình, tài không bằng ai, sắc chẳng dám hơn ai."

"Tự nhiên tôi có cảm tình với cô nương ngay từ lúc ban chiều, xin mạo muội có ý kiến được kết làm chị em với cô nương. Tôi nghĩ cô nương chắc phải cao niên hơn và việc đời từng trải hơn, xin được tôn cô nương làm chị, chẳng hay..."

"Tiện nữ không dám nhận vinh dự ấy. Cô nương dòng dõi cao sang quí phái, tài sắc vẹn toàn, trong khi tiện nữ thuộc hạng xướng ca."

"Xin cô nương đừng quá khách sáo. Vả, tư cách và giá trị một người không nhất thiết phát sinh từ giai cấp xã hội. Thôi, kể từ lúc này em là em của chị."

"Cô nương đã dành cho tiện nữ một vinh dự quá lớn."

"Bây giờ em xin hỏi chị: chị đến chơi hay là có chuyện gì cần dạy bảo em?"

"Có chuyện gì cần dạy bảo, em nói quá! Thật ra vì yêu mến em, chị cũng đã có ý định đến thăm em. Nhân tiện, đêm nay gió mát trăng thanh chị ngao du nhàn tản, tình cờ đi ngang, thấy em ngồi đây mơ mộng, chị tạt vô, gọi là đáp lễ lúc ban chiều."

"Chị thật chí tình. Ban chiều, việc ba chị em ghé chị chỉ là tình cờ: đi ngang mộ chị, một ngôi mộ không ai vun đắp, cỏ dại không ai dọn, thậm chí một nén hương ngày hội cho người đã khuất cũng không, em thấy chạnh lòng, thương xót người nằm dưới mộ, lúc đó em không biết là ai. Nói cho cùng, dù người nằm dưới mộ là ai, nam hay nữ, giàu nghèo

sang hèn, thuộc tầng lớp giai cấp xã hội nào, em cũng thấy xót xa, huống hồ Quan nó kể lại em nghe..."

"Đời chị là vậy. Và cuộc đời nói chung là vậy. Sau ngày chị bước chân vào kỹ viện không lâu, vận chị lên như diều gặp gió. Nhờ trời, lúc đó chị có chút tài mọn cầm kỳ thi họa và một tấm nhan sắc cũng không đến nỗi. Thôi thì bao nhiêu vương tôn công tử, bao nhiêu kẻ "ngàn vàng đổ một trận cười như không" sẵn sàng săn đón, hầu hạ chị. Bọn hào phú dùng thế lực kim tiền, bọn công hầu dùng quyền cao chức trọng chinh phục chị. Chị, một kỹ nữ chốn lầu xanh mà chẳng khác chi bà chúa trong vương phủ."

"Vậy cuộc sống của chị nơi đó chắc là buồn ít vui nhiều."

"Em con nhà gia giáo, tuổi xuân đầy hoa mộng, nhìn đời qua cặp kính hồng, chị không muốn tả lại những kiểu cách ăn chơi trác táng sa đọa đồi trụy của bọn người tiền rừng bạc biển. Mà bọn kỹ nữ như chị chẳng có ai chê tiền. Một bên cần sắc, một bên cần tiền. Kẻ mua người bán. Tiền trao cháo múc. Không ai cho không và cũng chẳng ai ngửa tay xin. Người thiên hạ gọi bọn chị là gái ca, ca nhi. Ca, hát chỉ là bước đầu trong mục lục ăn chơi. Cũng có khi họ gọi bọn chị là thương nữ, gái xanh. Sao gọi là gái xanh, chị không biết, nhưng ca nhi, thương nữ hay là kỹ nữ đều là những kẻ mua vui cho thiên hạ. Bọn người chỉ biết nghĩ cách móc hầu bao khách làng chơi như chị thì làm sao biết những điều to lớn khác, như biết đến hận mất nước? Thương nữ bất tri vong quốc hận. Ông thi sĩ nào đó đã nói quá đúng. Ừ, mà đã gọi bọn bỏ tiền mua vui là khách làng chơi thì để công bằng, phải gọi bọn chị là gái làng chơi, mới phải. Quả thật là:

Ngũ Lăng chàng trẻ ganh đua,
Biết bao the thắm chuộc mua tiếng đàn.
Vành lược bạc gẫy tan nhịp gõ,
Bức quần hồng hoen ố rượu rơi (1).

Nếp sống của chị không khác gì nếp sống của nàng kỹ nữ bến Tầm Dương ấy. "Chuộc mua tiếng đàn" chỉ là bước đầu của bước tiếp theo là... chuộc mua xác thịt, một bước hiển nhiên gần như tất yếu. Cánh đàn ông, một khi đã đặt chân đến kỹ viện khó chỉ vì đờn ca xướng hát. Nghệ thuật chỉ là cái vỏ bề ngoài để khách chơi thấy mình vẫn hào hoa phong nhã, không đến nỗi thô lậu. Cũng biết đàn, cờ, thơ, rượu. Phải chăng vì thế mà cổ nhân nhận xét xướng ca vô loài, bởi thực khó chỉ là ca nhi khi đã bước chân vào kỹ viện. Như ngọn đèn với bầy thiêu thân. Khách làng chơi và gái làng chơi, ai là... ngọn đèn, ai là bầy thiêu thân? Có khi nào thiêu thân làm tắt ngọn đèn không? Một loài bướm đêm cũng là thiêu thân- thường gọi bướm đèn có thể bay ập vào ngọn đèn khiến đèn tắt phụt.

"Những ngày tháng 'nhộn nhịp' ấy chắc không kéo dài được bao nhiêu, phải không chị? Em nghe Quan nói chị mất lúc chị còn rất trẻ."

"Quan biết nhiều nhỉ? Đúng vậy. Chỉ năm năm sau, lúc đó chị mới ngoài hai mươi, chị ngã bệnh sau một cơn thổ huyết. Chị nghĩ chị mắc bệnh lao vì không chịu giữ gìn sức khỏe. Mà làm sao giữ gìn sức khỏe, dù chị có muốn, trong lúc chị như con thuyền giữa dòng nước xiết, chỉ biết trôi theo dòng. Dĩ nhiên mụ Tú đuổi chị ra khỏi kỹ viện, bởi chứa chị, chẳng những mụ không 'thu hoạch' được gì mà còn mang thêm một gánh nặng.

Chị lê tấm thân vừa ô uế vừa bệnh hoạn đi kiếm một gian nhà nhỏ cho thuê làm nơi nằm dưỡng bệnh. Nói nằm dưỡng bệnh chỉ là một cách nói, đúng hơn, nằm chờ chết. Bởi không một ai dám nhận chăm sóc một con bệnh hiểm nghèo dù chị bằng lòng bỏ tiền thuê mượn khá cao. Lúc đầu cũng có vài người vốn là tình nhân cũ của chị đến thăm, đến khi biết chị mắc bệnh lao chị nói thật, không giấu - họ hết lui tới. Chị chết như một cây khô thiếu nước, mòn mỏi, tàn lụi dần dần. Chị chết lúc nào chị cũng không biết. Đến khi biết, chị thấy chị nằm co quắp trên giường, trong ngôi nhà âm u hoang lạnh, ban đêm không một ngọn đèn xua bớt bóng tối dày đặc chung quanh. Lúc còn sống chị rất sợ ma, sợ xác chết, sợ bóng tối, nên khi chị thấy thây ma trên giường trong đêm khuya, chị khiếp hãi rụng rời. Ủa, sao chị lại đem cái kinh nghiệm ghê khiếp hãi hùng ấy kể với em? Chị thiệt là lẩn thẩn. Có lẽ chị không nên kể nữa."

"Không sao chị. Kinh nghiệm của chị có thể cũng là kinh nghiệm sau này của em. Chị cứ kể tiếp em nghe."

"Chị kể đến đâu rồi? À, tới chỗ chị thấy chị chết. Chị biết cái thây ma trên giường kia là chị mà chị không dám nhận, vì chị... sao ghê quá vậy! Lẽ nào cái thây ma co quắp kia chính là cái thân thể mỹ miều duyên dáng thơm tho ở kỹ viện ngày nào, mới đây, cái thân thể biết bao nhiêu đàn ông mơ ước, thèm thuồng?

"Nhưng sự thực vẫn là sự thực, dù có phũ

phàng, dù ta không muốn chấp nhận. Như khi một người thân yêu của ta đột nhiên nhắm mắt lìa đời trong một tai nạn, trong cơn bạo bệnh, ta bàng hoàng sửng sốt, không tin... tin sét đánh, nhưng rồi trước sau sớm muộn gì cũng phải tin. Chị đành phải tin chị là cái xác chết co quắp trên giường kia thôi.

"Khi đã chấp nhận cái xác kia là mình hết đường chối cãi gì nữa, chị lại mong sao có người nào giúp chị đem chôn quách nó đi cho rồi, cho khỏi vướng mắt bận lòng. Đó là cái xác của chị, nào của ai khác đâu, vậy mà chị vẫn không muốn nhìn thấy nó. Chị lúc ấy mới thông cảm những người sắp chết không muốn để một vài kẻ thân thương thấy mặt. Còn một lý do nữa khiến chị mong muốn có người đem xác chị đi chôn là vì chị sợ để lâu thêm, thân xác chị trông càng ghê rợn hơn: bốc mùi, thối rữa và giòi bọ lúc nhúc. Chị e chị không đủ can đảm nhìn cảnh tượng ấy.

"Thần bất hạnh 'uống nước cũng còn chừa cặn' cho chị! Đến ngày thứ ba kể từ ngày chị chết, trong lúc chị không còn bình tĩnh nữa với nỗi ám ảnh chết không ai chôn thì có tiếng người đập cửa phá cửa, hình như có ai muốn vào nhà. Một người đàn ông từ cánh cửa bị phá tung đi vào thật. Y chưa đến tuổi trung niên, dáng người thanh tú mặc dù một ít phong sương từng trải, chị đoán có lẽ y từ xa đến, chị chưa gặp y, biết y bao giờ. Gương mặt đầy nét căng thẳng lo lắng, y đảo mắt nhìn quanh gian nhà. Khi nhìn thấy cái xác trên giường, y khựng lại một giây nhưng lấy được ngay bình tĩnh trở lại. Rồi y quay ra, mở tung tất cả các cửa sổ, ánh sáng ùa tràn vào nhà, một phần bớt vẻ ảm đạm thê lương. Bên ngoài ngày đã bắt đầu từ lâu, nắng đã lên cao, xôn xao cùng tiếng gió tiếng chim trên cành cây khóm lá.

"Y đâu biết chị đang theo dõi y từng bước. Chị tự hỏi y là ai đột nhiên đến đây, trong lúc chị sốt vó trông chờ một ai đó hằng tâm giúp chị chôn chị. Hay y là vị cứu tinh? Rồi chị van vái cầu xin, một điều trước đây chị không biết, không hề làm.

Y quay trở lại, lúc này đứng bên cạnh giường, hai tay buông sõng, đầu hơi cúi xuống nhìn vào mặt chị, khá lâu, nhìn chăm chú, như tìm một nét gì trên khuôn mặt. Một nét quen thuộc ngày xưa? Một vẻ yêu kiều thuở trước? Làm sao còn, có được! Y nhìn chị lâu quá làm chị thấy xốn xang khó chịu. Bình thường một người nhất là đàn ông- tình cờ gặp chị trong y trang xốc xếch, đầu tóc bù xù, mặt mày hốc hác, chị cũng đã khó chịu sinh ra bực mình rồi; đàng này... bộ y là nghệ sĩ muốn tìm cái đẹp trong cái xấu chăng? Không gì lố bịch trâng tráo bằng nhìn chòng chọc một người trong tình trạng bệnh hoạn lâu ngày, không còn sinh khí. Chị muốn kêu to lên: 'Đừng nhìn tôi nữa ông ơi!'

"Nhưng rồi chính tai chị nghe y nói với chị, giọng trầm trầm xa vắng như không phải tiếng

TẠ TỴ

TỔ BẦY

Bữa nay gió nổi đầy trời
Em ơi, có thấy cõi đời buồn không?
Ngẩn ngơ đêm ngóng ngày trông
Ở nơi xa ấy cánh hồng còn tươi?
Lả lơi nói nói cười cười
Cơn mê chợt tỉnh như người mới yêu
Ngó nhìn nắng sớm, mưa chiều
Giơ tay mong bắt ít nhiều nhớ thương
Bướm bay, chim hót đầy đường
Gói tròn cơn mộng, lòng ươm tơ vàng
Tiếc thay, thương nhớ muộn màng
Tả tơi vai áo lá vàng rụng rơi
Ngửng đầu nhìn thấy màu trời
Xanh như tuổi trẻ với đầy mộng mơ
Tình yêu như một bài thơ
Gieo vần chuốt điệu mơ hồ lãng du
Cõi đời, ngày tháng ngục tù
Làm sao có được lời ru ấm nồng?
Chợt nhìn tóc trắng như bông
Ngậm ngùi nhớ tiếc tuổi hồng thơ ngây
Bây giờ dại dại ngây ngây
Tưởng như cơn mộng đứt dây giữa trời
Vội vàng môi gọi người ơi!
Xin cho tôi nhé một lời: yêu thương!...

2001

nói người trần:

'Nàng là Đạm Tiên, có phải không? Ta sống cách đây rất xa, nghe nàng nổi danh tài sắc khắp một vùng, quyết không ngại quan san nghìn dặm tìm đến đây, mong được diện kiến dung nhan và thưởng ngoạn tài nghệ cho thỏa lòng ái mộ. Hỡi ôi! Vừa đến nơi, tìm tới kỹ viện Vạn Hoa Lầu, được hung tin nàng đã hóa ra người thiên cổ cách nay vài hôm. Ta kẻ vô duyên, nàng người bạc phước. Lúc nãy ta nhìn nàng, chỉ cốt để hình dung tấm nhan sắc của nàng ngày trước đã từng làm điên đảo bao nhiêu khách đa tình đó thôi.

'Cảnh nhà u tịch thế này nói lên hoàn cảnh cô đơn, cô độc cùng cực của nàng. Thôi, ta hãy vì nàng mà xin lãnh phần tống táng để ít ra nàng có được một nấm mồ, vong linh đỡ tủi. Âm dương đôi ngã, nhưng dù sao vẫn còn một chút tình người'."

"'Sống làm vợ khắp người ta.' Đúng vậy. Ai bỏ tiền ra, chị làm vợ người đó. 'Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràng Khanh.' Đến khi nằm xuống như thế này thì rõ ràng chị là ma không chồng rồi chớ còn gì nữa. Mà nói cho cùng bất cứ ai chết đi rồi cũng đều độc thân, kể cả những người đã có vợ có chồng. Phần chị, một gái làng chơi, chết làm ma không chồng đã đành, mấy ông vua xây tam cung lục viện, rồi hoàng hậu, rồi chánh phi, thứ phi, rồi phi tần, tiệp dư, tài nhân... chết xuống vẫn là con ma không vợ. Lo cái thân bị đày đọa ở địa ngục chưa xong, mấy ổng đâu còn hơi sức đèo bòng vợ con. Mấy ông tưởng mấy bà vợ phải chịu lên giàn hỏa chết theo sẽ tiếp tục làm vợ mấy ổng ở suối vàng chắc? Mấy ổng tưởng bở! Không có thì giờ để trả nợ trần gian, có thì giờ đâu để... có vợ! Và mấy bà hoàng bà chúa lắm tình nhân nhiều bồ bịch chết xuống cũng cùng số phận: làm ma không chồng.

"Như em đã thấy chiều nay, nấm mồ 'dưới dòng nước chảy bên trên có cầu' ấy là nhờ y, nhờ... chàng thuê người đưa chị ra nằm xuống đó. Tuy mả không đẹp nhưng mồ cũng tạm yên, chị không mong gì hơn. Chị chỉ ân hận một điều: ân nhân của chị là ai, phương danh là gì, chàng ở đâu, sống với ai, tất cả chị đều không biết. Chàng còn là ân nhân vì chàng đã dạy chị một bài học: vẫn có những người đàn ông có một tấm lòng. Ngày còn trong kỹ viện, chị coi tất cả đàn ông đều 'cá mè một lứa.' Lắm lúc nghĩ đến chàng, chị muốn cầu nguyện cho chàng có một đời hạnh phúc và mãi mãi tấm lòng vị tha để bao nhiêu người khác nương cậy, nhưng làm sao cầu nguyện khi mà chị không biết gì về chàng? Cầu nguyện khơi khơi đâu có được.

"Hiện giờ chị không phải ma, cũng chẳng phải tiên hay bụt. Chị hiện đang sống ở cõi trời, là một trong những vì sao, những thiên thể. Những ngôi sao, những thiên thể vẫn phải chịu kiếp luân hồi sau khi hết hạn ở cõi trời. Một ngàn năm. Một vạn năm. Một triệu năm. Có thể lâu hơn nữa, nhưng trước sau sớm muộn gì rồi cũng tắt, cũng rụng. Có bao giờ em thấy sao rụng? Sao rụng là những người cõi trời đáo hạn, giã từ nơi đang sống để đi vào một kiếp mới ở thế giới mới.

"Chị biết em ngạc nhiên tại sao chị khi sống là một gái làng chơi, ở bậc thang thấp nhất trên thang giai cấp xã hội loài người, khi chết đi, lại được lên cõi trời, nơi dành riêng cho những hiền nhân quân tử, những bậc cao thượng tài trí, trung thần nghĩa sĩ, những người có công với xã hội, trong khi thực tế nhiều bậc vua chúa, là hôn quân bạo chúa trần gian, chết đi phải chịu đọa đày xuống địa ngục. Chị nghĩ lúc sinh thời, chị sống tương đối sòng phẳng. Không giúp đỡ ai nhiều, nhưng chị cũng không nợ nần ai, không bách hại ai. Không thực hiện được bác ái, chị cố gắng sống công bằng. Chị không ban phát tình yêu, nhưng cũng không để ai chơi quịt. Có lẽ nhờ vậy chị được lên ở cõi trời một thời gian chăng?"

"Tất cả những kinh nghiệm chị kể có thể sẽ là hành trang cần thiết em sẽ mang theo vào đời. Kinh nghiệm lúc sống và kinh nghiệm khi chết. Có lẽ chị nên khuyên bảo em thêm một điều gì nữa."

"Nói là điều khuyên bảo, chị nghĩ không đúng. thực ra điều chị sắp nói với em đây chỉ là... một báo tin mà lẽ ra chị không nên nói, bởi điều ấy thuộc... phạm trù (!) 'thiên cơ bất khả lậu'."

"Tin là tin lành hay tin không lành? Chị nói làm em lo quá."

"Chị lấy làm tiếc phải đưa tin không vui đến cho em. Ngày chị còn đi học, chị để ý thấy gần như không ai làm công việc báo tin bạn thi rớt. Bạn thi đậu, ai cũng sốt sắng. Nhưng chị cho em biết để em còn chuẩn bị tinh thần. Chị thấy em có tên trong sổ Đ.T."

"Sổ Đ.T? Cuốn sổ mang tên chị? Sổ Đạm Tiên?"

"Không phải em. Làm gì có cuốn sổ nào mang tên chị. Đ.T. là hai chữ đầu của hai chữ

Đoạn Trường. Em có tên trong sổ Đoạn Trường như chị trước kia. Ờ, nghiệm lại chị thấy em nói đúng. Gọi sổ Đ.T. là sổ Đạm Tiên cũng không sai vì tên chị, đời chị gắn liền với tên cuốn sổ."

"Em chỉ hiểu lờ mờ ý nghĩa hai chữ 'đoạn trường.' Có phải đoạn trường là đứt ruột không chị?"

"Từ đó suy ra nghĩa bóng của hai chữ ấy là đau khổ. Những người có tên trong sổ Đ.T. đều có số phận không may, đau khổ nhiều hơn sung sướng. Đó là những người 'sinh ra dưới một ngôi sao xấu,' ngôi sao bất hạnh. Trước, chị cũng có tên trong sổ Đoạn Trường ấy, chẳng ai cho chị biết trước để chị chuẩn bị tinh thần. Nhưng từ ngày chị chết, tên chị được bề trên giũ khỏi sổ."

"Chị cho em hỏi: cuốn sổ Đ.T. được cất giữ ở đâu và làm sao chị xem được cuốn sổ ấy?"

"Cuốn sổ ấy được cất giữ ở thiên cung, nơi các vì sao đang sống. Làm sao chị xem được cuốn sổ ấy hở? Nói ra kể cũng xấu hổ. Do tính tò mò của chị. Chết cái nết không chừa. Ngày xưa, lúc còn ở kỹ viện Vạn Hoa Lầu, chị cũng đã có thói xấu đó rồi. Khách đến chơi, một khi đã mê ly đến độ mệt nhoài lăn quay ra ngủ không còn biết trời đất gì nữa, chị lục ví lục túi bọn họ, chẳng phải để lấy tiền bạc mà cốt đọc thư tình của họ chơi, âu cũng là một cách tiêu khiển. Đi chơi gái, họ vẫn có tình nhân bồ bịch. Lúc ở bên chị, họ nói nghe cũng đã mùi rồi. Thư họ viết cho bồ, còn mùi hơn.

"Lên cõi trời, chị cũng... coi trộm thiên thư. Chuyện này chị em mình biết với nhau thôi, em đừng nói với ai khác."

"Chị nói sao chớ, số phận bọn nữ nhi quần bận yếm mang vô danh tiểu tốt như chị em mình mà cũng được ghi được chép ở thiên thư? Phải là số phận của một quốc gia hay ít ra của một ông vua mới 'tiệt nhiên định phận tại thiên thư,' em nghĩ vậy."

"Đã là người thì bất kể giàu nghèo sang hèn đều có thể có tên trong sổ Đ.T. Hạng lê dân như chị em mình, hàng vua chúa như Việt Vương Câu Tiễn, như Lê Chiêu Thống bên nước An Nam đều có tên."

"Chị vừa giỏi giang cầm kỳ thi họa, vừa làu thông kinh sử. Vậy em xin chị cho em một lời khuyên. Em phải làm gì một khi thân phận em bị ràng buộc với số kiếp đoạn trường như thế?"

"Không làm gì cả. Em không thể làm gì khác hơn là phải chấp nhận, bởi đoạn trường là một bù trừ, một hậu quả tất yếu của tài và sắc. Tài hoa mệnh bạc. Chữ tài liền với chữ tai. Người vừa tài vừa sắc như em có tên trong sổ Đ.T., đâu có gì lạ; không có tên em trong đó mới là điều đáng ngạc nhiên."

"Em không biết cái số đoạn trường của em... có giống cái số của chị không. Ý em muốn hỏi em có phải vào kỹ viện và yểu mệnh như chị không."

"Cái đó chị hoàn toàn không biết. 'Đoạn trường ai có qua cầu mới hay' em ạ. Thôi, đã khá khuya rồi. Chị đi để em vô nghỉ. Chị em mình còn nhiều cơ hội tái ngộ."

Một cơn gió lạnh thoảng qua, Kiều chợt tỉnh. Nàng khẽ rùng mình, tự vấn: mình vừa gặp và chuyện vãn với Đạm Tiên trong chiêm bao hay là ở ngay tại dưới mái hiên nhà này? Bâng khuâng, Kiều chép miệng:

"Mình quên hỏi Đạm Tiên hiểu hết ý nghĩa bài thơ tứ tuyệt ban chiều, mình tặng chị ấy không: 'Nửa giấc Vu sơn thấy một mình' nghĩa là gì?

Mình không hiểu bài thơ chính mình làm ra lúc xuất thần!"

(1) Tỳ Bà Hành

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

TẠI SAO VỤ ÁN 1960?

TRẦN GIA PHỤNG

1. Cuộc đàn áp báo Nhân Văn năm 1956

Tại Hà Nội, ngày 15-12-1956, ba sự kiện xem ra có vẻ độc lập sau đây diễn ra trong cùng một ngày: Thứ nhất: Hồ Chí Minh ban hành sắc lệnh bắt buộc báo chí phải phục vụ nền chuyên chính vô sản, không được chống chế độ, chống chính phủ, không được xúi giục nhân dân và bộ đội làm loạn... và sẽ phạt tù từ năm năm đến chung thân khổ sai, tịch thu tài sản nếu ai phạm vào những điều cấm. Thứ nhì: Báo *Nhân Dân* đăng lời tuyên bố của 235 văn nghệ sĩ Nam Bộ tập kết ra Bắc lên án báo *Nhân Văn* là phương tiện cho địch gây chia rẽ Bắc Nam, và đăng lời ngỏ của 180 nhà báo Hà Nội lên án báo *Nhân Văn "nói sai sự thật, xuyên tạc nhiều vấn đề với dụng ý bôi xấu chế độ ta."* Thứ ba: Bác sĩ Trần Duy Hưng, chủ tịch Uỷ ban hành chánh (tương đương với thị trưởng) thành phố Hà Nội ra quyết định đình bản vĩnh viễn báo *Nhân Văn*, do Phan Khôi giữ chức chủ nhiệm kiêm chủ bút, Trần Duy (tên thật là Trần Quang Tăng) làm thư ký (số 1 phát hành ngày 20-9-1956). Lúc đó, báo *Nhân Văn* số 6 vừa mới được lên khuôn ở nhà in Xuân Thu, chưa được in ra, thì bị chết yểu, không được ra mắt độc giả, chấm dứt luôn đời sống ngắn ngủi của báo *Nhân Văn*. (1)

Ba động tác nhịp nhàng cùng một lần, không trước không sau, và không phải là không có đạo diễn, chứng tỏ quyết tâm của nhà cầm quyền cộng sản lúc đó cương quyết vùi dập báo *Nhân Văn*, bông hoa hương sắc nhất trong cảnh trăm hoa báo chí đua nở trên đất Bắc năm 1956, để rồi sau đó vùi dập luôn các bông hoa khác, vì sau báo *Nhân Văn*, các báo khác như *Trăm Hoa* của Nguyễn Bính, *Thời Mới* của Hiền Nhân, *Đất Mới* của sinh viên Hà Nội, và *Giai Phẩm* cũng lần lượt bị dẹp luôn. (1)

Các báo đòi hỏi tự do tư tưởng và sáng tác bị dẹp yên vào cuối năm 1956, nhưng đến năm 1958, nhà cầm quyền Hà Nội mới phát động các cuộc học tập để uốn nắn tư tưởng của văn nghệ sĩ, và tổ chức đưa các văn nghệ sĩ về nông thôn lao động thực tế. Mở đầu chiến dịch nầy, Bộ chính trị Trung ương đảng Lao Động ra nghị quyết ngày 6-1-1958 về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ do Trường Chinh ký, nội dung có đoạn viết: *"Khuynh hướng phá hoại của nhóm* Nhân Văn *bị đánh lui; những người tham gia nhóm đó bị số đông văn nghệ sĩ phản đối. Tuy vậy cuộc đấu tranh chống khuynh hướng* Nhân Văn *mới ở bước đầu; những hoạt động nguy hại và bộ mặt thực về chính trị của những phần tử xấu trong nhóm* Nhân Văn *chưa bị bóc trần trong giới văn nghệ... Số đông văn nghệ sĩ tập trung ở Hà Nội, mấy năm nay đã xa rời thực tế lao động và sinh hoạt của quần chúng công nông binh, lại rất ít học tập chính trị không hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chưa được giáo dục về tư tưởng xã hội chủ nghĩa.*

Do đó, lập trường chính trị rất mơ hồ, ý chí phấn đấu cách mạng giảm sút nghiêm trọng, trạng thái giao động hoang mang còn nặng, ngay cả trong hàng ngũ đảng viên; ranh giới giữa địch và ta có lúc bị lu mờ, tình trạng mất cảnh giác là phổ biến. Đồng thời tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, tự mãn, tự kiêu ngạo, hiếu danh, tham tiền, tư tưởng an nhàn hưởng lạc ngày càng nẩy nở. Tư tưởng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật, chia bè nhóm cũng đang trên đà phát triển... Cần có kế hoạch khuyến khích giúp đỡ các văn nghệ sĩ đi xuống các cơ sở sản xuất, đi vào công nông binh, và nếu có thể thì tham gia lao động để thâm nhập thực tế và gần gũi quần chúng hơn. Mặt khác, cần có kế hoạch tổ chức cho văn nghệ sĩ học tập một cách thường xuyên những vấn đề thời sự và chính sách trong giai đoạn mới của cách mạng, tiến tới tổ chức học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, cải tạo tư tưởng có hệ thống..." (2)

Nghị quyết nầy báo hiệu một màn thanh trừng mới: Văn nghệ sĩ phải thấm nhuần đường lối xã hội chủ nghĩa (tức chỉnh huấn), phải xâm nhập thực tế (nghĩa là cưỡng bức lao

động), và phải học tập chính sách cách mạng mới của đảng Lao Động.

Trước tiên, Tiểu ban Văn nghệ trung ương của đảng tiến hành kiểm tra toàn bộ các tổ chức văn hóa, hội Nhà văn, hội Âm nhạc, hội Mỹ thuật, ngành sân khấu, ngành điện ảnh, các trường đại học, nhất là các khoa văn và sử. Tiểu ban Văn nghệ phối hợp chặt chẽ với Vụ Bảo vệ Văn hóa của ngành Công an, phân loại các thành phần văn nghệ sĩ trí thức như sau: (a) đối tượng (để đấu tranh, tức là loại bị xếp vào hạng phản động, phá hoại), (b) "những người có vấn đề" (bị coi là sai lầm nhưng chưa hẳn ngoan cố), (c) "những người lưng chừng" (chưa tích cực đấu tranh), (d) "chỗ dựa" (lập trường theo đảng vững). (3)

Tiểu ban Văn nghệ trung ương tổ chức hai đợt học tập: đợt đầu vào tháng 2-1958 gồm 172 người tham dự, và đợt thứ nhì vào tháng 3-1958 với 304 người tham dự. Mục đích cuộc học tập nầy để nghiên cứu nghị quyết về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ của Bộ chính trị Trung ương đảng và hai nghị quyết của hội nghị các đảng Cộng Sản tại Moscow vào cuối năm 1957. (4) Có bốn người không chịu tham dự các cuộc học tập nầy. Đó là Phan Khôi, Thụy An Lưu Thị Yến, Nguyễn Hữu Đang, và Trương Tửu. Công an liền bắt Thụy An và Nguyễn Hữu Đang giam ngục thất Hỏa Lò, Hà Nội. Phan Khôi quá già, uy tín lại lớn, nhất là đối với những người miền Nam tập kết ra Bắc, nên cộng sản không bắt, nhưng cô lập ông ta. Còn Trương Tửu thì bị cất chức giáo sư Đại học Văn khoa, gia đình bị bao vây kinh tế, vợ bị rút giấy phép buôn bán (HVC, *sđd.* 36).

Mở đầu cuộc học tập, ban tổ chức cho biết yêu cầu quan trọng nhất của trung ương đảng là phải làm trong sạch đội ngũ đảng viên trong giới văn nghệ sĩ và trí thức; các văn nghệ sĩ phải chọn một thế đứng dứt khoát, hoặc về "phe ta" hoặc theo "phe địch," chứ không thể lưng chừng. Học xong nghị quyết của đảng, mỗi học viên phải tự làm "kiểm thảo," thành thật khai báo những sai lầm của mình để mọi người phê phán và góp ý sửa đổi.

Thực chất việc kiểm thảo nầy là một cuộc chỉnh huấn và đấu tố các văn nghệ sĩ, trí thức thuộc nhóm đối tượng và nhóm những người có vấn đề. Chẳng những chỉ bị "tố giác, hỏi cung tập thể," các văn nghệ sĩ và trí thức thuộc hai nhóm nầy còn bị công an "làm việc" riêng một cách tích cực nữa.

Ngoài ra, để sửa soạn dư luận cho một cuộc đàn áp rộng lớn đang được chuẩn bị, những văn nghệ sĩ và trí thức trên bị các báo của đảng Lao Động đả kích thường xuyên trong nhiều tháng. Nhà văn Nguyễn Minh Cần, lúc đó là Phó chủ tịch Uỷ ban Hành chánh (tương đương phó thị trưởng) thành phố Hà Nội, Trưởng ban Tuyên huấn Thành uỷ, kiêm Chủ nhiệm báo *Thủ Đô*, cho biết: *"Các bài 'đánh' anh em Nhân Văn Giai Phẩm đều do ban tuyên huấn trung ương đặt người viết, kể cả các bài đăng ở các báo địa phương như Hà Nội, Hải Phòng... Đảng làm việc nầy chặt chẽ lắm! Có kế hoạch chuẩn bị từ trước của Trung ương là bài nào đăng ở báo nào, ai viết, viết gì... Các thành uỷ, các địa phương không phải bàn cãi, cứ thế mà làm."* (NMC, *sđd.* 72)

Ngay từ tháng 3-1958, các số *Nhân Dân* ngày 2-3, 12-3, 14-4 liên tục đăng bài của nhiều người tố cáo Trần Dần, Hoàng Cầm, Trần Duy, Tử Phác... Sau đợt học tập thứ nhì, những bài tự kiểm thảo nhận tội của Trần Dần, Trần Đức Thảo, Lê Đạt, Hoàng Cầm và Văn Cao được đưa lên báo *Nhân Dân*. Ngày nào báo *Nhân Dân* cũng đăng bài lên án các văn nghệ sĩ trong nhóm *Nhân Văn* và *Giai Phẩm*.

Trong khi đó, sau hai lớp học tập vào tháng 2 và 3-1958 và sau khi các báo đảng liên tiếp đăng bài đả kích, "vạch mặt" các văn nghệ sĩ và trí thức "phản động" trong nhóm *Nhân Văn* và *Giai Phẩm*, ban chấp hành hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam nhóm họp tại Hà Nội ngày 4-6-1958 để tổng kết và ra nghị quyết lên án gắt gao nhóm văn nghệ sĩ và trí thức nầy. Trong "Báo cáo tổng kết cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại *Nhân Văn Giai Phẩm,*" đọc tại cuộc họp, có những đoạn Tố Hữu viết: *"... Cuộc đấu tranh từ năm tháng nay chống nhóm phá hoạt 'Nhân Văn Giai Phẩm' trên mặt trận văn nghệ, một cuộc đấu tranh quyết liệt, có tính cách quần chúng và toàn quốc, chưa từng thấy mấy chục năm nay... Dưới sự lãnh đạo kiên quyết và sáng suốt của Đảng ta, cuộc giao phong tư tưởng vừa qua đã giành được thắng lợi lớn... Lật bộ áo 'Nhân Văn Giai Phẩm' thối tha, người ta đã thấy ra cả một ổ phản động toàn những gián điệp, mật thám, lưu manh, trốt-kít, địa chủ tư sản phản động, quần tụ trong những tổ quỷ với những gái điếm, bàn đèn, sách 'chống cộng,' phim ảnh khiêu dâm..."* (NMC, *sđd.* 34).

Thế rồi, Tố Hữu gọi các văn nghệ sĩ là: *"bọn trốt-kít Trương Tửu, Trần Đức Thảo... Bọn*

Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, hai tên phản Đảng... Bọn Trần Dần, Tử Phác, những tên phản Đảng, những đứa con hư của Hà Nội cũ... Tên mật thám Trần Duy... Bọn Phan Khôi, mật thám cũ của thực dân Pháp... Bọn gián điệp Thụy An ..." Và Tố Hữu khép họ vào các tội danh: *"... ra mặt phản cách mạng, đánh thẳng vào chế độ của sự lãnh đạo của Đảng... âm mưu gây biến động... Lũng đoạn hội Nhà văn và các cơ quan nghệ thuật, xây dựng 'pháo đài' chống cách mạng ở trường đại học... Kích thích chủ nghĩa cá nhân tư sản, bôi nhọ chủ nghĩa cộng sản... Khiêu khích nhân dân chống lại chế độ và Đảng lãnh đạo... chống lại nền chuyên chính vô sản, chống lại toàn bộ cách mạng xã hội chủ nghĩa... gieo rắc chủ nghĩa dân tộc tư sản, chống lại chủ nghĩa quốc tế vô sản... Ra sức chửi rủa cái mà chúng gọi là chủ nghĩa Xtalin, vu khống Đảng ta là 'giáo điều,' 'nô lệ' và vu khống các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô, Trung Quốc..."* (NMC, *sđd.* 35).

Riêng nhóm *Nhân Văn* và *Giai Phẩm*, Tố Hữu lên án là "phản động," "phản cách mạng" vì nhóm nầy dám: *"Phản đối văn nghệ phục vụ chính trị, đòi 'tự do độc lập' của văn nghệ, rêu rao 'sứ mạng chống đối' của văn nghệ, phản đối văn nghệ phục vụ công nông binh, nêu lên con đường trừu tượng... đả kích văn nghệ kháng chiến của ta... phủ nhận hoàn toàn phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, coi đó là một sản phẩm của 'thời kỳ Xta-lin'... Đòi trả văn nghệ cho văn nghệ sĩ thực ra là đòi đưa quyền lãnh đạo văn nghệ vào tay bọn phản cách mạng..."* (NMC, *sđd.* 35).

Ngày hôm sau, 5-6-1958, cũng ngay tại Hà Nội, 800 văn nghệ sĩ họp để bàn thảo một nghị quyết gọi là "Nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ," phụ họa với nghị quyết của ban chấp hành hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam. (5) Các hội chuyên ngành trong Liên hiệp Văn học Nghệ thuật đã họp và ra nghị quyết áp đặt kỷ luật đối với nhóm văn nghệ sĩ và trí thức "phản động," theo đó: Hội Nhà văn khai trừ Phan Khôi, Trương Tửu, Thụy An, Trần Dần, Lê Đạt, và loại Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh ra khỏi ban chấp hành. Hội Mỹ thuật khai trừ Trần Duy, và loại Sỹ Ngọc, Nguyễn Sáng ra khỏi ban chấp hành. Hội Nhạc sĩ sáng tác khai trừ Tử Phác, Đặng Đình Hưng [thân sinh nhạc sĩ Đặng Thái Sơn], và loại Văn Cao, Nguyễn Văn Tý ra khỏi ban chấp hành... (NMC, *sđd.* 36).

Sau khi kiểm thảo, tự làm tờ thú tội, các văn nghệ sĩ bị cưỡng bức đưa đi lao động học tập. Những người bị "tội" nặng thì đi xa, lên các vùng núi non nước độc, những người bị "tội" nhẹ thì đi gần hơn ở các vùng trung du hay vùng đồng chua nước mặn duyên hải. Tạp chí *Văn Nghệ*, số 14, tháng 7-1958, trong bài "Nắm chắc lấy vũ khí chiến đấu của chúng ta" cho thấy lý do vì sao cần lao động học tập: *"Mọi người đều thấy là cần thiết và rất hoan nghênh một việc quan trọng mà ban chấp hành hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật đã đề ra là tất cả các văn nghệ sĩ đều phải cố gắng, tích cực đi vào thực tế đời sống công nông binh "tham gia lao động". Tất nhiên nhóm phá hoại Nhân Văn - Giai Phẩm cũng đi với chúng ta, nhưng việc làm của họ có ý nghĩa hoàn toàn khác* [để thử thách, theo dõi]." (HVC, *sđd.* 37).

Toàn bộ hồ sơ của vụ *Nhân Dân* và *Giai Phẩm* được ban Tuyên huấn đảng Lao Động gom lại trong quyển sách nhan đề là *Bọn Nhân Văn - Giai Phẩm trước tòa án dư luận* do Nxb. Sự Thật, phát hành tại Hà Nội năm 1959. Trong tiểu mục "Cái ổ chuột 'Nhân Văn - Giai Phẩm' bị vạch trần trước ánh sáng của dư luận", sách nầy lên danh sách những người đã tham gia *Nhân Văn* và *Giai Phẩm* như sau: *"Qua sự phát hiện của hai cuộc hội nghị nói trên* [tức hai cuộc học tập vào tháng 2 và 3-1958], *chúng ta được biết nhóm phá hoại "Nhân Văn - Giai Phẩm" bao gồm những tên đầu sỏ, những 'cây bút' đã viết 'hoặc nhiều hoặc ít' cho Nhân Văn - Giai Phẩm như: Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Phùng Quán, Hoàng Tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huế, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai tức Châm Văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn Khắc Dực, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yến Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, và Lê Đại Thanh ... Nhưng đó không phải là tất cả (còn những tên chưa ra mặt)."* (Sách Bọn *Nhân Văn - Giai Phẩm*... tt. 309-310). Về sau, có thêm Hữu Loan và một vài người nữa (NMC, *sđd.* 36)

Tuy thế, mọi sự vẫn chưa hết. Nhà nước cộng sản còn đưa một số người mà họ cho rằng đầu sỏ nhất ra tòa. Đó là Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo (chủ nhà sách Minh Đức), Phan Tài, và Lê Nguyên Chi.

2. Trước Tòa án Nhân dân

Dưới chế độ cộng sản, chỉ có một cơ quan

được mang danh "nhà nước," đó là "Ngân hàng nhà nước," chuyên phát hành tiền bạc, còn bất cứ cơ quan nào cũng được gọi là "nhân dân," như "Quân đội nhân dân," "Công an nhân dân," "Tòa án nhân dân"... Nói thế để thấy rằng tòa án nhân dân ở đây là một cơ quan pháp luật của nhà nước, nằm trong hệ thống tư pháp chính quyền, chứ không phải là những tòa án nhân dân lập ra ở các làng xã như dưới thời Cải cách ruộng đất.

Nhà cầm quyền cộng sản quyết định đem ra xét xử vào tháng 1-1960 các nhân vật chủ chốt vận động và bảo trợ phong trào văn học đối kháng *Giai Phẩm* và *Nhân Văn* trước Tòa án nhân dân Hà Nội. Có một vấn đề tế nhị họ muốn tránh né: không thể xét xử những người nầy trong "vụ án văn chương," có thể gây phản ứng bất lợi ở trong cũng như ngoài nước, nên họ phải tìm một lý do khác để ngụy trang. Chỉ thị của đảng LĐ ra lệnh phải xét xử nhanh, gọn, hạn chế đến mức tối thiểu, tránh gây xôn xao dư luận. (NMC, *sđd.* 37) Muốn thế phải quy chụp các nạn nhân vào một tội danh hoàn toàn không dính líu gì đến chuyện văn chương tư tưởng. Ngay từ khi bắt đầu đả kích *Nhân Văn* và *Giai Phẩm* năm 1956, các báo của cộng sản đều gán cho nhóm nầy tội "mật thám, gián điệp." Lý do nầy có tính cách bí mật quốc phòng, chủ quyền quốc gia, không dính líu gì đến chuyện văn chương tư tưởng, nên không một ai, kể cả người nước ngoài, có thể viện cớ gì để kêu ca can thiệp. Như thế, lý do nầy rất thích hợp để cộng sản kết tội bà Thụy An và các ông Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo.

Lúc đó, ngày nào đài truyền thanh thành phố Hà Nội và các báo nhà nước ngày nào cũng ra rả rằng một vụ án gián điệp quan trọng đang được xét xử công khai trước Tòa án nhân dân. Vụ án được trực tiếp truyền thanh trên Đài phát thanh và trên các loa đặt khắp thành phố Hà Nội để dân chúng theo dõi. Tuy công khai, nhưng ai có giấy mời mới được tham dự. Giấy mời do Sở công an Hà Nội phân phối. Khách nước ngoài không được có mặt. Đặc biệt hơn các tòa án đấu tố Cải cách ruộng đất trước đây, lần nầy tòa mở ra với đầy đủ bộ phận, có công tố, bồi thẩm đoàn, luật sư bào chữa, hình thức rất đầy đủ, nhưng ai cũng biết ngay cả luật sư bào chữa cũng là người của nhà cầm quyền.

Theo bản cáo trạng, bà Thụy An Lưu Thị Yến đã quen biết và giao thiệp với ông Maurice Durand, một nhà nghiên cứu người Pháp, nhân viên trường Viễn Đông Bác Cổ trước năm 1954. (6) Cũng theo cáo trạng, Maurice Durand là điệp viên cho thực dân Pháp. Làm điệp viên cho thực dân Pháp cũng có nghĩa là làm việc cho đế quốc Mỹ. Bà Thụy An liên lạc với ông Maurice Durand làm gì nếu không phải là tiếp tay làm gián điệp cho Durand?

Ông Nguyễn Minh Cần, chứng kiến tại chỗ phiên tòa, kể lại rằng luật sư bào chữa cho bà Thụy An là một thanh niên do Thành đoàn Thanh niên Lao Động thành phố Hà Nội cử ra. (Đoàn Thanh niên LĐ là đoàn thể chính thức của đảng LĐ, để huấn luyện, tuyển chọn và giới thiệu thanh niên vào đảng.) Tuy phát biểu cho có hình thức, nhưng anh thanh niên nầy nói hơi nhiều cho thân chủ. Khi đó, ông Hoàng Quốc Việt (Hạ Bá Cang), Viện trưởng viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, đến theo dõi phiên tòa, đã rất bực tức hỏi ông Trần Danh Tuyên, bí thư Thành uỷ Hà Nội: *"Thằng nầy có phải là đảng viên không đấy? Nó mà nói thế thì làm sao tiện cho án quyết?"* (NMC, *sđd.* 75).

Theo công an cộng sản, bà Thụy An cộng tác với Nguyễn Hữu Đang và Trần Thiếu Bảo cùng xuất bản các báo *Giai Phẩm* và *Nhân Văn*, vậy là hai người nầy đã tiếp tay với bà Thụy An, làm gián điệp, ra báo đánh phá cách mạng. Hai người khác không thuộc văn giới cộng tác với ba người nầy về vấn đề tài chánh

NGUYỄN NGỌC BỘI

GIẤC MỀM

người đi vọng tiếng bên trời
để anh buồn hết một đời lãng du
ngàn xanh cây đã sa mù
chiều sương hiện bóng sông thu ưu phiền
ngủ đi em cõi thần tiên
nhạc thiên đường sẽ ru mềm giấc xanh
ơi em trái chín xa cành
vết đau rực rỡ trong anh một đời

và in ấn là Phan Tài và Lê Nguyên Chi cũng bị xem là nằm trong dây chuyền gián điệp. Thế là cả năm bị kết tội gián điệp Dầu không có bằng chứng gì cụ thể, tòa án nhân dân Hà Nội ngày 21-1-1960, đã kêu án cả năm người tổng cộng là 50 năm tù giam, chia ra như sau: Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, mỗi người 15 năm; Trần Thiếu Bảo, 10 năm; Phan Tài và Lê Nguyên Chi, mỗi người 5 năm. Những biện pháp kỷ luật công khai trên đây, từ những vụ đấu tố trong các hội văn học nghệ thuật, đến bản án ngày 21-1-1960 chỉ là mặt nổi của một tảng băng thạch. Mặt chìm chiếm tới chín phần mười tảng băng. Vấn đề *Nhân Văn* và *Giai Phẩm* cũng thế, mặt chìm rộng lớn hơn rất nhiều, nhưng không một ai hay biết vì không được công bố lên báo chí. Trong một thời gian dài, nhiều văn nghệ sĩ (như Trần Dần, Phùng Quán, Bùi Quang Đoài...) và trí thức (như Nguyễn Mạnh Tường, Trương Tửu...) bị bị khủng bố, hăm dọa, điều tra xét hỏi, sa thải, đuổi học, thuyên chuyển, cô lập, chỉ định cư trú, hoặc bị bắt giam lâu năm không có án... Phần nhiều đã bị đày đọa điêu đứng cho đến những ngày cuối đời.

3. Tại sao lại có bản án

Ngang đây, có hai câu hỏi được đặt ra về phiên tòa ngày 21-1-1960: Thứ nhất, tại sao chỉ xét xử và kêu án năm người trong vụ *Nhân Văn* và *Giai Phẩm*? Thứ nhì, vụ *Nhân Văn* và *Giai Phẩm* bị dẹp vào cuối năm 1956, các văn nghệ sĩ và trí thức bị tập trung học tập và đấu tố từ năm 1958, nay tại sao lại đưa ra tòa xét xử công khai và cho loan báo rộng rãi trên đài truyền thanh và trên báo chí?

TẠI SAO CHỈ KÊU ÁN NĂM NGƯỜI? Để trả lời câu hỏi thứ nhất, tốt nhất là tìm hiểu thêm về các nhân vật bị kêu án. Bà Thụy An Lưu Thị Yến và Nguyễn Hữu Đang là hai người không chịu tham dự hai khóa học tập vào đầu năm 1958. Không tham dự học tập đường lối chính sách của đảng đối với cộng sản có nghĩa là chống đối. Tội chống đối cần phải trừng trị, vì nếu không thì cộng sản không thể điều khiển được các văn nghệ sĩ khác.

Trong số những người trên đây, trong lý lịch của bà Thụy An, có một điểm mà ngành công an cộng sản dùng để khai thác và dựng nên vụ án: bà đã từng sống ở Hà Nội trước năm 1954, giao dịch với người Pháp, quen thân với Maurice Durand. Đây là điểm dễ nhất để ngụy tạo lý do "gián điệp," và đưa bà Thụy An ra tòa. Bà được dùng làm đầu mối để khép tội các người kia, nên bà đứng đầu danh sách bị kết án. Đối với cộng sản, bà Thụy An càng đáng nghi ngờ hơn khi bà viết báo mà không dùng tên thật. Bà chỉ dùng bút hiệu một cách bí mật, ít người biết đến. Trong sách *Bọn Nhân Văn - Giai Phẩm trước tòa án dư luận* do Nxb. Sự Thật, phát hành tại Hà Nội năm 1959, có đề cập đến hai bài viết của bà là "Bích Xu Va" và "Trường hợp tòng quân của thiếu uý Lâm." (Thụy Khuê, *bài đd.*) Bà Thụy An là người vận động tích cực anh em văn nghệ sĩ biểu lộ thái độ phản kháng, và có nhiều ảnh hưởng tác động tới họ, đến nỗi nhà thơ Lê Đạt cho rằng cứ mỗi lần gặp bà Thụy An là ông cảm thấy *"mình tài giỏi thêm và chán nản thêm, lòng tin tưởng* [đối với chế độ] *của tôi mất dần khi Thụy An nói đến những con người không đất đứng và tôi cũng tự hỏi đất đứng của mình ở đâu?..."* (Thụy Khuê, *bài đd.*)

Đàng sau những chứng lý và tiết lộ trên đây, cộng sản cố tình triệt hạ bà Thụy An thật ra còn vì những lý do sâu xa hơn. Trong sách *Nhà văn hiện đại,* khi bắt đầu kết luận chương viết về bà Thụy An, Vũ Ngọc Phan nhận xét rằng: *"Hàn Mặc Tử đã đem vào thi ca Việt Nam lòng tin tưởng ở đạo Da Tô với giọng say sưa đầm ấm. Thụy An cũng xây dựng cho tiểu thuyết của bà có những nhân vật tin cậy ở Đấng Cứu Thế, ở Đức Mẹ Đồng Trinh và sẵn lòng nhịn nhục hy sinh..."* (7)

Ngoài đời, bà Thụy An kết bạn với một người khá nổi tiếng là Đỗ Đình Đạo. Nhiều người cho rằng Đỗ Đình Đạo không phải chỉ là người bạn bình thường đối với bà Thụy An, mà còn là một người tình sống gần như vợ chồng (?). Ông Đỗ Đình Đạo là người theo Thiên Chúa giáo, cha bị Việt Minh giết. Ông là một lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng, đã từng cộng tác hoạt động với Đại Việt Quốc Dân Đảng của Trương Tử Anh, (8) chống cộng tích cực, và ủng hộ cựu hoàng Bảo Đại. Năm 1952, thủ tướng chính phủ dưới quyền của Quốc trưởng Bảo Đại, ông Nguyễn Văn Tâm, giao cho ông Đỗ Đình Đạo điều khiển Đoàn Quân thứ Lưu động (Groupe Administratif Mobile en Opérations, viết tắt GAMO) ở Bắc Việt. Theo tác giả Chính Đạo, trong *Việt Nam niên biểu nhân vật chí,* năm 1954 Đỗ Đình Đạo *"bị chết tại nhà nữ văn sĩ Thụy An. Có tin bị đầu độc."* (9) Lúc đó, nhà chức trách Quốc gia ở Hà Nội nghi ngờ bà

Thụy An theo lệnh của VM, ám sát ông Đỗ Đình Đạo, đã bắt giam bà. Sau hiệp định Genève ngày 20-7-1954, khi đất nước bị chia hai, bà được chuyển vào Nam. Đến cảng Hải Phòng, bà bỏ trốn và trở lên ở lại Hà Nội. (10)

Phải chăng vì bà Thụy An là một người theo đạo Thiên Chúa, đã từng viết sách truyền bá đức tin của mình, lại đào thoát được khi đang bị dẫn độ về Nam, khiến cộng sản nghi ngờ rằng việc nầy chỉ là cảnh dàn dựng để bà ở lại đất Bắc, nên bà Thụy An bị quy chụp tội làm gián điệp? Bắt giam bà Thụy An, CS còn nhắm đe dọa cả những người theo Thiên Chúa giáo lúc đó còn ở lại Hà Nội.

Nguyễn Hữu Đang thì đặc biệt hơn. Ông từng là Trưởng ban tổ chức ngày lễ 2-9-1945 tại Hà Nội (ngày Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập), thứ trưởng một bộ trong chính phủ của họ Hồ, và đảng viên đảng LĐ từ 1947 đến 1951. Sau năm 1954, ông từ chối không nhận chức bộ trưởng nào cũng như không trở lại sinh hoạt đảng.

Trong đợt học tập 18 ngày (từ 1 đến 18-8-1956), Nguyễn Hữu Đang, đại diện tổ 2 đọc bài tham luận rất sắc sảo gồm ba điểm chính: đường lối lãnh đạo văn nghệ của Trung ương đảng hẹp hòi, Trung ương đảng chưa có chính sách hẳn hoi về văn nghệ, và tổ chức không hợp lý, không trong sạch, có tính bè phái. Trong lúc đọc bài nầy, Nguyễn Hữu Đang được 17 lần hoan hô bằng những tràng vỗ tay dài. (11)

Theo lời thi sĩ Hữu Loan trong cuộc phỏng vấn của báo *Thông Luận* vào đầu thập niên 90, được Nguyễn Văn Trấn đăng lại trong *Viết cho Mẹ và Quốc Hội,* đã xuất bản ở trong nước và tái bản ở hải ngoại, khi có người hỏi vì sao không nhận chức bộ trưởng và trở lại sinh hoạt đảng vào năm 1954, Nguyễn Hữu Đang trả lời rằng *"Nội bộ thiếu dân chủ trầm trọng, mình bây giờ một mình một đảng."* (NVT, *sđd.* 278)

Quan trọng hơn, cũng theo lời Hữu Loan: *"Bài báo bị cho là phản động, phản đảng, phản dân nhất của Nhân Văn là bài "Vấn đề pháp trị" do Nguyễn Hữu Đang viết. Trong bài, ý nói sở dĩ chỗ nào cũng có áp bức chà đạp lên con người là vì chưa có pháp luật rõ ràng. Tòa án là một thứ tòa án tha hồ tùy tiện còn hơn 'Tôn giáo pháp đình' của Giáo hội Trung cổ. Muốn bắt ai thì bắt, muốn xử ai thì xử, bịa ra luật nặng nhẹ tha hồ để xử... Bài báo kêu gọi cần phải pháp quyền thì người dân mới bình đẳng trước pháp luật..."* (NVT, *sđd.* 274)

Bài báo mà Hữu Loan nói đến trên đây có nhan đề là "Cần phải chính quy hơn nữa," đăng trên *Nhân Văn* số 4 ra ngày 5-11-1956. Mở đầu bài báo, Nguyễn Hữu Đang đề cập đến một ý trong bản báo cáo của Khrushchev tại Đại hội thứ 20 đảng CSLX, đó là nhắc nhở các cấp đảng, chính phủ, và công đoàn phải tôn trọng pháp luật và tố cáo, vạch mặt bất cứ ai phạm pháp. Dựa vào lời của Khrushchev, ông Nguyễn đặt câu hỏi tại sao sau 38 năm (từ cuối 1917 đến 1956) kiến thiết xã hội chủ nghĩa, với hai lần đặt hiến pháp và nhiều lần sửa đổi luật pháp, mà Liên Xô vẫn phải đặt lại vấn đề pháp trị? Từ đó Nguyễn Hữu Đang kết tội Stalin, Beria và phe nhóm đã vi phạm trầm trọng chế độ pháp trị, coi thường pháp luật. Nguyễn Hữu Đang cho rằng điều nầy cũng diễn ra ở Bắc Việt. Ông viết: *"Trong Cải cách ruộng đất, những việc bắt người, giam người, tra hỏi (dùng nhục hình dã man), xử tù, xử bắn, tịch thu tài sản, hết sức bừa bãi, bậy bạ, cũng như việc bao vây đến làm chết đói những thiếu nhi vô tội trong các gia đình địa chủ (hoặc chính nông dân mà bị quy sai thành phần), không phải chỉ hoàn toàn do sự lãnh đạo kém cỏi mà còn do thiếu chế độ pháp trị hẳn hòi... Do pháp trị thiếu sót mà cải cách ruộng đất hỏng to đến thế. Do pháp trị thiếu sót mà quân đội chưa có chế độ binh dịch hợp lý, công an hỏi giấy giá thú đôi vợ chồng ngồi ngắm trăng bên bờ hồ, hộ khẩu rình bênh cửa sổ khiến người mất ăn mất ngủ, cán bộ thuế tự tiện vào khám nhà người kinh doanh, ở khu phố có chuyện đuổi nhà lung tung hoặc ép buộc người ở rộng phải nhường lại một phần nhà cho cán bộ hay cơ quan ở. Do pháp trị thiếu sót mà nhiều cơ quan bóc xem thư của nhân viên và một ngành quan trọng nọ đòi thông qua những bài báo nói đến mình làm như một bộ phận của nhà nước lại có quyền phục hồi chế độ kiểm duyệt mà chính nhà nước đã bãi bỏ. Do pháp trị thiếu sót, người ta đã làm những việc vu cáo và đe dọa chính trị trắng trợn, ngăn cản việc mua đọc báo Nhân Văn, hành hung báo Trăm Hoa..."* (12)

Nguyễn Hữu Đang kết luận bài báo bằng những đề nghị: *"1) Thi hành Hiến pháp (hoặc hiến pháp năm 1946 sửa đổi cho thích hợp với hoàn cảnh ngày nay, hoặc Hiến pháp mới sẽ đặt ra). Trên cơ sở Hiến pháp, Quốc hội sẽ sẽ biểu quyết những đạo luật thay các sắc lệnh và những văn kiện khác. 2) Quốc hội họp đều, sáu tháng một kỳ. Không có lý gì trong hoàn cảnh hòa bình*

mà công việc của Quốc hội vẫn khoán trắng cho một ban thường trực gần như không hoạt động gì. 3) Chấn chỉnh ngành tư pháp, chủ yếu là tăng quyền hành thực sự của bộ Tư pháp." (12)

Vấn đề pháp trị, nền tảng căn bản của tổ chức xã hội, là **phần nhạy cảm, dễ bị dị ứng nhất của chế độ độc tài cộng sản**, vì có pháp trị thì làm sao có thể độc tài. (13) Chỉ một bài báo ngắn, khoảng trên 1.500 chữ mà Nguyễn Hữu Đang đã đụng chạm đến quá nhiều vấn đề cốt lõi cấm kỵ đối với đảng LĐ: chỉ trích Stalin, đả kích Cải cách ruộng đất và quy lỗi sai lầm do chế độ thiếu pháp trị (trong khi nhà nước cộng sản cho là Cải cách ruộng đất thành công và chỉ có một số ít sai lầm do cá nhân yếu kém thiếu sót), chê bai chế độ quân dịch không hợp lý (điều nầy làm cho nhà cầm quyền Hà Nội rất lúng túng, vì họ đang cần tuyển quân vô thời hạn để đưa vào tấn công miền Nam), đả kích nền hành chánh (công an, thuế vụ, nhà đất) tùy tiện, và đề nghị nêu cao tinh thần trọng pháp, chấn chỉnh pháp luật.

(Còn tiếp)

Chú thích

1. Hoàng Văn Chí, *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, Mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hóa, Sài Gòn 1959, tr. 31. (Viết tắt: HVC, sđd.tr.)
2. Nguyễn Hưng Quốc, *Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1991, tr. 163. (Viết tắt: NHQ, sđd.tr.)
3. Nguyễn Minh Cần, *Công lý đòi hỏi*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 29 (Viết tắt, NMC, sđd. tr.)
4. Nhân kỷ niệm 40 năm Cách mạng tháng 10 Nga, các đảng Cộng Sản trên thế giới họp tại Moscow từ ngày 14 đến 16-11-1957 đã ra tuyên cáo chung. Về phía Bắc Việt có Hồ Chí Minh, Lê Duẩn và Phạm Hùng dự, không có Tito của Yougoslavia vì Tito muốn xây dựng chế độ cộng sản quốc gia và không liên kết. Ngày 22-11-1957, các đảng Cộng Sản trên thế giới lại họp tại Moscow lần nữa vào ngày 22-11-1957, ra tuyên bố chống chủ nghĩa "xét lại" của Tito. (Chính Đạo, *Việt Nam niên biểu 1939-1975*, tập I-C: 1955-1963, Nxb. Văn Hóa, Houston, 2000, tr. 117-118. Viết tắt: CĐ, I-C, sđd.tr.)
5. Thụy Khuê, "Hồ sơ Nhân Văn Giai Phẩm" http://members.aol.com/vnbook6/lib54.htm
6. Maurice Durand, hội viên trường Viễn Đông Bác Cổ, cùng với Pierre Huard, hội viên danh dự trường Viễn Đông Bác Cổ, viết sách *Connaissance du Việt-Nam*, do trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội ấn hành năm 1954.
7. Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại* [gồm 5 tập, đánh số trang từng tập], Nxb. Tân Dân, Hà Nội, 1942, quyển 4, tập hạ. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, in lại thành 2 tập, đánh số trang liên tục, tr. 1118.
8. Bùi Diễm, *Gọng kìm lịch sử, Hồi ký chính trị*, Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai, Paris, 2000, tt. 85-88.
9. Chính Đạo, *Việt Nam niên biểu nhân vật chí*, Văn Hóa, Houston, 1997, tr. 105. Đỗ Đình Đạo là anh ruột của học giả Đỗ Đình Thạch hay Pierre Đỗ Đình.
10. Theo lời kể của ông M.Đ.N., hiện ở Toronto, người đã tận mắt đọc hồ sơ về vụ bà Thụy An, được chuyển từ tòa Thượng thẩm Hà Nội vào tòa Thượng thẩm Huế. Ông N. kể rằng khi đến Hải Phòng để đưa xuống tàu vào Nam, bà Thụy An xin phép người áp tải đi đường, cho bà đi vệ sinh, rồi bà trổ nóc nhà vệ sinh trốn mất.
11. *Nhân Văn* số 1, HàNội, 20-9-1956, bđd.
12. *Nhân Văn* số 4, Hà Nội, 5-11-1956. Tài liệu Internet: http://members.aol.com/canhen/nhvan13.htm
13. Cho đến nay, năm 2001, chế độ cộng sản ở Việt Nam vẫn chưa hoàn chỉnh được pháp luật; thương gia nước ngoài đều lên tiếng phàn nàn về việc luật pháp không rõ ràng gây quá nhiều phiền hà cho công cuộc đầu tư.

TÌM ĐỌC

Chuyện dài vượt biên

CHỌN LỰA

của ĐÀO VĂN BÌNH

- Để nhớ lại những cảm giác kinh hoàng khi giã từ Sài Gòn xuống tàu vượt biên!

- Để nhớ lại những ngày tháng không thể quên trên đảo Bidong và trại Bataan!

- Để nhớ lại những mối tình đã bỏ quên khi có list rời trại!

Giá bán 15 mỹ kim
(kể cả cước phí gửi)
Chi phiếu mua sách xin đề:
Bùi Thị Ngọc-Nga
P.O. Box 1808
San Jose CA 95109 - USA

SÁT NHI VÀ SÁT NỮ NHI

(Infanticide and Female Infanticide)

NGUYỄN PHÚC BỬU-TẬP

(Tiếp theo và hết)

Sát nhi tại Trung Hoa

Bây giờ ta tìm hiểu vấn đề sát nhi tại Trung-Hoa, xem người Tàu gần gũi với ta hơn, đã giết hài nhi như thế nào?

Cuối thế kỷ Mười-chín, lúc người Tây phương bắt đầu khai thác nhượng địa tại nước Trung-Hoa, một người Pháp, Công tước Charles de Harlez, nghiên cứu vấn đề sát nhi trong nước Tàu, để lại cuốn sách *"L'Infanticide en Chine d'après les Documents Chinois"* (Sát nhi tại Trung-Hoa theo Sử sách Trung-Hoa), ghi rất rõ các sự kiện và các bổn luật lệ định hình phạt về tội sát nhi. Tác giả của bài khảo sát nhỏ này không có phương tiện tìm đọc được tác phẩm trên, chỉ được hiểu một phần qua một cuốn sách khác *"Le Culte des Morts dans le Céleste Empire et l'Annam"* (Đạo thờ cúng ông bà tại Thiên quốc và tại Annam) của Bounais và A. Paulus (Ernest Leroux, Paris 1893), có trích dẫn và giảng giải vài chỗ của Charles de Harlez mà trong vài đoạn sau ta sẽ có dịp duyệt lại.

Sát nhi ở Trung-Hoa? Mới thoạt nghe hình như mâu thuẫn, vì nền tảng đạo lý Trung-Hoa dựa trên ý niệm nhân ái của đạo Phật. Con giun cái kiến ta còn phải yêu thương huống chi hài nhi mình sinh ra sao lại đem giết đi? Nền tảng đạo lý Trung-Hoa còn dựa trên chữ hiếu của đạo Khổng, làm con phải hết lòng phụng dưỡng cha mẹ. Mà cha mẹ muốn được con phụng dưỡng thì phải giữ con, sao lại giết con?

Vì vậy nên khi mới có cuộc tiếp xúc giữa Đông và Tây - cuộc tiếp xúc khởi đầu với các phái bộ truyền giáo Cơ đốc, xảy ra một cuộc tranh luận sôi nổi giữa những người đi từ Trung-Hoa trở lại Âu châu phổ biến tin tức người Tàu sát hại trẻ sơ sinh, và một số người khác đề cao văn minh nhân ái và hiếu đạo của Trung-Hoa cho rằng các nhà truyền giáo xuyên tạc sự thật. Một người tu sĩ Bắc Âu Mathieu Moye hoạt động ở đất Triều Châu thành lập hội đoàn *Oeuvre angélique* (Sứ mệnh thiên thần), đi lượm hài nhi bỏ rơi về rửa tội và nuôi dưỡng. Trẻ sơ sinh phần đông không sống được vì vứt ngoài lộ bị đói khát và thú vật cắn xé, gặm nhấm. Công cuộc từ thiện này được một nhà truyền giáo uy danh là ông Tổng giám mục Forbin-Janson tiếp trợ, thành lập chi nhánh ở Âu châu *Association de la Sainte Enfance* (Hội Con trẻ Hài đồng), thuộc đạo Gia-tô, tổ chức cuộc quyên góp lớn tài trợ cho bên Tàu.

Một nhà viết báo người Anh, ông Medhurst dẫn chứng những người sinh sống lâu năm tại Trung-Hoa như gia đình Philastre và Eugene Simon, công kích việc làm của nhà thờ đạo Gia-tô, cho rằng hiện tượng sát nhi chỉ là một vài biến cố họa hoằn xảy ra trong những vùng hẻo lánh cơ cực, không thể phóng đại để lập hội quyên tiền.

Đó là điểm khởi đầu tranh luận, đượm màu tôn giáo (hai phe truyền giáo Gia-tô và Tin-lành) lan dần qua lãnh vực xã hội chính trị (người Pháp và người Anh vẫn thù nghịch nhau). Ngày nay ta lược lại, rất bổ ích vì biết rõ thêm được hiện tượng xa hội sát hại hài nhi xảy ra ở Trung-Hoa ra sao.

Phía buộc tội, ta phải kể trước Phái bộ Thường trực của nước Anh tại Bắc Kinh. Tây phương khai thác tình trạng phân hóa của nước Tàu vào cuối thế kỷ Mười-tám. Dựa vào súng ống, người Anh cử phái đoàn do Huân tước Lord Macartney cầm đầu đến ép nước Tàu mở cửa buôn bán và nhượng đất. Phái đoàn lưu lại một phái bộ thường xuyên do

huân tước John Barrow lãnh đạo. Barrow là một nhà văn, lại được vị giáo sĩ Abbé Huc và một nhân viên rất hoạt động là Thomas Milne xông xáo giúp đi điều nghiên tình trạng sinh hoạt của người Tàu. Ba tác giả để lại ba cuốn ký sự (Barrow: *Relations*; Abbé Huc: *The Chinese Empire*; Milne: *Real Life in China*). Cả ba đều xác định hiện tượng sát nhi "rất thông thường trong xã hội Trung-Hoa, và hầu như đương nhiên (đâu cũng có và lúc nào cũng có)."

Một tác giả khác, người Pháp Roger de Beauvoir viết cuốn ký sự *"Java, Siam, Canton,"* mô tả tỉ mỉ: tại Quảng-Đông, tác giả thấy tận mắt "bảy hài nhi hấp hối mới được nhặt về; đứa bị bịnh cùi, một đứa chân tay đã bị đông thành đá, một bé bị một cây dao đâm vào hông." Beauvoir ở lại thêm một tuần đi xem xét các viện dục nhi, đếm được 250 trẻ sơ sinh mới được nhặt về "vài đứa còn mạnh khỏe, phần đông đói và bệnh xanh xao, và mươi, mười lăm đứa đã chết cóng." Hình như trước khi đem cho nhà thờ để nhận lãnh chút ít trợ cấp (hài nhi sẽ được rửa tội, và cha mẹ nhận được chút tiền), "cha mẹ chúng đã cho uống độc dược cho sớm chết." Beauvoir còn kể lại chính mắt đã đọc được một bổn thống kê của một tổ chức dưỡng nhi, trong năm trước đã nhặt được 4883 hài nhi riêng trong tỉnh Quảng-Đông.

Trong một số *"Annales de la Propagation de la Foi"* (Kỷ yếu Truyền giáo) của Giòng Tên (Society of Jesus), xuất bản tại Macao có đăng lời tự thuật của một tín đồ được nuôi dưỡng trong tu viện và về sau đi tu: "Tôi sinh năm 1815. Lúc tôi đầy tháng, mẹ tôi tắt sữa. Cha tôi đã có hai con trai trước và tin chắc đã có người nối dõi, từ chối không cho mẹ tôi nuôi một người vú sữa, mặc dù gia đình giàu có thừa sức. Cha tôi ra lệnh vứt bỏ tôi ngoài đường mương xa chợ, bên đường cái quan..."

Nhà thờ Gia-tô, phần nhiều người La tinh (Pháp, Y-pha-nho, Bồ-đào-nha...) lại còn dẫn chứng các tác giả Bắc-Âu Anglo- saxon, như Barrow, Milne (đã nói tên) và còn mượn ngay tài liệu của tòa Đại sứ Anh quốc để chứng minh người Tàu sát hại hài nhi. Các tổ chức Tin Lành lập cô nhi viện ở Thượng Hải không cho cha mẹ đến thăm viếng. Chính phủ Trung-Hoa can thiệp, và đại sứ Anh, ông Wade, trong một công hàm ngoại giao, trả lời: "Hầu hết cô nhi (do chúng tôi) nuôi dưỡng đều không có cha mẹ, thân thuộc. Chúng đã hoàn toàn bị bỏ rơi. Bất cứ trẻ nào trong bọn cũng đã bị vứt ngoài đường chờ chết, và được cô nhi viện nhặt về."

Nhưng có lẽ ta nên tạm gác cuộc tranh luận giữa hai bên La tinh, đạo Gia-tô và Anglo-saxon, đạo Tin lành nơi đây, để đi tìm chút ít tài liệu của chính người bổn xứ Trung-Hoa nói về sát nhi. Ở đầu bài này, ta có nói đến cuốn sách của Bounais và Paulus nghiên cứu về đạo thờ cúng gia tiên tại Trung-Hoa và Việt-Nam. Sách dẫn một tập truyện luân lý Trung-Hoa rất phổ thông gọi là *"Khánh yêm biên"* thuật lại việc thưởng phạt khi hành thiện và hành ác trong đời người. Sách viết "kẻ hung ác phạm tội phá thai hay

Trẻ sơ sinh bị vứt bỏ trên một đường phố ở Trung Quốc

sát hại hài nhi sẽ làm cho Đất Trời phẫn nộ và giáng họa." Và kể lại chuyện một người giàu có tại Hồ Bắc, tên là Youn-sieon (không dẫn phiên âm chữ Hán), sống về đời Tống. Y tích lũy được bốn trăm nghìn lượng bạc, sanh được bốn người con với người vợ chính thất, và trong nhà khi người tì thiếp nào sanh con, y đều ra lệnh đem chôn sống đứa bé sơ sinh. Đang giữa bữa ăn, y bị sét đánh chết. Truyện kết luận: "Ngày nay biết bao nhiêu người mẹ vô lương trị sanh con ra trốn bổn phận không nuôi; và sợ không có hồi môn để gả chồng, nhận con chết chìm trong chậu sành. Các bà mẹ đó phải được trời đất trừng phạt như

Youn-sieon.

Một cuốn sách Trung-Hoa khác, *"Thái y lục"* xuất bản năm 1869, xác nhận tệ đoan sát nhi rất thông thường trên lục địa nước Tàu, và tại nhiều nơi đã có tục lệ chỉ nuôi mỗi gia đình một cháu gái; sanh thêm, đem bỏ chết, như ở Hồ Nam, Hồ Bắc, Quảng Tây, Quảng Đông, Chiết Cương. Tác giả "Thái y lục" dẫn chứng lời khẳng quyết của nhiều nhân sĩ và cả đến một vị ngự sử trong triều vua Quang tự nhà Thanh (Bounais dẫn sách của Charles de Harlez).

Đến bây giờ ta không còn lý do nào để nghĩ là thờ Gia-tô đã buộc tội xã hội Trung-Hoa sát nhi với dụng ý xuyên tạc đem trẻ con rửa tội và nuôi dưỡng để trở thành tín đồ. Thật ra ngày đó nhà thờ bị mang tiếng vì cũng đã làm nhiều điều thái quá và vụng về. Năm 1851, ông Giám Mục Perrocheau bỏ ra 100 quan tiền Pháp làm giải thưởng cho các nhà bảo sanh, ban nước thánh và rửa tội được 400 hài nhi, và báo cáo về Tòa thánh Vatican.

Dù sao, sự thật về hiện tượng sát nhi đã quá rõ ràng. Ta phải giải thích như thế nào cái hành động man rợ của người Tàu mà cha ông ta ngày trước ngưỡng mộ? Ta trở lại lấy tài liệu chứng từ của người phương Tây. Cũng trong một số *"Kỷ yếu truyền giáo"* (sách đã dẫn) một ông linh mục thuộc giòng Tên, cha Pingrenon viết: "Phải nói minh bạch là trên toàn quốc nước Tàu, và vào thời kỳ nào cũng vậy, không có việc cha mẹ giết hài nhi. Đã ba năm nay tôi sống trong vùng này, tôi chưa bao giờ thấy một hài nhi bị ruồng bỏ. Nhưng cũng phải nói cho rõ là trong ba năm qua tôi hành sự trong các họ đạo dân tình khá giả. Ngày nay tôi được đưa về hoạt động tại các họ đạo nghèo kém, tôi được mục kích người nghèo bỏ con rất thông thường".

Bổn tự thú của ông lão sống trong Giòng Tên ta đã đọc ở trên cũng nói tiếp: "(Cha tôi cho lệnh vứt tôi ra ngoài đường mương...) nhưng xin quí vị đừng ngạc nhiên vì hành động của cha tôi. Trong vùng tôi sinh trưởng, gia đình nào cũng làm vậy. Tại Sơn Tây không những riêng các gia đình nghèo khó, mà ngay trong các gia đình khá giả, khi trong nhà đã có dăm ba đứa con, hài nhi mới sanh ra sau đều bị bóp cổ hoặc nhận nước cho chết. Chỉ những gia đình thật giàu sang phú quý mới làm ngoại lệ (sinh bao nhiêu, dưỡng bấy nhiêu)."

Một nhân vật khác đáng tin cậy là Công tước de Rochechouart đã sống lâu năm tại Trung-Hoa và đã từng làm Đặc sứ toàn quyền của nước Pháp, để lại cuốn hồi ký *"Pékin et l'Intérieur de la Chine"* (Bắc kinh và vùng nội địa Trung-Hoa), trong đó có đoạn về sát nhi như sau: "Bảo là người Trung quốc sát hại hài nhi là hoàn toàn sai. Nhưng ta phải hiểu là trong một xứ mà nghèo đói đã đến mức vô cùng vô tả, từng lớp người phải ăn lá cây, ăn vỏ cây để sống từng ngày, nếu cha mẹ bị đẩy vào tình thế phải bỏ con, họ đã đến trạng huống bần cùng bất đắc dĩ chấp nhận cái triết lý nói cho cùng, phải bị cấm đoán trong mọi xã hội con người còn có chút luân lý lương tri. Người Tàu biết là đem hài nhi vứt ngoài lộ tức là đẩy chúng vào chỗ chết, vì súc vật như chó mèo heo lợn, cả chim muông nữa sẽ đến rúc rỉa, ăn thịt đứa bé sơ sinh. Nhưng từ đó mà bảo người Tàu không biết thương con là sai. Thú vật còn thương con, nữa là con người. Nghèo khổ và cơ hàn tột mức đã đưa con người tới trạng huống đó. Vả lại tôi còn biết là các bà mẹ Tàu thường đem con đặt tại các nhà thờ Cơ-đốc..."

Nguyên nhân chính của thảm trạng sát nhi là đói. Ngày nay thế hệ của con chúng ta di cư được may mắn sống trên đất hứa Hoa Kỳ, không còn biết đói là gì, và đó là điều hạnh phúc vô song cho người trẻ. Những người như tôi, cách đây hơn sáu mươi năm, phải trải qua trận đói kinh hoàng đầu thập niên Bốn mươi tại miền Bắc Việt-Nam do thiên tai và do chiến tranh Nhật-Bổn gây ra. Tôi không bao giờ quên được cái cảnh tượng ngồi trên chuyến tàu xuyên Đông-Dương, đi từ Thanh Hóa vào Nam, qua vùng Hà Tĩnh và Quảng Bình. Hàng nghìn, hàng vạn người bò lê lết từ mọi nơi đến nằm bên cạnh đường sắt, hy vọng bám được tàu đi xuống phía Nam có gạo. Tàu không đỗ, họ nằm chết như rạ bên đường sắt, ruồi bâu kiến đậu, mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Gần đây ta đọc tin Cọng Sản quay ra nịnh bợ chính phủ Nhật để kiếm viện trợ, không dám theo các nước Đông Á tuyên bố lên án chiến tranh Thái Bình Dương và việc người Nhật thay đổi sách dạy lịch sử ở Nhật. Thế mà ngày trước họ kêu gọi dân chúng "diệt Phát xít Nhật" đấy!

Ở trên, ta đã xác định sát nhi là hiện tượng xảy ra thường ở Trung-Hoa. Ta cũng đã nghe giải thích lý do. Vài vấn đề khác cần được tìm hiểu rõ hơn, chẳng hạn cách thức người mẹ

giết hài nhi.

Ngoài ra, ta cần phân biệt rõ sát nhi với việc tử vong của hài nhi sơ sanh và trong mấy tháng mới sanh. Trước khi tiếp xúc với phương Tây, ý miệm bệnh tật và vệ sinh ở Á đông còn rất mơ hồ. Người mẹ sanh ba đứa con không chắc đã giữ được một. Nhiều trẻ sanh ra đã chết, mẹ không cần giết bé để mang tội sát nhi. Lại nữa, sát nhi đã là một tập tục không riêng người mẹ muốn bỏ con, mà những người chung quanh trong gia đình, vì các lý do đã dẫn, thường giúp người mẹ bỏ con. Thông thường nhất, tại Trung-Hoa ngày xưa, theo Bác sĩ Abel Hureau de Villeneuve viết trong sách *"De l'Accouchement de la Race jaune"* (Sanh đẻ của Giống da vàng), người đàn bà sanh đứng, có một hay hai người đỡ đẻ xốc hai vai giữ thế đứng. Hài nhi được hứng trong một chiếc chậu đựng nước ấm, để luôn thể tắm gội đứa bé. Cách giết hài nhi giản tiện nhất là cho bé mới sanh chết ngộp trong chậu nước, báo cho hàng xóm rồi đem chôn. Khi sanh hài nhi ngoại hôn, cần giữ kín tiếng tăm, bà mụ chính là mẹ cô gái.

Ngày trước, người Anh hoàn toàn làm chủ nước Ấn-Độ. Do đó họ tự do mở những cuộc điều nghiên (có tính cách khoa học) như vấn đề sát nhi, và ngày nay ta có tài liệu rõ ràng để tham khảo. Người Trung-Hoa bị hiếp đáp nhưng không mất hẳn quyền tự chủ. Vì thể diện quốc gia, sát nhi không được công khai thừa nhận là một hiện tượng xã hội; sĩ phu Trung-Hoa ngày đó cũng không dùng các phương pháp điều nghiên chính xác, cho nên người đến sau như chúng ta chỉ hiểu được vấn đề một cách sơ lược. Trên nguyên tắc, chế độ Cọng sản phải chuộng các cuộc điều nghiên về khoa học xã hội. Chúng ta hy vọng sẽ được có dịp tham khảo những tài liệu mới về sát nhi tại Trung-Hoa.

Thảm trạng sát nhi thường đi song song với một tệ đoan xã hội khác là việc chà đạp nữ quyền, rẻ rúng người đàn bà. Ở Trung-Hoa

ĐYNH TRẦM CA

NHỮNG PHIÊN KHÚC VỀ HẮN

1. Trong thành phố:

Có thằng buồn quá
để tóc thật dài
đi hoài ngoài phố
buổi chiều và buổi mai
nhiều người đã hỏi hắn
- mày để tóc chi dài?
- đâu đã dài bằng nỗi
nỗi đau dân tộc này!...

2. Ngoài biển đêm:

Có thằng buồn quá
hay hát một mình
ngoài vùng biển đêm
lời vang vang trong gió
- xin một đời nguôi quên
xin nghìn đời nguôi quên!...

3. Ngoài bờ sông:

Có thằng buồn quá
ra ngồi ngoài bờ sông
nhìn bóng chao dưới dòng nước
ngỡ có người cảm thông
(mừng quá đỗi!...)

4. Trong bóng tối:

Có thằng buồn quá
ngồi ăn trái tim mình
rồi ôm bóng tối
rũ cười như điên!...

5. Và sau cùng:

Có thằng buồn quá
bỏ nghề làm thơ
về khoét hết hai con mắt
thấy đời là hư vô...

cũng như ở Ấn-Độ, các tài liệu đã dẫn chứng mặc nhiên làm cho ta hiểu hài nhi vô tội bị giết thường thuộc phái nữ. Các đề mục khảo cứu trong khoa học nhân văn và xã hội Ấn-Độ hầu như không nói tới sát nhi chung cho nam nữ mà hướng về *sát nhi bé gái* (female infanticide / l'infanticide des filles).

Văn kiện Trung-Hoa gắn kết việc sát nhi với ý niệm luân lý thờ phụng gia tiên. Mà đã nói tới việc nối dõi để thờ phụng thì người đàn bà (nữ sinh ngoại tộc) bị loại ra ngoài, cho nên vào lúc khủng hoảng (tai ương, đói khát, chiến tranh...) người làm cha mẹ Trung-Hoa bỏ tất cả để giữ cho được món của quý nhất là đứa con trai, con gái đương nhiên bị loại bỏ.

Ngoài lý do tín ngưỡng, còn một số lý do khác khiến người Á đông sát hại hài nhi phái nữ. Trước, phải kể địa vị thứ yếu (hầu như là tôi đòi) của người đàn bà trong gia đình và trong xã hội. Dân Ấn-Độ và Trung-Hoa - ngay cả bây giờ - sống về nông nghiệp, chuộng sức mạnh cày sâu cuốc bẫm của người đàn ông. Ở tầng lớp cao hơn trong nấc thang xã hội, người đàn ông cáng đáng những công tác giáo dục, thương mãi, kinh tế, chính trị và người đàn bà bị khép kín sau cánh cửa gia đình. Tại Ấn-Độ còn những tập tục cổ hủ quá nặng nề như tảo hôn (lấy chồng sớm lúc chín mười tuổi) và hồi môn (suốt đời cha mẹ làm lụng vất vả hoặc đi vay mượn cho con gái có của đem về nhà chồng). Tại Trung-Hoa cũng tảo hôn, cũng mối lái, đổi chác cho con gái lấy chồng, thành ra đứa bé gái sơ sinh trở nên một mối họa cho gia đình (Đọc *"Giáo lý nhà Phật và Nữ quyền"*, Nguyễn phúc Bửu-Tập, 1994).

Lý do kinh tế và xã hội vừa nói lại được các dữ kiện nhân số yểm trợ. Trước khi thực hành được các cuộc kiểm tra dân số tương đối đích xác sau Thế chiến Hai, người Tây phương phỏng định các dữ kiện dân số Trung-Hoa qua các tài liệu trong nhà thờ, trong họ đạo. Họ tin rằng vì Trung-Hoa có chế độ đa thê, và vì số sinh người nữ (55 phần trăm) cao hơn số sinh người nam (45 phần trăm), số người đàn bà lúc nào cũng thặng dư, đặc biệt ở các tỉnh vùng duyên hải, như Phúc Kiến, Quảng Đông, vì dân trai tráng di cư qua hải ngoại như Nam-Dương. Mã-Lai-Á, Đông Dương... tìm sinh kế. Sát hại hài nhi phái nữ là một phương tiện giải quyết thặng dư đàn bà.

Tín ngưỡng dị đoan cũng là một nguyên do để sát hại hài nhi phái nữ. Bé gái sinh ra không khóc xem như là điều bất thường, phải đem bỏ ngay không nuôi; bé gái sinh ra có răng xem như lớn lên sẽ cắn xé giết cha mẹ, phải bỏ đi không nuôi... Bao nhiêu điều tin tưởng xằng bậy là bấy nhiêu lý do để giết hại trắng trợn sinh mạng bé gái hài nhi vô tội.

So sánh với nam nhi, nữ nhi chỉ được may mắn hơn một chút là vào những năm chiến tranh loạn lạc, đàn ông con trai bị bắt đi lính, chết bỏ thây trắng đồng. Thi hào vĩ đại của nước Tàu, Đỗ Phủ có câu thơ cay đắng và mỉa mai số phận trai gái:

Tín tri sinh nam ác
Phản thị sinh nữ hảo
Sinh nữ do đắc giá tỷ lân
Sinh nam mai một tùy bách thảo.

Một ông lang Tây người Việt, nặng nghiệp văn chương, dịch:

Sinh trai khổ tối đa
Sinh gái số còn khá
Lớn lên gả bán được gần nhà
Còn trai mất xác, không mồ mả.

(Binh xa hành, trong *"Đường thi Tinh hoa III"*, Bác sĩ Nguyễn Huy Hùng, Văn Học, Houston, 1994).

Cụ Hoàng Duy Từ dịch:

Sinh trai khổ mẹ khổ cha
Thà sinh con gái thế mà lại hay
Sinh gái được gả ngay lân cận
Sinh trai trai đành vùi lấn cỏ cây...

(*Đường thi Tuyển dịch*, California 1988)

Có lẽ tìm suốt trong kho tàng văn học cổ điển Trung-Hoa, chỉ có câu thơ này ca tụng việc sinh gái. Và ta dừng bài viết về sát nhi - sát nữ nhi nơi đây, trên một điểm tươi mát về số phận của hài nhi con gái, của người đàn bà Đông phương.

Bài lược khảo về sát nhi này, muốn đầy đủ, phải trả lời thêm hai câu hỏi tất nhiên ở đoạn cuối. Một là ở Việt-Nam ta, đặc biệt ở miền Bắc, nơi mà một số tập quán chịu ảnh hưởng của người Tàu, có thảm trạng sát nhi hay không? Hai là hiện tượng sát nhi xảy ra khắp nơi trên hoàn vũ, đặc biệt ở Á đông, sát nữ nhi nặng hơn, vì lý do kinh tế (nghèo đói) và lý do xã hội (chà đạp quyền sống của người đàn bà). Phong trào nữ quyền đã và sẽ làm được gì để chận đứng cái tập tục man rợ này? Đó là một đề tài rất bổ ích ta hy vọng cùng tìm hiểu trong một cơ hội sau.●

Nguyễn Phúc Bửu Tập

TÂM TÌNH NGƯỜI THIẾU PHỤ

NGUYỄN TẤN HƯNG

Kể từ ngày Xa Cảng miền Tây được thành lập ở mũi dùi Phú Lâm và Xa Cảng miền Đông được xây cất ở ngã tư Hàng Xanh, ngoài tắc-xi, xích lô máy, xích lô đạp, và Honda ôm, ngành chuyển vận hành khách bằng xe Lam ba bánh đã phát triển mạnh mẽ. Xe đò, xe lô ở miền Trung cũng như ở Lục Tỉnh không còn được phép léo hánh, bẹo hình bẹo dạng trên các nẻo đường hoa lệ dọc ngang, ngang dọc của thủ đô nữa. Quang cảnh xung quanh bến xe An Đông, bến xe Chợ Lớn càng ngày càng xơ xác, tiêu điều.

Mặc dầu Hồ Điệp và con nàng, thằng nhóc An, khởi hành từ tờ mờ sáng đầy sương, nhưng sau hơn một tiếng đồng hồ ngồi xe lô từ Mỹ Tho lên Sài Gòn, bây giờ, mặt trời đã lên cao. Những tia nắng chói chang đang rải tung tóe khắp ruộng đồng, phường xóm như muốn báo hiệu là thêm một ngày hè nóng nực nữa lại sẽ đến. Phản chiếu từ góc cạnh của những căn phố lầu mới cất bao quanh vòng đai và những chiếc xe đò sơn đủ màu xanh đỏ trắng vàng, thỉnh thoảng lóe lên một vài ánh hào quang pha sắc tím, sắc hồng vô tình đập mạnh vào những con mắt đang còn gật gù, ngái ngủ vừa mới tỉnh giấc, hoàn hồn bởi những tiếng động ồn ào náo nhiệt, vang dội bên tai.

Quả thật chẳng khác nào như một cái chợ, chợ đời. Đủ hết mọi hạng người. Không thiếu những tay thầy chú mặc trọn bộ veston ba mảnh, những cô nương gấm vóc lụa là, quần nhung áo nhiễu, cùng những hàng túi vải áo ôm, những đứa trẻ rách rưới lang thang không cửa không nhà, cũng như những tên ăn mày run run đói khát, bị mang gậy chống... Có đứng trước cảnh kẻ ở người đi, tới lui nườm nượp như vầy mới thấy hết cái hình ảnh muôn mặt, nghìn phương của cõi ta bà, trần tục này. Ở đây, ngoài khí trời oi ả, nóng bức lại còn thêm nực nồng mùi bon chen kiếm sống, giựt giành nhau từng phút từng giây...

"Về đâu cô Hai? Lên đây tui đạp cho một vòng khỏi đi bộ mỏi chưn!"

"Sài Gòn, Chợ Lớn... Sài Gòn, Chợ Lớn hông? Đi xe tui đi, tui tính giá rẻ cho!"

"Chị Hai về đâu, chị Hai? Lên xe 90 này em chở chị đi lẹ hơn!"

Mèn ơi, xích lô máy, xích lô đạp thì được chớ xe Honda ôm mà mời mọc cái nỗi gì, Hồ Điệp tự nhủ! Chỗ đâu mà ngồi, và chỗ đâu mà chất cho đủ? Bộ không thấy hai giỏ xách đầy ắp đồ đạc và thằng con trai cưng của nàng

đang lửng cửng chạy theo mình hay sao, Hồ Điệp cười thầm cho mấy chú em còn trẻ dại. Phải chi ai đó có xe nhà, xế hộp thì đỡ cho nàng biết mấy! Cũng tại mình thôi, nàng nghĩ, mấy lần rồi Hiếu bảo đi học lái xe mà nàng cứ vẫn không chịu. Không dám thì đúng hơn. Để giờ đây đành phải bỏ chiếc xe La Dalat nằm chèo queo trong sân trước, bước lên xe đò, xe lô đi quá giang với người ta.

Không thèm trả lời trả vốn gì với ai hết, Hồ Điệp khệ nệ xách hai giỏ đồ tà tà tản bộ đến bến xe Lam đi Xa Cảng miền Đông. Người chủ xe thân mật đón khách:

"Lên đi cô, xe sắp chạy rồi..."

Nữa, lại nói nghe ngon vậy chớ sắp chạy đâu mà sắp chạy? Mới có nửa xe, bốn người, hai người đàn ông và hai người đàn bà. Kể luôn cả nàng là năm. Xe chạy theo chuyến thì phải đầy khách mới rời bến, ai mà không biết chớ? Hồ Điệp đỡ An lên trước, đặt hai giỏ đồ ngay giữa sàn xe rồi mới vén áo dài, đặt mông lên băng ngồi cạnh hai cô gái. Nhìn quanh toàn là người lạ, thằng nhóc An không dám ngồi riêng một mình cho dù kế bên, khe ne khúm núm vạch đùi mẹ xà vô lòng. Ừa, trước sau gì cũng phải vậy thôi, nàng ngẫm nghĩ. Mua thêm một vé nữa cho con thì cũng được nhưng hơi kỳ kỳ, có vẻ... học làm sang không đúng chỗ. Vì nếu là người có tiền thì họ sẽ không đi xe Lam mà gọi tắc-xi trả giá theo giờ hoặc theo cây số.

Từ xa bỗng có bà bạn hàng tuổi sồn sồn, mặc bộ đồ bà ba đen, đầu quấn khăn rằn hường, miệng ăn trầu môi hồng cắn chỉ..., bang bang đi tới. Đặt nhẹ đôi gióng thúng không đang quảy trên vai xuống đất, bà ta mở miệng nói oang oang:

"Nè, nhớ ràng cho chặt nghen Bảy! Mầy làm bay lần nữa là tao bắt đền đó!"

Gặp khách quen, ông tài xế lẳng lặng, nhanh nhẹn làm công việc của mình, bê bộ gióng thúng chất lên mui, ràng rịch cẩn thận cho bà bạn. Trong khi đó, bà ta lại quay sang Hồ Điệp, nói tiếp:

"Cô làm ơn cho tôi ngồi ngoài bìa nầy đặng tôi dễ phẹt cổ trầu!"

Lạ lùng chưa, sao băng bên kia còn trống lổng trống trơn mà bả không kêu người ta nhường chỗ? Mình có con nhỏ, ngồi phía ngoài là phải thế rồi! Hừm, hay là bả cũng ngán mấy tay đàn ông? Hoặc giả, bả muốn phẹt cổ trầu vô lề chớ không muốn phẹt ra giữa đường? Thôi kệ, từ đây lên ngã tư Hàng Xanh cũng chẳng bao xa. Nghĩ vậy, Hồ Điệp xích xích vào trong.

Nhưng mà, tuồng như được nước làm tới, bà bán hàng lại tiếp tục phàn nàn, dạy dỗ:

"Sao cô không nói thằng Bảy để mấy giỏ đồ nầy lên mui xe cho trống chỗ? Để ở đây làm sao người ta lên xuống?"

Hơi do dự ngập ngừng, nhưng Hồ Điệp cũng phản ứng lại:

"Dạ, ở trong giỏ toàn là đồ ăn không hà... Để ở trên mui gió, bụi..."

Như bị ai chọt lét, bà bán hàng cười ngất ngất:

"Trời đất, dưới thế gian nầy thì ở đâu mà hổng gió, hổng bụi?"

"Gió bụi hồng trần," Hồ Điệp cảm thấy "quê quê" với lời lẽ có vẻ "xác đáng" của mụ bán hàng. Nhưng rồi, cũng may, bả chẳng đòi hỏi gì thêm nên nàng cứ dửng dưng ngồi yên, không thèm đá động gì tới hai giỏ xách...

Hừ, phải biết ở trong hai cái giỏ đó toàn là "cao lương mỹ vị" do chính tay nàng lựa chọn, làm lấy. Nào là gà rô-ti cơm nếp, bánh hỏi thịt quay, bánh mì bì xá xíu, tép bạc rang dừa, mắm ruốc xào sả ớt với thịt ba rọi..., rồi hột gà tẩm bổ, trái cây tráng miệng đủ thứ như chuối hương, cam mật, mận hồng đào. Có chắt chiu lo cho chồng mới thấy là quí giá. Bà già bán hàng rong kia đâu có thấu nổi sự tình.

Nghĩ cũng hơi "tức tức" vì lúc Hồ Điệp cố tình đi một mình để dễ bề tâm sự thì lại bị người ta "bắt nạt, ăn hiếp." Mấy lần trước đi thăm Hiếu, chung với nàng, khi thì có má chàng, bà Ba Điểm, khi thì chị chàng, chị Kim Liên, hoặc giả em gái chàng, con nhỏ Kim Yến bạn học của nàng, chẳng thấy ai dám hó hé, xua đuổi một lời. Lần này khác, chỉ vì nàng muốn có những giây phút riêng tư với Hiếu mà bị người ta nói xéo, nói xiên. Ối, mà tranh hơn tranh thua làm gì với mấy bà dân chợ, tránh voi cũng chẳng xấu mặt nào, nàng nhủ thầm.

Thêm một cặp trai gái ra vẻ sang trọng, mô phạm vừa trờ đến. Người thì sơ-mi trắng thắt cà-vạt sọc nghiêng xanh trắng đỏ, kẻ thì mặc áo dài màu hường nhạt, làm nền cho những cánh hoa hướng dương vàng vàng thêu tay tổ bố, không biết là tình nhân hay đã nên vợ nên chồng. Tuy nhiên, Hồ Điệp cảm thấy như mình có thêm đồng minh. Vì, không phải là làm cao, song một mình mình... lịch sự, sạch sẽ ngồi giữa những người buôn gánh bán bưng, đầu tắt mặt tối kể cũng hơi lạc lõng. Lịch sự,

sạch sẽ ở đây cũng chỉ là bề ngoài thôi, nhờ sáng này nàng chịu khó tròng vô cái áo dài "ba-tít" trơn màu trắng vỏ hột gà. Chẳng lẽ đi thăm chồng mà mặc đại áo bà ba hoặc đồ bộ thì coi sao được?

Không kể hai người đến trước, được ưu tiên chiếm chỗ ngồi chung với chủ xe, chỉ riêng hai băng ở đằng sau, rốt cuộc rồi chẳng ai chịu ngồi xen kẽ. Mà là đàn ông ngồi với đàn ông, đàn bà ngồi theo đàn bà. Cái câu "nam nữ thọ thọ bất tương thân" lại được mang ra áp dụng một cách hết sức tình cờ. Bởi, chờ cho người con trai, rồi đến người con gái nhét đít vào chỗ trống xong xuôi đâu đó, bác tài liền nổ máy, rồ ga khởi hành ngay.

Tất cả mọi người đều vui vẻ bỏ lại sau lưng những náo động, những hơn thua của mảnh đất tứ chiến, giang hồ. Gió mát len lỏi phả vào lòng xe làm ai ai cũng thoải mái, dễ chịu hơn. Không buồn trao đổi với nhau một câu nào, mạnh ai nấy theo đuổi những ý nghĩ riêng tư của mình. Ngay cả thằng nhóc An cũng vậy, lén lén nhìn người nầy hết đến người khác mà chẳng dám hé môi. Cũng may là hai cô gái ngồi bên trong ốm nhom ốm nhách, dẹp lép như hai con khô cá lẹp nên thằng nhỏ có được một chỗ đứng vừa phải, tiện bề xoay trở.

Mãi cho đến khi đi ngang qua chợ cá Trần Quốc Toản mới có người lên tiếng. Chẳng ai khác hơn là bà bán hàng rong. Phẹt xuống lề đường một ngụm cổ trầu đỏ chạch như máu, bả bỗng phát thinh không:

"Hổng biết mắc chứng ôn gì mà mấy ổng lại cho lập ra cái chợ cá ở ngay giữa trung tâm thành phố như vầy? Hứ, vậy mà coi được! Ông đi qua bà đi lại, nếu không bịt mũi thì cũng thèm mùi đầu nhị thiên đường!"

Sau khi quẹt nhanh vào mũi mình một vệt mỏng, cô gái ngồi kế bên Hồ Điệp nhanh nhẹn chìa ra chai dầu, mời bà bán hàng:

"Dạ, bác xức một miếng hông?"

À, thì ra bà già cũng thính mũi thiệt. Bả lại muốn xức dầu ké, không mất tiền mua đây mà. Mặc dầu có nhiều cặp mắt đang ngó về chai dầu, nhưng bà ta vẫn cầm lấy, quẹt quẹt, xức xức rất là tự nhiên:

"Cám ơn cô. Mọi khi tui cũng hay bỏ theo một chai kè kè trong túi, vậy mà bữa nay lại quên."

Có lẽ để cho bả đỡ quê, người con gái nhanh nhẩu, lẹ miệng đáp gọn:

"Dạ, không có chi bác!"

Úi chà, bả biết mở miệng nói cám ơn thì cũng là... lịch sự ớn đó chớ, Hồ Điệp "khen" thầm. Nhưng ngay sau đó, á, nàng chợt nhận ra dường như mình có chút chút "ác cảm" đối với mụ già vô duyên này. Ấy chết, thân nghiệp hay ý nghiệp gì gì cũng đều mang tội hết. Thôi thì nàng cũng nên bỏ bụng nụ cười làm hòa và gác mọi chuyện liên hệ với bà già qua một bên...

Không giống Honda ôm, tắc-xi, xích lô máy hay xích lô đạp, hình như những chiếc xe Lam xuất phát từ Xa Cảng, miền Đông cũng như miền Tây, đều có một lộ trình riêng biệt. Ngoài những chiếc thay thế những chiếc xe buýt to lớn, cồng kềnh, hao xăng, nặng bảo trì trên những lộ trình cũ, phần lớn số còn lại chạy về các vùng ngoại ô lân cận Sài Gòn như Thủ Đức, Gò Vấp, Hốc Môn, Chợ Đệm, Nhà Bè, Cát Lái. Hoặc là nối liền hai Xa Cảng với nhau như chiếc xe Lam mà nàng đang đi. Vì chỉ thấy chạy thẳng một mạch theo đường Trần Quốc Toản, qua Trường Đua, Ngã Bảy, và tiếp nối sang đường Phan Thanh Giản qua bịnh viện Bình Dân, nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi rồi mon men ra xa lộ mà không ngừng nghỉ hay ghé vào một nơi nào.

Xui xẻo gặp chiếc xe cà tàng! Tuy nhiên cà rịch cà tang, ráng è ạch chạy xịt khói, thiếu điều muốn đứt hơi, gần cả tiếng đồng hồ rồi cũng tới nơi. Lại một vùng trời giang hồ, tứ chiến mới. Lại một cái chợ, chợ đời. Tuy không rộng lớn, sầm uất bằng cái kia nhưng những tiếng rao hàng, tiếng mời mọc khách, cùng những tiếng còi xe bóp inh ỏi liên hồi khắp đây đó cũng dễ làm mọi người nhức óc, điếc tai.

Sau cuộc đồng hành ngắn ngủi, tất cả hăm hở xuống xe và cũng theo thường lệ, chẳng ai buồn để ý đến ai. Tự động gom góp hành trang, đảo mắt ngó quanh một vòng tìm phương hướng rồi thẳng một mạch về những điểm đến không hẹn trước của mình. Hồ Điệp, cũng trong hoàn cảnh đó, thong thả dắt An đi lần lại một bến xe Lam khác. Người tài xế còn trẻ đã vui vẻ cất tiếng chào từ đằng xa:

"Một chỗ nữa thôi, một chỗ nữa thôi... Đi Thủ Đức hả chị Hai? Lên xe đi, xe chạy liền một khi..."

Thiệt tình, mình thứ ba mà ai cũng gọi cô Hai, chị Hai! Miệng nói chân chạy, anh ta hối hả đưa tay đỡ nhẹ hai túi xách đem chất gọn gàng trên mui xe. Hồ Điệp bồng bé An đặt đứng trên sàn xe trước rồi mới nhóng người, khòm lưng nhấn mông vào chỗ trống hẹp té

ngoài bìa. Tuy chật chội nhưng lại dễ thở hơn, nàng tự an ủi rồi ôm chặt con vào lòng. Kéo dây ràng rịch đâu đấy xong xuôi, không chần chờ thêm một phút một giây nào nữa anh tài xế rồ máy xe phóng ra đường cái. Tiếng máy nổ giòn tan... bong bong bong, như muốn chứng tỏ mọi thứ trên chiếc xe này đều còn mới cáu cạnh.

Trong im lặng, Hồ Điệp đưa mắt nhìn quanh một vòng. Ngoài ông lão râu dài tóc bạc, mặc bộ đồ bà ba nhục nhục tiệp với màu râu ngồi tuốt trong góc, đám còn lại toàn là lũ lốc chốc loai choai, trai có gái có. Dáng dấp sinh viên hoặc học trò nữa thì phải. Vì màu quần sắc áo tuy có phần sai biệt, nhạt phai lợt lạt, nhưng cũng là đồng phục. Áo trắng quần xanh đậm cho bọn con trai. Còn con gái, thông thường vẫn là áo dài trắng quần đen. Có điều không thấy đeo bảng tên. Có lẽ các cô cậu đang trốn học, vọt lên đây dạo mát các vườn cây Thủ Đức, thăm thú phong cảnh dọc bên suối Lồ Ồ, hoặc ngắm nhìn trời mây trên đỉnh núi Châu Thới?

Bỗng, cô gái ngồi kế bên Hồ Điệp bạo dạn gợi chuyện, hỏi thăm nàng:

"Chắc chị đi lên thăm ai ở quân trường Thủ Đức?"

Hồ Điệp định nói "cô đi lên thăm thầy," vì hơi hơi quen miệng, nhưng thôi. Nàng từ tốn:

"Ừa, chị đi thăm chồng chị! Còn mấy em đi đâu?"

Đứa con trai ngồi đối diện với nàng xía vô, nói chõm qua:

"Ủa, tụi em cứ tưởng mấy ông sinh viên sĩ quan Thủ Đức đều là mấy anh chàng độc thân vui tính không chớ. Ai dè, thì ra cũng có người có gia đình... Sẵn dịp có mấy giờ trống hổng có giáo sư, tụi em đi theo mấy cô bạn đây đi lên thăm mấy ông anh bà con của mấy cổ..."

Cho dù chẳng phải ngụ ý "chọc quê" gì nàng, nhưng lời nói bung khơi đó làm nàng cũng hơi ái ngại. Không riêng gì cho nàng mà cho cả Hiếu nữa. Vì mấy năm trước đây, khi có lệnh học tập quân sự, các giáo sư trung học cũng được gởi về trường Thủ Đức huấn luyện, song họ không những chỉ học có chín tuần mà còn được bổ sung, thành lập những đơn vị, những đại đội, những tiểu đoàn riêng. Bây giờ thì bất kể giáo sư, thầy bà, sư huynh, nghệ sĩ gì gì đều cùng chung một số phận. Độc thân hay có gia đình gì gì cũng đi chung một xuồng. Không phải chín tuần nữa mà là chín tháng chẵn. Kể như hơi non ngày non tháng vì thiếu đi mười ngày, nhưng các "con cá vàng" kia rốt cuộc rồi cũng sẽ được, không phải nở nhụy khai hoa, mà là đứt đuôi thành... thiếu úy gân. Chẳng biết Hiếu có đủ sức để theo kịp bọn trai trẻ hay không, nàng thầm lo!

NGUYỄN VĂN THỰC

TÔI YÊU LÒNG TÔI

Tôi yêu lòng tôi
Như yêu vạt nắng ngoài song trăn trở non sông
Và những tiếng sóng dội về từ điệp trùng thế kỷ
Những bóng người long đong theo vận nước
Âm thầm nối giòng lịch sử
Ở đấy có những tiếng cười ngày hội
Ở đấy có những tiếng trống trận giữa khuya
Mùa tái tê mùa máu lửa
Vẫn những vạt nắng bình yên
Rì rào ruộng lúa nương dâu
Chuông nhiệm mầu
Từ những cội nguồn chưa pha máu
Dâng đời mật ngọt chắt chiu
Nắng đã nằm đó rất lâu
Từ ngày mẹ Âu Cơ mang bầu
Trăm con ước nguyện thời gian không
Lịch sử cũng không
Đếm hạnh phúc bằng muôn bóng nắng
Nắng vẫn nằm đó thầm lặng
Từ những ngày tiếng thét xua quân
Bốn ngàn năm vẫn chưa về tổ ấm
Mắt những người đàn bà tô đậm hoàng hôn
Bốn ngàn năm vẫn chưa về tổ ấm
Trẻ thơ lưu lạc mười phương
Bóng nắng vẫn nằm đó bình an thềm cũ
Tôi yêu lòng tôi, tôi thương lịch sử
Đất Nước
Con Người của Đất Nước
Như bóng nắng chờ người thiên thu.

Đánh trống lãng, Hồ Điệp hỏi lại:

"Em có đi lên Thủ Đức lần nào chưa?"

"Dạ có, em đi nhiều lần rồi. Tuy nhiên, thằng nầy mới đi lần đầu."

Được bạn mở lời giúp, người con trai ngồi kế bên cũng không ngần ngại góp chuyện:

"Tụi em phải đi lên đó thăm dò, tìm hiểu trước. Để rủi vài ba năm nữa nếu học lên không xong thì tụi em cũng dễ bề tìm đường đăng lính, nhập ngũ."

Cô gái ngồi trong góc xen vào, hỏi cắc cớ:

"Anh đi rồi anh bỏ... con nhỏ hàng xóm cho ai?"

Đứa con trai trợn mắt, lườm lườm:

"Bỏ cho ai thì người đó biết, bày đặt hỏi tới hỏi lui..."

Cô hàng xóm? Cách nhau một giậu mồng tơi hay một dãy bàn đây? Ừa, một lối diễn tả người bạn gái cùng lớp cũng nên! Câu nói liếng thoắn giữa hai cô cậu đã gợi lên trong đầu Hồ Điệp nhiều câu hỏi liên quan đến thời mới lớn, tuổi cắp sách đến trường!

Tuổi trẻ bao giờ cũng hồn nhiên, vui vẻ cho dù là tuổi "ăn chưa no lo chưa tới" đi nữa. Những tiếng trả treo, cười đùa kia vô tình nhắc lại một thời đã qua của nàng ở thành phố Mỹ Tho bé nhỏ. Giờ chỉ còn đọng lại ở đáy sâu tiềm thức, lâu lâu được khơi dậy một lần. Ở đó, có những đứa bạn rất thân của mình, như Kim Yến, Cẩm Vân, Ngọc Lệ... đã từng gắn bó, sống chết có nhau. Và một lô bạn qua lại nhưng không thân lắm, đám con của các chủ tiệm như tiệm vàng Ngọc Quế, tiệm thuốc bắc Thọ Nam Đường, tiệm vải Mỹ Đạt Hàng và Tân Đạt Hàng, tiệm uốn tóc Ba-Lê, tiệm sách Hoa Việt, tiệm thuốc tây Lê Lợi, tiệm chụp hình Cảnh Trung, tiệm may Văn Minh, tiệm bán phụ tùng máy đuôi tôm Phạm Đức Nguyên...

Sở dĩ không thân lắm có lẽ vì bọn nó con nhà giàu, làm cao nên có phần cách biệt. Với lại, hình như đám con gái con nhà giàu không có đứa nào đẹp đẽ, sắc sảo. Từ thường thường đến coi được mà thôi. Vì, lẽ dĩ nhiên, chỉ có "cha mẹ cú" mới hi vọng "đẻ con tiên." Để rồi chẳng biết có phải bởi lý do không ai thèm dòm ngó mà trong số đó có vài đứa lại bỏ đi tu! À, hay là muốn gánh vác phần nào tội lỗi cho cha mẹ mình, đã một thời buôn bán làm ăn không được đàng hoàng, chân thật cũng không biết chừng? Vì miệng thì nói cứu nhân độ thế mà mắt thì chỉ nhìn thấy vàng vòng, hột xoàn. Vì chân thì hay đi chùa chiền mà tay thì lo tóm thâu, thu vén. Một cắc một xu cũng không màng bố thí cho những người nghèo khó, tật nguyền...

Xe đã qua ngã ba Cát Lái. Hai bên xa lộ ruộng đồng trống trải mênh mông. Như một tấm thảm xanh nối liền nhau bằng nhiều đường gân sậm. Những đám lúa nở bụi, sắp trổ đòng đòng, nhởn nhơ phơi mình dưới ánh nắng vàng hanh đang từ từ biến sang chói chang, âm ỉ. Từng đợt gió thổi qua, những lượn sóng nổi lên giữa mông lung, đuổi bắt nhau chạy mải đến mút chân trời xa tít. Chìm trong cơn gió vi vu, tiếng máy xe bỗng trở nên rù rì, ru ngủ. Một vài con cò trắng ngưng ngang động tác tìm mồi, ngơ ngác nhóng cổ nhìn quanh...

Chợt, An vỗ vỗ nhẹ trên đùi mẹ:

"Má, má... coi kìa, coi kìa..."

Miệng nói tay chỉ, thằng nhóc đã đánh tan bầu không khí im lìm trong xe và làm mọi người để ý đến chiếc xe đò to lớn đang chạy theo phía sau với vận tốc khá nhanh. Ồ, xe Minh Trung chạy đường Sài Gòn - Vũng Tàu. Trong phút chốc đã có tiếng còi tin-tin, rồi... vút, chiếc xe đò phóng qua mặt một cái vù, làm chiếc xe Lam chòng chành như thuyền đi trên mặt nước. Hồ Điệp khẽ ôm con, đặt ngồi trên bắp đùi cho đỡ mỏi chân. Một thoáng xôn xao chợt đến chợt đi, để rồi mọi người lại rơi vào cõi riêng với cơn buồn ngủ dâng lên tận mi mắt.

Hồ Điệp ngẫm nghĩ lại thấy cuộc đời nàng kể ra cũng thuộc loại bình thản, êm đềm như con nước chảy xuôi. Không ồn ào náo động, không trắc trở long đong, không ba đào sóng gió. Ngày nào còn nhỏ đi học, sáng chiều cắp sách đến trường, ê a cùng bè bạn. Đến tuổi dậy thì, tối tối rong chơi, bồ bịch lăng nhăng qua quít. Yêu người mình yêu và yêu lại mình. Rồi đi đến hôn nhân, sum vầy chồng vợ. Tiếp đến, còn làm mẹ với đứa con trai đầu lòng. Kể như tông đường bên nội có người nối dõi. Nhìn vào cảnh gia đình nàng êm ấm trong ngoài, dám chắc có nhiều người thèm thuồng, mơ ước.

Thực vậy, chẳng mấy khi có chuyện lục đục xảy ra giữa Hiếu và nàng. Vì tánh chàng cũng hay chiều chuộng, nhường nhịn, và biết bổn phận với vợ con. Lại ít bạn bè, không rượu chè hút sách, bê tha trác táng. Chỉ biết chí thú làm ăn, lo lắng cho gia đình. Đúng là mẫu người đàn ông lý tưởng cho những người đàn bà thích sống trong thầm lặng, cổ tích như

nàng. Mà có lẽ nằm trong thông lệ chung, ngoại trừ những người đàn bà thượng hạng ngoại hạng, hầu hết phụ nữ trên cõi đời này đều mong muốn một cuộc sống bình thường như nàng thôi, nàng quả quyết như thế.

Kể từ ngày đơn xin hoãn dịch vì lý do gia cảnh bị bác và liền theo đó không bao lâu Hiếu bị động viên vào Thủ Đức, cảnh nhà nàng bỗng trở nên hoang vắng, buồn tênh. Những tháng ngày đầm ấm, hạnh phúc dường như đã đi qua nhường lại cho những thương nhớ, mong chờ. Cuộc đời bình thản và xuôi chảy trước đây, với hằng ngày Hiếu và nàng cùng đi dạy, tuy cũng xa nhau nhưng biết chắc rằng mình ít ra sẽ còn họp mặt, hội ngộ vào cuối tuần..., giờ chỉ còn là kỷ niệm. Bổn phận làm trai trong thời chinh chiến là phải xông pha ra chốn sa trường và bổn phận người con gái đành phải chấp nhận đóng vai trò chinh phụ ôm con, chờ chồng. Nghĩ đến cảnh đất nước loạn ly, Nam Bắc tận tình chém giết nhau, mà nàng bất giác khẽ thở dài.

Nhớ lại ngày tiễn đưa Hiếu lên đường nhập ngũ, bữa tiệc chia tay cũng chỉ là những người thân trong gia đình và lưa thưa một vài đồng nghiệp dạy cùng trường hoặc đang công tác tại thị xã. Vui buồn lẫn lộn, nhưng hiển nhiên, cũng đã làm nàng mấy lần bỗng dưng rưng rưng nước mắt. Và đến lúc đêm về, khi chàng đã đi xa, nàng mới thực sự cảm nhận ra nỗi buồn ly biệt, âm thầm ôm con lặng lẽ khóc suốt canh thâu. Để rồi liên tiếp mấy ngày sau, nàng cứ hay dẫn bé An về nhà ông bà ngoại chơi cho vơi bớt nỗi sầu héo, cô đơn.

Chính vì vậy mà nàng càng đâm lo chẳng biết rồi đây tánh tình cũng như con người của Hiếu có bị thay đổi hay không, sau khi tốt nghiệp căn bản quân sự tại ngôi trường chuyên môn đào tạo hàng vạn sĩ quan cho Quân lực Việt Nam Cộng Hòa kia? Làm quan làm lính chắc phải khác xa với làm thầy làm trò chớ, nàng tự kết luận suông!

Xe trờ đến ngã tư Thủ Đức. Anh tài xế cẩn thận quẹo phải rẽ vô con đường nhỏ, tuy cũng được tráng nhựa nhưng không bằng phẳng trơn láng như xa lộ, nhấp nhô tiếp tục cuộc hành trình. Hai bên đường, đá và đất đỏ đã bắt đầu pha nhuộm màu không gian, tạo thành một nét lạ đập vào mắt những người dân lục tỉnh mới tới đây lần đầu. Một vài rặng trâm bầu nhô lên giữa khoảng đồng không mông quạnh. Xa xa, đôi ba căn nhà lá khuất bóng dưới rặng cây cao, vườn tược sum xuê...

"Ô, ô, ô..."

Vừa la vừa hoảng sợ, An ôm chặt vào cổ mẹ. Xe vừa sụp ổ gà, chao đảo như muốn lật xuống ruộng. Mọi người lại tỉnh giấc. Đứa con trai ngồi trong, mới đi lần đầu, nhướng mắt hướng qua đám con gái hỏi trổng:

"Sắp tới chưa vậy?"

Cô gái có vẻ dạn dĩ, rành rẽ đường đi nước bước vội trả lời:

"Độ năm, mười phút nữa! Chỉ còn khoảng một cây số mà thôi!"

Hồ Điệp ngó ra ngoài và đoán chừng chắc cũng không sai gì cho lắm, vì thấp thoáng trong cánh rừng thưa tiếp giáp với ngọn đồi Tăng Nhơn Phú đã thấy mấy chòm thông ẩn hiện rải rác đó đây. Rất có thể là những bãi thực tập của đám tân binh lẫn alpha mà đôi lần Hiếu đã nói qua cho nàng nghe cũng không biết chừng.

Quả thật vậy, độ một chập sau, xe đã băng qua Chợ Nhỏ nằm phía bên tay trái và tấp vô bến. Hơn một tiếng đồng hồ ngồi bó gối trên xe, bây giờ sắp được tự do thong thả cho nên mọi người đều hối hả phóng xuống xe. Như muốn trốn chạy cảnh tù túng, khổ sai. Để rồi còn chuẩn bị hành trang tiếp tục... lên đường, vì phải lội bộ thêm vài trăm thước nữa mới đến cổng trường. Cho những ai đã cụ bị sẵn sàng đầy đủ mọi thứ, như Hồ Điệp chẳng hạn, không phải mua sắm thêm một món gì ở cái chợ nhỏ xập xệ, tồi tàn đúng như tên của nó.

Cũng giống như mọi khi, thủ tục "thăm người thân" chẳng có gì thay đổi. Sau khi trình giấy tờ, ghi tên người mình muốn gặp thì đám thân nhân được hướng dẫn đi đến khu tiếp tân. Theo một lộ trình duy nhất. "Con đường tình sử nằm đây," dành riêng cho những đôi uyên ương, non thề biển hẹn cũng rất hợp lý, hợp tình. Độ hơn một trăm thước thì tạt vào khuôn viên chờ đợi, nằm phía bên tay phải. So với những căn nhà dành riêng cho sinh viên sĩ quan ở cũng như các dãy lớp học được lợp ngói Tây đỏ au, ngôi nhà lớn trong khuôn viên này rất khác biệt, vì chỉ được lợp tranh. Do sinh viên sĩ quan làm lấy và hầu như, tùy theo khóa, được tu bổ, thay đổi luôn. Có khóa đắp thêm tượng Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Trần Hưng Đạo... Có khóa đào hồ, dựng hòn non bộ...

Và chẳng khác gì... Vườn Tao Ngộ, vì quang cảnh xung quanh kể ra cũng có phần hữu tình, thơ mộng. Với dẫy đầy cây cao bóng cả, hoa lá cành. Đặc biệt là có nhiều cây bã đậu có lá lớn như lá bồ đề. Và không thiếu những bụi rậm

um tùm để có thể... trùm poncho, hôn hít nếu cần. Một cách biểu lộ nồng nhiệt "tâm tình" của những "người lính trẻ." Chớ còn lính già và vợ con đùm đùm đề đề như Hiếu thì chắc cũng không đến nỗi nào, có thể tự kiềm chế ở những gì nhã nhặn thanh tao hơn, thay cho những nóng bỏng bồng bột, Hồ Điệp nghĩ.

Trên hệ thống loa phóng thanh, tên họ của những "người hùng" đầy may mắn đã được đọc lên trong khoảnh khắc. Tuy nhiên, là một trong những người đã có thừa kinh nghiệm với đợi chờ theo kiểu này, Hồ Điệp không nôn nóng gì cho lắm. Vì càng nôn nóng thì chỉ càng tự làm khổ cho mình mà thôi. Bởi, Hiếu đã kể cho nàng biết rằng đoạn đường từ trại chạy ra khu tiếp tân tuy thấy gần như vậy nhưng lắm lúc lại hóa ra xa. Nếu ca-lô, nón nảy không được chỉnh tề. Nếu áo quần không được sạch sẽ, thẳng thớm. Nếu đôi giày bốt-đờ-sô chưa láng đến độ ruồi đứng phải chống gậy. Vì đàn anh hằng hà sa số, lềnh khênh như muỗi Cà Mau, đĩa Năm Căn. Nhứt là mấy anh chàng con bà phước, không ai thân thuộc, ở tuốt ngoài miền Trung hay lạng qua lạng lại để tìm đàn em phạt chơi cho bỏ ghét, cũng như... đỡ buồn. Lắm khi thân nhân phải lên khiếu nại đôi ba lần thì anh chàng "lính mới tò te" kia mới được buông tha theo lệnh cán bộ.

Vừa rồi Hồ Điệp có ý định đi thăm Hiếu bất chợt một lần để xem anh chàng phản ứng ra sao. Biết đâu lại chẳng khám phá ra một vài điều bí mật, riêng tư như... bật mí một vụ lén lút vợ, có "mèo" chẳng hạn. Đàn bà nào không ghen và nàng, mặc dầu biết chồng mình một lòng một dạ chung tình, nhưng cũng nên nghi ngại phòng xa, ngăn ngừa bệnh hơn là chữa trị bệnh. Vậy mà rốt cuộc rồi sau vài lần đắn đo suy nghĩ, nàng lại viết thư báo trước cho chàng. Nàng không muốn cơm ghe bè bạn, khăn gói lên đây để rồi đánh mất một buổi hội ngộ trùng phùng. Trở về tay không, sau màn mỏi mòn chờ đợi, chỉ vì chàng rời trại thay đổi bầu không khí, về nhà vui chơi với các bạn cùng khóa ở Sài Gòn, Bình Dương, hay Biên Hòa...

Kỳ này hên, không bao lâu đã thấy Hiếu lò dò đi ra. Kèm theo, có anh bạn chắc cũng thuộc hàng tứ cố vô thân, chẳng ai quen biết, họ hàng. Thằng nhóc An chỉ chỏ, phát biểu trước:

"Ba, ba... Ba kìa má..."

Hiếu bồng con lên hun hít chùn chụt rồi mới giới thiệu:

"Đây là bà xã tao. Còn đây là anh Lâm, bạn cùng khóa với anh nhưng ở khác đại đội. Ảnh cũng là dân tốt nghiệp Đại học Sư Phạm, học trước anh một lớp..."

Lâm tươi cười, đon đả:

"Dạ, chào chị..."

Hồ Điệp cũng thân mật:

"Dạ, chào anh. Quê anh ở đâu lận?"

Lâm than thở:

"Dạ, ở tuốt ngoài Tuy Hòa chị à. Bởi vậy cho nên, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt, lâu lắm tụi tôi mới có được vài ngày phép về thăm nhà."

Nghe qua, Hồ Điệp bỗng thấy tội nghiệp cho những kẻ ở xa, định tìm lời an ủi, nhưng đột nhiên anh chàng tưởng chừng như sáng mắt ra, hướng về cái bàn có đông người ngồi trong góc, mừng rỡ:

"Ủi chà, hình như tao có người quen Hiếu ơi. Thôi, để tao xáp lại đằng đó. Chúc hai vợ chồng mầy vui vẻ, hạnh phúc..."

Nói chưa xong Lâm đã vội bươn bả phóng đi một nước. Vậy cũng được, yên ổn mọi bề, Hiếu nghĩ. Vì chàng cũng định mời bạn mình thưởng thức qua cái hương vị đậm đà của các món ăn thuần túy miền Nam, thay cho... cá mối chiên, thịt trâu xào triền miên ở những bữa cơm nhà bàn. Nhứt là những buổi cơm trưa ngán ngẩm, nuốt không vô vào cuối tuần như hôm nay. Bây giờ, biết đâu thịt đông, giò thủ, cà pháo, mắm tôm hoặc là bún bò, nem tré, bánh nậm, bánh bèo, bánh bột lọc... lại chẳng hạp khẩu hơn? Hiếu quàng tay ôm vợ, nói nhỏ:

"Hay là mình đi thẳng ra ngoài vườn sau đi em. Hi vọng chỗ cũ của mình không bị ai chiếm đóng."

Đặt nhóc An đứng xuống đất, Hiếu tiện tay xách hai túi đồ ăn thay cho vợ. Hồ Điệp nắm tay An, lăng xăng dắt con đi theo chồng. Phân tán mỏng khắp các lùm cây bụi cỏ, lính trận và người thân quây quần với nhau từng nhóm nhỏ. Không màng để ý đến ai, hai vợ chồng rảo bước đi xa hơn, ra tuốt ngoài bìa rừng, gần đến hàng rào vòng đai. Nơi đó, ngoài mấy cây thông già khẳng khiu đong đưa theo gió, còn có vài bụi lá duối, lau sậy mọc cao khỏi đầu. Giây bìm bìm bỏ vòi, leo chằng chịt khắp mọi nơi, trổ hoa tim tím như những đóa phong lan. Dưới tàn cây râm mát mà hình như mọi người vẫn cảm thấy nóng nảy có lẽ vì vầng thái dương lên đã quá cao, xéo xéo đỉnh đầu.

Hiếu moi trong giỏ, lấy ra tấm ny-lông màu

xanh nước biển trải lên thảm cỏ non mới mọc, èo uột và trắng nõn như những cọng giá vì bị thường xuyên che đậy, thiếu ánh sáng mặt trời. Hồ Điệp vội bày thức ăn, trước hết, món bánh hỏi mỡ hành, thịt quay vàng ngậy gói trong bọc lá chuối. Vừa múc nước mắm tỏi ớt từ chiếc keo thủy tinh ra cái chén nhỏ, nàng nhìn chồng, âu yếm:

"Ăn đi anh, món ruột của anh nè..."

Hiếu thong thả:

"Ừa, em và con ăn với anh nữa chớ. Anh ăn một mình coi sao được."

Vói tay lấy mấy trái cam và con dao nhỏ, Hồ Điệp buồn buồn:

"Để đó em. Anh lo đút cho An đi, nó đang dòm miệng kia kìa. Ồ, xấu quá, nhưng chắc đói bụng dữ rồi hả con?"

Hai cha con đang ăn ngon lành, bỗng Hiếu ngừng đũa:

"Ở nhà có gì lạ không em? Bộ có chuyện gì không vui xảy ra hả? Trông em bèo nhèo như người bệnh mới bớt. Đã vậy, đi đường xa mà cũng chẳng sửa soạn, son phấn gì hết. Phải cho ra vẻ để giữ gìn thể diện với người ta chớ em. Em làm anh 'quê, xệ' quá!"

Hồ Điệp cố ngăn tiếng thở dài, tiếp tục cắt trái cam ra làm hai. Vui làm sao được khi hai đứa hai nơi, xa cách ngăn chia? Vui làm sao được khi tình hình tài chánh càng ngày càng eo hẹp? Tiền lính tính liền, đâu làm sao so sánh với lương giáo sư dạy trường công lẫn dạy giờ trường tư thục như ngày trước. Nếu nàng không biết tiện tặn, dành dụm thì lạng quạng cũng có ngày không đủ tiền ăn chớ đừng nói đến có dư để đổ xăng. Rồi còn nữa, nàng có hơi ngạc nhiên, giựt mình khi Hiếu vẫn hay để ý đến diện mạo, dung nhan của nàng. Đã mang thân phận đàn bà thì ai lại không muốn mình xinh đẹp, nhưng thử hỏi sửa soạn son phấn để làm chi một khi tâm hồn nàng đang mang nặng nỗi niềm người chinh phụ:

Nương song luống ngẩn ngơ lòng
Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai? *

Phải chi đất nước đang hồi thanh bình, không có chiến tranh thì... buổi họp mặt ngày hôm nay phải là một buổi pinic, cắm trại ngoài trời thật nên thơ, tình tứ.

Nàng mỉm cười, giả lả trả lời Hiếu:

"Đâu có chuyện gì không vui xảy ra ở nhà đâu. Chỉ tại em nhớ anh nên tất cả mọi thứ đều buồn lây với em chút chút vậy thôi."

ĐẠM THẠCH

NGƯỜI TÙ

Cuốc đi những nhát ngán ngao
Trên niềm câm lặng nháng lửa
Vun vồng khoai bại trận
Mọc củ sùng trăm năm

Trừng gân cổ cố nuốt
Cục đời tẩm cường toan
Nhục nhằn miếng lạ!

Hiếu nhướng mày, thở phào nhẹ nhõm:

"Thiệt hả? Em đừng làm anh lo nghen!"

Rồi chàng nói tiếp một hơi về những dự định tương lai:

"Chẳng còn bao lâu nữa tụi anh sẽ ra trường. Việc trước tiên phải lo là xem anh đổi đi đâu. Hi vọng anh sẽ được đổi về gần nhà, vòng vòng các tiểu khu Long An, Kiến Hòa, Mỹ Tho, Gò Công... Mà nói chớ đổi đi đâu thì đổi, thế nào anh cũng tìm cách sắp xếp cho em và con đi theo anh... Ừa, biết đâu anh được biệt phái trở về dạy lại?"

Biệt phái trở về dạy lại? Một giấc mơ quá lớn, có phải? Vì ngoài việc hội đủ tiêu chuẩn tối thiểu phải dạy trên ba năm còn phải dựa vào thế lực kim tiền hay con ông cháu cha nữa. Hồ Điệp tự biết vợ chồng nàng không đủ khả năng, cũng không biết cách chạy chọt, lo lót. Cũng đành phó mặc cho số phần may rủi, hên xui chớ biết làm sao hơn. Nàng cố gắng gượng làm vui:

"Thôi, anh ăn đi,... nguội lạnh hết. Chuyện đó để từ từ rồi hẳng tính. Em đâu làm sao bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ sở, bỏ trường cho được? Với lại, hứ, hổng ai thèm đi theo anh đâu mà đòi sắp với xếp..."

Hồ Điệp đặt mấy miếng cam cắt nhỏ vào chiếc dĩa nhựa, ân cần đẩy lại gần phía Hiếu... Trên cành thông cao vút, chẳng biết vì mùi thơm nức mũi của thức ăn hay là muốn chia vui xẻ buồn cùng vợ chồng nàng, đôi chim mắt khoen màu hoàng yến vụt xà xuống, đáp nhẹ trên chòm lau sậy gần bên, buông tiếng kêu tíu tít, hồn nhiên...●

* *Chinh Phụ Ngâm*

VÀI SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ CẢI CÁCH GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN TUẤN

(Tiếp theo và hết)

1. Thiếu văn hóa khảo cứu

Có thể nói từ xưa, nước ta không có một truyền thống khảo cứu khoa học. Lịch sử Việt Nam cho thấy nước ta có nhiều anh hùng quân sự, nhà thơ, nhà sử học, nhưng rất ít nhà khoa học, kỹ sư hay nhà kinh tế. Hệ thống giáo dục của nước ta ngày xưa được bắt chước theo hệ thống giáo dục của Trung Quốc. Hệ thống này đòi hỏi người học sinh phải tuân theo sách vở một cách máy móc, và không khuyến khích sự tự do tìm tòi, thử nghiệm. Nó ca ngợi sự học thuộc lòng những điều chỉ dạy của Khổng Tử, và khinh bỉ những ai làm nghề tay chân (kỹ sư, khoa học gia, công nhân, nông dân, v.v.) hay làm thương mại. Khi người Pháp vào Việt Nam, hệ thống giáo dục Trung Quốc được thay thế bằng hệ thống giáo dục Pháp, phải nói là có "tiến bộ" hơn, vì những tri thức khoa học và kỹ thuật được đưa vào một cách có hệ thống hơn.

Với cả hai hệ thống giáo dục, học sinh phải học thuộc lòng sách giáo khoa nhằm cố thi đỗ trong các kỳ thi rất gắt gao. Cái lối giáo dục "độc thoại" và "thụ động" (kiểu thầy giảng bài, trò chép bài) này vẫn còn kéo dài tới những năm trong thập niên 60s và 70s mà tôi [và nhiều người cùng thế hệ] là những "nạn nhân" của nó. Học sinh không được khuyến khích đi tìm hiểu, chất vấn những sự việc, hiện tượng chung quanh xảy ra như thế nào và tại sao? Hậu quả là nhiều thế hệ học sinh thụ động, kém tưởng tượng, không phát triển được kỹ năng thực hành, sáng tạo và tính chủ động, tự lập; không có cơ hội nghiên cứu khoa học. Do đó, phần lớn những kiến thức về Việt Nam, dân tộc Việt Nam và tài nguyên Việt Nam, buồn thay, lại nằm trong tay các nhà khoa học ngoại quốc, thay vì trong tay các nhà khoa học Việt Nam.

Về cái "văn hóa khảo cứu" tôi có thể lấy trường hợp của mình ra làm ví dụ. Khoảng 18 năm về trước, lúc mới vào học chương trình cao học ở Úc, một vị giáo sư ra đề cho chúng tôi làm nghiên cứu chỉ vỏn vẹn năm hàng chữ. Trong khi tôi còn đang bỡ ngỡ, chưa biết làm gì, làm ra sao, và bắt đầu từ đâu, thì bạn đồng môn của tôi đã chủ động vào thư viện, bấm máy computer, gọi điện đến các chỗ ngoài trường để tìm tài liệu. Qua "bài học" này, tôi mới thấm thía sự chủ động của người học sinh. Cho đến nay, tôi vẫn thấy phần lớn sinh viên Việt Nam ta rất kém về khả năng xoay sở và vươn lên như các sinh viên người Âu Mỹ.

2. Tâm lý quan trường

Hệ thống giáo dục của Việt Nam, dù mô phỏng theo Trung Quốc ngày xưa, hay Pháp đầu thế kỷ 20, có cùng một mẫu số chung: đào tạo người ra làm quan chức để thực thi đường lối chính sách của người cai trị. Hậu quả là nó làm cho người học sinh tiêm nhiễm cái tâm lý làm quan, học ra để làm quan, làm ông nghè. Tâm lý này sinh ra tính hám danh và sính bằng cấp.

Trong nhiều trường hợp, cái học trở thành một phương cách làm rạng danh gia đình hay khoe cùng làng xóm, chứ không nhằm đóng góp kiến thức hay mang lại phúc lợi cho xã hội và nhân loại. Nhiều người vẫn còn chọn ngành học dựa vào tương lai thu nhập sau khi tốt nghiệp. Điều này giải thích tại sao sinh viên Việt Nam thường tập trung vào các ngành kỹ thuật, luật, y khoa; nhưng ở các khoa khác như nhân văn thì sự hiện diện của sinh viên Việt Nam cực kỳ khiêm tốn. Lại có sự so sánh, hay nói đúng hơn là "kỳ thị" ngầm đối với những người theo học khoa học nhân văn, nhưng lại

tỏ ra trọng người theo học khoa học kỹ thuật.

3. Cơ chế thi cử

Bây giờ nhìn lại cơ chế thi cử ở Việt Nam và những giai đoạn mình đã trải qua, tôi cảm thấy rùng mình. Thuở tôi học và thế hệ trước tôi, học sinh cứ nơm nớp chuẩn bị thi. Hết thi tốt nghiệp tiểu học, đến thi trung học, kéo theo là tú tài một và tú tài hai, tiếp đến là thi tuyển vào đại học. Có thể nói, cuộc đời của người học sinh Việt Nam là cuộc đời thi cử. Vì thi cử cứ đeo đuổi dai dẳng người học sinh từ tiểu học, trung học lên đại học, tạo cho người học sinh một thế yếu rõ nét trong cạnh tranh với bạn bè ở các nước có nền giáo dục tiên tiến. Thực vậy, một điều mà tôi (và nhiều bạn bè đồng nghiệp) thường nhận xét là sinh viên Việt Nam ta nói riêng [và Á châu nói chung] thường rất khá trong những năm đầu ở bậc đại học, những năm chỉ cần giải quyết những vấn đề căn bản, nằm trong khuôn khổ, công thức; nhưng khi đến những năm cuối đại học và nhất là sau đại học, tức là một giai đoạn học tập mà trong đó đòi hỏi sự sáng tạo và độc lập trong nghiên cứu, thì sinh viên Việt Nam ta lại rất kém so với sinh viên người Tây phương.

Thi cử đáng lẽ là một cơ chế để kiểm tra trình độ và kiến thức của học sinh, nhưng nhìn qua các câu hỏi trong các kỳ thi cử ở Việt Nam, trước 1975 cũng như hiện nay, tôi phải nói đó là những kỳ thi đố, thi mẹo. Người học trò trở thành những người luyện đầu óc để nhồi nhét những tiểu xảo, để giải quyết những câu hỏi mẹo. Hậu quả của hệ thống thi cử này là nó sản sinh ra một thế hệ học sinh học vẹt, lười suy nghĩ, thiếu chủ động, kém tưởng tượng, những kiến thức hoặc sai hoặc lạc hậu, và đầu óc mụ mị vì bị nhồi nhét quá nhiều.

Đã thế, mỗi lần thi cử là mỗi lần có vấn đề. Tôi không biết là thi đình, thi hội ngày xưa có gây ra hoang mang trong xã hội như hiện nay hay không, nhưng qua theo dõi trên báo chí, mỗi năm đều xảy ra nhiều hiện tượng tiêu cực như thi dùm, thi mướn, tráo trở bài thi, đút lót, v.v.. Những hiện tượng tiêu cực này đã có từ thời trước 1975 và có thể xa xưa hơn nữa, ấy thế mà nay vẫn còn phổ biến! Có một nhà giáo dục trong nước đã than rằng không biết có nước nào trên thế giới lại có một thị trường mua bán chữ nghĩa tồi tệ như ở Việt Nam.

4. Vấn đề trình độ

Thuở tôi còn học đại học ở trong nước, phần lớn thầy cô chỉ có bằng cử nhân, và một số ít có bằng cao hơn, càng ít hơn những thầy cô được huấn luyện từ ngoại quốc. Thời đó, một thầy từ ngoại quốc về dạy là "oai" lắm, và bọn sinh viên như tôi thấy họ "thông thái" thật. Họ có kiến thức rộng, giảng bài hay, và thỉnh thoảng dùng ngoại ngữ. Một số người vừa về từ nước ngoài là được bổ nhiệm vào những chức vụ quan trọng. Sau năm 1975, tôi được biết nhiều vị tốt nghiệp cao học, tiến sĩ ở nước ngoài thường nắm những chức vụ có tính quyết định đường lối chính sách của nhà trường, thậm chí cấp Bộ.

Nhưng khi ra nước ngoài và có dịp làm việc trong khoa học gần hai mươi năm qua, tôi nhận thấy trình độ và khả năng chuyên môn của những người như thế quả rất thấp. Ở các nước Tây phương, một tiến sĩ mới ra trường còn phải trải qua một thời gian cả năm năm để rèn luyện chuyên môn dưới sự hướng dẫn của các nhà khoa học cao cấp hơn. Một sinh viên mới tốt nghiệp cao học hay tiến sĩ vẫn còn phải học rất nhiều để trở thành độc lập trong hoạt động khoa học. Vậy mà, ở Việt Nam, những người này lại nắm những vai trò rất quan trọng trong quyết định chính sách và đường lối của quốc gia!

Thực ra, ở các trường đại học thuộc nước Âu Mỹ, rất nhiều nhà khoa học không chịu làm khoa trưởng, hay trưởng ban (head of department), hay làm những việc mà họ cho là "hành chính". Họ thích tập trung công sức và thời gian làm nghiên cứu. Thành ra, nhiều trường đại học có chính sách bắt buộc các nhà khoa học phải luân phiên nắm chức trưởng ban. Ở Việt Nam ta, người đi du học về trình độ chưa chắc đã cao, kinh nghiệm chưa vững vàng, mà lại bị đặt vào những chức vụ hành chính quan trọng, thì chả trách sao nền khoa học của ta không khá, và chính sách giáo dục vẫn "trật đường rầy."

Ở trong nước ngày nay, tình trạng này vẫn còn. Theo thống kê, hiện nay trên toàn quốc có khoảng 22,500 giảng viên trong các trường đại học công và dân lập; trong số này chỉ có 3300 (hay 15%) có trình độ tiến sĩ hay phó tiến sĩ cũ, và 2240 (hay 10%) có trình độ cao học (ngày nay được gọi là "thạc sĩ"). Như vậy, 75% đội ngũ giảng dạy đại học chỉ có trình độ cử nhân. Nói cách khác, trong giáo dục đại học ở Việt Nam từ trước 1975 và ngay cả ngày nay vẫn chủ yếu là đại học dạy đại học. Thầy mà không hơn trò một cái đầu thì làm sao đào tạo ra trò giỏi được.

5. Vấn đề chất lượng

Để đối phó với tình trạng [thiếu thầy cô] này, nhiều trường đại học trong nước đã được phép tổ chức đào tạo sau đại học nhằm cung cấp lực lượng giảng dạy cho đại học. Theo như một thống kê gần đây, trong vòng 22 năm qua, kể từ khi có quyết định chương trình đào tạo sau đại học, Việt Nam đã đào tạo được 4278 tiến sĩ và phó tiến sĩ cũ, và 9553 thạc sĩ (tức cao học). Tính ra, trung bình mỗi năm Việt Nam chỉ đào tạo khoảng 630 người, một con số rất ư là khiêm tốn.

Số lượng tiến sĩ và cao học được đào tạo đã tăng khá nhiều trong thời gian gần đây. Chỉ trong vòng khoảng 10 năm qua, số lượng tiến sĩ và thạc sĩ đào tạo ở Việt Nam đã tăng gấp năm lần, một con số làm nhiều người rất kinh ngạc. Tuy nhiên, ngoài nhiều trường hợp mà sinh viên được đào tạo sau đạt tiêu chuẩn, cũng có nhiều vấn đề về chất lượng. Có vài luận án tiến sĩ mà khi đánh giá nghiêm túc chỉ xứng đáng trình độ cao học. Do đó, nhiều tiến sĩ được đào tạo chưa xứng đáng với một học lực thâm thúy và một trình độ "cao," chưa là nhà khoa học chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, trong vài trường hợp, nghiên cứu sinh tiến sĩ là các quan chức trong chính quyền hay Đảng; họ chẳng cần học hay nghiên cứu gì cả, mà cuối cùng vẫn có văn bằng tiến sĩ! Trong một hội nghị tổng kết tình hình giáo dục hậu đại học, bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Minh Hiển cũng thừa nhận: *"Quy mô đào tạo phát triển nhanh, nhưng các điều kiện để đảm bảo về chất lượng chưa phát triển kịp nên đã ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo."*

6. Vấn đề thiếu thông tin

Những ai từng dạy học hay có dính dáng trực tiếp tới ngành giáo dục đều biết rằng sách giáo khoa đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc giảng dạy và mở mang kiến thức cho sinh viên. Trong các trường đại học ở các nước Tây phương, người ta không những nghiên cứu việc chọn và dùng sách giáo khoa rất kỹ lưỡng, mà còn duyệt xét lại tính hiện hành, cập nhật hóa của sách hàng năm. Trong ngành y khoa, nhiều khi sách giáo khoa không cập nhật hóa kịp những tiến bộ của y học, nên giáo sư phải yêu cầu sinh viên tham khảo thêm các tạp chí y khoa uy tín.

Ở trong nước, sách giáo khoa không những thiếu thốn mà còn có vấn đề, không những ở bậc trung học mà còn ở bậc đại học. Đã có một số nhà giáo lên tiếng về vấn đề một số sách giáo khoa bậc tiểu và trung học được biên soạn sai. Nhưng quan trọng hơn nữa là sách giáo khoa bậc đại học, không những thiếu một cách nghiêm trọng, mà sách đang dùng để dạy nhiều khi đã lạc hậu cỡ 30 - 40 năm. Những ai từng ghé qua Trường Đại Học Y Dược ở Sài Gòn hay Trường Đại học Tổng hợp (Đại học Khoa học cũ) hay Trường Đại học Kỹ thuật (Trung tâm Kỹ thuật Phú Thọ cũ) đều cảm thấy xót xa cho cái thư viện vừa nhỏ bé vừa nghèo nàn. Trường Đại Học Y Dược ở Sài Gòn không có những tạp chí y khoa lớn hiện hành cho giảng viên và sinh viên tham khảo! Trong khi đó, phần lớn các sách giáo khoa, tạp chí do nước ngoài viện trợ đều đã quá cũ. Ở vài trường, sinh viên phải "học chay," tức là học mà không có sách giáo khoa. Chuyện mới nghe qua có vẻ khó tin nhưng có thật.

Sự thiếu thốn sách giáo khoa và sách lạc hậu này đã dẫn đến một hậu quả có thể đoán được là: kiến thức khoa học của sinh viên kém, hay thậm chí sai, chất lượng đào tạo bị hạ thấp so với trình độ chung trên thế giới. Nói chung, sự tụt hậu về kiến thức của sinh viên so với các tiêu chuẩn chất lượng là khá lớn. Sinh viên ra trường chưa đảm nhận được công việc mà đáng lẽ những người được đào tạo như thế phải làm được, vì thiếu ý thức chủ động trong làm việc, thiếu khả năng ứng xử trong làm việc, thiếu năng khiếu về ngoại ngữ và quản lý, v.v... Một viên chức người Việt thuộc Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) nhận xét: *"Hệ thống GD-ĐT [giáo dục và đào tạo] lâu nay của Việt Nam còn bất cập. Tỷ lệ người được đào tạo ra đạt tiêu chuẩn quốc tế là rất ít. Mọi việc cứ diễn ra một cách bình thường. Chỉ khi nào những tiêu chuẩn quốc tế được 'soi' vào, chúng ta mới giật mình. Thực tế là khi soi vào tiêu chuẩn của UNDP, hàng loạt cán bộ chuyên viên của Việt Nam đã không đáp ứng được điều kiện cần và đủ."* Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở trong nước, hàng năm có khoảng 20.000 sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng. Trong số này, chỉ có 50% sinh viên tốt nghiệp kiếm được việc làm sau khi tốt nghiệp; và trong số tìm được việc, chỉ có 30% tìm được việc đúng ngành nghề. Ngay cả những sinh viên đã tìm được việc làm, họ đều phải được huấn luyện lại, nhất là ở các công ty ngoại quốc. Theo nghiên cứu của bà Maureen Chao thuộc Trường Đại học Seattle (Mỹ), trong nhiều công ty liên doanh với Việt Nam, hầu hết sinh viên Việt

Nam đều phải được đào tạo lại cả về chuyên môn lẫn kỹ năng giao tiếp!

7. Cơ sở vật chất nghèo nàn và thiếu thốn

Theo thống kê, cứ bốn hay năm năm, số học sinh trung học cơ sở lại tăng gấp đôi. Năm 1988, toàn quốc chỉ có 132.500 sinh viên (trong số 63,7 triệu dân). Năm 1999, có 892.700 sinh viên trong tổng số dân là 76,3 triệu. Như vậy, tỷ lệ sinh viên trên 10.000 dân đã tăng gần 6 lần trong vòng 11 năm: từ 20 vào năm 1988 lên đến 117 vào năm 1999. Theo tính toán của Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục thì tỷ lệ này sẽ tăng lên khoảng 200 cho mỗi 10.000 dân số vào năm 2010. Mặc dù đây là một tiến bộ đáng mừng, nhưng tỷ lệ này không phải là cao so với các nước đang phát triển trong vùng.

Trong khi số lượng sinh viên càng ngày càng tăng, số lượng cơ sở đào tạo như trường đại học và cao đẳng lại gần như bất biến, và do đó, tạo ra tình trạng "quá tải." Các đại học không có khả năng nhận thêm sinh viên, và bắt buộc phải áp dụng những cơ chế thi cử khắt khe để hạn chế số lượng sinh viên.

Hiện nay trong cả nước có 146 trường đại học và cao đẳng [3]; trong đó, có 15 trường dân lập (do tư nhân quản lý), và ba trường bán công. Số trường này được tổ chức theo 11 khối như sau: đại học quốc gia và đại học vùng; khối kỹ thuật & xây dựng; khối y dược khoa; khối sư phạm; khoa học tự nhiên; nông lâm nghiệp & thủy sản; kinh tế, tài chính và luật; văn hóa nghệ thuật và thể thao; quân sự và công an; ngoại giao; và các trường dân lập.

Số lượng trường đại học có vẻ nhiều, nhưng trong thực tế có nhiều trường đại học còn rất phôi thai và có thể nói là chưa có đầy đủ tiêu chuẩn của một trường "đại học." Thực vậy, ngoài các trường lớn và lâu đời như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở nghiên cứu và giảng dạy tương đối đầy đủ, các trường đại học công lập khác còn thiếu trang thiết bị cho giảng dạy và nghiên cứu rất trầm trọng và hầu như triền miên. Ở Bệnh viện Chợ Rẫy, một nơi thực nghiệm cho sinh viên y khoa, nhiều trang thiết bị cơ bản cho lâm sàng học còn quá thiếu thốn. Ở các trường địa phương và xa thành phố, tình trạng thiếu sách vở và dụng cụ thí nghiệm/giảng dạy còn trầm trọng hơn nữa.

Ở các nước Tây phương, đại học vừa là nơi giảng dạy vừa là nơi tập trung các trung tâm nghiên cứu. Nhưng ở Việt Nam, xuất phát từ các lý do có tính lịch sử, phần lớn các trường đại học hiện nay chỉ tập trung chủ yếu vào chức năng giảng dạy, mà chưa làm tròn chức năng nghiên cứu. Thực ra, phần lớn nghiên cứu thường do các viện (độc lập với trường đại học) đảm nhận. Tất nhiên, cách tổ chức này cũng làm giảm đi hiệu suất và sự tương tác giữa các nhà khoa học cùng làm trong một chuyên môn. Thành ra, kết quả là năng suất khoa học từ các trường đại học Việt Nam rất kém. Ngoài hai ngành toán và vật lý ra (mà Việt Nam thường được tương đối kính nể), có thể nói trong các ngành khác mức độ cống hiến của các giáo sư đại học từ Việt Nam — trước cũng như sau 1975, ngoài Bắc cũng như trong Nam — cực kỳ thấp.

Xin nói lại là những nhận xét trên đây HOÀN TOÀN không nhằm mục đích bôi nhọ hệ thống giáo dục mà tôi đã từng được đào tạo, hay có ý khinh khi những vị đã từng nắm những chức vụ quan trọng trong ngành giáo dục. Hoàn toàn không. Mục đích chỉ là để bàn thảo và tìm một lối ra.

Có lối nào ra?

Trong một bài báo về Việt Nam được đăng

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

TƯỢNG MỀM

Em như bức tượng trổ bông
Anh mê điêu khắc nên trông hài hòa
Nét nào cũng toát hương hoa
Ẩn trong màu sắc một tòa thiên nhiên
Thật mà em đẹp như tiên
Anh say sưa hiểu ý riêng của trời.

trên tờ *New York Times* năm ngoái, Ký giả Seth Mydans đã nhận xét [mà tôi cho là rất đúng] rằng Việt Nam là một nước có một nguồn nội lực rất lớn chưa được khai thác: con người Việt Nam. Nếu được khai thác, nhà báo viết tiếp, Việt Nam sẽ làm cho các nước Á châu khác phải tủi thẹn.

Thực vậy, hầu như tất cả người ngoại quốc đến thăm Việt Nam đều đồng ý một điều là dân ta rất ham học và năng động, một đức tính rất đáng tự hào. (Có thể động cơ ham học là để lấy bằng cấp, nhưng bản chất vẫn là ham học). Ở ngoại quốc, cái đức tính này đã được chứng minh một cách hùng hồn: chỉ sau 25 năm, số lượng người Việt ở nước ngoài có trình độ đại học hoặc tương đương đã lên đến con số 300 ngàn (so với con số một triệu ở trong nước). Nhiều người ở trong nước xưa kia chỉ là những học sinh trung bình, thậm chí kém, nhưng khi ra nước ngoài, đã đạt được nhiều thành tích ngoạn mục trong các trường đại học hàng đầu ở Mỹ và các nước Tây phương khác. Điều này cho thấy học sinh Việt Nam ta có tiềm năng rất lớn, và nếu có cơ hội và môi trường thuận tiện, họ sẽ trở thành một đội ngũ chuyên viên có thể đóng góp quan trọng cho nước nhà.

Tuy nhiên, nhìn tổng quát, có thể nói những người trẻ ở Việt Nam bị khống chế trên nhiều mặt; trong đó có vấn đề bất tiện về địa lý, khó khăn trong giao thông, thiếu thời gian, và nhất là thiếu cơ hội, trường lớp. Gần 80% dân số sống trong các vùng thôn quê, nơi mà phương tiện đi lại còn quá nhiều khó khăn. Và đối với những học sinh ở các vùng xa như thế, việc theo học ở các trường thường tập trung ở các thành phố là một vấn đề nan giải nhưng cực kỳ khó. Đối với nhiều người đã tham gia lao động trong các cơ quan, doanh nghiệp muốn trau đồi nghề nghiệp họ không lại có đủ thời gian.

Nhưng có lẽ sự thiếu thốn về cơ hội được theo học là một hàng rào kiềm chế lớn nhất đối với người trẻ. Nhiều người mất cơ hội vì vấn đề thi cử, một cơ chế dùng để sàng lọc và hạn chế số người vào đại học do thiếu trường lớp và cơ sở vật chất. Thực vậy, hàng năm, các trường đại học chính quy (tập trung) ở Việt Nam chỉ có khả năng nhận vào khoảng 10% trong tổng số học sinh dự thi. Số lượng đi du học tự túc hay bằng học bổng chẳng là bao. Như vậy, có đến 90% học sinh có nguyện vọng theo đuổi đại học, nhưng lại không có điều kiện thực hiện ước mơ căn bản đó! Trong số 90% này, chắc chắn có nhiều học sinh giỏi. Tôi tin rằng nếu các học sinh này có cơ hội theo đuổi học tập như các em cùng lứa tuổi ở ngoại quốc, họ sẽ là những nhà khoa học, những nhà giáo tài giỏi trong tương lai. Nói một cách khác, nếu Nhà nước khoanh tay thụ động, không làm gì cả, Nhà nước đã phụ lòng của những người trẻ này.

Do đó, giáo dục là chìa khóa mang tầm quan trọng số một để mở cánh cửa tri thức cho Việt Nam. Thực ra, giáo dục đã, đang, và sẽ là một chỉ tiêu quyết định sự khác biệt giữa các quốc gia, và giữa cá nhân. Cứ nhìn qua các nước trong vùng như Nam Hàn, Đài Loan, và Tân Gia Ba, ta thấy cái mẫu số chung là họ đã chú trọng vào giáo dục và đào tạo. Không có lý do gì Việt Nam không coi trọng giáo dục, nhất là ta lại thường tự hào là một nước với hơn "bốn ngàn năm văn hiến." Ấy thế mà đầu tư vào giáo dục ở Việt Nam thuộc vào hàng thấp nhất trong vùng. Theo thống kê, ngân sách dành cho giáo dục và đào tạo ở Việt Nam đầu khoảng 10-11%, chỉ bằng phân nửa Đại Hàn (22%) hay gần phân nửa Thái Lan (21%), và thấp hơn Mã Lai Á (19%), thậm chí thấp hơn cả Trung Quốc (12%). Tôi nghĩ vì hoàn cảnh thực tế và các nhu cầu cấp thiết khác trong nước, Việt Nam không thể có ngân sách giáo dục dồi dào như các nước Nam Hàn hay Tân Gia Ba, nhưng thiết nghĩ một ngân sách khoảng 15% không phải là một điều quá xa xỉ. Nếu cần, ngân sách có thể được tăng từng nấc một (khoảng 1% mỗi năm) trong nhiều năm để đạt tới tiêu chuẩn 20% cho tới năm 2020.

Tất nhiên, tăng ngân sách sẽ không giải quyết triệt để được vấn đề chất lượng, vì nó còn tùy thuộc vào các yếu tố khác, như tổ chức. Hệ thống giáo dục Việt Nam vừa lạc hậu, vừa cổ lỗ, mà vẫn dẫm chân tại chỗ, vẫn thản nhiên bình chân như vại. Trong khi đó, trên thế giới người ta không ngừng cải tiến và hoàn thiện hệ thống giáo dục. Không có vấn đề gì đáng lo lắng hơn cho tương lai của đất nước khi một nền giáo dục như thế lại được duy trì hết thế hệ này sang thế hệ khác. Cải cách giáo dục đại học, hơn bao giờ hết, phải là nhu cầu sống còn trên bước đường phát triển đất nước. Vì thế, song song với việc tăng ngân sách, Nhà nước cần phải có chiến lược để quy hoạch lại hệ thống trường đại học và dạy nghề cũng như thi cử sao cho việc tăng ngân sách giáo dục sẽ đem lại những kết quả tối ưu.

Ngoài ra, một trong những vấn đề đầu tiên mà Việt Nam cần làm trong lĩnh vực giáo dục là đổi mới tư duy học hành. Ở trong nước ngày nay, người ta nói rất nhiều đến đổi mới tư duy kinh tế, nhưng tôi thấy ít người nhắc đến tư duy học hành. Theo đó, phải dứt khoát và bằng mọi giá đánh đổ cái tâm lý hám danh, hám bằng cấp, và cái tính học hành tài tử hiện đang còn rất phổ biến trong người Việt chúng ta - trong lẫn ngoài nước. Thay vào đó là cái tư duy học hành mới mà tôi nghĩ cần phải trang bị cho mỗi học sinh khi họ cắp sách đến trường là tư duy *ham hiểu biết, say mê sáng tạo, trọng phương pháp, sẵn sàng thích ứng với môi trường mới, và có ý thức trách nhiệm với xã hội và đồng bào.* Người học sinh với tư duy mới phải có (a) can đảm tôn trọng sự thật, không câu nệ chủ nghĩa, ý thức hệ, hay thành kiến dân tộc; (b) phải có tự tin và sáng tạo, không máy móc đi theo đường mòn, không làm theo sách vở một cách máy móc; (c) luôn luôn tìm tòi học hỏi; (d) biết áp dụng tinh thần khách quan và khoa học vào mọi phương diện của đời sống cá nhân và xã hội, không phải chỉ trong phạm vi chuyên môn; và (e) phải biết hợp tác, và ở một số người, biết lãnh đạo theo những nguyên tắc dân chủ văn minh.

Ý nghĩa của giáo dục

Trong một nền kinh tế toàn cầu có tính cạnh tranh cao trong Thế kỷ 21, trí tuệ là một nguồn nội lực cực kỳ quan trọng. Vì thế, ngày nay, người ta thường hay nói nhiều đến một cuộc chạy đua về tri thức, bởi vì nước nào không huy động được nguồn nội lực trí tuệ, nước đó sẽ bị lệ thuộc vào trí tuệ của người khác và lại rơi vào tình trạng tụt hậu, nô lệ tri thức.

Các nước Tây phương, mà đặc biệt là Mỹ đang dẫn đầu cuộc chạy đua về tri thức này. Các nước Tây phương đã sớm nhận ra vai trò của giáo dục và đào tạo trong nền kinh tế và đã dày công xây dựng hệ thống giáo dục đại học từ mấy trăm năm qua. Và cho đến nay, mặc dù đã đạt được một vị thế hàng đầu, họ vẫn không ngừng tìm cách phát triển giáo dục đại học. Nhưng khác với các nước đang phát triển nhìn giáo dục như là một đòn bẩy phát triển kinh tế và xã hội, họ thấy giáo dục là một phương tiện chiến lược để duy trì sự thống trị của họ trên trường quốc tế. Đối với các nước này, nhất là Mỹ, sau cuộc khủng hoảng dầu hỏa và sự cạnh tranh công nghiệp gay gắt tiếp theo đó, các nhà lãnh đạo chính trị và kinh tế đã nhận ra rằng họ đang bị mất dần sự độc quyền về công nghiệp nặng và kỹ nghệ xe hơi; do đó, muốn duy trì uy thế tối cao của họ trước đây, họ cần phải nắm độc quyền những "kỹ nghệ tri thức" (knowledge-based industries) như kỹ nghệ máy tính, điện tử, không gian, thông tin viễn liên, và công nghệ sinh học. Những kỹ nghệ này đặt trọng tâm vào nguồn vốn trí tuệ, mà đại học là nguồn cung cấp chính. Đại học, từ đó, trở thành một bộ phận của guồng máy kinh tế mà trước đây họ chưa bao giờ nghĩ tới.

Nhưng ở Việt Nam, đại học chưa thể là nơi kinh doanh được, vì nhiệm vụ hàng đầu của họ là phải đào tạo nhân lực cho nền kinh tế nước nhà và nâng cao trình độ dân trí. Mặc dù đã có nhiều tiến bộ, nhưng nói chung, trình độ dân trí của nước ta còn rất thấp so với các nước đã phát triển trên thế giới và một số nước đang phát triển trong vùng. Do đó, để tránh tình trạng bị nô lệ về tri thức, Việt Nam cần phải có một chiến lược giáo dục khả thi nhằm trang bị những tri thức hiện đại và nâng cao trình độ học vấn của dân chúng để Việt Nam có thể chuẩn bị cho công cuộc công nghiệp hóa trong vòng vài thập niên tới. Thiết nghĩ không có cách gì khác là Việt Nam phải, dùng chữ của một nhà giáo trong nước, *"chấn hưng toàn diện, cải cách mạnh mẽ, hiện đại hóa"* nền giáo dục.●

Chú thích:

[3] Đó là chưa kể những trường "đại học tại chức" đã và đang mọc lên như nấm hiện nay ở nhiều tỉnh lỵ, huyện, và cả làng xã. Có vài làng ở Nam Định và Nghệ An thậm chí có cả hai trường đại học tại chức! Số lượng các "trường" này nhiều đến nỗi Bộ Giáo dục và Đào tạo không còn kiểm soát nổi hoạt động của họ. Tất nhiên, đại đa số những trường này không được nhà nước công nhận, nhưng họ vẫn hoạt động, vì có nhu cầu. Hiện nay, đã có hơn 300 ngàn sinh viên theo học dưới hình thức tại chức như thế. Một con số chưa từng có trong lịch sử giáo dục ở nước ta! Tình trạng này đã làm cho các cơ quan quản lý như Bộ Giáo dục và Đào tạo vào thế bị động, lúng túng. Trong một bài báo trên *Nhân Dân Điện Tử* mới đây của ông Phan Huy Hiền, sự gia tăng nhanh chóng số lượng học sinh từ xa và tại chức đã đến mức độ mà *"Bộ Giáo dục và Đào tạo không còn kiểm soát nổi chỉ tiêu tuyển sinh cũng như chất lượng đào tạo ở các lớp tại chức do các trường đại học mở."*

QUÁN VEN SÔNG

HOÀNG KHỞI PHONG

Cho Hằng ngày sinh nhật 22 tuổi
Thân tặng Hương, Thùy,
Hưng & Hòa & Tinô

Người đàn ông đứng dậy, dời khỏi ghế tiến ra sát bờ nước. Chỗ ông ta ngồi, chỉ cách những bậc thang bằng đá từ bờ sông xuống con nước không đầy ba thước. Nước xuống thấp để lại những ngấn rêu xanh, đen trên mặt những bậc cầu thang.

Ông ta ngẩng mặt lên nheo mắt nhìn qua bên kia sông, thấy sát ngay mé nước bờ bên kia, những bụi ô rô, những bụi cóc kèn, chen lẫn với những khóm lau sậy sơ xác. Thấp thoáng đàng sau những khóm lau sậy này, có một vạt đất ruộng phủ đầy cỏ dại, mà ngay từ bên này sông, ông ta có cảm giác khoảnh đất không lấy gì làm bằng phẳng. Ông ta còn nhìn thấy một đám trẻ thả diều, chơi đùa, chạy nhảy, rồi lẩm nhẩm trong miệng:

"Đất hoang bên bờ sông thì phẳng thế quái nào được?"

Ngay bìa vạt đất vài con trâu đang nhơi cỏ hiền lành, bên trong vạt đất hơn chục chú bé nửa nhà quê, nửa thành phố đang hăm hở với trận banh không khán giả. Người đàn ông đưa cái máy ảnh lên, mở *"zoom"* hết cỡ. Bề ngang con sông khá rộng, thành thử trong ống kính, trâu cũng như người quá nhỏ so với những con sóng liên tục vỗ vào bờ đất. Ấy là chưa kể so với những đám mây trắng nõn nay trên đỉnh trời, cùng những khóm sậy xơ xác, đìu hiu ngả nghiêng theo những cơn gió lướt qua trên mặt sông rộng.

Người đàn ông ngồi xuống bậc đá trên cùng, lúi húi cởi giầy, vớ rồi dón dén bước xuống thêm một bậc đá nữa. Lớp rong rêu trông mịn và đẹp như một lớp nhung mầu xanh lục ngả đen, cho ông ta một cảm giác nhờn nhờn. Gió từ lòng sông thổi lên, làm cho cái áo gió của người đàn ông không cài kỹ, bị gió đánh bay phất phới ra sau lưng. Ông ta trượt chân suýt ngã, vội ngồi thụp xuống bậc đá thứ hai. Ông ta dùng đôi chân trần chà trên mặt rêu mịn, cho tới khi không cảm thấy nhờn nhợn mới dợm bước xuống. Ba lần dùng chân chà trên lớp rêu bám trên mặt bậc đá, ông ta lần xuống được chỗ muốn xuống. Ông ta cởi chiếc áo gió lót xuống mặt bậc đá thứ tư, ngồi thõng chân xuống dòng nước chảy xiết.

Người đàn ông cố lắng tai nghe những tiếng động từ bên kia sông vẳng sang, nhưng chỉ nghe được tiếng gió vi vu, lẫn trong gió là tiếng ì ầm của thành phố từ xa vọng lại, cùng những tiếng động cơ máy đuôi tôm, của những chiếc ghe ì ạch ngược dòng nước, thả những cụm khói xanh lơ bị gió đánh tan tác trên mặt sông. Ông ta nhìn thấy những cụm lục bình trôi xuôi theo con nước, mang theo những cánh hoa tím ngắn ngắt rập rình trên mặt sông. Những đóa hoa tím cứ mỗi lúc một xa.

Người đàn ông thầm nghĩ, dễ chừng hơn hai chục năm nay mình không được tắm sông. Không cả một cơ hội nhúng chân xuống một con nước lớn, nói gì tới hạnh phúc được ngâm mình trong một dòng sông sắp ra cửa biển?

Đột nhiên người đàn ông thèm nhấm một chút nước sông, mặc dù ông ta biết vùng đất này đang ô nhiễm. Con sông chính là nơi mỗi ngày nhận cả trăm, ngàn tấn rác của hàng triệu thị dân trong thành phố, trút xuống con nước. Những đống rác đôi khi nổi lềnh bềnh, như một cái gò mả trồi lên trên mặt sông. Ông ta ngẫm nghĩ một chút, rồi không tự chủ được cúi xuống, vốc một vốc nước trong hai bàn tay che khum lại, đưa lên miệng nhấm mùi ngai ngái của nước sông. Nước sông lọt qua những kẽ hở của bàn tay, rớt xuống bị gió tạt vào người, xuôi theo cổ xuống tới ngực, làm cho ông ta rùng mình.

Những ý nghĩ dồn dập trong đầu ông ta, hệt như những cơn sóng vỗ vào bờ đất: Ngày xưa mình đã nhiều lần xém chết đuối, lần nào cũng no một bụng nước. Nào có xá kể gì một

hợp nước này. Mình cũng đến khỉ, ở với sông biển, ngày nào cũng tắm táp vẫy vùng từ khi còn là một cậu trò nhỏ, thế mà tới giờ này hơn năm chục tuổi đầu vẫn bơi như một con chó, quào quào trên mặt nước, rồi chìm nghỉm.

Sau khi uống ngụm nước, người đàn ông ngồi yên lặng trên bậc đá thứ tư, nhìn ra mặt sông rộng. Nắng chiều còn vương lại nơi vạt đất ven sông, khiến những khóm lau sậy, ô rô, cóc kèn ven bờ thêm đìu hiu. Bóng những chú nhỏ cầu thủ nửa quê, nửa tỉnh mỗi lúc một nhạt nhòa.

Tiếng hát của một nữ ca sĩ nào đó, vọng từ trong quán đưa ra một bài nhạc quen thuộc, như bắc một chiếc cầu đưa những suy nghĩ của người đàn ông lùi lại vài chục năm trước. Ngày đó ông ta còn là một cậu bé học trò, của một thành phố nhỏ nơi đất Bắc. Cũng một con sông, và những cánh bèo. Có khác chăng là con sông ngày thơ ấu không có một quán cà phê, cho cậu trò nhỏ ngày xưa được nương tiếng nhạc, vọng tới tương lai. Như giờ đây ông ta đang được tiếng nhạc từ trong quán vẳng vọng ra, dìu về quá khứ.

Gió mỗi lúc một mạnh, làm như gió muốn thổi bay những vạt nắng hoe vàng cuối ngày bên kia sông, lùa những vạt nắng này tới một nơi khác. Nơi khác nào đó chắc hẳn không phải là thành phố phía sau lưng người đàn ông. Bởi vì mọi thành phố không bao giờ là chốn đậu của những vạt nắng chiều.

"Chú Hai ngồi dưới đó nghịch nước, làm em tưởng chú Hai là ma, rõ ràng thấy chú ra ngồi nơi mấy cái ghế này, mà quay qua lại biến mất tiêu. Mà chú Hai ngồi dưới đó làm cái gì vậy, mà sao coi mặt Chú Hai buồn thiu hè?"

"Tôi nói cô đừng sợ, tôi là ma thiệt đó. Ma tây chứ không phải ma ta, hay ma da. Ngày xưa tôi chết đuối tại khúc sông này."

Bóng chiều đã nhạt nhòa, trong ánh sáng nhờ nhờ người đàn ông trông thấy cô gái bán quán mặt thất sắc. Cách đây nửa tiếng đồng hồ khi bước vào quán, ông ta đã để ý thấy vẻ xanh xao tiều tụy của cô gái. Lời nói chơi của người đàn ông, làm cho mặt cô gái vốn xanh mét, biến thành xanh lè. Nỗi sợ hãi làm cho cô gái đứng trên bờ muốn khuỵu xuống. Ông ta cả cười, bước lên mấy bực cầu thang. Tiếng cười vang động cả mặt sông, làm cho cô gái lấy lại được bình tĩnh.

"Chú Hai làm em hết vía. Mà con sông này có ma thiệt đó chú Hai. Em nghe dì em nói cách đây mười mấy năm, đâu sau *"giải phóng"* vài năm, có chiếc ghe chở người vượt biên bị đắm ngay giữa sông. Mấy người đàn ông biết bơi thoát chết, còn đàn bà con nít chết cả mười mấy người. Hồi mới mở cái quán này, dì em phải ngủ lại để trông chừng đồ đạc, đêm trăng nào dì cũng nghe tiếng người khóc vang lừng mặt sông."

"Tôi nói thiệt cô nghe, tôi là ma đó. Ngày đó tôi không biết bơi, nên chết đuối khúc sông này. Nhưng tôi là ma hiền, không nhát ai. Đêm trăng sáng tôi cũng hay hiện hồn về, nhưng không phải để khóc, mà để nhìn lại cảnh cũ người xưa, cho đỡ nhớ."

Cô gái thụt lùi vài bước, nét mặt mới tươi được một chút lại xanh như tầu lá, miệng méo xệch muốn mếu, nhìn người đàn ông bán tín bán nghi. Người đàn ông nhận thấy chỉ cần thè lưỡi ra nhát một cái, có lẽ cô ta có thể co giò bỏ chạy không chừng. Bóng tối mờ mờ đã bao phủ mặt sông từ hồi nào mà ông ta không hay. Người đàn ông mỉm cười, móc thuốc lá ra hút cho cô gái yên dạ. Ông ta dùng hai bàn tay khum lại, che cho gió không thổi tắt que diêm. Tiếng người đàn ông vang lên, cùng với một làn khói thuốc vừa mới thở ra đã bị gió cuốn đi ngay lập tức:

"Quán này mở được bao lâu rồi? Sao lại để là *'Quán Không Tên'?"*

Cô gái đã hoàn hồn, trả lời tự nhiên:

"Em biết chú Hai là Việt Kiều, vì Việt Kiều mới mang máy ảnh bự xư như chú Hai, nhưng chú Hai hay giỡn quá làm em sợ. Em mới từ Đà Nẵng vô đây làm cho dì em được nửa năm, nên không biết quán mở được bao lâu, mà cũng không hỏi dì em tại sao không chọn một cái tên đẹp đẽ, như tên mấy cô gái Huế. Quán không tên nghe tức cười thấy mồ.

"Cô tên là gì?"

"Chú Hai hỏi tên em làm chi? Tên em xấu lắm, không đẹp như tên mấy cô gái Huế."

"Tên xấu cũng phải có để gọi, chẳng lẽ cô cũng như quán này, không có lấy một cái tên riêng? Cô bao nhiêu tuổi rồi?"

"Mấy người Việt Kiều như Chú Hai hay làm phách lắm. Tên em là Thu Ba. Em học hết cấp ba rồi nghỉ học, vô trong này phụ dì em buôn bán."

Người đàn ông bước tới ngồi xuống một cái ghế. Ánh lửa đầu điếu thuốc soi tỏ khuôn mặt đã luống tuổi. Ông ta nhìn ra mặt sông, kế đó quay lại nhìn thẳng vào mặt cô gái nói:

"Cô thua tuổi con gái tôi, đã gọi tôi bằng chú thì phải xưng là cháu. Gọi là chú mà xưng

em thì coi như chưa học xong được cấp ba. Bộ bây giờ người ta không dậy học trò xưng hô cho đúng phép hay sao?"

Tên của cô gái làm cho người đàn ông nhíu mày. Những ý nghĩ về một cô gái tỉnh nhỏ, thời xa xăm cũ ùa về. Ngày xưa mình có cô bạn tên là Thu Ba, cũng là người Đà Nẵng. Mấy cô gái Đà Nẵng thời nào cũng gờm gờm mấy cô gái Huế. Mấy cô Hải Phòng lại ngại bóng, ngại gió mấy cô Hà Nội. Chỉ có mấy cô miền Nam, là giữ được vẻ thản nhiên trước mấy cô Sài Gòn. Chuyện phụ nữ, chuyện làm ăn buôn bán, chính trị, cách mạng, chuyện lớn chuyện nhỏ... sao con người đầy đầu óc địa phương. Nghĩ thật buồn cười, giờ này ở khắp nơi người ta coi trái đất nhỏ như trái banh. Nước mình thì bé bằng hạt táo, mà ai nấy lại còn khoanh vùng, cắt lát cho nhỏ thêm ra nữa.

Người đàn ông nhìn cô gái nghĩ thầm: Học hết cấp ba chắc 19, 20 tuổi là cùng, mà sao trông đã khổ đau, sầu não quá thể. Bằng một giọng từ tốn, giọng của kẻ bề trên nói chuyện với người dưới, ông ta hỏi cô gái:

"Cháu phụ bán hàng cho dì, được dì cháu trả lương tháng hay là nuôi cháu ăn học tiếp?"

"Không phải mình cháu, mà còn chị cháu nữa. Ngoài Đà Nẵng khổ lắm, mạ cháu cho hai chị em vô trong Nam theo dì cháu tập làm ăn buôn bán. Chị cháu đã bỏ học luôn rồi. Còn cháu may mắn ra nếu thi được vào một chuyên ngành nào, thì học tiếp. Học lên Đại Học tốn kém lắm, mạ cháu không có khả năng."

"Thế cháu đã thi vào ngành nào chưa?"

"Cháu vô tới đây thì năm học đã trễ, đành phải chờ năm tới. Nhưng thi vào các trường chuyên khó lắm, phải là con nhà *'Cách Mạng'*, những người nhiều tiền của, hay những người học thiệt giỏi mới có hy vọng. Lý lịch cháu không sạch, lại phải coi quán cả ngày, không có thì giờ ôn bài. Cháu đi thi cầu may thôi."

"Sao không thấy dì và chị của cháu trông quán. Có mình cháu, quán lại nằm trong khu khuất vắng không sợ sao?"

"Chị cháu hôm nay đi chơi với bạn trai, ảnh cũng là Việt Kiều như chú. Còn dì cháu về nhà ăn cơm chiều, mãi bảy giờ mới tới quán. Giờ này mới có hơn sáu giờ chiều."

"Chú đọc báo thấy trộm cắp, ăn cướp nhiều như rươi. Quán chỉ có ba dì cháu làm sao xoay trở khi có chuyện?"

"Hồi đầu mới đi bán cháu cũng sợ lắm, riết rồi cũng quen đi, vả lại cháu nghĩ ăn cướp không đáng sợ bằng những người có quyền. Vì nghèo quá mà phải ăn cướp, nên họ cướp làm chi một cái quán nghèo cho mất công. Những người có quyền không bao giờ nghĩ đến những người thấp cổ bé miệng mới là đáng sợ."

"Ba cháu còn sống không? Ngày xưa ổng làm gì?"

"Ba cháu chết hồi *'giải phóng'*, ngày đó mạ cháu mang thai cháu mới có bốn tháng trời. Ba cháu là lính miền Nam. Còn Chú Hai ngày trước làm gì? Hiện giờ chú là Việt Kiều ở Pháp, hay Việt Kiều ở Mỹ?"

"Ngày xưa chú cũng làm lính giống ba cháu. Còn bây giờ chú đang sống ở Mỹ... Bộ Việt Kiều tại Pháp với Việt Kiều tại Mỹ khác nhau hay sao?"

"Khác chớ, mấy người ở Pháp về ăn mặc lịch sự, ít phách lối, không đeo túi trước bụng, nhưng họ cũng tiêu tiền kỹ hơn Việt Kiều tại Mỹ."

"Cháu còn em nào không?"

"Không, ba cháu chết rồi má cháu ở vậy luôn. Nhưng cháu có hai người anh, má cháu cho vượt biên quá trễ, bây giờ còn bị giữ tại đảo, chờ trả về cho Việt Nam. Phải chi anh cháu đi sớm hơn vài năm thì giờ đây cũng có thể thành Việt Kiều về thăm nhà, mang tiền về cho mạ cháu."

Gió đột nhiên dịu lại, mây đen từ đâu ùn ùn kéo về. Trong chớp mắt mưa ào xuống như có ai đó trên trời, đổ nước xuống. Cả hai ù té chạy vào trong quán.

Cô gái bỏ vào lui cui trong bếp. Người đàn ông ngồi nơi cái bàn kê sát ngay cửa sổ. Gió thốc vào trong quán lá, thổi tung mấy tờ lịch treo trên tường, những tờ lịch in hình các nữ tài tử Trung Hoa, trong những bộ quần áo hở hang, bay trong gió trông sống động như người thật.

Người đàn ông nhìn ra mặt sông. Trời mưa làm cho không gian trở thành một cái màn mầu trắng. Khói thuốc từ miệng người đàn ông phà ra, bị những làn hơi nước từ ngoài thốc vào chặn lại, khiến cho quán đầy đặc khói thuốc.

Người đàn ông nhìn ra ngoài, những giọt mưa nặng hạt, quất xiên ngang bầu trời như những ngọn roi, tạo thành những âm thanh dồn dập trên mái lá.

Ông ta nhìn ra mặt ao nhỏ nằm ngay trước mặt quán. Những con cá thòi lòi bé bằng ngón tay trỏ, từ những vũng bùn ven sông bò lên bờ, đi lò dò tới những nơi có ánh sáng. Chúng dương những cặp mắt thao láo nhìn vào ngọn

đèn treo giữa quán. Tiếng nhạc đã ngưng bặt từ hồi nào. Từ những hang hóc ngoài bờ ao vang lên một khúc đồng ca của côn trùng nỉ non, thỉnh thoảng được đệm nhịp bằng tiếng cóc nhái, ễnh ương như những giọng ca của các ca sĩ hát bè chính.

Người đàn ông nhìn về phía ánh sáng gắt, hắt lên từ những cao ốc trong thành phố. Chỉ cách nhau vài cây số, mà rõ ràng là hai thế giới khác biệt. Ông ta quay lại nhìn vào trong quán, lòng nhuốm đầy u hoài.

Quang cảnh của quán cà phê làm ông ta nhớ tới một bài thơ của Quang Dũng. Ba chục năm trước đây khi còn là một người lính rất trẻ, đã có lần ông vô cùng thích thú khi tình cờ được đọc bài thơ này trong một cuốn sổ tay, của một người lính dưới quyền. Bài thơ nói về một quán nhỏ ven sông, người chủ quán là một thiếu phụ còn trẻ, vì giặc giã mà phải lìa nơi chôn nhau cắt rốn, vì sinh kế mà phải dựng tạm một quán nước ven sông. Nhân vật trong bài thơ, là những người lính vì chiến tranh mà phải xa nhà.

Những người lính trong bài thơ của Quang Dũng đẹp một cách chập chờn, và hư ảo như cuộc chiến trên đất nước này. Hơn một thế kỷ liền, chiến tranh khi ẩn, khi hiện, khi tàn khốc, khi âm thầm. Hết trận giặc này, đến trận giặc khác. Thôi thì đánh Tây, đánh Tầu, đánh Mỹ. Nhưng dai dẳng nhất là đánh lẫn nhau, năm này sang tháng nọ, đời này đến đời kia. Làm như không bắn giết thì không phải là những con người đang còn sống. Những người lính trong bài thơ của Quang Dũng rối rít gọi cà phê, gọi thuốc lá. Anh lính râu ria nhân vật chính gọi một ly rượu nhỏ:

... Một người kêu cà phê
Một anh gọi thuốc lá
Một người nhìn sau trước
Chị ơi! Ly rượu nhỏ!
Rượu nhỏ một ly thôi
Một ly cho đỏ mặt
Cho lên hương cuộc đời
.....
Khuya khoắt bờ sông vắng
Tiếng súng rền xa xa
Lính mấy chàng phạch ngực
Nhẹ hát một bài thơ.
(Lính Râu Ria- Thơ Quang Dũng)

Bài thơ thiệt hay, ông ta từng đọc nó trong những căn lều nhìn ra sông Vệ, sông Tiền, sông Hậu, sông Hàn, sông Thạch Hãn, sông Ba, sông Đà Rằng, sông Dabkla, và những con sông quỷ quái gì nữa, nghèo đến độ không có cả một cái tên để gọi. Hễ cứ ngồi một quán nhỏ, nhìn ra sông nước là ông ta lại nhớ tới bài thơ này. Mà nghĩ cho cùng bài thơ cả về ý, cũng như lời chẳng có gì to lớn, vĩ đại. Nó chỉ nói lên cái tình nhỏ nhoi giữa con người với con người, giữa con người với đất đai.

Dường như người lính nào cũng cũng giống nhau, có những cái chung. Trong chiến tranh, họ có thể say máu, điên cuồng bắn giết những người lính phe địch ngoài mặt trận. Mỗi khi chiến trận trở về, những người lính thật đúng nghĩa là lính, chỉ khác nhau vì bộ quân phục, vì chính kiến trong đầu, là những thứ bị người ta áp đặt cho mỗi đạo quân, cho mỗi người lính. Chính vì những thứ bị áp đặt này, mà họ phải bắn giết lẫn nhau. Nhưng sâu thẳm trong tâm hồn những người lính, tuy binh phục khác nhau, song lại có nhiều điểm giống nhau kỳ lạ.

Chính vì thế mà ông ta có thể yêu thơ Quang Dũng, một người lính yêu nước nồng nàn, đã có một thời chung hàng ngũ chiến đấu với cha của ông ta. Nhưng trong chiến tranh sau cùng, Quang Dũng và ông ta bị những chính kiến người ta áp đặt lên mỗi người lính, đẩy hai người vào hai phía thù địch. Cái bài thơ quỷ quái đó thật là hay, nó ám ông ta suốt mười mấy năm quân ngũ, đeo đẳng ông ta mấy chục năm xa nhà. Nó khỉ đến độ có nhiều khi leo núi nơi xứ người, băng ngang một con suối nhỏ, hễ cứ thấy dòng nước chảy là y như rằng ông ta nhớ tới tay lính râu ria trong bài thơ này.

Ông ta nhớ tới thi sĩ Quang Dũng, mới đó mà giờ cũng đã thành ra người thiên cổ, thân đã vùi nông một nấm đất thấp lè tè, mà hồn thì dường như còn lẩn quất những bến sông. Sông nước thì nhiều, hồn Quang Dũng nếu có, hẳn nhiên lẩn quất nơi bến sông mãi tận Sơn Tây quê nhà. Còn ông ta cũng đến khỉ, đã chết đâu. Còn sống sờ sờ mà hồn lúc nào cũng loanh quanh những nơi đầu ghềnh cuối bãi, luẩn quẩn với những nơi đâu đâu.

Người đàn ông ngước mắt nhìn về phía thành phố. Bên kia sông, cách nơi quán này một thôi đường ngắn, hơn 40 năm trước đây ông ta là một chú bé ngơ ngác, đặt chân xuống một bến sông trong một miền đất xa lạ. Thoáng một cái chú bé trở thành một người lính. Thoáng một cái mười mấy năm chém giết trôi qua, ông ta đã nhiều lần ngồi tại những quán vắng ven sông, nhiều lần tưởng nhớ tới hòa bình chưa bao giờ chạm mặt.

Chém giết mãi cũng có ngày chấm dứt, mùa chinh chiến rồi cũng phải qua đi. Cũng tại bến sông ngày nào theo cha mẹ từ Bắc vào Nam, người lính thất trận leo lên một chiếc tầu trong đêm tối. Tầu trôi trong đêm, cứ trôi hoài trong đêm.

Thoáng một cái nữa, lại hai chục năm khác qua đi. Giờ đây chú bé đã ngoài năm chục, đã đi khắp mọi nơi, lòng đã chùng như một sợi dây đàn lâu ngày không ai sờ tới. Khỉ một điều là ông ta không bao giờ được sống cho hiện tại, lúc nào cũng vọng tưởng chuyện cũ, hay phóng tới ngày mai.

Nhìn những giọt nước mưa rơi loang loáng qua ánh đèn hắt qua cửa sổ, ông ta tự hỏi: Không biết mấy chục năm nay mình có sống thật hay không? Chẳng lẽ đã đổ biết bao nhiêu mồ hôi, nước mắt trong mấy chục năm méo mó chắp làm người, mà mình lại vẫn chỉ là một người sống giả? Không có lẽ mình là người giả sống?

Ngoài trời mưa đã ngớt. Người đàn ông nhìn vào chiếc đồng hồ đeo tay thầm nghĩ: Mưa to gió lớn thế này, tội cho mấy đì cháu chủ quán. Tội cả cho cái người hẹn mình đến đây, giờ này chắc đang loi ngoi luồn lách trên đường ngập nước.

Tiếng côn trùng càng lúc càng rền rĩ, người đàn ông lại lẩn thẩn nghĩ: Thật là kỳ cục, giờ đây tiếng súng không còn đồng vọng khắp mọi miền, nhưng sao đời sống vẫn xôi lên sùng sục, nóng bỏng hơn cả lửa đỏ của chiến chinh. Thật mình không hiểu nổi. Ở bên đó, trong những căn nhà sạch sẽ, nơi những khu phố tĩnh mịch, thì khí huyết lúc nào cũng nhộn nhạo, bồn chồn. Khi về tới đây, suốt ngày nghe tiếng động, tiếng của đời sống thúc vào tai, rền hơn cả tiếng sấm, tiếng bom đạn, thế mà mình lúc nào cũng u hoài, lòng phẳng lặng như mặt nước ao bèo?

Cô gái bán quán sau một hồi lục đục trong bếp đã ra phòng ngoài. Cô đứng trước dàn máy hát, lui cui sắp xếp những cuốn băng nhạc. Dưới ánh đèn cô gái khác hẳn dưới ánh nắng chiều, đã có da, có thịt. Sắc mặt xanh mét, hơi tái đã được ánh đèn tô điểm lại một chút sinh khí. Mái tóc xõa ngang lưng của cô gái, thỉnh thoảng bị gió từ lòng sông lọt vào quán, làm tung bay phất phới.

Cô gái nhìn người đàn ông luống tuổi, có những sợi râu chớm bạc dưới cằm. Đột nhiên cô gái thèm muốn có một người, để cô có thể được gọi bằng cha. Giọng cô gái nhẹ vang lên trong quán vắng, bị tiếng mưa rơi trên mái lá át đi:

"Chú Hai."

Người đàn ông dường như đang đắm chìm trong cơn suy nghĩ, nên không nghe được tiếng cô gái. Cô gái to giọng hơn lần trước:

"Chú Hai coi bộ nhớ nhà bên Mỹ phải không?"

Người đàn ông quay lại mỉm cười vu vơ. Cô gái thấy một điều lạ lùng nơi người đàn ông này. Ông ta trông khá già, nhưng khi mỉm cười thì lại trẻ trung, như một một người đàn ông chưa quá 30 tuổi.

"Chú sống ở Mỹ nhưng không có nhà để

TRẦN CÔNG NGHỊ

NHẠC XANH

như tấm lòng xanh gởi đến em
như buổi sớm mai rất êm đềm
những chùm khế ngọt đong đưa trong gió
con chim ngập ngừng muốn bay

có còn không ngày tháng đợi
có còn không ngày tháng chờ
nào đâu những buổi mai sương lạnh
nào đâu những con đường ngẩn ngơ

và đó đây những ngu ngơ một thuở
những dại khờ chẳng thốt nên lời
này con chim thời tuổi nhỏ
có còn không hay đã bay rồi

này tiết xuân trời còn lạnh
này là buổi mới tan trường
này nắng quái chiều hôm chưa tắt
này xốn xang lòng trăm mối chờ

lòng ai khát khao chờ con suối mát
như trăng lên chờ gió lao xao
ai ở bên kia cất cao lời hát
ta chết lặng thầm nơi chốn nao

4.2001

nhớ."

"Chú nói chi lạ, nhiều người ở đây sống dưới gầm cầu, đi ăn xin bữa đói bữa no, không biết sẽ chết bờ chết bụi ngày nào, nhưng cũng vẫn phải có chỗ chui ra chui vô, huống hồ bên đó."

"Chú sống ở Mỹ, nhưng nếu chú có nhà, thì chú muốn nhà chú tại đây. Tiếng Mỹ *'house'* là nhà, mà *'home'* cũng là nhà. Tiếng đầu để chỉ một căn nhà trống trơn không có đồ đạc, không có người ở, giống như một căn nhà hoang. Tiếng sau chỉ căn nhà có người ra vào, khói bay lên từ trong bếp, tiếng cười trẻ thơ nơi hàng hiên. Đó là một nơi có hơi người, một chốn nhiều kỷ niệm để thương nhớ."

"Nói như thế chú có *'house'* bên đó, mà *'home'* bên đây. Chú giầu xụ hỉ?"

"Không phải, ở cả hai nơi chú chỉ có chỗ trú ẩn. Chú không có nhà, mãi mãi không có nhà. Sau này may ra chú có riêng một nấm mồ. Đúng thế chỉ khi nào chú chết đi may ra mới có một khoảnh nhỏ cho riêng mình."

"Chú sao mà rắc rối, ở đâu thì chọn phứt một nơi cho rồi. Bộ chú tính cả đời đứng núi này trông núi nọ sao?"

"Người Mỹ cũng có một câu tương tự. Họ nói là cỏ vườn nhà hàng xóm xanh hơn cỏ nhà mình."

"Mấy cô gái Việt Nam ở bên Mỹ chắc là đẹp và sang cả lắm hả chú?"

"Cái đó còn tùy mỗi người. Có người thích làm việc, học hành. Có người thích la cà dong chơi. Nhưng ở đâu cũng vậy, điều quan trọng phải biết mình là ai, muốn gì? Ở đâu cũng có người sướng, kẻ khổ. Nhưng mà nghĩ cho cùng sướng hay khổ, trước tiên do chính mình mà ra."

"Cháu thích sang bên đó. Ai nấy đều có xe hơi, nhà cao cửa rộng, đồ ăn thức uống ê hề. Cháu coi hình mấy người Việt Kiều gửi về, người nào người nấy trông béo tốt, phương phi, rạng rỡ."

"Chú tin là nếu cháu được sang bên đó, cháu sẽ hoài nhớ cái quán này. Chú mới tới đây có một lần, nhưng chú biết sẽ nhớ chốn này mãi mãi. Hôm nay trời mưa, coi bộ vắng khách phải không cháu?"

"Vẫn còn sớm mà Chú Hai. Cỡ tám giờ trở đi, quán mới đông. Nhưng mà chú nói đúng, hôm nay trời mưa chắc là vắng khách. Mọi khi giờ này thế nào cũng có năm bẩy cặp tới sớm."

"Quán mở cửa tới mấy giờ?"

"Chừng nào hết khách mới đóng cửa. Mấy đêm cuối tuần có khi hai giờ sáng cháu mới được lên giường. Nhưng vào mấy đêm có trăng, cháu lên giường rồi cứ mải ngắm trăng chiếu qua cửa sổ, cũng không ngủ được. Thế là cháu nhỏm dậy, ra đứng bên cửa sổ nhìn xuống dòng sông, mặc cho muỗi chích khắp người. Chú mà được ngắm trăng trên dòng sông này, có khi chú sẽ muốn ở đây luôn, không về lại bên đó nữa."

"Vậy là từ khi có chị em cháu, dì cháu không ngủ tại đây nữa. Chỗ này dì cháu làm chủ, hay là thuê?"

"Dì cháu thuê mặt bằng, nhà dì cháu cũng gần đây thôi. Chú Hai nè, cháu thấy Chú Hai có cái gì ngồ ngộ."

"Chắc là chú giống mấy người khật khùng phải không?"

"Không phải... Mà cũng gần giống."

"Ở bên đó chú khùng ít, về tới đây chú khùng bạo."

Mưa đã tạnh hẳn, có tiếng người lao xao ngoài chỗ gởi xe. Cô gái bán quán bỏ vào trong sửa soạn thức uống. Một người đàn bà, tay dắt một đứa con trai chừng sáu bẩy tuổi bước vào quán. Người đàn ông nghĩ thầm chắc đây là bà dì của cô gái.

Người đàn ông dợm đứng dậy, ông ta mang ly nước ra ngồi lại nơi cái bàn ông ta đã ngồi, trước khi cơn mưa bất ngờ ập xuống.

Người đàn ông lắng tai nghe tiếng nhạc vẳng ra từ trong quán. Tiếng nhạc át đi những lời nỉ non của côn trùng, làm nhẹ đi những tiếng cười rúc rích của các cặp tình nhân cần bóng tối ngồi rải rác chung quanh.

Bên kia sông, phía xa xa là những luồng ánh sáng gay gắt của thành phố, hắt lên bầu trời còn sũng hơi nước. Mặt trăng thượng tuần đã ló lên từ phía thượng nguồn của dòng sông. Mảnh trăng non khi vừa nhú lên, in bóng xuống dòng nước thành một vệt loang loáng, khiến cho người đàn ông có cảm tưởng trăng cũng bơi theo con nước ra ngoài biển.

Trong bóng đêm người đàn ông thỉnh thoảng nhìn thấy những đốm lửa đầu thuốc lá lóe sáng, hiện lên những khuôn mặt trẻ trung mà lạ lẫm. Người đàn ông hiểu rằng thời chiến tranh của ông đã qua. Giờ đây một thời khác đang tới, một thời không có tiếng đạn bom, nhưng không hẳn con người đã có hạnh phúc. Trước kia trong chiến tranh, con người ngã xuống hàng loạt do súng đạn nơi trận tiền. Còn giờ đây trong hòa bình, con người ngã xuống rải rác khắp mọi nơi, ngã xuống bởi

trăm ngàn lý do.

Ông ta nhìn qua bên kia sông, nơi những chú nhỏ nửa quê, nửa tỉnh đá banh hồi chiều, và bắt gặp những tấm bảng quảng cáo rực rỡ ánh đèn. Những tấm bảng quảng cáo bằng điện quang hệt như là những mảnh thần tiên cho đời sống ở đây, nhưng thật ra đằng sau những tấm bảng quảng cáo này là hàng triệu nhân công, như chính ông ta đã đổ mồ hôi trong những xưởng máy, để đem lại sự giầu có cho những chủ nhân, mà có khi suốt một đời cặm cụi, những người lao công không bao giờ nhìn thấy mặt chủ nhân.

Dưới tay những thương nhân trong thời đại này, không phải là những đoàn lữ hành, cùng những con lạc đà chở hàng hóa băng ngang sa mạc, hay những cánh buồm đơn độc trên mặt đại dương, trong các sông hồ. Dưới tay những thương nhân hiện nay là phương tiện chuyên chở khổng lồ trên trời, dưới nước. Dưới tay họ là hàng trăm chuyên viên cặm cụi trước những dàn điện toán, hàng ngàn xưởng thợ, hàng triệu nhân công. Hàng hóa sản xuất chất cao như núi. Những thương nhân hiện nay ngồi trong những dinh thự nguy nga tráng lệ, không cần cất công đi xa, vẫn nhìn thấu mọi xó xỉnh trên mặt đất, mà vẫn trục lợi được từ khắp mọi xứ sở.

Như những tấm bảng quảng cáo điện quang kia, xuất phát từ một nơi xa lạ nào đó, đã được những người thương nhân của thời đại này mang tới đây. Chúng soi sáng một khoảnh đất ven sông, thay đổi đời sống một số người, nhưng đồng thời sẽ bóc lột rất nhiều con người.

Đã nửa tháng nay, mỗi đêm người đàn ông chỉ chợp mắt được một lát, rồi bị đánh thức bởi những tiếng rao hàng, tiếng động cơ xe rú lên trong bóng đêm. Ông ta cũng bị đánh thức bởi một bầu không khí ngột ngạt của mùa mưa nhiệt đới. Mỗi buổi sáng người đàn ông bắc ghế ngồi nhìn ra con lộ trước nhà, và bắt gặp những đoàn người đông như kiến vụt qua trước mặt.

Người ở đâu ra mà đông đến thế. Đã nhiều lần người đàn ông đếm thử những chiếc xe đủ loại, vụt qua trước hiên nhà, bằng cách nắm hai bàn tay lại. Cứ mỗi trăm chiếc xe, ông ta lại duỗi một ngón tay ra, và rồi thì mười lần như một, ông ta bỏ cuộc sau vài phút đồng hồ, bởi không thể nhớ được bàn tay ông ta đã xòe ra, nắm lại mấy lần. Người ta vụt qua trước mặt như nước trong mùa lũ, từ trên các đỉnh cao tràn xuống. Nếu sức dân là sức nước, như một danh nhân lịch sử nào đó đã nói cách đây mấy trăm năm, thì trước mặt người đàn ông là những con nước bất ổn, bởi vì trên nét mặt mọi người, ai nấy đều vội vã hốt hoảng.

Nếu sức dân như sức nước, thì nước hiện nay tràn trề khắp hang cùng ngõ hẻm, ối đọng trên rừng, dưới biển, thừa mứa trong làng xóm, ngoài thành thị, dưới gầm cầu, trong xó chợ, kể cả trong những bãi tha ma cũng luôn luôn chập chờn ẩn hiện những con người. Thế nhưng những lượng nước đó không bao giờ tụ lại, thành những dòng nước có sức mạnh, chúng chỉ là những vũng nước chẩy ngoằn ngoèo, và rồi cuối cùng bị đất hút đi, thân cát bụi lại trở về với cát bụi. Cũng sức nước này, ở những nơi khác trên mặt địa cầu, những giống nòi khác đã làm nên những công trình vĩ đại, tạo thành một xã hội xứng đáng cho mọi con người.

Chỗ người đàn ông ngồi uống nước, dòng sông lượn hình cánh cung, khiến ông ta có cảm giác như đang ngồi nơi một ngã ba sông. Dưới ánh trăng, cảnh vật hai bờ sông có vẻ huyền bí, không đìu hiu như dưới ánh nắng vàng vọt của buổi chiều tà.

Cơn mưa chiều đã hoàn toàn mất dạng dưới ánh trăng. Người đàn ông lắng tai nghe những tiếng thì thầm của những cặp tình nhân yêu nhau, cần một chỗ thoáng để thở. Ông ta chỉ bắt gặp những tiếng côn trùng vang lên từ bờ sông vọng vào, cùng tiếng lịch kịch thu dọn bàn ghế của hai dì cháu chủ quán.

Những con cá thòi lòi thấy vắng người, xếp hàng đi nghễu nghện dưới ánh trăng non.

Bên kia sông những tấm bảng quảng cáo điện quang đua nhau lấp lánh dưới ánh trăng. Cô gái bán quán đã thu dọn xong bàn ghế, cô hắng dọng khi tiến lại gần người khách cuối cùng:

"Chú Hai còn muốn ngắm trăng chưa chịu về hỉ?"

"Ngồi đây gió sông mát quá, chú chợp mắt hồi nào không hay."

Người đàn ông trả tiền ra về. Ra đến cửa ông ta ngoái nhìn lại, thấy bóng cô gái như tan vào trong ánh trăng, nương theo gió bay là là trên mặt nước ra giữa sông. Bóng cô gái như ngừng lại nơi con thuyền vượt biên bị đắm ngày nào.

Người đàn ông cảm thấy trăng cũng như người, theo dòng sông trôi ra biển.●

California, tháng 10 - 96

MUÔN KIẾP BÊN NHAU

Nguyên tác: CHRISTINA ROSENTHAL
Truyện ngắn của JEFFREY ARCHER
HÀ KỲ LAM *dịch* *

Vị giáo sĩ Do Thái Giáo biết rõ mình không hy vọng gì có thể bắt đầu soạn bài giảng khi chưa đọc xong bức thư. Ông đã ngồi tại bàn làm việc của mình, trước trang giấy trắng, hơn một tiếng đồng hồ rồi mà vẫn chưa viết được câu đầu tiên. Thời gian gần đây ông không thể nào tập trung tâm trí vào cái công việc mà ông vẫn thi hành ngót ba mươi năm nay vào ngày Thứ Sáu hằng tuần. Có lẽ đến bây giờ người ta đã thấy ông không còn tinh thần chu toàn thiên chức này nữa. Ông kéo bức thư ra khỏi bao, từ từ mở các trang. Đoạn ông nâng đôi mục kính hình bán nguyệt lên khỏi sống mũi và bắt đầu đọc.

Ba thương yêu,

"Thằng Do Thái! Thằng Do Thái! Thằng Do Thái!" chính là những tiếng đầu tiên con nghe từ miệng nàng thốt ra khi con chạy ngang chỗ nàng đứng, trong vòng đầu của cuộc tranh tài. Nàng đứng đằng sau hàng rào cản, chỗ bắt đầu rẽ vào lằn mức đến, đưa hai tay lên miệng làm loa để cho con nghe rõ lời hô. Chắc nàng học một trường khác, bởi vì con không nhận ra nàng, nhưng chỉ cần một cái liếc nhanh cũng có thể thấy Greg Reynolds đang đứng cạnh nàng.

Sau năm năm chịu đựng lời lẽ ti tiện và bắt nạt của hắn tại trường, điều con muốn trả đũa là hét lên, "Đức Quốc Xã, Đức Quốc Xã, Đức Quốc Xã," nhưng Ba luôn luôn dạy con phải nâng mình cao hơn những khiêu khích như thế.

Con cố gắng không nghĩ đến hai kẻ đó lúc con chạy vòng thứ hai của cuộc đua. Từ lâu con hằng mơ ước đoạt giải vô địch chạy một dặm tại trường trung học West Mount, và con quyết tâm không để bọn chúng chận đứng mình.

Khi con đến lằn mức giáp vòng lần thứ nhì con nhìn nàng kỹ hơn. Nàng đứng với một nhóm bạn mang khăn quàng của trường Marianapolis Convent. Nàng chỉ độ mười sáu, và mảnh khảnh như một cây liễu. Con tự hỏi nếu lúc đó con đã hét lên "không có ngực, không có ngực, không có ngực" để khiêu khích thằng đứng cạnh nàng nhảy vào cuộc đánh nhau thì không biết Ba có khiển phạt con không. Nếu vậy, con đã có thể khai thật với Ba rằng chính hắn ra tay trước, nhưng lúc Ba đã biết hắn chính là Greg Reynolds thì chắc Ba đã vỡ lẽ con chẳng cần khiêu khích nhiều.

Khi tới lằn mức giáp vòng một lần nữa con lại chuẩn bị tinh thần để nghe những tiếng hô kia. Hô lớn nhịp nhàng ở những buổi tranh tài thể dục đã trở thành thời thượng khoảng cuối thập niên 1950 khi những tiếng reo "Zatopek, Zatopek, Zatopek" đã từng vang rền qua các sân chạy khắp thế giới để đón chào nhà vô địch Tiệp Khắc. Con đâu được nghe những tiếng hô đáng lẽ phải là "Ros-en-thal, Ros-en-thal, Ros-en-thal" khi con vừa đến trong tầm nghe.

"Thằng Do Thái! Thằng Do Thái! Thằng Do Thái!" nàng la như đĩa hát bị kẹt kim. Thằng Greg, bạn nàng, nói theo ngôn ngữ ngày nay, một thằng con-nhà-giàu-đẹp-trai-học-giỏi, bắt đầu phá lên cười. Con biết chính hắn xúi nàng làm thế, và con chỉ muốn làm sao dập tắt ngay cái nụ cười nham nhở kia của hắn. Con đạt tới mức nửa dặm trong hai phút mười bảy giây, thoải mái trong vận tốc cần thiết để phá kỷ lục của trường trung học West Mount, và con cảm thấy đó là cách tốt nhất bắt đứa con gái khinh người và thằng phát xít Greg Reynolds trở về vị trí của chúng. Sau này con vẫn không ngừng suy nghĩ sao sự đời lại bất công thế. Con là dân Gia Nã Đại chính cống, sinh ra và lớn lên ở đất nước này, trong khi nàng chỉ là một kẻ di dân. Dù gì đi nữa, Ba chính là kẻ đã thoát khỏi Hamburg năm 1937, và lập nghiệp từ hai bàn tay trắng. Bố mẹ nàng chỉ mới đặt chân lên bến bờ này năm 1949, lúc mà Ba đã là một khuông mặt được kính trọng trong cộng đồng.

Con cắn răng và gắng tập trung tâm trí. Zatopek đã viết trong cuốn tự truyện của mình rằng một lực sĩ chạy đua không được để bị phân tâm trong lúc thi. Khi con chạy đến khúc cong gần cuối thì tiếng hô nghiệp dĩ lại cất lên, nhưng lần này nó chỉ làm con chạy nhanh hơn và quyết

tâm hơn để phá kỷ lục. Khi con đặt chân vào vùng an toàn của con đường thẳng dẫn đến lằn mức đến, con nghe những người bạn la lớn, "tiến lên, Benjamin, mày đạt được đấy" và người tính giờ hô lên, "ba hai mươi ba, ba hai mươi bốn, ba hai mươi lăm" khi con qua khỏi cái chuông để bắt đầu vòng cuối cùng.

Con biết rằng kỷ lục - bốn ba mươi hai - bây giờ đang nằm trong tầm tay mình và những đêm ảm đạm mùa đông luyện tập bổng dưng đáng đồng tiền bát gạo. Khi đến chỗ giáp vòng con dẫn đầu, và thậm chí con cảm thấy mình có thể vững vàng đối đầu với cô gái một lần nữa. Con gom hết sức mình cho nổ lực chót. Liếc nhanh về phía sau con thấy mình bỏ xa các đối thủ hàng mấy yards, cho nên bây giờ mình chỉ còn đua với thời gian thôi. Thế rồi con nghe những tiếng hô đó, nhưng lần này còn lớn hơn trước, "thằng Do Thai! thằng Do Thái! thằng Do Thái!" Tiếng hô to hơn vì hai đứa chúng hợp lại, và khi con chạy vòng theo khúc đường cong tên Reynolds đưa tay lên chào kiểu Đức Quốc Xã đầy thách thức. Nếu chỉ chạy tiếp hai mươi yards nữa thì con đã tới chỗ an toàn của đường vào lằn mức đến, và đã được bạn bè reo hò, đã lãnh cúp, đã ghi một kỷ lục. Nhưng chúng làm con giận dữ đến hết tự chế nổi.

Con băng ra khỏi vòng đua, chạy ngang qua thảm cỏ, đến sân thi nhảy xa và hướng thẳng về phía hai đứa chúng. Ít nhất quyết định điên rồ của con đã làm im bặt những tiếng hô của chúng, bởi vì tên Reynolds hạ tay xuống và đứng trố mắt nhìn con một cách thảm hại từ bên kia hàng rào chấn song nhỏ vây quanh ngoại vi vòng đua. Con phóng qua khỏi hàng rào và đáp xuống ngay trước mặt kẻ thù. Với tất cả sức lực dành cho vòng đua cuối con giáng quả đấm thần sầu vào hắn ta. Nắm tay của con trúng vào dưới mắt trái của hắn một phân Anh, và hắn sụm xuống nằm đo đất ngay cạnh nàng. Nàng vội quì xuống và ngước mắt trừng con, một cái nhìn căm ghét thật khó tả. Khi đã yên trí là thằng Greg không đứng dậy nổi con chậm rãi bước trở lại vòng đua vừa khi những người chạy ở cuối bắt đầu vào đoạn đường cong chung cuộc.

"Lại về chót, thằng Do Thái," con nghe nàng thét lên khi con vừa đi xuống khúc đường thẳng dẫn vào lằn mức đến, đi sau mọi người xa đến nỗi người ta không buồn tính thời gian cho con.

Biết bao lần Ba đã trích dẫn cho con nghe câu: "Ta vẫn nhận chịu với cái nhún vai kiên nhẫn, vì đau khổ là phù hiệu của tất cả chúng ta."

Dĩ nhiên Ba đã đúng, nhưng lúc bấy giờ con chỉ mới mười bảy tuổi, và thậm chí khi con biết được ông ta là ai, con vẫn không hiểu làm thế nào một kẻ từ một nước Đức bại trận đến, một nước Đức bị cả thế giới lên án vì chính sách đối với người Do Thái, lại vẫn có thể cư xử như thế. Và trong những ngày đó con thật sự tin gia đình nàng là đảng viên Đức Quốc Xã, nhưng con còn nhớ Ba đã kiên nhẫn giải thích với con rằng bố nàng trước kia là một đô đốc trong hải quân Đức và đã được thưởng một huy chương vì chiến công đánh đắm nhiều chiến hạm Đồng Minh. Ba có nhớ con đã hỏi Ba làm sao Ba có thể khoan dung với một người như thế, nói chi đến cho phép ông ta yên ổn định cư trên đất nước chúng ta?

Ba tiếp tục trấn an con rằng Đô Đốc von Braumer, kẻ xuất thân từ một gia đình công giáo kỳ cựu, và có lẽ từng khinh miệt bọn Đức Quốc Xã không kém chúng ta, đã hành xử trong danh dự ở cương vị sĩ quan và một người quí phái suốt cuộc đời binh nghiệp trong hải quân Đức. Nhưng con vẫn không thể chấp nhận thái độ của Ba, hoặc là con không muốn chấp nhận.

Thưa Ba, thật chẳng lợi ích gì việc Ba luôn luôn thấu hiểu quan điểm người ta, và mặc dù Mẹ mất sớm vì lũ người kia, Ba vẫn có thể tha thứ cho họ.

Nếu Ba sinh ra làm một tín đồ Thiên Chúa Giáo chắc Ba đã lên bậc thánh rồi.

Vị giáo sĩ đặt bức thư xuống và dụi đôi mắt mệt mỏi trước khi lật sang trang khác chi chít tuồng chữ viết tay nhỏ nhắn và đẹp mà ông đã dạy cậu con trai độc nhất của mình cách đây lâu lắm rồi. Benjamin học môn gì cũng nhanh, từ chữ viết Do Thái đến các phương trình đại số phức tạp. Ông lão thậm chí đã kỳ vọng cậu bé sau này sẽ trở thành một giáo sĩ.

Ba còn nhớ con hỏi Ba buổi tối hôm đó tại sao người ta không thể hiểu rằng thế giới đã đổi thay rồi? Cô bé có biết rằng nàng cũng không hơn gì chúng ta? Con không bao giờ quên câu trả lời của Ba. Ba bảo nếu phương cách duy nhất con có thể chứng tỏ mình hơn người là đấm vào mặt thằng bạn trai của nàng, thì nàng hơn chúng ta nhiều.

Con về phòng mình, lòng tức giận sự mềm yếu của Ba. Nhiều năm sau đó con mới hiểu nổi sức mạnh của Ba.

Khi con không còn xuất hiện trên sân chạy đó nữa, con không dành thì giờ cho công việc nào khác ngoài việc gắng học để kiếm một học bổng của trường đại học McGill, vì thế thật ngạc nhiên

chẳng bao lâu sau chúng con lại chạm trán nhau.

Đâu vào khoảng một tuần lễ sau đó con gặp nàng tại một hồ bơi trong vùng. Lúc con đến thì nàng đang đứng phía mức nước sâu, dưới cầu ván nhào lộn. Những lọn tóc dài phất phơ chung quanh vai, đôi mắt sáng nhìn linh hoạt mọi vật chung quanh nàng. Greg đứng cạnh. Con cảm thấy thinh thích khi nhận ra một vệt tím dưới mắt trái của hắn. Con còn nhớ mình đã cười thầm bởi vì rõ ràng nàng có một bộ ngực lép xẹp con chưa từng thấy ở một đứa con gái mười sáu, mặc dù phải nhận nàng có cặp giò tuyệt trần. Có lẽ nàng là một mẫu người dị thường, con nghĩ thế. Con quay lưng đi về phía phòng thay quần áo - chỉ một tic tắc con rơi tõm xuống nước. Khi con ngoi lên để thở chẳng có dấu hiệu gì để biết ai đã xô mình xuống nước, mà chỉ thấy những khuông mặt cười toe toét vô tư. Chẳng cần phải tốt nghiệp đại học luật con cũng biết ai đã giở trò đó, nhưng như Ba vẫn thường xuyên nhắc nhở con, không có tang chứng thì không có bằng chứng... Đúng ra có thể con chẳng bận tâm mấy đến việc bị đẩy xuống hồ bơi nếu như hôm đó con không mặc bộ đồ vét sang nhất của mình - thực ra, bộ y phục độc nhất của mình để diện vào những ngày đi dự lễ ở nhà thờ.

Con leo lên khỏi hồ liền nhìn quanh tìm hắn. Con biết thằng Greg lúc đó đã cao bay xa chạy. Con đi về nhà, men theo những đường nhỏ, tránh không đón xe buýt, e có người quen trông thấy và kể cho Ba về tình trạng thảm hại của con. Về đến nhà, con đi rón rén qua khỏi phòng làm việc của Ba, rồi lên gác vào phòng mình, thay quần áo ngay, trước khi Ba có cơ may khám phá ra mọi chuyện.

Ông già Isaac Cohen ném cho con một cái nhìn khó chịu khi con xuất hiện tại nhà thờ một giờ sau đó, trên người mặc một chiếc áo khoác thể thao và một quần jean.

Con đem bộ đồ vét đi tiệm giặt sáng hôm sau. Con phải nhịn ba tuần lễ tiền tiêu dùng của mình, để Ba khỏi biết sự việc xảy ra tại hồ bơi hôm đó.

Vị giáo sĩ nâng tấm ảnh cậu con trai mười bảy tuổi của ông trong y phục dự lễ nhà thờ hôm đó. Ông nhớ rất rõ Benjamin đã đến dự buổi giảng của ông trong áo khoác thể thao và quần jean, và nhớ cả lời khiển trách thẳng thừng của Isaac Cohen. Ông đã thầm cám ơn ông Atkin, huấn luyện viên bơi lội, đã gọi điện thoại báo cho ông biết sự việc xảy ra buổi chiều hôm ấy để ít ra ông đã không phụ họa thêm vào những lời khắt khe của ông Cohen. Vị giáo sĩ tiếp tục ngắm nghía tấm hình một lúc lâu trước khi trở lại với bức thư.

Dịp kế tiếp con gặp nàng là tại buổi khiêu vũ cuối học kỳ tổ chức ở thể dục đường của trường. Con nghĩ mình cũng không tệ trong bộ vét ủi thẳng nếp nếu con không trông thấy thằng Greg đứng cạnh nàng mặc chiếc áo dạ phục bảnh bao. Con nhớ con đã tự hỏi có bao giờ mình mua nổi chiếc áo ấy. Greg đã được học bổng của đại học McGill và đang huênh hoang với mọi người về chuyện đó, một điều càng làm con quyết tâm phải chiếm được một học bổng của McGill năm tới.

Con nhìn Christina. Nàng mặc một chiếc váy đỏ dài che phủ hoàn toàn đôi chân đẹp kia. Một dây thắt lưng màu hoàng kim làm nổi rõ vòng eo nhỏ nhắn, và món trang sức độc nhất là sợi dây chuyền vàng giản dị vòng quanh cổ nàng. Con biết nếu cứ chần chừ thêm một khoảnh khắc nữa con sẽ không đủ can đảm làm chuyện đó. Con thu hai nắm tay và bóp chặt lại, đi thẳng đến chỗ hai đứa đang đứng, và như Ba đã từng dạy, khẽ cúi đầu trước khi mở lời, "Xin được hân hạnh mời cô bản này."

Nàng nhìn sững vào mắt con. Con xin thề không nói ngoa đâu, giá nàng chỉ bảo con đi giết một nghìn thằng đàn ông trước khi cả gan lặp lại câu mời đó, chắc con cũng đã làm.

Nàng chẳng nói một tiếng, nhưng thằng Greg tựa qua vai nàng nói, "sao mày không đi tìm một đứa con gái Do Thái dễ thương?" Hình như nàng hơi cau mày trước câu nói của hắn. Nhưng con chỉ đỏ mặt như một kẻ bị bắt quả tang với đôi tay trong hũ kẹo. Con chẳng khiêu vũ với ai đêm đó. Con đi thẳng ra khỏi thể dục đường và chạy về nhà.

Con thấy thù ghét nàng từ đó. Tuần lễ cuối của học kỳ đó con phá kỷ lục chạy một dặm của trường. Ba có chứng kiến cuộc đua, nhưng cám ơn Trời nàng đã không dự. Lần đó là dịp nghỉ hè mà chúng ta lái xe đi Ottawa nghỉ ngơi tại nhà dì Rebecca. Một người bạn cho con hay Christina đi nghỉ hè ở Vancouver với một gia đình người Đức. Người bạn đó trấn an con rằng ít nhất thằng Greg đã không đi với nàng.

Ba tiếp tục nhắc nhở con về sự quan trọng của học vấn, nhưng Ba không cần phải bận tâm chuyện đó, bởi vì mỗi lần thấy thằng Greg thì con lại càng quyết tâm phải đạt cho được cái học bổng kia.

Con càng học hành miệt mài hơn nữa mùa hè năm 65 khi Ba giải thích rằng đối với một người Gia Nã Đại, vào được McGill cũng giống như vào được Harvard hay Oxford và nó sẽ cho con một hoạn lộ thênh thang đến cuối đời.

Lần đầu tiên trong đời môn chạy đua trở thành thứ yếu đối với con.

Mặc dù mùa học đó con ít gặp Christina, hình ảnh nàng vẫn thường ngự trị trong tâm trí con. Một người bạn cho con hay nàng và Greg không còn đi với nhau nữa, nhưng con chẳng tìm thấy lý lẽ dễ hiểu nào trong sự biến thái tình cảm đột ngột kia. Vào thời gian này con có một cô gái có thể gọi là bồ, người con gái vẫn ngồi ở dãy bên kia trong nhà thờ - con nhỏ tên Naomi Goldblatz, Ba còn nhớ không - nhưng chính cô ta chủ động sự hẹn hò với con trước.

Khi những kỳ thi gần kề con thấy biết ơn Ba vì Ba luôn luôn dành thì giờ ôn lại những bài tập, những đề thi cho con. Có điều Ba không biết là trở về phòng mình con phải làm lại những bài vở đó một lần thứ ba nữa. Biết bao lần con gục ngủ trên bàn học. Khi thức giấc lại lần giở các trang sách đọc tiếp.

Ba, một người không hề kiêu căng tự phụ, vậy mà cũng không dấu nổi trước cộng đồng của mình niềm hãnh diện vì con với tám điểm A và một học bổng thượng hạng của đại học McGill. Con không rõ Christina có biết không. Chắc nàng phải biết. Tên con được in lớn bằng chữ mạ vàng trên bảng danh dự tuần lễ sau đó, cho nên thế nào lại chẳng có kẻ mách với nàng.

Đâu cũng chừng ba tháng sau, lúc con đang học mùa đầu tại đại học McGill, con mới lại thấy nàng. Ba có nhớ đã đưa con đi xem vở kịch St Joan tại hí viện Centaur? Nàng có mặt ở đó, ngồi đằng trước chúng ta mấy hàng ghế cùng bố mẹ nàng và một chàng sinh viên năm thứ hai tên Bob Richards. Vị cựu đô đốc và bà vợ trông chừng chạc, rất nghiêm nghị, nhưng không đến nỗi khó ưa. Con ngắm nhìn nàng cười đùa với họ: rõ ràng nàng phơi phới, vui tươi. Con chẳng chú ý mấy vào vở tuồng, và mặc dù mắt con không rời Christina, nàng không hề nhìn thấy con. Con ước gì được ở trên sân khấu trong vai Dauphin để nàng phải nhìn mình.

Khi màn hạ nàng và Bob Richards đứng dậy đi trước cha mẹ nàng, tiến về phía cửa ra. Con theo sau ra đến bãi đậu xe và nhìn hai đứa chui vào chiếc xe hiệu Thunderbird. Một chiếc Thunderbird. Con nhớ mình đã mơ ước có ngày sắm được một chiếc áo khoác dạ tiệc, chứ không dám nghĩ đến chiếc Thunderbird.

Từ đó trở đi, bất cứ lúc nào con luyện tập, bất cứ nơi nào con học hành, thậm chí trong giấc ngủ, con cũng nghĩ đến nàng. Con dò hỏi về Bob Richards và được biết hắn là người mà ai gặp cũng đều mến.

Lần đầu tiên trong đời mình con bỗng ghét sinh ra làm một người Do Thái.

Khi gặp Christina một lần nữa con đã lo sợ sự việc sắp xảy ra. Đó là lần tranh giải chạy một dặm với đại học Vancouver, và con là sinh viên năm thứ nhất may mắn được đại học McGill chọn dự tranh. Khi con bước ra sân để làm mấy động tác khởi động con bắt gặp nàng ngồi ở hàng ghế thứ ba của khán đài, bên cạnh Bob Richards. Họ nắm tay nhau.

Khi phát súng lệnh khởi hành nổ con là người chạy sau cùng, nhưng khi vào vòng thứ nhì con lên vị trí thứ năm. Chưa bao giờ con tranh tài trước con số khán giả đông như thế, và khi con chạy đến ngang mức đoạn thẳng dẫn vào mức đến con chờ đợi sẽ nghe những tiếng hô "Thằng Do Thái! Thằng Do Thái! Thằng Do Thái!" nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Không biết có phải nàng không nhận ra con chăng. Nhưng nàng có nhận ra con đấy chứ, bởi vì khi con chạy đến khúc đường cong con đã nghe giọng nàng rõ ràng, "cố lên, Benjamin, anh phải thắng!" Nàng hét lên như thế.

Con rất muốn ngoái cổ nhìn lại để chắc chắn rằng những lời kia do chính miệng Christina thốt ra, kẻo phải mất thêm một phần tư dặm nữa con mới lại chạy ngang qua chỗ nàng ngồi. Khi con chạy ngang qua chỗ nàng lần kế tiếp, con đã vượt lên ở vị trí thứ ba, và con nghe giọng nàng rõ mồn một: "Tiến lên, Benjamin, anh có thể thắng rồi!"

Lập tức con vượt lên vị trí dẫn đầu, bởi vì con muốn trở lại với nàng một lần nữa. Con phóng tới trước không cần biết kẻ đằng sau mình là ai,

và lúc con qua chỗ nàng lần thứ ba, con đã dẫn đầu cuộc đua đến mấy yards. "Anh sắp thắng rồi!" nàng hét lên thế khi con tiếp tục chạy để tới cái chuông trong ba phút tám giây, mười một giây nhanh hơn các lần chạy của con từ trước tới giờ. Con nhớ mình đã nghĩ, chắc người ta nên ghi thêm vào các sách cẩm nang huấn luyện đại khái rằng tình yêu có sức mạnh rút ngắn mỗi vòng đua từ hai tới ba giây.

Con nhìn nàng suốt thời gian chạy ngang trước khán đài, và khi con chạy đến đường vòng cung lần cuối khán giả đứng dậy. Con ngoái cổ tìm nàng. Nàng vừa nhảy lên vừa hét, "coi chừng! coi chừng! mà con mới hiểu sau khi bị tay đua hàng đầu của đại học Vancouver qua mặt phía bên vòng trong, đối thủ mà huấn luyện viên đã lưu ý con vì hắn nổi tiếng có nước rút thần sầu. Con chạy loạng choạng đằng sau hắn mấy yards, ở vị trí thứ hai nhưng tiếp tục chạy cho đến khi con an nhiên tự tại trong phòng thay quần áo. Con ngồi một mình bên cạnh hộc tủ để vật dụng của mình. Một kẻ nào đó bảo, bốn phút mười bảy: sáu giây nhanh hơn mọi lần trước của con. Cũng chẳng được gì. Con đứng dưới vòi nước tắm một lúc lâu, cố suy đoán vì sao nàng đã thay đổi thái độ.

Khi con trở lại sân chạy thì chỉ còn các nhân viên điền kinh ở đó. Con nhìn lần cuối đường kẻ lằn mức đến, trước khi tản bộ về hướng thư viện Forsyth. Con không muốn đến dự buổi họp thường lệ của đội tại nhà Joe, vì thế con cố tìm một góc yên tĩnh để viết bài nghị luận về quyền tư hữu của phụ nữ trong hôn nhân.

Thư viện hầu như vắng người trong buổi chiều Thứ Bảy đó, và con đang viết sang trang thứ ba đã lâu thì nghe một giọng nói cất lên, "hy vọng em không làm gián đoạn công việc của anh, nhưng anh không đến họp tại nhà Joe." Con nhìn lên và thấy Christina đứng bên kia bàn. Ba ạ, con chẳng biết nói gì. Con chỉ trố mắt nhìn giai nhân trong chiếc váy ngắn thời thượng màu xanh lơ và chiếc áo đan bằng sợi bó gọn bộ ngực tuyệt trần mà chẳng nói được một lời.

"Em là đứa đã hét 'thằng Do Thái' khi anh còn ở trung học. Từ bấy đến nay em cứ thấy hổ thẹn về hành động đó. Em đã muốn xin lỗi anh trong đêm khiêu vũ cuối học kỳ nhưng không đủ can đảm trong khi Greg đứng đó." Con gật đầu thông cảm - con không tìm được một lời cho thích hợp. Nàng nói tiếp, "từ đó em không nói chuyện với hắn nữa. Nhưng em nghĩ anh không còn nhớ ra Greg."

"Uống cà phê nhé?" con hỏi, giọng cố làm ra vẻ thản nhiên nếu nàng có trả lời, "rất tiếc, Bob đang chờ."

"Em rất thích," nàng nói.

Con đưa nàng tới tiệm cà phê trong thư viện, một sự tiếp đãi vừa với túi tiền của con lúc đó. Nàng chẳng hề giải thích sự giao thiệp giữa nàng với Bob Richards đã ra sao, và con cũng chẳng hề hỏi.

Christina hình như biết về con nhiều đến nỗi con cảm thấy bối rối. Nàng xin con tha thứ về những tiếng hò hét của nàng tại vận động trường ngày ấy hai năm trước. Nàng không viện dẫn lý lẽ nào cả, không đổ tội cho ai cả, chỉ xin tha thứ cho nàng.

Christina cho biết nàng hy vọng sẽ được gặp con dưới mái trường McGill vào tháng chín, để học Đức Ngữ. "Kể cũng hơi chai mặt," nàng thừa nhận, "vì là tiếng mẹ đẻ của mình."

Chúng con đi chơi với nhau suốt mùa hè năm đó. Chúng con đi xem vở tuồng St. Joan một lần nữa, và thậm chí đã sắp hàng lâu để xem cuốn phim Dr. No đang ăn khách lúc bấy giờ. Chúng con cùng học hành với nhau, cùng ăn chung, cùng vui đùa, chỉ không cùng ngủ chung.

Hồi đó con ít nói với Ba về Christina, nhưng con có thể đánh cuộc Ba đã biết con yêu nàng như thế nào; chẳng có điều gì có thể qua mắt Ba. Và cứ như những điều răn dạy của Ba về tha thứ, về cảm thông, trong thâm tâm Ba cũng thấy khó phản đối mối tình của con.

Vị giáo sĩ ngừng đọc. Lòng ông quặn đau vì ông biết khá rõ những gì tiếp theo mặc dù ông đã không tiên đoán nỗi điều sẽ xảy ra ở chung cuộc. Có bao giờ ông nghĩ có ngày mình sẽ ân hận suốt đời về nền giáo dục Do Thái Giáo của mình, nhưng lúc bà Goldblatz thoạt nói với ông về Christina, ông đã không giấu nỗi sự phản đối. Ông nói với bà ấy, một thời gian thôi, cái chuyện kia rồi sẽ qua đi. Nhưng kinh nghiệm trường đời đâu phải vô biên.

Mỗi lần đến nhà Christina con đều được tiếp đãi lịch sự, nhưng gia đình nàng không che giấu nỗi sự đố kỵ. Họ thốt ra những lời đầu môi chót lưỡi cố làm ra vẻ không kỳ thị Do Thái, và mỗi lần con nêu vấn đề với Christina thì nàng lại nói con quá mẫn cảm. Cả hai chúng con đều biết sự thể không phải như thế.

Họ cho rằng con không xứng với con gái họ. Họ đúng, nhưng sự bất xứng đó chẳng liên quan gì đến việc con là Do Thái.

Con không bao giờ quên lần ân ái đầu tiên của hai đứa. Đó là ngày Christina hay tin nàng đã được một học bổng của đại học McGill.

Hai đứa về phòng của con lúc ba giờ để thay y phục đi đánh quần vợt. Con nghĩ chỉ ôm nàng trong thoáng chốc, nhưng hóa ra đến sáng hôm sau chúng con mới chia tay. Mọi sự nằm ngoài dự tính. Nhưng làm sao có thể dự trù mọi chuyện khi đối với cả hai đều là lần đầu tiên.

Con bảo con sẽ cưới nàng - có phải đàn ông con trai đều nói thế trong lần đầu tiên? - chỉ có con nói thực.

Rồi mấy tuần sau nàng mất kinh. Con khuyên nàng đừng hốt hoảng, rồi chúng con đợi thêm một tháng nữa, vì nàng rất sợ phải đi đến một bác sĩ nào ở Montreal.

Thưa Ba, nếu con đã nói hết mọi sự cho Ba hay thì có lẽ đời con đã rẽ một lối khác rồi. Nhưng con đã không nói gì hết, và giờ chỉ tự trách mình thôi.

Con bắt đầu sửa soạn cho cuộc hôn nhân mà phía gia đình Christina lẫn Ba chắc đều không thể chấp nhận, nhưng chúng con chẳng cần chi. Tình yêu không biết có cha mẹ, và dĩ nhiên chẳng biết có tôn giáo. Khi nàng tắt kinh lần thứ hai thì con đồng ý Christina nên nói thực với mẹ nàng. Con hỏi nàng có cần con đi theo không, nhưng nàng chỉ lắc đầu, và nói rằng nàng cảm thấy muốn đương đầu một mình với bố mẹ.

Con hứa, "anh sẽ đợi em trở lại đây."

Nàng mỉm cười, "em sẽ trở lại trước khi anh đủ thời gian thay đổi ý định cưới em."

Con ngồi trong phòng mình tại đại học xá McGill cả buổi chiều hôm đó, hết xem sách báo lại bách bộ tới lui - phần lớn thời gian cứ bách bộ tới lui - nhưng nàng không bao giờ trở lại, và mãi đến khi trời tối mịt con mới đi tìm nàng. Con chạy tới nhà nàng, suốt dọc đường cứ tự nhủ sở dĩ nàng không trở lại là vì một lý do đơn giản nào đó thôi.

Khi đến con phố nàng con thấy đèn còn sáng trong phòng nàng, nhưng các chỗ khác trong nhà thì tắt ngấm, nên con nghĩ chắc nàng còn thức một mình. Con bước qua cổng nhà, đi lên bực thềm trước, gõ cửa và đợi.

Ông bố nàng ra mở cửa. Ông nhìn con đăm đăm và hỏi, "cậu cần điều chi?"

Con nói, "cháu yêu con gái Bác và cháu muốn cưới cô ấy." "Nó sẽ không bao giờ lấy một người Do Thái." Ông nói gọn lỏn và đóng cửa lại. Con còn nhớ ông ta không đóng sầm cửa lại, chỉ đóng nhẹ nhàng, một cử chỉ còn tàn nhẫn hơn.

Con đứng dưới đường nhìn lên phòng nàng hơn một tiếng đồng hồ, cho đến khi đèn tắt. Rồi con cuốc bộ về. Con nhớ đêm đó mưa phùn lất phất và phố xá ít người. Con cố gắng suy nghĩ mình phải làm gì bây giờ, mặc dù tình thế hình như vô vọng đối với con. Con lên giường ngủ, mong một phép lạ. Con quên rằng phép lạ chỉ đến với người công giáo, chứ không đến với người Do Thái.

Sáng hôm sau thức dậy thì con đã có một giải pháp. Con gọi điện thoại cho Christina lúc tám giờ và gần như muốn gác ống nghe khi nhận ra giọng nói đầu dây bên kia.

"Bà von Braumer nghe," bà ta nói.

Con hỏi khẽ như một giọng nói thầm, "thưa có Christina ở nhà không ạ?"

Câu trả lời bình tĩnh, lạnh lùng dội lại, "Không, nó không có ở đây."

"Bác có biết khi nào cô ấy trở về không ạ?"

"Cũng không lâu," bà ta nói rồi gác điện thoại.

"Cũng không lâu" hóa ra là hơn một năm sau. Con viết thư, con gọi điện thoại, con dò hỏi bạn bè, nhưng không làm sao biết họ đã đem nàng đi đâu.

Rồi một hôm, không kèn không trống, nàng trở về Montreal với chồng và đứa con của con. Con biết được tin cay đắng kia từ trung tâm tin tức, con nhỏ Naomi Goldblatz, kẻ đã giáp mặt bộ ba đó.

Khoảng một tuần sau con nhận được thư vắn tắt của Christina, xin con đừng tìm cách tiếp xúc với nàng.

Lúc đó con mới bắt đầu năm cuối tại đại học McGill, và giống như một chàng quí phái hồi thế kỷ mười tám, con tôn trọng ý muốn của nàng theo đúng từng chữ trong thư, và dồn mọi nỗ lực vào những kỳ thi cuối khóa. Nàng vẫn tiếp tục ngự trị trong tâm trí con, và cuối năm đó con may mắn được đại học luật khoa Harvard cấp cho một học bổng.

Con rời Montreal đi Boston vào ngày 12 tháng 9 năm 1968.

Chắc Ba đã không hiểu sao con không về thăm nhà lấy một lần trong những năm đó. Con biết nỗi bất bình của Ba. Do bà Goldblatz tiết lộ, mọi người đều biết ai là cha đẻ của đứa con của Christina, và con cảm thấy một sự vắng mặt bất đắc dĩ có lẽ giúp Ba dễ cư xử hơn.

(Còn tiếp)

* Đây là một trong ba truyện ngắn Hà Kỳ Lam chọn trong tập truyện "A Twist In The Tale" của nhà văn Jeffrey Archer, và đã được tác giả cho phép dịch. Xin xem câu chuyện về cuộc đời tác giả trong mục Đời Sống Quanh Ta số này.

BÊN LỀ LỊCH SỬ...

XUÂN ĐỖ

Hoàng nhận được thư của chị Nhàn *"... anh Luân đau trở lại. Bệnh tình lúc này có vẻ nặng hơn. Chị buồn khổ quá, đành phải đưa anh vào nhà thương Chợ Quán. Như em cũng biết, đưa anh vào đây cũng như đưa anh vào đường cùng của đời anh. Nhưng làm sao bây giờ. Chị còn phải chạy vạy suốt ngày với đám ve chai, đi mua nhặt nhạnh khắp hang cùng ngõ hẻm, các đồ đạc người ta không dùng nữa, đem về nhà cho hai đứa cháu, lựa lại, để bán chỗ này chỗ kia, kiếm chút đỉnh, nuôi anh, nuôi hai đứa cháu côi cút... Khi nào có chút thì giờ còn lại, chị chạy hộc tốc vào nhà thương săn sóc cho anh..."*

Hoàng thở dài. Thương chị, thương anh Luân, nhưng trước các tai họa dồn dập đổ đến cho anh, Hoàng thấy mình bất lực quá.

Cách đây mấy năm, nghe theo lời năn nỉ của chị Nhàn, Hoàng về quê để thăm mộ cha mẹ và thăm anh Luân, chị Nhàn và hai đứa cháu nội mồ côi của anh chị. Cho tới bây giờ, Hoàng vẫn còn băn khoăn, là chuyến về thăm, không biết có làm vui lòng chị Nhàn chút nào không, nhưng những hình ảnh quê nhà Hoàng nuôi dưỡng trong tâm thức trên hai mươi mấy năm, đã sụp đổ tan tành. Anh muốn khóc như một đứa trẻ trước những đổi thay, trước một cố hương nay trở thành xa lạ. Anh lại ra đi như trốn chạy quá khứ, trốn chạy hiện tại, trốn chạy chính... mình.

Ba mẹ Hoàng chỉ sinh có hai người con, Hoàng và chị Nhàn. Ba mẹ mất sớm, hai chị em thương yêu và đùm bọc cho nhau. Học xong trung học, Hoàng vào học trường Luật Sài Gòn. Lấy được vài chứng chỉ Luật, Hoàng đậu vào trường Quốc Gia Hành Chánh. Sau bốn năm, Hoàng tốt nghiệp, ra làm công chức ở Bộ Kinh Tế.

Chị Nhàn có chồng năm chị hai mươi lăm tuổi. Chồng chị là anh Luân, giáo sư dạy Toán ở các trường trung học tư tại Sài Gòn. Trường Văn Hiến, trường Hưng Đạo và một vài trường nhỏ khác.

Sau Tết Mậu Thân năm 1968, anh bị động viên vào trường Sĩ Quan Bộ Binh Thủ Đức. Chỉ ở trong quân đội có hai năm, năm 1970 anh xoay xở, chạy chọt thế nào đó mà anh được giải ngũ với lý do sức khỏe suy yếu. Từ đó anh ở nhà, buôn bán vật liệu xây cất và tiến lên nhập cảng máy ghe Kubota Nhật Bản. Anh trở nên khá giả thật nhanh và anh giao thiệp với những người có quyền thế trong chính quyền, trong liên hệ gia đình của họ. Một lần, cuối tuần, Hoàng đến thăm anh chị, anh Luân trong vòng thân mật anh em, nói :

"Cậu giữ chức vụ tương đối... có quyền tại Bộ Kinh Tế mà vẫn còn "thanh bạch," vẫn chiếc xe gắn máy của thời sinh viên, tôi... phục cậu thật! Tôi nghĩ, cậu nên chuyển về làm việc dưới quyền của ông... Già Gân, thì có lẽ... hợp lý hơn."

Hoàng chỉ cười. Từ thuở nhỏ, Hoàng vẫn trọng nể anh Luân, người yêu của chị Nhàn. Anh Luân tự lập và từ khi được giải ngũ, bước vào chốn làm ăn, anh thành công. Nhưng Hoàng cảm thấy không thoải mái, khi biết anh Luân đã cấu kết với những kẻ lạm dụng quyền thế và trục lợi trên sự nghèo khó của người tiêu thụ, người dân không có quyền thế. Hoàng muốn luật pháp quốc gia được mọi người tôn trọng và mọi người được bình đẳng và được luật pháp bảo vệ. Anh Luân cười khảy :

"Nghe cậu nói, tôi có cảm tưởng, cậu như là nhà hiền triết Plato tái sinh, đang thuyết giảng về Republic mơ tưởng của ông. Hoặc một vương quốc Utopia của một thời Nghiêu Thuấn, an bình thịnh trị."

"Không anh ạ. Những điều em mong mỏi, thật ra chỉ là những điều căn bản của một quốc gia và người dân trong quốc gia đó, thỏa thuận với nhau trong pháp luật của một tổ chức xã hội, chung sống với nhau, để mưu cầu hạnh phúc."

"Cậu đừng quên rằng đất nước chúng ta đang ở trong thời kỳ chiến tranh, một cuộc chiến tranh kỳ cục, không chiến tuyến, không phân biệt được ai là kẻ thù, ai là bạn. Một cuộc chiến tranh phá hoại. Phá hoại tất cả, từ vật chất đến tinh thần. Sống trong một xã băng hoại như thế, cậu nói đến ước mơ như một xã hội thanh bình, tôi nghĩ, mình lội ngược dòng thời gian chăng?"

Hoàng ngồi trầm ngâm, không muốn tranh

luận với anh. Có chiếc xe nhà của ai đó vừa chạy vào sân, bóp còi "tin tin," anh Luân đứng lên nhìn ra, có vẻ mừng rỡ, nói:

"Thôi cậu ngồi chơi, nói chuyện với chị. Tôi có người bạn đến đưa đi nói chuyện vài vụ làm ăn quan trọng."

Giọng anh như nhỏ xuống, có vẻ bí mật:

"Cậu biết không, ông này là anh em cột chèo với ông 'Xếp sòng.' Ông ta là người cùng quê với... 'Cô Bảy Mỹ Tho.' Vụ này trúng mối, tôi giàu to."

Hoàng bắt tay anh mà muốn... thở dài.

Một buổi sáng, Hoàng đang bận rộn công việc ở sở làm, có điện thoại của chị Nhàn. Chị chưa nói đã khóc sụt sùi:

"Cậu Hoàng, anh Luân bị cảnh sát bắt sáng nay. Anh bị ghép vào tội dính líu vụ 'buôn lậu có xe hộ tống.' Làm sao cứu anh bây giờ? Cậu có quen biết lớn nào bên Tổng Nha Cảnh Sát hay bên Tòa Án, để chạy chọt cho anh."

Hoàng nghe lỗ tai mình lùng bùng. Thương chị, thương anh Luân, dĩ nhiên Hoàng tìm cách cứu anh. Nhưng nếu chỉ lo chạy chọt qua các bạn bè quyền thế, Hoàng thấy không ổn chút nào và đó cũng không phải là sở trường của anh. Có lẽ cách tốt nhất là hỏi thăm trong đám bạn bè trong giới luật sư, để tìm một luật sư giỏi để lo việc này. Hoàng trấn an chị:

"Không có gì đáng lo lắm chị ạ. Để em gọi điện thoại cho một người bạn em ở văn phòng luật sư, để tìm một luật sư lành nghề, tiếp xúc với anh và có mặt khi bên Biện Lý bắt đầu thụ lý hồ sơ của anh."

Chị Nhàn cắt lời em:

"Anh Luân có dặn chị trước đây, trong việc làm ăn, nếu có gì rắc rối, thì tìm cách liên lạc với ông 'cột chèo' là mọi việc xong ngay. Cậu liên lạc giúp chị nhé. Chị có số điện thoại."

Hoàng vâng dạ cho chị an lòng. Qua báo chí và các bản tin của các hãng thông tấn ngoại quốc, vụ buôn lậu này dính dáng đủ chỗ của các giới đương quyền dân sự, quân sự và nghe đâu cả... 'cô Bảy' nữa. Hoàng thở dài.

Vụ án nhùng nhằng ở Biện lý cuộc, Cảnh sát tư pháp và kéo dài cả mấy năm... không đi tới đâu cả. Chỉ tội nghiệp cho các "con dê tế thần" như anh Luân, nằm khám Chí Hòa. Chị Nhàn dốc hết hầu bao, chạy đủ các ngõ ngách, cuối cùng, giữa năm 74, anh Luân được tại ngoại hầu tra với một trạng thái tinh thần sa sút tồi tệ, một tâm trạng oán hận mọi người.

Cuộc chiến tranh đẫm máu bước vào giai đoạn sắp ngã ngũ với sự rút lui của Hoa Kỳ, với hiệp định hòa bình nửa vời Paris đầu năm 73. Những ngày tháng định mệnh xám xịt cho những người Việt Nam yêu tự do dân chủ, tháng Tư năm 75 ập đổ đến. Anh Luân đang dùng những liều lượng thuốc an thần valium khá nặng cho hệ thần kinh khủng hoảng của anh trong những ngày đen tối đó. Hoàng đến thăm anh một buổi chiều, sau cơn mưa đầu mùa. Hoàng nói với anh:

"Tình hình có vẻ nguy ngập lắm rồi. Cả Sài Gòn đang lên cơn sốt tìm đường tháo chạy. Cộng Sản vào thì chết hết. Anh chị có chuẩn bị chi chưa? Nếu anh chị không có phương tiện nào đi, thì đi với bọn em, một người bạn thân của em là hạm trưởng một chiến hạm, đang sẵn sàng ra đi, khi có lệnh. Nếu anh chị có ý định đi, anh chị ở nhà, chờ đó. Khi nào có tin gì, em đến đón anh chị."

Anh Luân lắc đầu lơ đãng:

-"Thôi cám ơn cậu. Tôi bây giờ là người bệnh hoạn, một kẻ tội phạm của chế độ này. Chế độ nào, dù Cộng Sản, Phát Xít... ác ôn cách mấy, cũng vậy thôi ."

Hoàng lắc đầu. Hai anh em ngồi trầm ngâm khá lâu. Cơn mưa vừa dứt, Hoàng đứng lên chuẩn bị ra về. Hoàng bắt tay anh Luân, lưỡng lự chốc lát, nói với anh:

"Anh Luân, đây là thời điểm quan trọng, xin anh suy nghĩ kỹ lại. Nếu còn kịp thì giờ, em không muốn bỏ anh chị và cháu nhỏ, để trốn chạy một mình."

Anh Luân cũng đứng lên, thở dài:

"Thôi cậu yên tâm ra đi. Đầu óc tôi bây giờ rối loạn lung tung. Tôi chọn đứng bên lề lịch sử. Rồi có ngày anh em mình còn gặp lại nhau."

Hoàng mở cửa bước ra, nhìn lại thấy anh Luân, hai tay ôm đầu, đứng bên cửa sổ.

*

Ngày Hoàng gặp lại anh chị Luân, hơn hai mươi năm đã trôi qua. Hoàng mang tâm trạng của Từ Thức trở lại chốn trần gian sau khi rời bỏ cảnh tiên. Một "Từ Thức ngày nay," ngớ ngẩn, xa lạ, lạc lõng trước cố hương lột xác, thay đổi... chắp vá khắp nơi. Từ phi trường Tân Sơn Nhứt, trên xe của hãng hàng không, về dưới phố, Hoàng dán mắt vào cửa kính nhìn ra hai bên đường. Đôi khi nhận ra vài nơi quen thuộc ngày xưa còn sót lại, Hoàng muốn la lên một tiếng, cho lồng ngực bớt hồi hộp. Nhưng tiếng la như kẹt trong cổ họng, trong đầu.

Xe về hãng, một đội ngũ đông đảo tài xế các loại xe, đổ đến, la lối, mời gọi, lôi kéo... bất cứ hành khách nào có muốn đi hay không. Hoàng lấy xách tay và chiếc va li khá nặng, gởi

người quen trên chuyến máy bay vừa mới về, bước ra. Anh từ chối các mời mọc, níu kéo dằn co, đi ra một khoảng khá xa, tìm một người xe xích lô đạp thầm lặng nào đó mà Hoàng mỉm cười nghĩ, biết đâu, ông ta có thể là "người anh em ngã ngựa" với mình. Anh bước lại bên một chiếc xích lô đạp có ông già đang đứng đăm chiêu bên cạnh. Anh đưa cái địa chỉ hỏi ông già, có đi đến chỗ này được không. Giọng ông lầm bầm:

"Ờ, ờ được chớ. Để coi, chỗ nào vậy cà? Ờ, Thị Nghè, nhưng sao số gì mà tùm lum thế này?"

Ông ta xoay qua, hỏi Hoàng:

"Anh biết chỗ nào đây ở Thị Nghè không?"

Hoàng ngạc nhiên, mỉm cười với ý nghĩ "ông bạn, người anh em ngã ngựa" này chẳng hơn gì mình. Ở trong nước, mà cũng mù mờ. Ông ta bước lại, hỏi người bạn xích lô trẻ. Tiếng anh bạn trẻ:

"Tới Hàng Xanh, đi sâu vào phía sau nghĩa địa mới. Ở đó xe không đi vô được nữa. Đi bộ vô, tìm một chặp, thì thấy."

Bước vào "nhà," Hoàng đứng khựng lại. Bốn bức vách bằng lá dừa xiêu vẹo. Mái nhà cũng bằng lá dừa, như trải sưa sớt trên những tấm vĩ nan tre. Hoàng không dám gọi anh chị. Nhà không có ai cả. Hoàng nghe tiếng leng keng va chạm của các món đồ kim khí cũ. Hoàng nhìn ra, phía sau những nấm mộ, có dáng người ngồi. Hoàng nhìn kỹ. Trời ơi! chị Nhàn!

Hoàng bước ra sau nhà, đi đến. Chị Nhàn nghe tiếng bước chân, nhìn lên, đứng bật dậy, miệng há hốc. Tiếng la của chị như tắt nghẹn trong cổ họng:

"Trời ơi! Hoàng, em về đấy hả?"

Chị đứng ngây ra, như trời trồng, rồi ôm choàng lấy người em xa cách, khóc như mưa, như gió. Không biết bao lâu, ở đây, giờ giấc như trộn lẫn giữa hai cõi âm dương, giữa con người và mộ chí. Hoàng hỏi chị:

"Anh Luân đâu?"

Chị chỉ ra đằng xa, nơi có nhiều ngôi mộ khá lớn, có nhà mồ khang trang, bên cạnh những cây cao, bóng mát. Giọng chị như hơi gió thoảng:

"Anh đang ngồi, nói chuyện với... cỏ cây , chim chóc ngoài đó."

Hoàng bước ra, đi thật nhẹ đến gần anh. Anh đang quì bên một tấm mộ bia, miệng như ngâm nga. Hoàng như cuối sát xuống mới nghe thoang thoảng:

Trai trẻ bao lâu mà đầu bạc
Trăm năm thân thế bóng tà dương! (*)

Hoàng khẽ gọi anh:

"Anh Luân, anh Luân. Em là Hoàng đây. Em về thăm anh. Anh có nhớ ra em không?"

Nghe tiếng gọi, anh Luân quay vội lại, mặt tái mét, chân tay run lập cập. Giọng anh như van xin:

"Tôi không làm gì hết. Tôi không làm gì hết. Đừng bắt bỏ tù tôi. Đừng bắt bỏ tù tôi."

Vụt một cái, anh đứng lên, bỏ chạy lanh quanh, rồi chạy vào nhà, trốn trong một góc nhà, lấy tấm cót che lại. Hoàng thấy cổ họng mình đắng ngắt. Chị Nhàn đi ra kêu em vào. Chị than vãn:

"Bệnh tình anh như vậy đó cậu ạ. Thật khổ cho anh, khổ cho chị. Nếu chỉ có mình chị, hai đứa cháu và mồ mả, cỏ cây ở khu nghĩa địa này thôi, thì anh là người bình thường. Nhưng khi có người lạ đến gần, anh lại rơi vào nỗi sợ hãi khủng khiếp, sợ bị bắt bỏ tù. Nhiều lần chị nhờ mấy người quen, gần như bắt trói anh lại, chở vào nhà thương Chợ Quán, để khám nghiệm, uống thuốc, nhưng chẳng có hiệu quả chi cả. Tội nghiệp cho anh quá."

Hai đứa cháu đi học về, thấy có người lạ, đứng thập thò sau nhà bên các đống chai lọ, lon nhôm... Chị Nhàn nói với Hoàng:

"Hai đứa cháu nội của chị. Tội nghiệp cho hai đứa nhỏ, côi cút, khổ cực trăm bề , nhưng vẫn chăm chỉ học hành và giúp đỡ bà nội."

Chị Nhàn kêu hai đứa nhỏ vào nhà. Hoàng mở vali, trao những món quà anh mang về cho anh chị và hai đứa nhỏ. Hai đứa nhỏ đen đủi, gầy choắt, nhưng mặt mày sáng sủa, thông minh. Những chiếc quần *jeans* rộng thùng thình, dài gần gấp rưỡi chiều cao của hai đứa bé. Tiếng cười khúc khích làm cho căn nhà như bừng lên một chút vui tươi. Nhìn hai đứa bé như lọt trong mấy cái quần áo quá dài, quá rộng, Hoàng cũng phì cười:

"Thôi chiều nay, ông cậu dẫn hai cháu xuống phố, mua áo quần mới, vừa vặn cho."

Hai đứa bé, vẫn mặc những chiếc quần to rộng đó, cười đùa, đuổi nhau, cười vang.

*

Hoàng đọc lại bức thư ngắn ngủi của chị Nhàn, nhiều lần. Hoàng nhớ lại lời anh Luân nói hồi tháng Tư năm Bảy Lăm *"... tôi chọn đứng bên lề lịch sử."* Hoàng thấy mắt mình cay cay, muốn nói với anh *"... lịch sử vô tình lắm. Mọi người đều bị lôi kéo vào trong dòng biến dịch của nó, dù muốn hay không."*

Hè 2001

(*) Hồ trường, Nguyễn Bá Trác

ĐI XEM MÙA HÈ CHIỀU THẲNG ĐỨNG

BÙI BÍCH HÀ

Với ký ức còn lưu giữ vài cảm nghĩ không được thoải mái lắm kể từ phim *Cyclo*, tôi mua vé đi xem *Mùa Hè Chiều Thẳng Đứng* của đạo diễn Trần Anh Hùng, ngược lại, bằng những ghi nhớ dịu dàng từ *Mùi Đu Đủ Xanh*.

Cả vùng quận Cam, chỉ có một rạp Edwards duy nhất ở thị xã Irvine cho trình chiếu phim này, hai xuất trong ngày, một vào buổi chiều, một vào buổi tối. Quảng cáo thưa thớt, dư luận phẳng lặng. Trước đó, một bạn trẻ làm công việc truyền thông, nói với tôi "hình như một nhân vật nữ trong phim có mối tình loanh quanh với người anh trai của cô ta." Nhận xét này không gây ngạc nhiên cho bất cứ ai từng biết qua khả năng sáng tạo "Độc đáo và bạo tợn" của đạo diễn Trần Anh Hùng trong *Cyclo*.

Tuy vậy, có lẽ sau kinh nghiệm thử thách không thành công lắm với loại xúc cảm vay mượn từ tâm lý các nhân vật trong các xã hội tha hóa Âu Tây, như thấy ở Cyclo, Trần Anh Hùng nay nhận ra chỗ đứng thật của anh trong lãnh vực điện ảnh và bắt đầu lại bằng chính cái vốn liếng văn hóa rất đặc thù, sâu sắc và huyền ảo, kế thừa trực tiếp từ đất nước và dân tộc đã sản sinh ra anh.

Một khác biệt rất rõ giữa những nhà sản xuất phim ảnh Hollywood và những người làm phim "loại nhỏ" như Tony Bui, Trần Anh Hùng, là ở chỗ: một bên vì quá dư thừa phương tiện nên dễ dàng vượt quá kích thước hữu hạn của cảnh đời tầm thường (khi họ muốn diễn tả cái tầm thường này, nó nhạt nhẽo đến phát chán), một bên vì chưa chạy xa, nhảy cao được nên tập trung soi chiếu nội tâm, làm rung lên thứ tiếng nói lẩn khuất trong sâu kín trái tim con người vốn cũng rất mê hoặc vì nét sinh động bí ẩn của nó.

Nhân vật chính của *Mùa Hè Chiều Thẳng Đứng* gồm có ba chị em gái, người chị cả có chồng là một nghệ sĩ nhiếp ảnh. Họ có một con trai nhỏ. Người chồng thường vắng nhà do sở thích săn ảnh của ông ta. Người chị thứ hai có chồng là một nhà văn. Ông này suốt ngày cà phê, thuốc lá, hoặc cầm cái que đùa nghịch với con bọ ngựa trên tàu lá sen, hoặc ra bao lơn ngắm cảnh, hoặc nằm móc chân vào cái án thư bày ra ngay trên sập gỗ mà tìm ý sáng tác, lúc bí quá thì làm một chuyến viễn du. Cô em út ở tuổi thiếu nữ, chưa có chồng, ở nhà thì đùa nghịch tinh ma với ông anh sấp sỉ trạc cô, ra đường mới bắt đầu hò hẹn. Cả ba vừa mồ côi cha mẹ, cùng sinh sống bằng cách mở một quán cà phê. Nói về cha mẹ, người chị cả ngờ ngợ rằng mẹ có một mối tình thời thanh xuân trước khi về làm vợ bố. Mặc dầu vậy, cuộc hôn nhân của hai ông bà rất êm đềm. Mọi người, kể cả con cái, nhìn thấy họ là đôi uyên ương rất lý tưởng. Ít lâu trước khi qua đời, trong cơn bệnh, mẹ nói với bố những lời yêu đương tha thiết, khiến mắt bố rưng lệ. Người chị cả cho rằng lúc đó, mẹ đang sống lại cuộc tình xưa nên bà mới có thể bày tỏ những cử chỉ nồng đượm đến thế. Tuy nhiên, để kết luận, cả ba chị em đều đồng ý rằng những điều họ nói với nhau chỉ là giả thuyết thôi.

Trong cuộc đời riêng từng người, cô chị cả có nhân tình. Nơi hẹn hò của họ là một ngôi đền. Dựng cảnh này, đạo diễn muốn nói là ở chỗ tôn nghiêm nhất, tội lỗi của con người vẫn xảy ra, hay, người đàn bà Việt Nam có chồng, khi phản trắc, mang cả nỗi ám ảnh của thần thánh trên hai vai? Vì vậy, cô giao ước với người tình là họ chỉ được gặp nhau, gần nhau, trong im lặng tuyệt đối, không một lời nào được thốt ra, không cả một lần gọi tên, có khi cô phủ một vuông lụa lên mặt, để nhận và đáp trả đôi môi của tình nhân. Có nghĩa là "anh chỉ có ở tôi những gì anh nhìn thấy bên ngoài. Cõi riêng trong tôi không có anh, nó thuộc về nơi chốn khác, những con người khác, chồng con tôi." Tạm để qua một bên các nguyên tắc

luân lý mang nặng căn cơ xã hội, sự quị ngã của nhân vật nữ này là bi kịch quá lớn cho đời người đàn bà. Một lần hẹn hò nào đó, người tình để một tặng phẩm lạ giữa giường. Cô mở khăn đậy. Đó là một cái chậu bằng đồng, chạm trổ, han rỉ, đựng một chất lỏng sóng sánh như nước. Cô cúi gầm mặt trên cái chậu phản chiếu cô, hai tay cô chà xát điên dại trên hai cái quai chậu rỉ xanh, cho đến lúc chất đồng bị vùi lấp ló ra, sáng bóng. Cô cười vui, mừng rỡ, hóa ra cũng một lúc, cô đã tự chà xát rong rêu, bụi bặm bám vào cô, để thấy lại tấm lòng trong trẻo vẫn y nguyên.

Sau này, nhân một đêm hai chị em tâm sự, cô tiết lộ rằng sau ngày cưới chừng hai năm, khi chồng cô trở về từ một chuyến đi săn ảnh, cô cảm thấy nơi anh có điều gì khác lạ, không còn giống như thuở ban đầu. Trong tình huống ấy, cô gặp người đàn ông kia, một người khách lai vãng quán cà phê của mấy chị em cô. Ông ta nói rất yêu cô, đánh trúng tử huyệt trong lòng người vợ đang vừa ngờ vực, vừa khao khát tình yêu "như thuở ban đầu" nơi ông chồng thường xuyên vắng nhà và ngày một khác lạ sau mỗi chuyến đi.

Một cảnh trong phim

Tuy nhiên, linh cảm của cô không sai. Sự thực là chồng cô có một người đàn bà khác và một đứa con khác. Ông ta bị dằng co giữa hai nơi, "không thể chọn một phía nào mà không cảm thấy có lỗi với phía kia." Vì ông không nhận trách nhiệm giải quyết, hai người đàn bà Việt Nam ở thế kỷ 20 bỗng thấy họ có bổn phận bảo vệ sự bình yên của ông. Người vợ lay chân chồng đang ngủ say, thậm chí ngáy pho pho, để nói rằng "em bằng lòng có anh một nửa, để giữ lại hạnh phúc gia đình." Người tình mắt ngấn lệ, gượng cười "anh đừng hứa hẹn gì với em cả. Nếu anh trở lại, em sẽ rất hạnh phúc." Những người phụ nữ chịu đóng đinh trên thánh giá thương khó kiểu này, có hằng hà sa số trong xã hội Việt Nam trước đây.

Cô chị thứ hai hãnh diện có chồng là văn nhân. Khi cô âu yếm, tình tứ báo tin với chồng là cô cấn thai, mặt chồng cô "trắng như tờ giấy," khiến cô cười sặc sụa vì sự vô tích sự mà cô đã biết trước nơi chàng. Cuốn sách chàng đang viết chỉ còn chương cuối thì chàng tắc tị, ậm ừ, ngắc ngứ cả mấy tháng không hoàn tất được. Cuối cùng, nhà văn nói với vợ "anh cần phải đi Saigon ít ngày." Người vợ trẻ, vừa biết mình sắp làm mẹ, lập tức nhận biết phần đóng góp tất nhiên (và vinh hạnh) của mình vào sự nghiệp văn chương chồng đang theo đuổi. Rất nhiều tách cà phê từ cái quán nhỏ đã đưa nhà văn lên một chuyến bay Hà Nội - Sài Gòn, đặt chàng ngồi cạnh một người đàn bà đẹp mà sự tình cờ khiến họ ở cùng một khách sạn. Nhà văn thuốc lá, cà phê đều đặn để tìm văn hứng ở quán xá, cho đến một tối kia, bắt được mẩu giấy ghi xuống giờ hẹn gặp và số phòng của người đàn bà ấy. Đêm Sài Gòn bồn chồn, oi bức. Nhà văn đến trước cánh cửa có con số trên tấm thiệp nhỏ, ngập ngừng gõ mấy tiếng. Không nghe trả lời nhưng cửa không đóng. Nhà văn bước vào, nhìn thấy người đàn bà đẹp nằm mượt mà trên chiếc giường sang trọng, trong tư thế ngủ và buông thả. Chàng ngẫm nghĩ một giây rồi quầy quả lui bước. Người đàn bà chắc hẳn đã lắng nghe động tĩnh trong giấc ngủ vờ, vội đuổi theo ra nhưng chỉ còn kịp nhìn thấy cái lưng áo chàng khuất ở cuối hành lang. Đối với nhà văn, bế tắc đã được giải tỏa: cơ hội và khả năng chinh phục của người đàn ông vẫn còn, vẫn thế dù bây giờ ông tạm dừng ở chỗ này.

Nhà văn trở về nhà, bỏ quên mẩu giấy quái ác trong túi cái áo khoác vắt vội lên một cành cây khi chàng rửa mặt để đón nhận đôi môi vợ rạng ngời hạnh phúc, mừng chồng đi xa về. Nhìn thấy chứng cớ hò hẹn hiển nhiên của chàng, người vợ trẻ khóc òa, đau đớn, tủi nhục, cảm thấy mình như một cô gái hoang thai.

Cô em út ở tuổi cập kê, chưa có người yêu, chưa biết yêu là gì, đã suốt ngày ưỡn bụng soi vào gương để tưởng tượng mình thai nghén. Cô yêu thích cuộc sống lứa đôi đầm ấm của cha mẹ, cô thích mình cũng đôi lứa qua vóc dáng người anh trai còn mày tao chi tớ với cô hằng ngày còn dành ăn dành ngủ với cô và tuy lớn hơn cô, cậu ta vẫn được cô em gái phục dịch cơm nước và giặt giũ quần áo như một bà mẹ trẻ.

Sau cùng thì cô cũng có một mối tình. người thanh niên này chạy trốn cô vì mặc cảm "sao trông nó trưởng thành hơn mình, tao sợ bị nó khiển dụng." Anh ta để cô chờ đợi vô vọng ở chỗ hẹn. Anh ta để cô ngơ ngác đội mưa đi tìm anh qua những quán cà phê Hà Nội là nơi anh thường lui tới để tiêu phí thời giờ và tập làm người lớn (mà tập mãi không xong). Quả thật, lúc họ âu yếm ngồi bên nhau, mặc dầu hình hài cao lớn hơn, người con trai đã nép đầu mình vào ngực người con gái, nhìn từ xa, toàn cảnh bức ảnh bộc lộ rõ bản năng bảo vệ, chở che nơi một bà mẹ với đứa con nhỏ trong vòng tay thương yêu của mình, không giống một đôi tình nhân.

Ba chị em hay chỉ là ba khoảng đời của người đàn bà Việt Nam, từ tuổi dậy thì, qua tuổi yêu đương rồi làm vợ, bước vào đoạn đường chèo chống gia cang để gìn giữ con thuyền mỏng manh luôn ngả nghiêng ấy, trước sau, họ chỉ có một mình trong mọi tình huống. Cái giá họ phải trả để được một người đàn ông trao cho vòng nguyệt quế là sự hy sinh chính họ, là những tổn thất, hư hao họ phải lặng lẽ cưu mang, là ngay cả nỗi ngờ vực cũng giấu bên dưới nụ cười đôi mắt có đuôi, là ngay cả niềm thất vọng cũng được hát lên như một điệp khúc hạnh phúc. Cái xã hội Việt Nam thời kẻ sĩ được trọng vọng, tiếc thay, đã áp đặt lên giới phụ nữ nhiều sự bất công, xô đẩy họ vào một vị trí bất xứng, chỉ với một khí cụ đơn giản và đầy mê hoặc tạm gọi là nền văn hóa kẻ sĩ:

Dẫu cho ruộng cả ao liền
Sao bằng cái bút cái nghiên anh đồ.

Tôi có cảm tưởng đạo diễn Trần Anh Hùng luôn ấp ủ nơi ông nỗi ám ảnh buồn bã từ thân phận những người phụ nữ Việt Nam thế hệ bà nội, bà ngoại hay bà thân mẫu của ông. Họ cống hiến cho đời biết bao kiệt tác phẩm về mặt nhân sinh nhưng họ hiện hữu khắp nơi như cỏ hoa không tiếng nói.

Một thời đã qua, đã chấm dứt (*Rừng xưa đã khép*) nhưng cũng cần trả lại cho những người đàn bà thời đó vòng nguyệt quế đích thật của họ như một sự công bằng, cũng cần thắp lên cho họ một nén hương siêu thoát dù đã muộn màng trên dòng năm tháng.

Về mặt kỹ thuật thực hiện, dấu ấn rất riêng biệt của Trần Anh Hùng là những cơn mưa nhiệt đới, vạm vỡ, tràn trề, xối xả, những bờ bụi xanh bóng thở lao xao dưới triền nước đổ, những vùng sáng tối thấp thoáng như dồn đuổi của những mảng ký ức nhập nhằng với hiện tại, của những mảng sống chợt đến chợt đi, chợt có chợt không. Trần Anh Hùng luôn có những bố cục lạ mắt trên sân diễn, những hình tượng bất ngờ, vừa gợi cảm, vừa thô ráp, gây ấn tượng nơi người xem về một thế giới khác, đầy bí ẩn, chưa được tiết lộ bao nhiêu của con người. Hình ảnh trong phim, nếu kết luận ngắn gọn, phải nói là tuyệt đẹp.

Tất nhiên phim cũng có nhiều khuyết điểm: giọng nói cứng, ngọng nghịu của Yên Khê (tuy cô tiến bộ rất nhiều so với diễn xuất trong các phim trước), vai người chị cả được giao cho một nữ diễn viên vừa già, vừa thiếu nét thanh tú cần thiết đối với tình tiết của vai đóng, khiến cho người xem đôi chỗ thấy ngượng và khiến cho động cơ phạm tội của cô trở nên kém thẩm mỹ, khó biện bạch. Ngoài ra, có những vai phụ diễn thừa, chia trí người xem, làm cho cuốn phim ôm đồm, chứng tỏ sự thiếu tự chủ trong chọn lựa của người làm phim. Một ngôn ngữ súc tích, có cân nhắc, chuyển tín hiệu đi nhanh và thẳng tới cảm xúc người nghe, với tác dụng chính xác của một mũi tên nhắm trúng đích.

Dẫu sao, với những người con ở thế hệ tôi và thế hệ sau tôi một bước, đã từng chứng kiến cảnh đời cỏ hoa không tiếng nói của mẹ, đã không bao giờ có cơ hội nhìn lại cảnh đời ấy, đã không làm gì để đền bù phần nào số phận thiệt thòi của bà, xin hãy thấy trong *Mùa Hè Chiều Thẳng Đứng* chút mặt trời xiên khoai rọi vào khe cửa hé, soi chiếu những phận đời buồn nhiều hơn vui này.●

Quận Cam 8/2001

QUẬN CAM

Khai mạc Hội Chợ Sách và Hội thảo Văn học

Sáng ngày 18 tháng Tám 2001, Book Fair, tổ chức Hội Chợ Sách đầu tiên của người Việt Nam hải ngoại đã khai mạc tại Mimi Studio và các hành lang lân cận của khu Seafood World Plaza, Little Sài Gòn. Hội chợ sách sẽ kéo dài hai cuối tuần 18, 19/8 và 25, 26/8/2001, và sẽ kết thúc bằng một Đại hội âm nhạc sẽ được tổ chức vào ngày 1/9/01. Các buổi hội thảo về vấn đề sáng tác văn, thơ cùng việc xuất bản sách sẽ được tổ chức vào các cuối tuần kể trên.

Người ta đã chứng kiến một cảnh tượng tưng bừng rộn rã của sinh hoạt sách vở hiểu theo nghĩ cụ thể, với các gian hàng sách của những nhà xuất bản Văn Nghệ, Đại Nam, Xuân Thu, Người Việt, Tự Lực, Văn Khoa, Văn Mới, Tú Quỳnh, Cây Đa Book, Thế Kỷ, An Tiêm... và từng đợt người yêu sách đến thăm viếng. Hàng ngàn cuốn sách được người Việt Nam xuất bản tại hải ngoại 26 năm qua đã được trưng bày, từ cuốn sách cũ tưởng đã tuyệt bản cho đến những cuốn mới toanh vừa in xong đi thẳng từ nhà in đến Book Fair. Lần đầu tiên không khí yêu chuộng sách vở được thể hiện rất rõ giữa một nơi quần tụ người viết, nhà xuất bản và đông đảo người đọc, trong một khung cảnh vui vẻ rất thanh nhã và văn hóa.

Buổi chiều, lúc bốn giờ, cũng trong khuôn khổ sinh hoạt Book Fair, một cuộc hội thảo về văn học đã được tổ chức tại phòng sinh hoạt của nhật báo Người Việt với các diễn giả chính các nhà văn Nguyễn Mộng Giác, Bùi Bích Hà, Trần Diệu Hằng, Nguyễn Đức Lập, Hoàng Mai Đạt và người điều khiển chương trình Lê Nguyên Phương. Từ việc trưng bày và mua bán sách ở "Chợ Sách," buổi hội thảo đã "trưng bày" một nội dung khác: những vấn đề liên quan đến quá trình sáng tác của nhà văn. Gần một trăm người yêu văn chương đã hào hứng theo dõi cuộc hội thoại theo một hình thức rất mới trong sinh hoạt trí thức của người Việt Nam, trong đó không còn những bài thuyết trình dài lê thê mà là các trao đổi trung thực, sống động giữa người điều hợp chương trình với đối tượng là các nhà văn được mời.

Ngay từ đầu Lê Nguyên Phương đã tạo một không khí thân mật tự nhiên cho cuộc trao đổi, các lễ nghi thưa gởi đã được rút gọn đến mức vừa đủ để mời các diễn giả cùng người tham dự đối diện ngay với các vấn đề được đặt ra, từ cụ thể đến trừu tượng. Cụ thể, chẳng hạn như: "Trong hăm bốn tiếng đồng hồ của một nhà văn hải ngoại, quý vị đã sống và sáng tác như thế nào?" Các nhà văn đã "tiết lộ" nếp sống riêng tư của mình một cách bất ngờ: Nguyễn Mộng Giác nói mình viết truyện theo giờ hành chánh, cứ đến giờ là ngồi vào bàn theo một kỷ luật định sẵn, chứ không theo những cảm hứng đột ngột kiểu như nửa đêm chợt vùng dậy

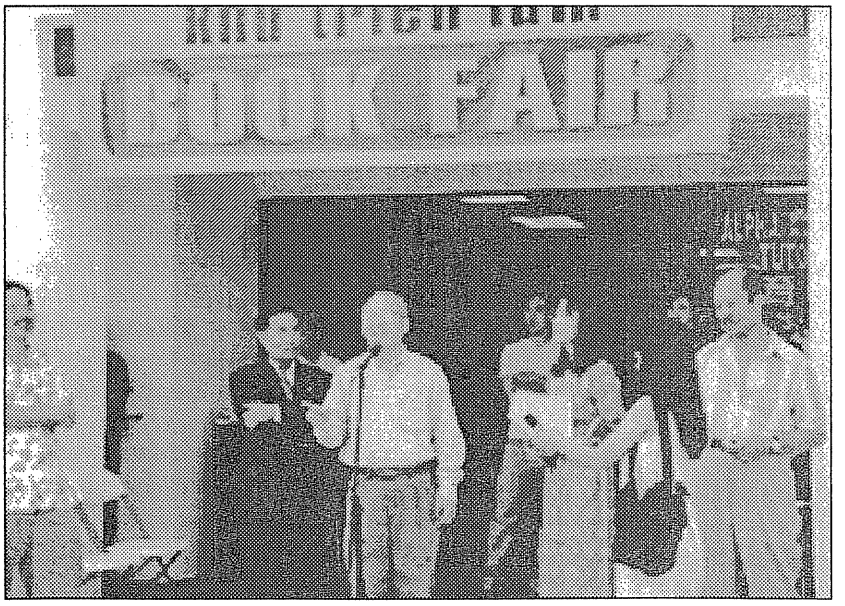

Lễ Khai mạc Book Fair

chộp lấy bút mà say sưa viết. Nguyễn Đức Lập là một bất ngờ khác: ông sống hoàn toàn nhờ cây bút chứ không làm một việc khác, sáng dậy thắp nhang bàn thờ ông bà, uống cà phê, hút thuốc lá rồi ngồi vào bàn viết bắt đầu ngày làm việc; khi đầu óc mệt mỏi, đi ra vườn tưới cây, quét dọn, hoặc chơi với... con chó, cho đến

Gian hàng Thế Kỷ 21 trong Book Fair

khi cảm thấy thanh thản lại ngồi vào viết. Hai nhà văn nữ Bùi Bích Hà và Trần Diệu Hằng thì nói nữ tính không buộc hai bà một kỷ luật như thế, viết theo những cảm hứng nhiều hơn, nhưng việc ghi nhận những chi tiết cho tác phẩm thì xảy ra bất cứ lúc nào trong đời sống.

Trên đây chỉ là một vài nét, chưa phải điển hình lắm, trong suốt buổi hội thảo gồm nhiều vấn đề liên quan đến người cầm bút, từ cái gọi là nghiệp dĩ đến cảm hứng và kỹ thuật của nhà văn, từ việc chuyên chở tư tưởng đến cách xây dựng nhân vật cùng các biểu tượng thường được nhà văn gởi gắm một cách kín đáo trong tác phẩm của mình.... Buổi hội luận này là một hình thức trao đổi mới mẻ, để quần chúng dễ dàng hiểu rõ hơn công việc cũng như tâm lý của người viết văn. Ngày đầu của Book Fair đã chấm dứt thật tốt đẹp với buổi hội luận văn học đã đem lại chiều sâu trong đợt sinh hoạt sách vở này.

Nguyễn Chí Thiện ra mắt Tập Truyện Hỏa Lò

Hơn 500 đồng bào miền Nam California đã tham dự buổi ra mắt tác phẩm mới nhất của nhà văn Nguyễn Chí Thiện viết tại hải ngoại được tổ chức tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam, vào chiều ngày thứ Bẩy 18 tháng Tám năm 2001. Tác phẩm mới nhất này mang nhan đề *Hỏa Lò,* một nhà tù nổi tiếng từ thời Thực Dân Pháp cho đến nay.

Sau nghi thức khai mạc, ông Nguyễn Xuân Tùng đại diện ban tổ chức đã long trọng giới thiệu tác phẩm mới nhất của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện lần này ra mắt không phải là một tập thơ như hai tác phẩm trước là Hoa Địa Ngục 1 và 2 mà là một tập gồm bảy truyện ngắn nhà thơ đã dành hai năm trời để hoàn tất.

Giáo sư Trần Huy Bích và nhà văn Trần Phong Vũ giới thiệu tác phẩm Hỏa Lò do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ 2001 ấn hành. Nhà văn Nguyễn Chí Thiện đã được Nghị Viện Âu Châu tài trợ suốt hai năm liền để nhà thơ có thể hoàn tất tập truyện này. Thay vì viết dưới dạng hồi ký, nhà văn Nguyễn Chí Thiện đã miêu tả nhà tù Hỏa Lò với đôi mắt khách quan và không muốn nói đến cái tôi mặc dù những nhân vật và sự kiện đều có thật với một ít hư cấu.

Đây là một tác phẩm viết về chế độ lao tù Cộng Sản Miền Bắc mà tác giả là người đã sống 27 năm trong đó. Hỏa Lò là âm ty địa ngục ngay giữa lòng Hà Nội. Chất liệu những truyện trong Hỏa Lò đều thật, mà tác giả đã miêu tả đó là một trường bắn im lìm không tiếng súng.

Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện đã lên diễn đàn một cách đĩnh đạc và có vẻ khỏe hơn so với thời gian hồi ông mới sang định cư tại Hoa Kỳ. Ông không nói về tác phẩm Hỏa Lò của ông mà nói về những chuyện thời sự liên quan đến Việt Nam. Suốt thời gian ông nói chuyện nhiều tràng pháo tay tán thưởng của cử tọa dành cho ông. Nhà văn nguyễn Chí Thiện tin tưởng rằng chế độ Cộng Sản Việt Nam sẽ sụp đổ trong một ngày gần đây.

Sau đó nhà văn Nguyễn Chí Thiện dành thì giờ để trả lời một số câu hỏi của cử tọa. Tất cả các cuốn Hỏa Lò tại buổi ra mắt sách đã được bán hết. Sau buổi ra mắt sách, người ta đổ xô đi tìm mua cuốn sách và hiện nay không thể tìm thấy một cuốn Hỏa Lò nào trong các nhà

sách tại vùng Little Saigon.

Thư Viện Việt Nam mừng sinh nhật ba tuổi

Hơn một trăm tân khách gồm đại diện tôn giáo, hội đoàn, văn nghệ sĩ và giới trẻ đã tham dự ngày Mừng Thư Viện Việt Nam lên ba tuổi tổ chức ngay tại thư viện tọa lạc tại 5413 W. First Street, Santa Ana vào sáng ngày Chủ Nhật 12-08-2001.

Ông Trần Lam Giang, đại diện cho Nhân Ái Foundation đã ngỏ lời cảm tạ sự hiện diện của quan khách và những sự hỗ trợ của đồng bào các giới trong cộng đồng. Nhân Ái Foundation là một tổ chức vô-vị-lợi và cũng là Trung Tâm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt Nam. Ông cũng nói đến sự quan trọng trong việc phát triển các thư viện Việt Nam tại hải ngoại để có thể bảo tồn nền văn hóa Việt Nam cho những thế hệ trẻ tương lai.

Nhà văn Nguyễn Đức lập, Trưởng Ban Quản Trị Thư Viện Việt Nam cũng nói sơ lược sự hình thành cũng như sự hoạt động của Thư Viện Việt Nam trong hai năm qua. Ông cho biết Thư Viện Việt Nam hiện có gần 20,000 cuốn sách mà diện tích hiện nay có vẻ đã quá chật. Bên cạnh Thư Viện Việt Nam còn có một Viện Bảo Tàng tí hon trong đó có một số đồ cổ quý giá.

Nhà văn Nguyễn Đức Lập cho thấy sự quan tâm của Cộng Đồng đối với Thư Viện qua một ví dụ ông kể. Có một phụ nữ trung niên Việt Nam dẫn con đến Thư Viện Việt Nam xin đóng góp vào quỹ sinh hoạt của Thư Viện một món tiền nhỏ là 20 đô la mà bà nói rằng đó là một ngày lương của bà đi giữ trẻ. Bà hy vọng sự đóng góp nhỏ nhoi của bà Thư Viện Việt Nam sẽ có thêm phương tiện phát triển và duy trì văn hóa Việt Nam, không phải cho chính bà vì hiện nay do sinh kế bà không có thì giờ để đọc sách, nhưng là để cho con bà sau này có thể tìm được bản sắc của mình qua văn hóa Việt Nam mà Thư Viện Việt Nam đã có đóng góp một phần.

Nhà thơ Du Tử Lê cũng lên nói rằng chính những Thư Viện như Thư Viện Việt Nam là những cuốn nhau rất cần thiết cho đời sống tinh thần của thế hệ trẻ Việt Nam để họ không quên nguồn gốc của mình.

Ngoài việc quản lý sách Thư Viện Việt Nam còn tổ chức các cuộc triển lãm các văn hóa phẩm Việt Nam như đồ gốm, tem, những Sắc Thần của năm triều vua nhà Nguyễn; triển lãm hình ảnh chiến tranh Việt Nam do phóng viên quốc tế Nick Út cung cấp cùng với sự hỗ trợ của các Bảo Tàng Viện Hoàng Gia Anh tại Luân Đôn, Thư Viện Richard Nixon. Thư Viện Việt Nam cũng đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo liên quan đến vấn đề văn hóa văn học nghệ thuật và các hình thức trà đàm về một đề tài văn hóa hay thời sự nào tùy theo nhu cầu.

Dĩ nhiên khu sách báo là khhu quan trọng chiếm nhiều diện tích nhất. Nhà văn Nguyễn Đức Lập cho biết hiện Thư Viện đang cần có sự tiếp tay của các nhà Mạnh Thường Quân để Thư Viện Việt Nam có thể có một cơ ngơi rộng rãi khác đáp ứng với nhu cầu học hỏi của cộng đồng Việt Nam ngày càng tăng.

Thư Viện được thành lập cách đây ba năm do sáng kiến của bốn người là Trần Lam Giang, Trầm Tử Thiêng, Nguyễn Đức Lập và Du Miên. Bắt đầu hoạt động vào tháng 9 năm 1999, Thư Viện Việt Nam đã tạo được nhiều tiếng vang trong Cộng Đồng. Hằng ngày bạn đọc có thể đến đọc sách báo mới và cũ cũng như xem triển lãm các đồ cổ hiếm có.

Trong dịp này, Thư Viện Việt Nam đã phát hành cuốn Kỷ Yếu 2001 Thư Viện Việt Nam dầy 400 trang khổ lớn với nhiều bài vở, tài liệu và hướng dẫn thương mại hữu ích.

VIỆT NAM

Nghệ sĩ Út Trà Ôn qua đời

Nghệ sĩ cải lương danh tiếng Út Trà Ôn đã qua đời ngày 13 tháng 8 năm 2001 tại bệnh viện Nguyễn Tri Phương Sài Gòn, hưởng thọ 83 tuổi. Ông sẽ được an táng tại nghĩa trang Chùa Nghệ Sĩ tại Gò Vấp.

Nghệ sĩ Út Trà Ôn, tên thật là Nguyễn Văn Út, xuất thân là một nông dân từ miệt đồng. Ông có khiếu ca nhạc tài tử và làn hơi thiên phú nên sau những sinh hoạt ca hát ở thôn quê, đã gia nhập gánh hát Tiến Hóa để chính thức bắt đầu cuộc đời nghệ sĩ. Từ đó, làng sân khấu cải lương miền Nam đã có một đệ nhất danh ca với biệt hiệu Út Trà Ôn (người tên Út của đất Trà Ôn). Đĩa hát đầu tiên của ông, Tôn Tẫn giả điên, bán chạy như tôm tươi; đĩa thứ hai, Thái sư Văn Trọng cũng tạo cơn sốt trong giới mộ điệu Lục tỉnh. Ông đã lập gánh hát riêng Kim Thanh - Út Trà Ôn nổi danh với ba vở diễn đi vào lịch sử sân khấu: Tình Vương Hoa Thắm, Đời Cô Nga và Sau Bức Màn Nhung, mà ông đều thủ vai kép chánh.

Ông là một nghệ sĩ mộc mạc, tuy được hâm mộ nhưng luôn khiêm tốn, là một nét đẹp chân phương của sân khấu Việt nam.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Hỏa Lò

tập truyện của Nguyễn Chí Thiện, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ ấn hành, 316 trang, giá US$15.00; ngoài Hoa Kỳ $17.00. Liên lạc: Cành Nam Publishers, 2607 Military Rd. Arlington, VA 22207 - USA. Tel: (703) 525-4538. E-mail: canhnam@dc.net

Nguyễn Chí Thiện đã ở trong nhà tù Cộng sản Việt Nam tổng cộng 27 năm. Năm nay ông 62 tuổi, số năm ở trong tù đã chiếm gần nửa số thời giờ ông sống trên thế gian tính cho đến nay.

Kẻ viết bài giới thiệu sách này tuổi cũng suýt soát như tác giả Hỏa Lò, nhưng thời gian tù chỉ gần bằng nửa của ông. Thế nhưng ra khỏi tù là tôi không muốn nhắc đến chuyện ấy nữa, thậm chí khi ngồi với bạn bè mà cứ nghe kể mãi chuyện tù đày thì tôi có khuynh hướng đứng dậy đi nơi khác. Chẳng qua đó là do cá tính không muốn gặm nhấm những nỗi khổ đã qua. Vì thế tôi thường tránh đọc những cuốn sách nói về tù cải tạo, vì thế nào cũng gặp mình trong ấy, lại đụng đến những gì mà mình không muốn nhắc đến nữa.

Nhưng *Hỏa Lò* thì khác. Nhà tù Hỏa Lò là một huyền thoại. Và tác giả Nguyễn Chí Thiện cũng khác, ông cũng là một huyền thoại. Bản chất chuyện tù đày giữa ông với tôi cũng khác. Tôi ở tù vì thuộc về phe thua trận, còn ông, vì tranh đấu chống lại chế độ đã làm chúng tôi thua trận. Nội cái sự việc ông bị tù đi tù lại nhiều lần chứng tỏ sự tranh đấu ấy có thực, bền bỉ, không thỏa hiệp, không khoan nhượng. Và lạ thay, cũng là chuyện tù, mà *Hỏa Lò* lôi cuốn tôi ngay lập tức, tôi thưởng thức nó như những hoạt cảnh của một cảnh đời đặc biệt, dù là thê thảm nhưng vẫn đầy sức sống, sức sống mãnh liệt là đàng khác. Một nhà văn có tài có thể dựa trên tài liệu lịch sử để hư cấu những câu chuyện trong tù, dù sinh động đến mấy cũng phải phảng phất những giả tạo của hư cấu, nhưng với Nguyễn Chí Thiện, đời sống tù đã biến thành máu thịt tâm não của ông, những điều ông viết ra, không cần biết là hồi ức hay truyện văn học, đều thật một cách lạ lùng. Ông viết chuyện tù một cách thoải mái, không lên gân, không bi thảm hóa, văn ông rất tươi, lắm khi lại hơi dí dỏm, hình như muốn chứng tỏ rằng dù có những cảnh địa ngục thật sự trên đời này, nhưng nếu trong đó có con người thì vẫn còn có sức sống, có lòng nhân, có tình thương, nghĩa là có tất cả các thuộc tính của con người đúng nghĩa.

Mỗi truyện của Hỏa Lò chứa những hoạt cảnh, những câu chuyện ghép lại thành một mảng sống sinh động. Truyện "Những bài ca cách mạng" chẳng hạn, là một mảng như thế, gồm chuyện một giáo viên bị bắt vì bị nghi là người đã xóa mất chữ TA trong câu "Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!" kẻ ở cổng trường; cảnh thăm nuôi ngày sắp tết, tù nhân phải ăn vội ăn vàng đồ tiếp tế trong thời gian quy định mười phút; bác sĩ đến khám bịnh với câu đe dọa bất hủ "Bận sau còn khai ốm nữa, tao cho vào nằm bệnh xá," (là nơi tù nhân sợ nhất, gọi là Phòng chờ chết) và đặc sắc nhất là những bài ca cách mạng được cả phòng hát trong đêm giao thừa... Những bài hát ấy chứa đựng những câu đấu tranh, quật khởi thích hợp với tâm trạng những kẻ đang bị tù đày đè nén, như *thề phanh thây uống máu quân thù..., vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian..., nào nhà tù nào trại giam biết bao nhiêu cực hình, đồng bào tuốt gươm vùng lên..., lời ca thiên thu, phá hết lao tù, giết hết quân thù!...*, ai nấy đang gân cổ lên mà hát say sưa thì công an ập vào "đàn áp" như trước một cuộc nổi loạn, nghĩa là lôi ra đánh đập tàn nhẫn. Thật là một hoạt cảnh tuyệt vời xảy ra sâu trong lòng Hỏa Lò mà nếu không phải là người lăn lóc nhiều năm trong chốn ấy thì không tài nào biết và diễn tả được thế. Thực ra truyện nào của tập Hỏa Lò cũng có cái lạ, cái độc đáo để người đọc phải chau mày, phải đau thắt trong bụng, hoặc phẫn nộ, và ngay cả

phì cười... Đó là một thế giới đa dạng, được vẽ lại một cách chân thực bởi một cây bút rất tự chủ và có văn tài.

Một chế độ tàn ác bất nhân thì dù có đối trá che đậy cách gì đi nữa, cuối cùng sự thật cũng lòi ra. Nguyễn Chí Thiện, nối tiếp Solzenitsin, Trương Hiền Lượng, Vũ Thư Hiên, Bùi Ngọc Tấn và bao nhiêu người khác nữa, cống hiến, dưới dạng văn học, *cái ác* của chủ nghĩa cộng sản cho mọi người biết. Chỉ một Hỏa Lò này thôi, cũng đủ cho loài người và con cháu mai sau của Việt Nam ớn lạnh, và cảnh giác để cho những thứ quái ác như thế này đừng tái diễn trong cuộc sống con người.

Đêm Oakland Và Những Truyện Khác

tập truyện của **Phùng Nguyễn**, Văn (California, Hoa Kỳ) xuất bản, 183 trang, giá US$9.00, ngoài nước Mỹ $11.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Những truyện của Phùng Nguyễn bắt tâm trí của người đọc thường xuyên thay đổi trạng thái về những ảnh tượng không gian và thời gian. Kinh nghiệm sống của ông từ khi còn là một cậu bé một vùng thôn quê tỉnh Quảng Nam thập niên 50 trải dài theo các biến đổi của đất nước cho đến bây giờ thành một "trung niên văn sĩ" (nhại cách nói của Bùi Giáng) ở Hoa Kỳ đều có thể đột ngột xuất hiện nơi này nơi kia trong tác phẩm, khiến người đọc phải kịp thời điều chỉnh tâm trạng của mình mới bắt được câu chuyện. Đang từ không khí gay cấn tranh chấp quốc cộng trong một làng quê miền Trung Việt Nam thuở chiến tranh, người đọc phải tham dự ngay một cuộc... bắt hến ở hồ Isabella bên Hoa Kỳ, hoặc từ chuyện xảy ra trong một quán cà phê Sài Gòn bước sang các quan hệ tình cảm phức tạp của những người gặp gỡ nhau qua Internet của thế giới Tây phương...

Nhưng dù phong phú về đề tài, tất cả các truyện đều nằm trên một cái nền chung rất dễ nhận ra, đó là chính tác giả. Tác giả, dù trong cuốn này đã khác rất nhiều so với *Tháp Ký Ức* trước đây, vẫn không đi xa khỏi chính mình, và người đọc vẫn nhận ra những nét thân mật gần gũi cố hữu của một người quen biết. Khác, vì bên cạnh những mảng đời sống kể lại, ông đã đi sâu hơn, lặn vào vùng tâm thần của nhân vật, những phức tạp đã là những động cơ tâm lý ẩn giấu để hiểu rằng những mảng đời sống chúng ta thấy diễn ra ấy thực ra không đơn giản chỉ là các động tác biểu kiến của một vở kịch. Nhưng tất cả đều có một mẫu số chung rất nhất quán, là cái dĩ vãng không bao giờ rời tâm thức của tác giả. Các ấn tượng thời thơ ấu sẵn sàng giúp ông dựng lại một cuộc phục kích giao thông thời kháng chiến Pháp, một tòa án nhân dân ở sân đình khi phe bên kia bắt đầu lấn đất của Việt Nam Cộng Hòa; xa quê lâu ngày, đó đây ông vẫn dùng những cách nói rất dân giã của một vùng quê khiến đồng hương của ông có thể bồi hồi đối diện với cả một mảnh đời xưa tưởng đã mất hẳn; các trôi nổi của cuộc chiến và cuộc đổi đời là ấn tượng đầy đắng cay của một kẻ trưởng thành có dính líu đến tất cả những mối tình có thật hay tưởng tượng, những biến chuyển tâm lý bệnh hoạn của người di dân. Phùng Nguyễn có đầy đủ phong độ của một người ở lứa tuổi và hoàn cảnh có thể hội nhập vào đời sống Hoa Kỳ để hiểu rõ nó, cảm nhận nó ở những ngóc ngách mà một người bình thường sống trong cộng đồng Việt Nam khó có thể nhận thấy, nhưng hình như không bao giờ ông diễn tả chúng ngoài cái nền có sẵn của ông, là quá khứ của ông — có thể nói nền văn hóa Việt Nam nơi ông chính là cái dĩ vãng lúc nào cũng còn sống động trong lòng ông.

Đêm Oakland và những truyện khác là một tập truyện không dày nhưng nặng, vì tính chất cô kết, đậm đặc của nó. Tỷ trọng của nó lớn vì nó chứa đựng nhiều, như một hộp sữa đặc có đường sánh với một chai sữa tươi. Và từ một nền tảng cố hữu, người ta chứng kiến một Phùng Nguyễn đang tiến vào những cái mới, từ chiều sâu của con người cho đến chiều rộng của cuộc đời.

Những Chuyến Mưa Qua

tập truyện của **Trần Yên Hòa**, Thế Kỷ xuất bản, 256 trang, giá US$12.00, ngoài Hoa Kỳ $14.00. Liên lạc: Trần Yên Hòa, 12942 Josephine St # D, Garden Grove, CA 92841 - USA. Tel: (714) 636-2390.

Trần Yên Hòa sinh năm 1947 tại một xã thuộc quận Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, thời điểm đó cuộc kháng chiến chống Pháp đã bùng nổ và quê anh nằm trong vùng Việt Minh kiểm soát. Anh lớn lên và ghi trong ký

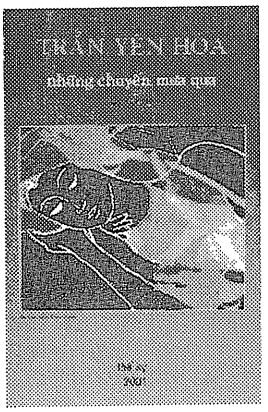

ức của mình rất sớm hình ảnh gia đình anh sống bằng nghề nông ở thôn quê, bộ đội về đóng trong nhà, máy bay Pháp oanh tạc, chợ búa nhóm ban đêm, ăn cơm phải độn khoai sắn, bữa nào ăn thịt cá thì phải giấu giếm... Năm đình chiến 1954 anh vừa đến tuổi đi học thì thay đổi chế độ, anh lớn lên trong một số năm thanh bình ít ỏi và trưởng thành với một cuộc chiến khác, cho đến ngày miền Nam sụp đổ thì anh đã là sĩ quan ngành chiến tranh chính trị của miền Nam và đã bắt đầu viết văn. Lại thêm một số kinh nghiệm sống phong phú thời kỳ sau 1975, cho đến ngày đi định cư tại Mỹ.

Cả cái quá khứ ấy được tái hiện trong tác phẩm của Trần Yên Hòa, rải đều theo thời gian, kể từ những hình ảnh đầu tiên mà ký ức của tác giả ghi nhận được về cuộc sống - một đứa bé nhà quê vài ba tuổi lê la bò chơi dưới đất - cho đến các sinh hoạt của người di dân tại đất Mỹ. Có thể nói Trần Yên Hòa là một sản phẩm điển hình không pha tạp của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Với một chút ký ức non nớt của tuổi thơ ấu thời kháng Pháp, anh được học hành, nuôi dưỡng, thành hình ý thức chính trị, rồi vào đời hoàn toàn với khung cảnh và khí hậu của hai mươi năm tồn tại của miền Nam. Truyện của anh đi sát với cảnh đời mà anh đã trải qua, dù là về thời niên thiếu đi học ở Tam Kỳ, lớn lên đi dạy, đi lính, hay là tình trạng sẩy đàn tan nghé sau 1975, ở Việt Nam cũng như tại Hoa Kỳ. Các mảnh đời anh đề cập đến, có thể là xa tít trong quá khứ hoặc sờ thấy được trong hiện tại của cuộc đời tị nạn. Anh trìu mến với từng kỷ niệm, từng niềm vui cũng như từng nỗi đau. *Những chuyến mưa qua* mời chúng ta tham dự vào các nỗi niềm của cả một thời gian dài, mà người miền Nam nào rồi cũng nhận ra mình là một phần trong đó.

Ngày Hằng Thơ

đĩa ngâm thơ do **Trần Diệu Hằng** biên soạn lời giới thiệu và diễn ngâm, giá US$10.00. Liên lạc: vn2000.vinamall.com; hoặc: Mimistudio, 15361 Brookhurst St. # 103, Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 531-7605.

Trần Diệu Hằng là người có nhiều năng lực cảm thụ thơ ca lại có tài năng diễn đạt bằng giọng ngâm của chính mình. Đó là điều hạnh phúc cho người nghe. Không hiểu đúng, không cảm đủ, lại thiếu chất giọng và kỹ thuật thì không thể nào diễn tả trọn vẹn một bài thơ. Trần Diệu Hằng thừa những điều kiện cần, lại mang nhiều tính chất sáng tạo trong diễn ngâm, nhiều lúc đã đưa bài thơ đến chỗ chất ngất không thể nào tìm thấy khi chúng ta đọc thơ trên giấy. Lời dẫn rất quan trọng, giúp người nghe hiểu bối cảnh sáng tác đồng thời chuẩn bị tâm lý đón nhận, Trần Diệu Hằng đã tạo nên hoàn cảnh qua lời dẫn thật tinh tế và thông minh.

Đĩa gồm những bài thơ nổi tiếng của những tác giả nổi tiếng: *Nói về dĩ vãng* của Thanh Tâm Tuyền, *Phương xa* của Vũ Hoàng Chương, *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm, *Tây tiến, Đôi mắt người Sơn Tây* của Quang Dũng, *Chào nguyên xuân* của Bùi Giáng, *Ta về* của Tô Thùy Yên, và *Mây vô xứ* của Đào Trung Đạo. Đó là "những bài thơ như những đám mây mềm mại thuộc ngôn ngữ mẹ nhưng lại không thuộc về đâu..."

Dạ Quỳnh Hương

đĩa hát do **Phương Lan** thực hiện và sản xuất. Liên lạc thư từ, chi phiếu: Lan Nghiêm, P.O. Box 8964 - Fountain Valley, CA 92728-8964, USA.

Phương Lan là một dược sĩ, nhưng ngoài công việc thuốc men lại rất thích ca nhạc. Một đoạn của Lời Giới Thiệu in trong CD đã cho thấy điều ấy: *Lòng mơ ước thực hiện cho mình một số băng nhạc vẫn là một ám ảnh khôn nguôi, cho đến năm 1992 băng nhạc Quê Hương và Tình Yêu mới được thực hiện tại Bắc Cali, sau đó Tình Nghệ Sĩ đã có mặt tại Quận Cam vào năm 1997."*

Đĩa nhạc này là công trình thứ ba của Phương Lan, gồm những bài hát nổi tiếng: Đêm Thu của Đặng Thế Phong, Thiên Thai của Văn Cao, Tà Áo Văn Quân của Phạm Duy Nhượng, Tạ Ơn Đời, Tình Hoài Hương, Tìm Nhau của Phạm Duy...●

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - (714) 531-2091

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - (714) 966-7250

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN

PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THÍ NGHIỆM

- **Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.**
- **Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.**
- **Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.**

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

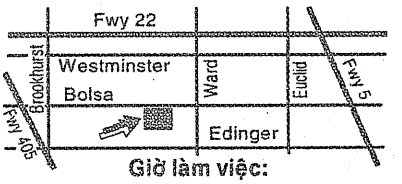

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LĂM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

(Nguyên Giáo Sư Đại Học Y Khoa USC)

15550 BROOKHURST ST., STE #A, WESTMINSTER, CA 92683

(Góc McFadden, đối diện Jack In The Box)

(714) 839-4311 * (714) 839-4321

- *Trung Tâm định bệnh và truy tầm các chứng bệnh nội ngoại thương, các loại ung thư Nam Nữ và Trẻ em bằng phương pháp:* ***QUANG TUYẾN, SIÊU ÂM, SPIRAL CAT SCAN và OPEN MRI mới nhất và tối tân nhất hiện nay.***
- ***Trung Tâm Quang Tuyến Bác Sĩ Giao*** *đang hợp tác với các Bác Sĩ gia đình và chuyên khoa phục vụ quý vị tại Quận Cam cùng các nơi xa đến trên 10 năm nay.*
- *Trung Tâm tọa lạc tại một địa điểm khang trang, rộng rãi, lịch sự và đặc biệt được trang bị những máy móc tối tân nhất và duy nhất tại Cộng Đồng người Việt tại hải ngoại.*

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

1- ***MÁY GE-DMR PLUS MAMOGRAPHIC SYSTEM*** - Truy tầm ung thư vú - Đây là loại máy Digital mới nhất hiện nay, giúp định bệnh vô cùng chính xác với số lượng quang tuyến rất thấp, do nữ chuyên viên có bằng cấp thực thụ đảm nhiệm. Trung Tâm đã được sự chỉ định và ban khen của Hội Ung Thư Hoa Kỳ, thêm nữa **Bác Sĩ Giao** luôn có mặt tại chỗ để hướng dẫn giải đáp mọi thắc mắc của quí bà và quí cô.

2- MÁY GE-LUNAR PRODIGY-BONE DENSITOMETER (Máy đo xốp xương): Máy Lunar tối tân và chính xác nhất để truy tầm bệnh xốp xương của mọi lứa tuổi.

3- MÁY SIÊU ÂM MẠCH MÁU - Để truy tầm các bệnh ung thư nội ngoại thương và đặc biệt bệnh nghẽn mạch máu toàn thân. Máy này cũng do nữ chuyên viên có bằng thực thụ điều khiển.

4- MÁY SPIRAL CAT SCAN HOẶC HELICAL CAT SCAN - Loại mới nhất hiện nay do hãng SIEMENS của Đức chế tạo và chỉ có duy nhất tại Cộng Đồng Việt Nam. Máy này chỉ cần một phút là định được chính xác những bộ phận nào bị hủy hoại, suy yếu trong cơ thể. Quí vị nào dễ bị chứng ngộp ngạt (Claustrophobia) khi phải nằm trên những máy móc khác quá lâu, nay với máy này sẽ cảm thấy thật thoải mái.

5- MÁY HITACHI OPEN MRI - Mặc dầu không nhanh bằng máy SPIRAL nhưng khi định bệnh những bộ phận mềm thì rất là xuất sắc. Thêm nữa vì là OPEN MRI nên bệnh nhân không bị ngộp thở, gò bó như máy khác. Trung Tâm còn nhiều loại máy tối tân khác để phục vụ quí vị và sẵn sàng đón nhận và giải đáp những thắc mắc của quí vị.

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim